



KHOA LUẬT HỌC



TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 4

# KỶ YẾU HỘI THẢO

## “NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ”

*Nghe An, tháng 11 năm 2023*

**CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO KHOA HỌC**  
**“Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử”**

**Thời gian:** 7h30 - 11h00 ngày 4/11/2023

**Địa điểm:** Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành - Trường Đại học Vinh

Thời gian	Nội dung	Người phụ trách
7h30- 7h40	Đăng ký, đón tiếp đại biểu, ổn định tổ chức	Ban tổ chức
7h40- 7h50	Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu	ThS. Cao Thị Ngọc Yến
7h50- 8h00	Phát biểu đề dẫn Hội thảo	Đại tá Đặng Văn Phương - Chánh án Tòa án Quân sự Quân khu 4
<b>Phiên 1: Một số vấn đề lý luận về nguyên tắc tranh tụng trong xét xử</b> <b>Chủ trì:</b> GS.TS. Hoàng Thế Liên - Nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp TS. Đinh Ngọc Thắng - Hiệu trưởng Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh		
8h00- 8h10	Tham luận 1: Các mô hình tố tụng và vấn đề tranh tụng trong tố tụng hình sự Việt Nam	PGS.TS. Trần Văn Độ
8h10- 8h20	Tham luận 2: Vai trò của tranh tụng trong mô hình tố tụng dân sự ở Việt Nam hiện nay	ThS. Bùi Thuận Yến
8h20- 8h30	Tham luận 3: Bước chuyển đổi từ tố tụng thẩm vấn sang tố tụng tranh tụng	GS.TS. Nguyễn Đăng Dung
8h30- 9h20	Thảo luận phiên 1	
9h20- 9h40	Nghỉ giải lao	
<b>Phiên 2: Thực tiễn thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử ở Việt Nam</b> <b>Chủ trì:</b> PGS.TS. Trần Văn Độ - Nguyên Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao Đại tá Đặng Văn Phương - Chánh án Tòa án Quân sự Quân khu 4		
9h40- 9h50	Tham luận 4: Bảo đảm nguyên tắc tranh tụng - Một số vấn đề đặt ra từ thực tiễn tranh tụng trong xét xử	TS.LS. Nguyễn Trọng Hải
9h50- 10h00	Tham luận 5: Bảo đảm quyền im lặng của bị cáo trong xét xử các vụ án hình sự	Thẩm phán Trần Văn Hùng
10h00- 10h10	Tham luận 6: Đảm bảo nguyên tắc tranh tụng – thực tiễn áp dụng trong xét xử các vụ án hình sự	ThS.LS. Nguyễn Văn Đức
10h10- 10h50	Thảo luận phiên 2	
10h50- 11h00	Phát biểu Bế mạc của đại diện đơn vị tổ chức Hội thảo	TS. Đinh Văn Liêm
<b>CHỤP ẢNH LƯU NIỆM VÀ KẾT THÚC HỘI THẢO</b>		

Vinh, ngày tháng 11 năm 2023  
**BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO**

## MỤC LỤC

CÁC MÔ HÌNH TỔ TỤNG VÀ VẤN ĐỀ TRANH TỤNG TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM.....	1
PGS.TS. Trần Văn Đột.....	1
BƯỚC CHUYỂN ĐỔI TỪ TỔ TỤNG THẨM VẤN SANG TỔ TỤNG TRANH TỤNG	21
GS.TS. Nguyễn Đăng Dung.....	21
MỘT SỐ MÔ HÌNH TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRÊN THẾ GIỚI .....	28
TS. Đinh Văn Liêm .....	28
NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT HỎI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM .....	43
Đinh Thị Ngọc Bích .....	43
THỦ TỤC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ	49
Trung tá, ThS. Nguyễn Duy Nam.....	49
NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG LỊCH SỬ LẬP HIẾN VIỆT NAM .....	61
TS. Ngô Thị Thu Hoài và NCS. Cao Thị Ngọc Yến .....	61
QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM HÌNH SỰ.....	71
ThS.LS. Nguyễn Trọng Điệp.....	71
HOÀN THIỆN MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 .....	77
Nguyễn Phi Hùng.....	77
TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CẢI CÁCH TƯ PHÁP HƯỚNG TỚI NỀN TƯ PHÁP ĐỘC LẬP.....	91
TS. Bùi Thị Phương Quỳnh .....	91
BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ GÓP PHẦN ĐƯA HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG THÀNH KHẤU ĐỘT PHÁ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.....	98
ThS.NCS. Hồ Trọng Hữu.....	98
XÉT XỬ TRỰC TUYẾN SỰ ĐỘT PHÁ VÀ NHỮNG THÁCH THỨC TRÊN CON ĐƯỜNG XÂY DỰNG TÒA ÁN ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY .....	111
TS. Đinh Ngọc Thắng .....	111
BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÀNH CHÍNH Ở VIỆT NAM.....	122
TS. Nguyễn Thị Hà.....	122
VAI TRÒ CỦA TRANH TỤNG TRONG MÔ HÌNH TỔ TỤNG DÂN SỰ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY .....	130
ThS. Bùi Thuận Yên.....	130
TRANH TỤNG TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP .....	142
TS. Phạm Thị Thuý Liễu .....	142
VAI TRÒ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TRONG BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ .....	148
Nguyễn Duy Tuấn, ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung, TS. Đinh Văn Liêm .....	148

VAI TRÒ CỦA LUẬT SƯ VỀ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN Ở VIỆT NAM .....	169
TS. Nguyễn Văn Đại và NCS.ThS. Nguyễn Thị Mai Anh.....	169
BẢO ĐẢM QUYỀN IM LẶNG CỦA BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ..	182
Đại úy Trần Văn Hùng.....	182
BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA BỊ CÁO KHI ÁP DỤNG NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ .....	191
TS. Hồ Thị Nga.....	191
VAI TRÒ ĐIỀU KHIỂN HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG CỦA TÒA ÁN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ .....	199
Đại tá, ThS. Đặng Văn Phương.....	199
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRANH TỤNG CỦA NGƯỜI BÀO CHỮA TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ.....	211
ThS. Nguyễn Thị Nguyệt và ThS. Tăng Nữ Tiểu Trang .....	211
VAI TRÒ CỦA HỘI THẨM TRONG THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA.....	218
TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân .....	218
ĐẢM BẢO NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG - THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRONG XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ .....	224
TS. Nguyễn Văn Dũng và ThS.LS. Nguyễn Văn Đức .....	224
VAI TRÒ TRANH TỤNG CỦA LUẬT SƯ CHỈ ĐỊNH TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN TIỀN HÀNH TỔ TỤNG .....	237
ThS.LS. Nguyễn Hoàng.....	237
TRANH TỤNG TRONG THỰC HIỆN “QUYỀN IM LẶNG” .....	247
TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc.....	247
MỘT SỐ YÊU CẦU NHẪM BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ.....	257
TS. Đặng Thị Phương Linh.....	257
BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG - MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TIỄN TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ .....	267
TS.LS. Nguyễn Trọng Hải .....	267
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN .....	273
Hồ Nguyễn Quân.....	273

# CÁC MÔ HÌNH TỔ TỤNG

## VÀ VẤN ĐỀ TRANH TỤNG TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

PGS.TS. Trần Văn Độ

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích các mô hình tố tụng tranh tụng và mô hình tố tụng xét hỏi; rút ra những yếu tố đặc trưng của các mô hình tố tụng này. Đồng thời, bài viết cũng đưa ra đánh giá của tác giả về những điểm tích cực, cũng như hạn chế của mô hình tố tụng tranh tụng cũng như mô hình tố tụng xét hỏi từ góc độ quy định và thực hiện Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra kiến nghị về việc tiếp thu những nội dung tích cực, hợp lý của mô hình tố tụng tranh tụng vào tố tụng hình sự Việt Nam nhằm hoàn thiện bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện hiệu quả Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm đã được ghi nhận trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Từ khóa:** Mô hình tố tụng hình sự, tranh tụng, tố tụng tranh tụng, tố tụng xét hỏi.

### 1. Đặt vấn đề

Tranh tụng trong tố tụng hình sự nói chung, trong xét xử vụ án hình sự nói riêng đã được đặt ra trong các Nghị quyết của Đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam. Đặc biệt, lần đầu tiên, Nguyên tắc tố tụng hình sự "Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm" đã được hiến định trong Hiến pháp 2013. Tuy nhiên, nguyên tắc tranh tụng trong các mô hình tố tụng tranh tụng và mô hình xét hỏi có khác nhau và càng thể hiện khác nhau ở mỗi quốc gia.

Vì vậy, việc nghiên cứu các mô hình tố tụng và thể hiện các yếu tố tranh tụng, rút ra được những điểm tích cực cũng như những điểm hạn chế của tranh tụng trong các mô hình tố tụng, để từ đó phát huy các yếu tố tích cực của mô hình tố tụng xét hỏi; tiếp thu các yếu tố tích cực của mô hình tố tụng tranh tụng phù hợp với điều kiện, truyền thống Việt Nam là rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong nhận thức và xây dựng các bảo đảm pháp lý thực hiện nguyên tắc "Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm" trong tố tụng hình sự Việt Nam.

### 2. Mô hình tố tụng tranh tụng (true process)<sup>1</sup>

Theo đa số các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước thì chỉ có hai mô hình tố tụng hình sự cơ bản. Mỗi mô hình tố tụng đều có nhiệm vụ phát hiện xử lý tội phạm,

---

<sup>1</sup> Bùi Tiến Đạt (2021), *Nguyên tắc trình tự pháp luật công bằng, hợp lý và vai trò bảo vệ quyền con người*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 223-255

bảo vệ công lý, quyền con người. Tuy nhiên, mỗi mô hình tố tụng cũng có những nét đặc trưng riêng<sup>2</sup>.

## **2.1. Đặc điểm của mô hình tranh tụng**

### **2.1.1. Bản chất và mục đích của tranh tụng trong mô hình tố tụng tranh tụng**

Về mặt bản chất, mô hình tố tụng tranh tụng là mô hình coi trọng thủ tục tố tụng công bằng - Thủ tục công bằng cho tất cả những người tham gia tố tụng không phân biệt vai trò, chức năng tố tụng của họ. Tố tụng tranh tụng bảo đảm cho các bên buộc tội, gỡ tội những địa vị pháp lý bình đẳng trong chứng minh tội phạm, trong thực hiện các thủ tục tố tụng. Sự thật của vụ án, chân lý khách quan được xác định tại phiên tòa bởi các chủ thể buộc tội, gỡ tội bình đẳng; Tòa án sẽ công nhận và phán quyết theo sự thật được chứng minh bởi các bên.

Mục đích của tố tụng tranh tụng là tìm kiếm sự thật từ các bên để giúp cho Tòa án có phán quyết đáng dẫn vụ án, nhưng đồng thời bảo vệ tối đa quyền con người, nhất là quyền của người bị buộc tội. Bởi vì vậy, các thủ tục tố tụng ở các nước thuộc mô hình tố tụng tranh tụng rất coi trọng Luật tố tụng hình sự; coi trọng luật về chứng cứ.

Do tranh tụng là bản chất của tố tụng tranh tụng nên trong tố tụng hình sự tranh tụng không tồn tại nguyên tắc tranh tụng. Đối tụng giữa các bên buộc tội, bào chữa được coi là lõi cơ bản trong tố tụng tranh tụng. Toàn bộ quyền và nghĩa vụ của các bên, các thủ tục tố tụng về vụ án cũng như chứng minh tội phạm đều phục vụ cho việc đối tụng của các bên.

Mô hình tố tụng tranh tụng cũng đặt mục tiêu tìm đến sự thật khách quan của vụ án. Tuy nhiên, cách thức mà mô hình tố tụng hình sự này lựa chọn để tìm đến sự thật khách quan của vụ án là tạo ra và bảo đảm quy trình thủ tục thực sự công bằng để các bên (buộc tội và gỡ tội) đi tìm sự thật theo cách của mình trong suốt quá trình giải quyết vụ án. “*Công bằng*” vừa được coi là cách thức, vừa được coi là yêu cầu mà mô hình tố tụng hình sự tranh tụng sử dụng để đạt được mục đích tìm ra sự thật khách quan. Chính vì vậy, mô hình tố tụng tranh tụng thường được coi là dựa trên thuyết “*đối kháng*”, tức là việc đối tụng giữa các bên buộc tội và gỡ tội (bào chữa).

Trong tố tụng tranh tụng không có sự phân chia các bên tố tụng thành cơ quan, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng với chức năng, nhiệm vụ tố tụng nhiều

---

<sup>2</sup> Philip L. Reichel, *Comparative Criminal Justice Systems*, Sixth Edition, University of Northern Colorado, 2013

khi công lẫn lên nhau, thể hiện sự bất công bằng trong các địa vị tố tụng, cả hoạt động tố tụng. Tố tụng tranh tụng đòi hỏi sự phân định rõ ràng các chức năng buộc tội, chức năng gỡ tội và chức năng xét xử, trong đó chức năng buộc tội thuộc về bên công tố, chức năng gỡ tội thuộc bên Luật sư biện hộ và chức năng xét xử thuộc về Toà án. Hơn ở đâu hết, các chức năng tố tụng (buộc tội, bào chữa, xét xử) được quy định một cách rõ ràng, minh bạch. Mô hình tố tụng tranh tụng đòi hỏi tiến trình tố tụng phải được tiến hành dưới hình thức tranh luận công khai giữa các bên về vụ án, ở những mức độ khác nhau, tùy thuộc vào từng giai đoạn tố tụng cụ thể.

### *2.1.2. Về các chủ thể tố tụng và địa vị của các chủ thể*

Mô hình tranh tụng không phân chia các chủ thể tố tụng thành cơ quan, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng. Việc xác định địa vị pháp lý hoàn toàn phụ thuộc vào chức năng tố tụng của các chủ thể tố tụng: buộc tội, gỡ tội và xét xử. Các chủ thể tranh tụng cơ bản là Công tố viên và người bào chữa cho người bị buộc tội; Toà án có vai trò là người điều khiển việc đối tụng giữa các bên buộc tội, bào chữa và sử dụng kết quả đối tụng đó để ra phán quyết về vụ án.

Theo mô hình tố tụng tranh tụng thì cơ quan công tố không phải là cơ quan tiến hành tố tụng mà được coi là một bên tham gia tranh tụng. Công tố viên cũng như Luật sư bào chữa là những người có trong tay toàn bộ những chứng cứ của vụ án mà họ tự thu thập được. Trong quá trình xét xử, Công tố viên và Luật sư bào chữa đóng vai trò chính trong việc thẩm vấn, đối đáp lẫn nhau. Các quan toà hầu như không có thông tin gì về vụ án trước khi xét xử, mà chỉ thông qua quá trình tranh tụng giữa Công tố viên và Luật sư bào chữa họ mới có thông tin về nội dung vụ án.

Trách nhiệm buộc tội thuộc về Công tố viên. Công tố viên được Cảnh sát giúp sức trong thu thập chứng cứ để thực hiện việc buộc tội bị cáo tại phiên toà. Trong giai đoạn tiền xét xử (điều tra của các bên), Cơ quan điều tra và Cơ quan công tố hầu như độc lập với nhau. Cơ quan điều tra không chịu sự chỉ đạo của Công tố; ngược lại, Công tố cũng chỉ đóng vai trò tư vấn cho Điều tra viên trong thu thập chứng cứ, chứng minh để phục vụ cho việc buộc tội chính thức tại phiên xét xử của Toà án.

Toà án có vai trò quyết định trong phán quyết về vụ án; nhưng có vai trò khá thụ động trong chứng minh. Trong giai đoạn tiền xét xử, vai trò của Toà án rất hạn chế. Toà án chỉ tham gia tố tụng trong hai trường hợp: Toà án chỉ tham gia khi có đề nghị của phía cơ quan điều tra, cơ quan công tố về việc bắt, tạm giam nghi can hoặc trong trường

hợp có những nhân chứng quan trọng không chịu hợp tác thì các bên có thể yêu cầu Tòa án triệu tập nhân chứng đó tới để lấy lời khai trước một *Đại bồi thẩm đoàn*.

Điểm đặc trưng nổi bật của giai đoạn tiền xét xử là cả bên bào chữa và bên công tố đều có quyền điều tra như nhau. Cả hai bên đều tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ, phỏng vấn nhân chứng và tự lập hồ sơ hình sự riêng để phục vụ cho mục đích của mình. Ngoại trừ các quy định liên quan tới việc bảo vệ quyền công dân, pháp luật về quy trình điều tra trong mô hình tố tụng tranh tụng khá lỏng lẻo. Các bên đều có thể tiến hành thu thập chứng cứ theo cách thức riêng của mình.

Trong quá trình điều tra và trong suốt quá trình tố tụng, Luật sư bào chữa và Công tố viên đại diện cho những lợi ích khác nhau và có mục tiêu khác nhau. Bên bào chữa bảo vệ lợi ích của người bị buộc tội và chỉ chuyên tìm những chứng cứ nhằm gỡ tội cho bị can; bên công tố có nhiệm vụ buộc tội nên chỉ chú trọng tới các chứng cứ buộc tội. Bên công tố không có nghĩa vụ phải xem xét các chứng cứ gỡ tội; cũng như bên Luật sư có quyền bỏ qua các chứng cứ buộc tội thân chủ của mình. Trong mô hình tố tụng tranh tụng, Công tố và Luật sư bào chữa có nghĩa vụ thường xuyên phải trao đổi thông tin về chứng cứ của mình cho phía bên kia. Đặc biệt, do có lợi thế nghề nghiệp hơn trong việc thu thập chứng cứ, pháp luật quy định Công tố viên có nghĩa vụ phải trao đổi thông tin về hồ sơ hình sự của mình cho Luật sư bào chữa.

### *2.1.3. Về các giai đoạn tố tụng*

Trong tố tụng tranh tụng được phân thành hai giai đoạn: giai đoạn tiền xét xử và giai đoạn xét xử. Tuy nhiên, việc giải quyết vụ án được tập trung vào giai đoạn xét xử vụ án. Giai đoạn xét xử được tiến hành bằng nhiều phiên tòa khác nhau:

- Phiên tòa thông báo quyết định truy tố. Tại phiên tòa này, công tố thông báo cho bên buộc tội về các chứng cứ ban đầu và quyết định truy tố của Công tố với nghi can; còn nghi can, thông thường thông qua người bào chữa, phản hồi sơ bộ về quyết định truy tố. Sau phiên tòa này, các bên chính thức thực hiện việc thu thập chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình. Việc thu thập chứng cứ phía công tố do cơ quan điều tra thực hiện; việc thu thập chứng cứ phía nghi can do luật sư và thám tử tư thực hiện. Phiên tòa này thông thường do thư ký Tòa án chứng kiểm;

- Phiên tòa các bên chính thức thông báo về quyết định của mình thông qua các chứng cứ thu thập được trước Tòa án do Thẩm phán điều khiển. Công tố thông báo



chính thức quyết định truy tố và đưa ra các chứng cứ buộc tội. Người vào chữa, bị cáo đưa ra các chứng cứ gỡ tội. Tại phiên tòa này chưa có sự xét hỏi, kiểm tra chéo chứng cứ và chưa có sự tranh luận.

- Phiên tòa thảo thuận nhận tội (Plea bargaining). Trên cơ sở các chứng cứ buộc tội được Công tố cung cấp và chứng cứ gỡ tội do mình thu thập được, nghi can có quyền nhận tội hoặc không nhận tội.

Nếu bị cáo nhận tội coi như việc thoả thuận nhận tội kết thúc và Tòa án sẽ mở phiên tòa tiếp theo để các bên phân tích, nhận định về các tình tiết vụ án phục vụ cho quyết định hình phạt. Tại phiên tòa này Tòa án phán quyết về tội phạm (mà bị cáo đã nhận) và hình phạt được áp dụng theo các tình tiết dùng làm căn cứ quyết định hình phạt và được giảm nhẹ do bị cáo đã nhận tội.

- Nếu bị cáo không nhận tội thì Tòa án sẽ tổ chức một phiên tòa tranh tụng đầy đủ với các bên tranh tụng trước Bồi thẩm đoàn và Thẩm phán. Những người làm chứng buộc tội hay gỡ tội do các bên buộc tội hay bào chữa triệu tập; Thẩm phán như một người trọng tài điều khiển để các bên thực hiện việc xét hỏi và tranh luận mà không tham gia vào các tiến trình này. Các thành viên Bồi thẩm đoàn hoàn toàn im lặng và nghe các bên xét hỏi, tranh luận. Sau khi kết thúc xét hỏi, tranh luận Bồi thẩm đoàn (không có mặt Thẩm phán) tiến hành nghị án về hai vấn đề: bị cáo có tội hay không có tội; và nếu là bị cáo có tội và tội phạm đó có thể bị kết án tử hình theo quy định của pháp luật hình sự thì có cho phép Thẩm phán tuyên án tử hình hay không. Phán quyết của Bồi thẩm đoàn mang là tuyệt đối phải do 100% thành viên đồng ý thông qua. Quyết định của Bồi thẩm đoàn được thông báo cho Thẩm phán: nếu Bồi thẩm đoàn quyết định bị cáo không có tội thì vụ án kết thúc; nếu Bồi thẩm đoàn tuyên bố bị cáo có tội, thì Thẩm phán tuyên bố sẽ mở phiên tòa phán quyết về tội phạm và hình phạt đối với bị cáo.

#### *2.1.4. Về vấn đề chứng cứ và chứng minh tội phạm*

Mô hình tố tụng tranh tụng có các quy định rất phức tạp và chặt chẽ về các chứng cứ có thể được đưa ra sử dụng tại phiên tòa. Trong các nước theo mô hình tranh tụng, Luật về thủ tục tố tụng và luật về chứng cứ được quy định riêng. Trong Luật về chứng cứ, có các quy định như không được sử dụng các chứng cứ gián tiếp, chứng cứ thuật lại (chứng cứ nghe nói lại), chứng cứ nhằm tác động vào tình cảm của Bồi thẩm đoàn...

Tố tụng tranh tụng được thực hiện trực tiếp bằng lời nói một cách công khai tại phiên toà. Các bên sử dụng các câu hỏi, các chứng cứ mà mình có được thực hiện việc kiểm tra chéo để khẳng định hoặc bác bỏ các chứng cứ của bên đối tụng. Do hoàn toàn được thực hiện bằng lời nói nên mọi chứng cứ viết, chẳng hạn như biên bản của cảnh sát tư pháp cũng không được công nhận là chứng cứ. Vì vậy, mọi người tham gia tố tụng, đặc biệt là người làm chứng phải được các bên buộc tội và bào chữa triệu tập đến phiên toà; các chứng cứ vật chất (vật chứng, tài liệu, kết quả giám định...) phải được đưa ra xem xét tại phiên toà. Người đưa ra chứng cứ phải chứng minh tính hợp pháp của các chứng cứ đó.

Sở dĩ mô hình tố tụng tranh tụng có quy định chặt chẽ về chứng cứ như vậy bởi vì người có thẩm quyền quyết định hành vi của bị cáo là tội phạm hay không phải tội phạm thuộc về Bồi thẩm đoàn - là những người không có kiến thức pháp luật và cũng không có nghiệp vụ xét xử; trong khi đó Luật sư bào chữa và Công tố viên là những người chuyên nghiệp, luôn tìm cách tác động vào Bồi thẩm đoàn theo hướng có lợi cho mình. Các quy định chặt chẽ về chứng cứ sẽ giúp cung cấp cho thành viên Đoàn bồi thẩm và Thẩm phán những chứng cứ “sạch” để có thể căn cứ vào đó đưa ra phán quyết định tội, áp dụng hình phạt một cách chính xác.

Có thể tóm gọn lại, mô hình tranh tụng được coi là mô hình tố tụng công bằng (true process) có các đặc trưng sau:

- *Thứ nhất*, Theo đuổi mục đích công bằng, bảo vệ tuyệt đối quyền con người trong tố tụng hình sự;

- *Thứ hai*, Có sự phân chia chức năng tố tụng và từ đó chủ thể tố tụng có quyền rõ ràng, bình đẳng tương ứng với chức năng: buộc tội, bào chữa và xét xử;

- *Thứ ba*, Hoạt động tố tụng chính thức được thực hiện tại Toà án. Tranh tụng chỉ được thực hiện trong xét xử; trong giai đoạn tiền xét xử, các bên chỉ thực hiện việc chuẩn bị, tạo tiền đề cho tranh tụng tại phiên toà. Việc xét xử tại Toà án được thực hiện thông các phiên toà khác nhau với sự có mặt các bên buộc tội, bào chữa, xét xử: phiên toà thông báo việc buộc tội, phiên toà các bên trình chứng cứ, phiên toà thoả thuận nhận tội, phiên toà tranh tụng đầy đủ (nếu người bị buộc tội không nhận tội) và phiên toà tuyên án.

- *Thứ tư*, Sự thật được xác định thông qua đối tụng tại phiên tòa. Tòa án không có hồ sơ vụ án. Các bên tham gia tố tụng được Luật tạo điều kiện cân bằng, bình đẳng để chứng minh theo chức năng tố tụng của mình;

- *Thứ năm*, Tòa án giữ vai trò khá thụ động trong xác định sự thật của vụ án...

## **2.2. Những điểm tích cực và hạn chế của tranh tụng trong mô hình tố tụng tranh tụng**

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, nhìn từ góc độ khách quan, trung lập nhất, có thể thấy tố tụng hình sự tranh tụng có những điểm tích cực và hạn chế cơ bản sau:

### **2.2.1. Những điểm tích cực**

- Tố tụng tranh tụng có một quy trình tố tụng công bằng, đặc biệt là trong giai đoạn xét xử; thể hiện vai trò bình đẳng giữa bên buộc tội (Công tố viên) và bên bào chữa (Luật sư bào chữa). Cả hai chủ thể này bình đẳng tuyệt đối; đều có quyền và nghĩa vụ như nhau trong suốt quá trình tố tụng. Ở giai đoạn tiền xét xử, họ có quyền như nhau trong việc điều tra, thu thập chứng cứ. Ở giai đoạn xét xử, họ đều có quyền triệu tập nhân chứng của mình; có quyền đưa ra chứng cứ để xem xét trước Tòa. Từ góc độ tố tụng, họ đều có quyền tác động như nhau tới phiên xét xử, có quyền lựa chọn chứng cứ để chứng minh...

Sự công bằng còn đem lại những tác động tích cực tới chất lượng của quá trình giải quyết vụ án. Do các nghi can đều có Luật sư và Luật sư có thể tham gia đầy đủ vào quá trình tố tụng nên tại phiên tòa vụ án được xem xét từ các góc độ khác nhau; Tòa án có thêm được một nguồn thông tin để xác định sự thật khách quan của vụ án. Thay vì chỉ xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ hình sự có sẵn của bên buộc tội (đối với mô hình tố tụng thẩm vấn), thì Tòa án trong mô hình tố tụng tranh tụng được tiếp cận chứng cứ của cả bên buộc tội và bên gỡ tội. Sự va đập, đối tụng của hai luồng chứng cứ này có thể giúp tìm ra sự thật khách quan một cách chính xác hơn, chất lượng tố tụng vì thế cũng được nâng cao hơn.

- Với sự công bằng của quy trình tố tụng, mô hình tố tụng tranh tụng thể hiện ở mức độ cao hơn sự tôn trọng các quyền con người. Sự tham gia tố tụng của Luật sư một mặt giúp cho việc xác định sự thật khách quan một cách đầy đủ, cung cấp các chứng cứ gỡ tội mà thông thường cơ quan điều tra, Công tố không làm; mặt khác, Luật sư cũng là

người giám sát hữu hiệu việc chấp hành trình tự, thủ tục tố tụng trong hoạt động của Cơ quan điều tra, công tố; hạn chế sự lạm quyền của các cơ quan buộc tội là Cơ quan điều tra, Viện Công tố. Điều này hết sức quan trọng bởi vì quá trình tố tụng hình sự là một quá trình hết sức nhạy cảm mà ở đó quyền con người rất dễ bị xâm phạm. Cũng chính vì vậy, các học giả có nhận định chung là trong mô hình tố tụng tranh tụng quyền được suy đoán vô tội của người bị buộc tội được tôn trọng tuyệt đối so với các mô hình tố tụng hình sự khác.

Trong tố tụng tranh tụng, mặc dù chưa bị buộc tội, nhưng các quyết định tố tụng liên quan đến quyền con người đều thuộc thẩm quyền Toà án. Quá trình điều tra vụ án được công khai với các bên, bảo đảm các quyền tự do, quyền bào chữa, quyền được suy đoán vô tội của người bị buộc tội...

- Thủ tục tố tụng tranh tụng bảo đảm tôn trọng tối đa ý chí của các bên tham gia tố tụng; phân định một cách rõ ràng, mạch lạc các chức năng tố tụng và các bên tham gia tố tụng. Toà án là cơ quan xét xử, làm trọng tài điều chỉnh quá trình chứng minh của các bên buộc tội và gỡ tội; nghe các bên tranh luận về các nội dung vụ án. Là trọng tài, Toà án chỉ điều khiển mà không tham gia vào quá trình đó. Đặc biệt Toà án không được coi dường như cũng là cơ quan có chức năng buộc tội.

Thủ tục thoả thuận nhận tội trong tố tụng tranh tụng cũng góp phần giải quyết các vụ án hình sự một cách nhanh gọn, hiệu quả. Không ngẫu nhiên mà ở Hoa Kỳ, đại diện cho mô hình tố tụng tranh tụng, trên 90% các vụ án hình sự được giải quyết bằng thủ tục thoả thuận nhận tội; tỷ lệ các vụ án có kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm rất hạn chế; tỷ lệ các vụ án được kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm lại càng ít...

### 2.2.2. *Những bất cập, hạn chế*

- Trong bất kỳ mô hình tố tụng nào thì xác định chân lý, tức sự thật khách quan về vụ án đều có vai trò quan trọng trong việc xử lý vụ án; là cơ sở để Toà án ra phán quyết khách quan, thực thi Công lý. Tuy nhiên, trong tố tụng tranh tụng, sự thật chỉ được do các bên đối trọng trình lên và xem xét tại phiên toà với các mục đích khác nhau, buộc tội và gỡ tội. Bên tham gia tố tụng nào thuyết phục được Đoàn bồi thẩm, Thẩm phán thì coi như bên đó thắng cuộc và sự thật thuộc về bên đó. Vì vậy, sự thật được xác định, sử dụng để ra phán quyết về tội phạm và hình phạt thực chất là sự thật pháp lý (do được chứng minh tốt hơn), chứ không phải là sự thật khách quan. Trong nhiều trường hợp, sự thật pháp lý và sự thật khách quan không phải lúc nào cũng đồng nhất.

- Tòa án là chủ thể phán quyết về tội phạm (Bồi thẩm đoàn) và hình phạt (Thẩm phán), nhưng lại tham gia khá thụ động vào quá trình chứng minh tại phiên tòa; mặt khác, các thành viên Bồi thẩm đoàn có vai trò quyết định trong phán quyết về tội phạm nhưng lại là những người không chuyên nghiệp cho nên rất khó để Bồi thẩm đoàn có phán quyết đúng đắn, khách quan.

Ngoài ra, cũng không loại trừ các trường hợp các bên buộc tội và gỡ tội cố tình sử dụng các phương thức tố tụng không được pháp luật cho phép như nói xấu bên đối tụng, mua chuộc Bồi thẩm viên, khơi dậy tình cảm tôn giáo, phong tục, truyền thống quốc gia, dân tộc... để tác động vào Bồi thẩm đoàn nhằm có được quyết định có lợi cho mình.

Những yếu tố trên chính là rủi ro cho mục đích tìm sự thật khách quan của mô hình tố tụng tranh tụng. Phán quyết của Tòa án trong trường hợp này có thể dẫn đến làm oan người không có tội hoặc bỏ lọt tội phạm. Thực tiễn xét xử ở các nước theo mô hình tranh tụng, bao gồm cả các nước có truyền thống tranh tụng lâu đời như Anh và Hoa Kỳ, đều đã ghi nhận những trường hợp oan sai như vậy.

- Tố tụng tranh tụng quá đề cao nguyên tắc công bằng pháp lý, quá coi trọng các lợi ích cá nhân người bị buộc tội mà coi nhẹ tầm quan trọng của việc bảo vệ lợi ích công cộng trong các vụ án hình sự. Chính tình trạng lạm dụng thái quá việc áp dụng hình thức mặc cả nhận tội đã làm giảm đi nhiệm vụ kiểm soát tội phạm trong các quốc gia thực hiện tố tụng tranh tụng.

Việc tố tụng tranh tụng đòi hỏi các nghi can đều được bảo đảm có Luật sư bào chữa cũng là điều khó cho các quốc gia mà đội ngũ Luật sư còn hạn chế về số lượng cũng như chất lượng; đặc biệt là các trường hợp người bị kết tội là người không đủ điều kiện thuê Luật sư mà chỉ do Nhà nước chỉ định. Bởi vì, thông thường các Luật sư được thuê và các Luật sư được chỉ định có kết quả công việc khá khác nhau.

Đồng thời, do sử dụng triệt để phương pháp đối tụng, các bên buộc tội và bên bào chữa không bị hạn chế trong việc triệu tập nhân chứng, đưa ra các chứng cứ, lập luận dẫn tới thời gian cho một phiên tòa tranh tụng thường kéo dài không cần thiết, gây lãng phí về thời gian và nguồn lực quốc gia.

### **3. Mô hình tố tụng thẩm vấn**

#### **3.1. Những đặc điểm của mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn**

##### **3.1.1. Về bản chất và nhiệm vụ tố tụng trong tố tụng thẩm vấn**

Bản chất của tố tụng thẩm vấn là kiểm soát tội phạm. Nhiệm vụ của tố tụng thẩm vấn là tìm đến chân lý khách quan của vụ án, xác định *sự thật tuyệt đối* làm cơ sở cho sự phán quyết của Tòa án.

Bản chất, mục đích và nhiệm vụ đó của tố tụng được thể hiện qua cách thức tổ chức hoạt động tố tụng cũng như địa vị tố tụng của các chủ thể tham gia hoạt động tố tụng hình sự.

Cũng từ bản chất và theo đuổi mục đích đó, dường như các chủ thể tố tụng, nhất là các cơ quan, người tiến hành tố tụng đều được giao nhiệm vụ bằng các biện pháp tố tụng hình sự quy định chứng minh tội phạm đến cùng sự thật khách quan của vụ án. Các tình tiết của vụ án được xác định trong cả quá trình tố tụng bằng các chủ thể khác nhau; chủ thể ở giai đoạn sau sử dụng kết quả và kiểm tra sự đúng đắn, hợp pháp của quá trình chứng minh ở giai đoạn trước.

### 3.1.2. Về các giai đoạn tố tụng

Trong mô hình tố tụng thẩm vấn, quá trình giải quyết vụ án hình sự trải qua các giai đoạn tố tụng khác nhau là khởi tố vụ án, điều tra vụ án, truy tố và xét xử. Các cơ quan tiến hành tố tụng, bao gồm cả Tòa án được giao trách nhiệm chứng minh tội phạm, đi tìm sự thật khách quan của vụ án. Các nguyên tắc tố tụng và các chế định tố tụng khác được quy định để bảo đảm thực hiện mục tiêu này, như chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, huỷ án để điều tra lại... Cũng chính từ mục tiêu này, tố tụng thẩm vấn hầu như không chấp nhận phương thức “*mặc cả thú tội*” như trong tố tụng tranh tụng; nguyên tắc công tố được khẳng định trong tố tụng thẩm vấn.

Để tìm ra sự thật khách quan của vụ án, tố tụng hình sự thẩm vấn sử dụng điều tra, thẩm vấn là phương pháp tố tụng chủ yếu được lựa chọn áp dụng trong tất cả các giai đoạn của quá trình giải quyết vụ án. Trong giai đoạn điều tra, Điều tra viên sử dụng mọi biện pháp do luật định để thu thập các chứng cứ, làm sáng tỏ vụ án. Khi vụ án được chuyển sang Viện công tố để đề nghị truy tố, chủ thể này tiếp tục kiểm tra, bổ sung các chứng cứ trong hồ sơ vụ án làm căn cứ quyết định truy tố người phạm tội ra tòa hoặc đình chỉ vụ án. Nếu hồ sơ vụ án được chuyển sang Tòa án, Thẩm phán tiếp tục điều tra theo thẩm quyền của mình, nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa. Phiên tòa trong tố tụng thẩm vấn thực chất là sự tiếp tục của một quá trình điều tra liên tục để tìm kiếm sự thật khách quan bằng cách kiểm tra các chứng cứ được thu thập ở các giai đoạn tố tụng trước đó, tìm kiếm, xem xét thêm chứng cứ mới, chứ không phải là sự đối tụng giữa các bên buộc tội và bào chữa như tố tụng tranh tụng. Cho nên, trong tài liệu pháp lý, người ta gọi điều tra ở giai đoạn điều tra, truy tố chỉ là điều tra sơ bộ; còn điều tra chính thức để phán quyết là điều tra tại phiên tòa. Tại phiên tòa, Tòa án cũng tham gia

chủ động vào việc kiểm tra, xác minh lại các chứng cứ đã thu thập được trong các giai đoạn tố tụng trước đó cũng như tìm kiếm các chứng cứ mới làm căn cứ cho việc ra phán quyết của mình đối với vụ án. Cũng vì vậy mà khác với tố tụng tranh tụng, trong tố tụng thẩm vấn, Thẩm phán tham gia nghị án, biểu quyết công bằng với các Bồi thẩm viên hay Hội thẩm. Tuy nhiên, tùy theo các quốc gia khác nhau, mức độ tham gia của Tòa án vào việc xác định sự thật khách quan của vụ án cũng khác nhau.

### *3.1.3. Về vị trí, vai trò, địa vị tố tụng của các chủ thể tố tụng*

Trong mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn, chủ thể tố tụng được phân chia thành cơ quan, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng với địa vị pháp lý không bình đẳng với ưu thế tố tụng thuộc về cơ quan, người tiến hành tố tụng.

Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cơ quan công tố, công tố viên đều là chủ thể buộc tội. Trong môi quan hệ này, Công tố viên được giao nhiệm vụ chỉ đạo quá trình điều tra, có toàn bộ quyền hành trong giai đoạn điều tra, đưa ra các chỉ thị, hướng dẫn đối với Cảnh sát (Điều tra dự thẩm) hoặc giám sát, phối hợp trong hoạt động điều tra. Có thể thấy, hầu hết các hoạt động điều tra cụ thể do Cảnh sát đảm nhiệm, song trách nhiệm chính đối với hoạt động điều tra và việc đánh giá độ tin cậy của chứng cứ lại được giao cho Công tố viên.

Có thể nói, Công tố viên là nhân vật trung tâm trong giai đoạn điều tra. Các cơ quan điều tra đóng vai trò như lực lượng hỗ trợ, thực hiện các hoạt động điều tra theo yêu cầu hoặc chịu sự giám sát chặt chẽ của Cơ quan công tố. Do vậy, Cơ quan công tố có điều kiện theo sát quá trình điều tra thông qua việc đưa ra các chỉ thị cụ thể trong các hoạt động điều tra. Điều này đảm bảo cho cơ quan Công tố thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, tùy theo từng quốc gia mà vai trò Công tố có khác nhau, nhưng vai trò đó không thật sự nổi bật như ở các quốc gia theo mô hình tố tụng tranh tụng. Tại phiên tòa, Công tố viên công bố cáo trạng, tham gia thẩm vấn bị cáo và nhân chứng và xem xét các tài liệu chứng cứ với sự cho phép của Thẩm phán điều hành phiên tòa; trình bày lời luận tội và kiến nghị về tội phạm và hình phạt đối với bị cáo.

Xuất phát từ mục tiêu của tố tụng hình sự thẩm vấn là tìm đến chân lý khách quan của vụ án nên nghĩa vụ chứng minh tội phạm được trao trọn vẹn cho các cơ quan

tiến hành tố tụng, trong đó bao gồm cả Toà án. Các chủ thể khác được giải phóng khỏi nghĩa vụ chứng minh, họ chỉ có nghĩa vụ cung cấp cho các cơ quan tiến hành tố tụng những chứng cứ mà họ có được. Trong tố tụng thẩm vấn, phiên toà không hoàn toàn là nơi diễn ra sự cạnh tranh giữa các bên đối lập (bên buộc tội và bên bị buộc tội), mà là sự tiếp tục của quá trình điều tra. Tại Toà, Thẩm phán (chứ không phải các bên buộc tội và bị buộc tội) là người quyết định trình tự, thủ tục điều tra chính thức. Hay nói cách khác, trong tố tụng thẩm vấn, Toà án không giữ vai trò đơn thuần là trọng tài như trong tố tụng tranh tụng, mà còn có vai trò quyết định trong chứng minh tội phạm.

Vai trò chính của Toà án trong tố tụng thẩm vấn là chủ trì việc xem xét công khai các kết quả của giai đoạn điều tra, truy tố được thể hiện trong hồ sơ vụ án; quyết định tiếp tục hoạt động điều tra tại phiên toà. Vì vậy, các Thẩm phán xét xử có trách nhiệm nghiên cứu kỹ lưỡng hồ sơ vụ án trước khi xét xử, công khai kiểm tra tính khách quan, tính hợp pháp, tính liên quan của các chứng cứ và đánh giá để đưa ra phán quyết về vụ án. Những nhận thức về nội dung vụ án được hình thành trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án có ảnh hưởng khá đậm nét với các Thẩm phán trong quá trình xét xử và ra phán quyết tại phiên toà. Toà án trong tố tụng thẩm vấn đưa ra các phán quyết dựa trên hồ sơ vụ án được kiểm tra, xác minh tại phiên toà khi xét xử.

Người tham gia tố tụng trong tố tụng thẩm vấn có vai trò khá hạn chế. Luật sư cũng như bị can, bị cáo có thể được tiếp cận với hồ sơ vụ án trong quá trình điều tra, có quyền có mặt khi hỏi cung bị can, có thể yêu cầu điều tra theo hướng có lợi cho bị can; được thu thập chứng cứ trong phạm vi và giới hạn tố tụng quy định. Tại phiên toà, Luật sư được tham gia xét hỏi, xem xét chứng cứ; tranh luận và đề nghị Toà án phán quyết có lợi cho bị cáo: tuyên bố không có tội, kết tội nhẹ hơn truy tố, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự... Thông thường lời bào chữa của Luật sư có thể có ảnh hưởng nhất định đến các Hội thẩm, nhưng tác động đến các Thẩm phán thì không nhiều.

#### *3.1.4. Về vấn đề chứng cứ và chứng minh tội phạm*

Mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn dành vị trí quan trọng cho các chứng cứ viết. Việc sử dụng hồ sơ vụ án với các chứng cứ viết để xét xử là đặc trưng cơ bản của tố tụng thẩm vấn. Những tài liệu có trong hồ sơ đều là chứng cứ quan trọng, làm cơ sở cho Toà án xét xử. Tại phiên toà, chủ yếu kiểm tra, xác minh những chứng cứ được các bên thu thập trong giai đoạn điều tra, truy tố; việc thu thập chứng cứ mới rất hạn chế.



Trong mô hình tố tụng thẩm vấn, hoạt động của Cơ quan điều tra, Cơ quan công tố và Tòa án về thực chất là hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, nhằm làm rõ các đối tượng chứng minh. Cơ quan điều tra, Cơ quan công tố và Tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo.

Nhìn chung, trong tố tụng thẩm vấn chỉ những người nào có thẩm quyền tiến hành tố tụng mới được thu thập chứng cứ; người tham gia tố tụng, nhất là Luật sư cũng có quyền thu thập chứng cứ nhưng với phạm vi, biện pháp rất hạn chế. Có thể nói, chứng minh tội phạm vừa là quyền, vừa là trách nhiệm riêng của Cơ quan điều tra, Cơ quan công tố và Tòa án. Bị can, bị cáo có quyền im lặng, có quyền nhưng không có nghĩa vụ phải chứng minh là mình vô tội.

Nói tóm lại, mô hình xét hỏi được coi là mô hình kiểm soát tội phạm và có các đặc trưng cơ bản sau:

- Tiến trình tố tụng được thực hiện theo đuổi mục đích kiểm soát tội phạm, bảo vệ trật tự, an ninh xã hội;
- Chức năng tố tụng được phân chia theo quyền lực tố tụng (cơ quan, người tiến hành tố tụng; người tham gia tố tụng). Và vì vậy, địa vị tố tụng (quyền và nghĩa vụ tố tụng) thiếu cân bằng, bình đẳng giữa các bên tham gia tố tụng;
- Hoạt động tố tụng được phân thành các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử;
- Xác định sự thật vụ án tại phiên tòa là hoạt động tiếp theo của quá trình điều tra, truy tố. Tòa án tổ chức phiên tòa xét xử theo hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thiết lập. Kết quả điều tra chi phối rất lớn đến việc xác định sự thật tại phiên tòa;
- Tòa án có vai trò chủ động trong xác định sự thật của vụ án thông qua phiên tòa...<sup>3</sup>.

---

<sup>3</sup> Hiện nay cũng có quan điểm cho rằng đang tồn tại mô hình tố tụng thứ 3 là mô hình pha trộn, tức có sự kết hợp giữa các yếu tố của tố tụng tranh tụng và tố tụng xét hỏi. Mô hình này tồn tại ở 2 dạng: 1/Mô hình tranh tụng tiếp thu những yếu tố tích cực của mô hình xét hỏi; 2/Mô hình xét hỏi tiếp thu những yếu tố tích cực của mô hình tranh tụng. Tuy nhiên, theo chúng tôi thì thực chất đây vẫn là các mô hình tố tụng cơ bản là mô hình tranh tụng hoặc mô hình xét hỏi. Bởi vì, trong các mô hình đó, các yếu tố đặc trưng cho mỗi mô hình tố tụng tranh tụng hay xét hỏi vẫn được giữ nguyên.

### **3.2. Những điểm tích cực và hạn chế của mô hình tố tụng thẩm vấn**

#### **3.2.1. Những điểm tích cực**

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn có những điểm tích cực sau đây:

- Do trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan nhà nước, người bị hại bị loại khỏi vai trò người buộc tội tư nên việc thực hiện các hoạt động tố tụng có tính độc lập, không thiên vị trong quá trình tìm kiếm sự thật vụ án. Thủ tục tố tụng không nặng về buộc tội hay gỡ tội của một bên tranh tụng, do vậy sẽ có thể xác định được sự thật khách quan, công lý tuyệt đối. Điều này bảo đảm khả năng kiểm soát tình hình tội phạm, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm, bảo đảm nhiệm vụ bảo vệ của luật hình sự. Hiệu quả phòng, chống tội phạm trong mô hình tố tụng thẩm vấn được đánh giá là cao hơn so với mô hình tố tụng tranh tụng.

- Do phiên tòa chỉ là sự tiếp tục điều tra, cho nên các phiên tòa đỡ kéo dài, tiết kiệm chi phí vật chất và thời gian. Tính tiết kiệm của mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn còn thể hiện ở nhiều khía cạnh khác như: chi phí giám định, thuê giám định viên, chi phí cho bồi thẩm đoàn, chi phí cho nhân chứng...

- Mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn đưa đến cho Tòa án cơ hội lớn hơn để ra một phán quyết hướng tới công lý. Thẩm phán không bị hạn chế bởi những chứng cứ mà các bên đối lập đưa ra. Thẩm phán (nếu muốn) có thể tự mình tìm ra các chứng cứ, kể cả trong trường hợp các bên không mong muốn đưa ra. Thẩm phán có thẩm quyền phát triển các chứng cứ tại phiên tòa, chủ động triệu tập và thẩm vấn bị cáo, nhân chứng, kể cả các Điều tra viên.

#### **3.2.2. Những điểm hạn chế**

- Do quá đề cao vai trò của các cơ quan nhà nước trong quá trình đi tìm sự thật vụ án, bị can, bị cáo, người bào chữa của họ cũng như người bị hại không có vai trò tích cực trong mô hình tố tụng này, vì vậy quá trình giải quyết vụ án trong mô hình tố tụng thẩm vấn dễ có xu hướng định kiến, khó bảo đảm tính dân chủ, công bằng; quyền con người, nhất là của bị can, bị cáo dễ bị xâm hại.

Giai đoạn điều tra được tiến hành một cách bí mật, người bị buộc tội và người bào chữa của họ bị hạn chế tham gia vào giai đoạn điều tra; các Điều tra viên có thể đặt ra những áp lực đáng kể đối với các nhân chứng và những người sẽ phải trình diện trước

họ, do vậy, dễ dẫn đến các vi phạm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; đặc trưng là các trường hợp bức cung, dùng nhục hình, dụ cung... Đây là một trong những hạn chế đáng kể của mô hình tố tụng thẩm vấn.

- Sự tham gia tích cực của Thẩm phán trong giai đoạn nghiên cứu hồ sơ vụ án để chuẩn bị xét xử dẫn đến các nguyên tắc truyền thống như xét xử nhanh chóng và bằng lời, xác định sự thật tại phiên tòa và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa nhiều khi mang tính hình thức. Các chứng cứ thu thập được trong giai đoạn tiền xét xử đã trở thành những yếu tố cơ bản để ra phán quyết bản án.

Do phiên tòa là sự tiếp tục tìm kiếm sự thật mà đã được chứng minh trong giai đoạn điều tra, truy tố, cho nên trong nhiều trường hợp phiên tòa xét xử thoả mãn việc công bố các lời khai trong giai đoạn điều tra mà vắng mặt những người tham gia tố tụng, nhất là nhân chứng. Trong khi đó việc điều tra lại là bí mật, cho nên biên bản tố tụng ghi nhận các lời khai do điều tra viên lập không phải lúc nào cũng chính xác, khách quan...

Việc xét xử của các Tòa án thuộc mô hình tố tụng thẩm vấn chủ yếu đơn thuần chỉ là thẩm định những gì đã thu thập được trong giai đoạn tiền xét xử. Đồng thời theo đuổi mục tiêu tìm kiếm sự thật tuyệt đối, kiểm soát tội phạm, cho nên cho phép Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, huỷ án để điều tra lại... kéo dài tiến trình tố tụng, vi phạm nguyên tắc xét xử kịp thời”.

- Không có sự phân định rành mạch giữa các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự, một chủ thể có thể đảm đương nhiều chức năng tố tụng.

- Do cách thức tiến hành tố tụng của mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn dẫn đến nguy cơ làm oan người vô tội cao hơn so với mô hình tố tụng tranh tụng.

#### **4. Vận dụng tranh tụng của mô hình tranh tụng vào mô hình tố tụng thẩm vấn ở Việt Nam**

##### ***4.1. Quan điểm tiếp thu, vận dụng***

Qua những phân tích trên, có thể nói mô hình tranh tụng hay mô hình xét hỏi đều có những ưu thế trong tố tụng hình sự. Đồng thời, mỗi mô hình tố tụng đều có những điểm bất cập, hạn chế riêng.

Vận dụng tranh tụng trong mô hình tranh tụng vào mô hình tố tụng xét hỏi chính là việc tiếp thu những điểm tích cực bổ sung vào mô hình xét hỏi; đồng thời, tìm kiếm

những điểm tích cực của mô hình tranh tụng để thay thế, khắc phục những điểm hạn chế của mô hình xét hỏi phù hợp với thể chế tư pháp; hệ thống chính sách pháp luật tố tụng hình sự; điều kiện kinh tế - xã hội truyền thống tư pháp ở mỗi quốc gia.

Trong quá trình Cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đảng ta luôn coi trọng tranh tụng trong tố tụng tư pháp. Trong các Nghị quyết số 08-NQ/TW năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ cấp bách của hoạt động tư pháp trong thời gian tới, vấn đề tranh tụng trong hoạt động tư pháp chính thức được đặt ra. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020, vấn đề tranh tụng trong tố tụng tư pháp được nhấn mạnh như một nội dung chính của Cải cách tư pháp. Trong Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09-11-2022 của Ban Chấp hành Trung ương Khoá XIII về Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tranh tụng được coi là nội dung đột phá trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo chúng tôi, những tư tưởng pháp lý sau đây cần được quán triệt trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống tố tụng tư pháp ở mỗi quốc gia:

- Tư tưởng xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền với sự phân công, phối hợp và đặc biệt là kiểm soát lẫn nhau trong việc thực hiện 3 quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong tố tụng hình sự, cơ quan điều tra, Công tố chủ yếu thuộc về hành pháp; Toà án là cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp;

- Tư tưởng tôn trọng và bảo vệ quyền con người, nhất là quyền con người của người bị buộc tội như quyền bào chữa, quyền được suy đoán vô tội, quyền được tôn trọng tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, quyền được xét xử nhanh chóng bằng một Toà án không thiên vị;

- Tư tưởng xây dựng một nền tư pháp dân chủ, công bằng. Mọi trình tự, thủ tục tố tụng hình sự đều hướng tới mục tiêu bảo vệ công lý, vì con người; làm sáng tỏ và xử lý nghiêm minh người phạm tội, chống oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm;

- Việc tiếp thu các yếu tố của tố tụng tranh tụng vào tố tụng thẩm vấn phải đảm bảo khả thi, phù hợp với các điều kiện về tư tưởng, kinh tế - xã hội, văn hoá, truyền thống pháp luật của mỗi quốc gia...

#### ***4.2. Những yếu tố tố tụng tranh tụng có thể được tiếp thu trong tố tụng thẩm vấn ở Việt Nam***

Qua phân tích các điểm tích cực và hạn chế của từng mô hình tố tụng, các quốc gia thuộc mô hình thẩm vấn, tùy theo trình độ, đặc điểm tố tụng của quốc gia..., có thể tiếp thu các yếu tố sau đây vào hệ thống tố tụng tư pháp hình sự của mình. Đó là:

- *Thứ nhất*, cần khẳng định rằng tranh tụng trong tố tụng hình sự thực chất là quá trình tồn tại, vận động, đấu tranh giữa hai chức năng cơ bản của tố tụng hình sự: chức năng buộc tội và chức năng bào chữa - hai chức năng có định hướng đối trọng nhau. Chủ thể thực hiện các chức năng tố tụng này cần được tạo điều kiện bình đẳng với nhau trong trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, mà chủ yếu tại phiên toà sơ thẩm. Tăng cường tranh tụng trong xét xử có ý nghĩa quan trọng với việc đẩy mạnh dân chủ, công bằng trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Thứ hai*, quá trình tố tụng là sự vận hành đầy đủ của 3 chức năng: buộc tội, bào chữa và xét xử. Mỗi chức năng tố tụng được một hoặc một số chủ thể thực hiện, bao gồm chủ thể buộc tội, chủ thể bào chữa và chủ thể xét xử. Cả 3 loại chủ thể này được pháp luật bảo đảm công bằng, bình đẳng trong việc thực hiện chức năng của mình.

Từ đó, 1/ Cần khẳng định rằng nguyên tắc tranh tụng chỉ hiển diện trong xét xử, các giai đoạn tố tụng trước đó các bên chỉ tạo tiền đề cho việc thực hiện tranh tụng trong xét xử; 2/các chủ thể cơ bản trong tố tụng hình sự không nên chia thành cơ quan, người tiến hành tố tụng; người tham gia tố tụng... làm cho chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể thiếu minh bạch, rõ ràng, dễ chồng lấn lên nhau; thể hiện sự thiếu bình đẳng giữa các chủ thể tố tụng hình sự.

Phải chăng, tiếp thu tinh thần của tố tụng tranh tụng, nên phân chia các chủ thể tố tụng hình sự thành các nhóm: chủ thể buộc tội (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát), chủ thể bào chữa (người bào chữa, người bị buộc tội), chủ thể xét xử (Toà án) và các chủ thể khác tham gia tố tụng như bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người làm chứng... Đồng thời, quy định địa vị tố tụng hình sự bình đẳng giữa các nhóm chủ thể, nhất là chủ thể buộc tội và chủ thể bào chữa và chức năng phụng sự công lý của Toà án.

- *Thứ ba*, thiết lập cơ chế bảo đảm sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa trong việc thực thi các chức năng buộc tội và bào chữa. Đề cao vai trò của người bào chữa trong các giai đoạn tố tụng. Pháp luật tố tụng hình sự không đơn giản là khẳng định nguyên tắc các bên tham gia tố tụng; mà quan trọng hơn là có những bảo đảm pháp lý cho sự bình đẳng đó. Ví dụ, cần quy định quyền và thủ tục đầy đủ của bên bào chữa trong thu thập chứng cứ, triệu tập người làm chứng; bảo đảm sự có mặt của người tham gia tố tụng tại phiên toà để trực tiếp kiểm tra bằng lời các chứng cứ thu thập trong giai đoạn điều tra, truy tố...

Quy định đầy đủ các quyền và xây dựng cơ chế bảo đảm thực hiện quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự. Tạo các điều kiện về pháp lý và thực tiễn để bị can, bị cáo và người bào chữa của họ thực hiện quyền chứng minh sự vô tội hoặc giảm tội, giảm nhẹ hình phạt.

- *Thứ tư*, cải tiến các thủ tục tố tụng tại phiên toà để bảo đảm tranh tụng dân chủ, bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa. Xác định rõ, chứng minh tội phạm là nghĩa vụ của bên buộc tội. Bên bào chữa được tạo cơ hội bình đẳng như Công tố trong việc thực hiện chức năng bào chữa, chứng minh bị can, bị cáo không phạm tội hoặc giảm tội, giảm mức hình phạt. Các yêu cầu của bên buộc tội và bên bào chữa phải được Toà án quan tâm, đáp ứng như nhau. Toà án phải thực sự là hiện thân của công lý, của sự khách quan, vô tư trong quá trình xét xử vụ án. Toà án chỉ thực hiện chức năng xét xử, không thực hiện việc buộc tội bị cáo. Tuy nhiên, nhiệm vụ xác định sự thật khách quan của Toà án vẫn cần được tôn trọng. Tại phiên toà, ngoài việc điều khiển việc xét hỏi là chủ yếu để Công tố xét hỏi, tranh luận buộc tội, người bào chữa xét hỏi, tranh luận để gỡ tội, thì Toà án cũng có thể tham gia xét hỏi làm rõ sự thật, nghe các bên tranh luận để chứng minh cho phán quyết của mình. Hay nói cách khác, dù có tiếp thu thủ tục tranh tụng, mục đích kiểm soát tội phạm vẫn cần được khẳng định trong tố tụng thẩm vấn.

- *Thứ năm*, tôn trọng và bảo vệ quyền con người trong quá trình giải quyết vụ án hình sự là mục tiêu quan trọng của các mô hình tố tụng; tuy nhiên, là mô hình tố tụng công bằng, yếu tố này được coi trọng hơn trong mô hình tranh tụng.

Vì vậy, tăng cường các bảo đảm đối với quyền con người trong quá trình giải quyết vụ án hình sự phải được các quốc gia mô hình xét hỏi xem xét như là vấn đề trọng tâm của quá trình hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự. Cụ thể là:

+ Bổ sung, cân bằng quyền và nghĩa vụ của các bên buộc tội, gỡ tội; tăng cường quyền của người bị buộc tội trong quá trình giải quyết vụ án hình sự;

+ Bổ sung các quyền của người bào chữa để bảo đảm người bào chữa thực hiện đầy đủ, hiệu quả chức năng bào chữa, bảo đảm sự bình đẳng với bên buộc tội trong suốt quá trình thực thi chức năng tố tụng của mình;

+ Đồng thời với việc bổ sung, hoàn thiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của người bị buộc tội, cần bổ sung các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ, các biện pháp chế tài áp dụng đối với các cơ quan nhà nước có chức năng buộc tội trong trường hợp vi phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể người tham gia tố tụng khác.

- *Thứ sáu*, tăng cường tính công khai, minh bạch của các thủ tục tố tụng. thực hiện tốt Nguyên tắc "Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm"<sup>4</sup>. Mặc dù tố tụng xét hỏi được phân chia thành nhiều giai đoạn tố tụng khác nhau, mỗi giai đoạn có nhiệm vụ khác nhau, các chủ thể tham gia khác nhau; nhưng phải coi việc xét xử tại phiên tòa là giai đoạn trọng tâm thể hiện bản chất nhất mô hình tố tụng; phương cách tìm kiếm sự thật khách quan và bảo đảm công lý. Tại phiên tòa, tính công khai, minh bạch, khách quan, đầy đủ và tranh tụng tuyệt đối phải được thiết lập. Tại phiên tòa, các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng trước đó phải được thẩm tra đầy đủ, khách quan; người làm chứng, những người tham gia tố tụng khác phải có mặt tại phiên tòa để đưa ra lời khai...

## **5. Kết luận**

Tố tụng hình sự Việt Nam thuộc mô hình tố tụng xét hỏi nhằm mục đích chính là kiểm soát tội phạm. Tuy nhiên, trong bối cảnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, nên chẳng cần bổ sung các yếu tố tích cực của thủ tục tố tụng công bằng; bảo đảm tố tụng hình sự đồng thời đạt được cân bằng hai mục tiêu kiểm soát hiệu quả tội phạm và bảo đảm quyền con người, bảo đảm công bằng trong các thủ tục tố tụng hình sự.

Từ góc độ đó, theo đúng tội, các yếu tố tích cực của thủ tục tố tụng công bằng (như bảo đảm bình đẳng giữa các bên buộc tội, bào chữa; phân chia các chủ thể tố tụng cơ bản thành chủ thể buộc tội, chủ thể bào chữa, chủ thể xét xử; bổ sung quyền của bên bào chữa trong thu thập và thủ tục hợp lý để thu thập chứng cứ; mọi hoạt động tranh tụng đều có sự hiện diện không chỉ chủ thể buộc tội, chủ thể gỡ tội mà còn cả Tòa án; tăng cường tính công khai, minh bạch của các thủ tục tố tụng...) cần được tiếp thu trong tố tụng hình sự Việt Nam.

Sự tiếp thu, kết hợp hợp lý, hiệu quả yếu tố tranh tụng tích cực của tố tụng tranh tụng vào tố tụng xét hỏi truyền thống sẽ là đảm bảo quan trọng cho hoạt động tố tụng vừa đạt được mục tiêu kiểm soát tội phạm và mục tiêu công bằng.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*

---

<sup>4</sup> Điều 103 Hiến pháp 2013

2. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Khoá XIII về việc Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới*
3. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*
4. Bùi Tiến Đạt (2021), *Nguyên tắc trình tự pháp luật công bằng, hợp lý và vai trò bảo vệ quyền con người*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật
5. Nguyễn Thu Hiền (2012), “*Cơ sở lý luận và thực tiễn của nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội
6. Nguyễn Văn Hiến (2011), *Về nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
7. Hoàng Nghĩa Mai (Chủ nhiệm) (2012), “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*”, Đề tài khoa học cấp Nhà nước
8. Nguyễn Thị Mai (2021), *Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học luật Hà Nội
9. Đinh Thị Mai (2016) (Chủ nhiệm), *Các chức năng của tố tụng hình sự trong bối cảnh cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài khoa học cấp bộ, Viện hành lâm khoa học xã hội
10. Philip L. Reichel (2013), *Comparative Criminal Justice Systems*, Sixth Edition, University of Northern Colorado
11. Peter VonDoepp (2013), *The Rule of law and the Court*, Publisher: Routledge
12. Nguyễn Thị Thuý (2014), “*Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam với tinh thần tố tụng tranh tụng*”, Luận án Tiến sĩ Luật học, Khoa luật đại học quốc gia Hà Nội
13. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Đề án “Mô hình tố tụng hình sự”*.



## **BƯỚC CHUYỂN ĐỔI TỪ TỔ TỤNG THẨM VẤN SANG TỔ TỤNG TRANH TỤNG**

**GS.TS. Nguyễn Đăng Dung**

*Trường Đại học Tôn Đức Thắng*

**Tóm tắt:** Nằm trong hệ thống pháp luật Civil Law, thời đổi mới hệ thống tư pháp của Việt Nam phải tiếp thu những mặt tích cực của hệ thống pháp luật Common Law, trong đó có nguyên tắc tranh tụng, nhưng phải theo lộ trình từng bước, ở giai đoạn đầu tiên phải có sự phối kết hợp giữa tố tụng thẩm vấn/ xét hỏi với tranh tụng.

**Từ khoá:** Tố tụng thẩm vấn; tố tụng tranh tụng, kết hợp tố tụng thẩm vấn với tố tụng tranh tụng.

Điều 103 Hiến pháp Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về những nguyên tắc về tố tụng tư pháp. Trong đó có quy định về nguyên tắc tranh tụng. Đây cũng là điểm mới so với các Hiến pháp trước đây. Đó cũng là nguyên nhân và cơ sở lập luận cho các công cuộc cải cách tư pháp. Cải cách hệ thống tòa án không đơn giản chỉ được thực hiện bên trong hệ thống tòa án, mà còn phải được thực hiện sang các vùng có liên quan khác.

Dù có thừa nhận hay không các nguyên tắc của học thuyết phân quyền, nhà nước thời hiện đại đều phải có các hành vi lập pháp, hành và tư pháp, nhưng mô hình tổ chức nhà nước mà trong khoa học được gọi là các chính thể, hay nói một cách rộng rãi hơn là các loại hình chế độ chính trị, đều được tạo thành bằng cách thức tổ chức và hoạt động của lập pháp và hành pháp. Nếu mối quan hệ phụ thuộc vào nhau giữa lập pháp và hành pháp tạo thành chế độ đại nghị, còn không phụ thuộc vào nhau thì tạo thành chế độ tổng thống cộng hoà. Như vậy chính thể, mô hình nhà nước không phụ thuộc vào tư pháp, vì nhà nước được tổ chức theo kiểu này hay kiểu kia thì tư pháp vẫn cần phải độc lập không phụ thuộc vào lập pháp và hành pháp. Tư pháp, mà trọng tâm của chính là phiên xét xử phụ thuộc vào hệ thống luật: Ở hệ thống pháp luật thành văn thì tố tụng thẩm vấn, còn ở hệ thống thông luật/Common law, thì tố tụng tranh tụng.

Tố tụng tranh tụng là mô hình tố tụng ở những quốc gia theo truyền thống thông luật, như: Anh, Mỹ, Úc... Mô hình này dựa trên nguyên tắc “các bên trình bày”. Hai bên trong vụ án hình sự và dân sự sẽ quyết định phạm vi những vấn đề đưa ra cho Thẩm

phán xem xét, quyết định. Thẩm phán chỉ thực hiện việc xét xử, đóng vai trò là người trọng tài trung lập xem xét các vấn đề các bên trình bày. Theo đó, hai bên trong vụ án có trách nhiệm đưa ra các nhân chứng, chứng cứ để bảo vệ cho quan điểm của họ. Thẩm phán phải bảo đảm cho hai bên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong việc làm sáng tỏ vụ án.<sup>1</sup>

Tranh tụng tạo điều kiện tối đa cho các bên tham gia tố tụng sử dụng các phương pháp từ các chứng cứ cho đến cả lập luận để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Nguyên tắc tranh tụng đề cao vai trò của Luật sư, của cá nhân và đề cao các quyền cơ bản của con người. Thẩm phán chỉ đóng vai trò trọng tài khách quan và công minh, ra phán quyết trên cơ sở chứng cứ mà các bên chứng minh tại phiên tòa. Nguyên tắc tranh tụng đòi hỏi việc chứng minh phải được thực hiện công khai ngay tại phiên tòa, dưới sự giám sát của Bồi thẩm đoàn và Thẩm phán luôn phải chịu trách sức ép từ bên đối tụng. Vì vậy, mục đích của các bên trong tranh tụng là phải tự chứng minh được lý lẽ phải thuộc về mình, nếu không họ sẽ là người thua cuộc.<sup>2</sup>

Vì hệ thống pháp luật của Việt Nam theo hệ thống pháp luật văn bản /Civile Law, các nguyên tắc vận hành và cơ cấu tổ chức các cơ quan quan tiến hành tố tụng theo nguyên tắc xét hỏi, nên trước hết là phải có những cải cách trong hệ thống tố tụng xét xử. Hiện nay, theo quy định của các bộ luật tố tụng hình sự và dân sự, thẩm phán chủ tọa phiên tòa vẫn điều hành phiên tòa chủ yếu theo cách thức thẩm vấn, xét hỏi, thiên về buộc tội, áp đặt trên cơ sở hồ sơ điều tra, truy tố; kiểm sát viên giữ quyền công tố tại tòa chưa coi việc tranh luận, chưa bình đẳng với tư cách là một bên tham gia tố tụng, với các bên tham gia tố tụng khác của luật sư, của bị can bị cáo. Nên cơ cấu, tổ chức và cách thức hoạt động của hệ thống tố tụng rất khác nhau. Đòi hỏi chuyển ngay sang hệ thống tranh tụng từ hệ thống tố tụng thẩm vấn/ xét hỏi hay là ngược lại là một điều không tưởng. Cho nên việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong hệ thống tố tụng của Việt Nam phải có một bước chuyển từ thẩm vấn sang tranh tụng phải có một bước đệm được gọi là bước phối kết hợp giữa thẩm vấn/ xét và tranh tụng.

Ở hệ thống tố tụng thẩm vấn thiên về việc giản đơn là trừng trị của thời kỳ đấu tranh giành độc lập và chuyên chính vô sản, mà không nghiêng về phía bảo vệ quyền

---

<sup>1</sup> Ngô Cường, “Tố tụng tranh tụng và tố tụng xét hỏi”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử* ngày 13/3/2018

<sup>2</sup> Huỳnh Thị Quỳnh Chi, *Bàn về tranh tụng trong tố tụng hình sự*, Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, *Cổng thông tin điện tử*, 10/9/2015

con người của một nền tư pháp vị nhân quyền. Để khắc phục tình trạng này, cần phải sửa đổi, bổ sung các quy định về tố tụng theo hướng trao nghĩa vụ chứng minh cho các bên tham gia tố tụng (Viện Kiểm sát, Luật sư), Tòa án chỉ đóng vai trò “trọng tài”, các bên tham gia tố tụng phải được hưởng những quyền tương đương nhau trong việc tiến hành các hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ, gặp gỡ nhân chứng...

Cho đến hiện nay, ở Việt Nam vẫn có kết hợp giữa tranh tụng và xét hỏi. Xem Hộp trả lời phỏng vấn dưới đây của nguyên Chánh án tòa Hình sự Tòa án nhân dân tối cao:

### **Hộp 8: Tranh tụng không có nghĩa bỏ hẳn xét hỏi**

Gần đây, báo chí, đặc biệt là báo *Pháp luật TP. Hồ Chí Minh* có nhiều bài nhìn lại thực trạng tố tụng sau năm năm cải cách tư pháp, trong đó nêu ra một số vấn đề còn tồn tại trong hoạt động xét xử như tòa dồn ép, buộc tội bị cáo; Viện kiểm sát không tranh tụng, chuyện án “bỏ túi”... Về những vấn đề này, ông Đinh Văn Quế, Chánh án Tòa hình sự TAND tối cao, đã dành cho báo một cuộc trao đổi rất thẳng thắn.

- Không ít trường hợp khi xét hỏi, chủ tọa phiên tòa như đã kết luận bị cáo phạm tội.

- Nhiều trường hợp kiểm sát viên không chủ động xét hỏi mà chờ chủ tọa phiên tòa nhắc...

Theo ông Quế, năm năm cải cách tư pháp, phiên tòa hình sự ở tòa án các cấp đã có nhiều tiến bộ, thu được những kết quả nhất định: từng bước bảo đảm được sự tôn nghiêm, dân chủ, văn minh; chất lượng xét xử được nâng cao; hạn chế thấp nhất việc xử oan, sai nghiêm trọng; tạo đà cho việc cải cách toàn diện các cơ quan tư pháp...

### ***Tranh tụng đến đâu?***

*Thưa ông, dư luận cho rằng gần đây vấn đề tranh tụng tại phiên tòa hình sự không được các tòa án quan tâm như trước?*

Đúng là trong thời gian qua, các phương tiện thông tin đại chúng ít nói đến vấn đề tranh tụng tại phiên tòa như thời gian sau khi có Nghị quyết số 8-NQ/TW ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị nhưng không vì thế mà cho rằng tòa án không quan tâm đến vấn đề tranh tụng nữa. Trong các văn bản hướng dẫn, cũng như trong các lớp tập huấn cho các thẩm phán về kỹ năng xét xử, TAND tối cao vẫn thường xuyên nhắc nhở các tòa án phải tiếp tục quán triệt Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 2-1-2002 và Nghị quyết số 49 NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị và các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự dân chủ; việc phán quyết của tòa phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên xử.

*Có người nói vì Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 quy định tòa xét hỏi trước và chịu trách nhiệm xét hỏi trước chính nên tính chất tranh tụng tại phiên tòa không được thể hiện một cách đầy đủ?*

Trước đây, khi soạn dự thảo Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, cơ quan chức năng có tính đến chuyện quy định Viện kiểm sát (VKS) hỏi trước, tòa án hỏi bổ sung... nhưng khi đưa ra thảo luận thì không đứng vững được vì như thế sẽ làm thay đổi toàn bộ hệ thống pháp luật của ta.

Theo tôi, tranh tụng tại phiên tòa hình sự chỉ là một trong những hoạt động tố tụng chứ không bao trùm lên toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự. Tranh tụng tại phiên tòa nhưng vẫn giữ được bản chất của “tố tụng xét hỏi” trên cơ sở kết quả điều tra và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Mặc dù không phải là “tố tụng tranh tụng” nhưng tính chất tranh tụng tại phiên tòa vẫn là sự tranh luận giữa người có quyền và lợi ích đối lập nhau như giữa kiểm sát viên, người bị hại với bị cáo, người bào chữa; trong một số trường hợp là giữa kiểm sát viên với người bị hại; giữa người tham gia tố tụng với nhau. HĐXX không phải là người tham gia tranh tụng mà chỉ là người có tổ chức, điều khiển việc tranh tụng tại phiên tòa giữa những người có quyền và lợi ích đối lập nhau. Do đó, vai trò của HĐXX mà trực tiếp là chủ tọa phiên tòa trong việc tranh tụng như thế nào để đạt được mục đích là vô cùng quan trọng.

### ***Luật có mâu thuẫn?***

*Cũng có người nói là Nghị quyết 08 đề cao “tố tụng tranh tụng” nhưng Bộ luật Tố tụng hình sự lại chưa thể chế hóa được yêu cầu này khi vẫn quy định về “tố tụng xét hỏi”. Như vậy có mâu thuẫn? Có cần phải sửa luật để phiên tòa thật sự có tính tranh tụng?*

Giữa Nghị quyết 08 và Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành không có gì mâu thuẫn cả. Tố tụng của chúng ta là “tố tụng xét hỏi”, còn tinh thần tranh tụng theo Nghị quyết 08 là bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, bào chữa, những người tham gia tố tụng chứ đây không phải là “tố tụng tranh tụng” như ở một số nước khác theo pháp luật án lệ.

Trước khi có Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, Bộ Tư pháp đã có cả một đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ cho rằng tố tụng của ta muốn hòa nhập giữa “tố tụng tranh tụng” với tố tụng xét hỏi”, giữa luật thành văn với án lệ. Một số nhà khoa học đặt vấn đề Việt Nam cũng muốn theo “tố tụng tranh tụng” như một số nước trên thế giới, trong khi

hệ thống pháp luật của ta là luật thành văn. Đây là vấn đề mới, khi đưa ra thảo luận trước Quốc hội, do còn nhiều ý kiến khác nhau, không thông qua nên Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 vẫn theo hướng “tố tụng xét hỏi”.

Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 có cần sửa đổi không? Luật pháp bao giờ cũng đi sau cuộc sống nên có những luật vừa ban hành đã phải sửa đổi. Nghị quyết 49 cũng phải sửa đổi bộ luật này cho phù hợp với hội nhập. Nhưng sửa như thế nào thì các cơ quan chức năng phải xem xét: “Tố tụng tranh tụng” và “tố tụng xét hỏi” có sửa hay không thì cũng phải xem xét và đi từng bước căn cứ vào thực tiễn.

### ***Nhiều tòa vẫn kết tội trước?***

*Nhưng thưa ông, thực tế vẫn có không ít thẩm phán thay vì phải làm nhiệm vụ như ông nói cũng vội về “phe” kiểm sát viên kết tội bị cáo?*

Tôi cho rằng nhìn chung, ở rất nhiều phiên tòa, HĐXX mà trước hết là chủ tọa phiên tòa đã thể hiện được vai trò điều khiển việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đồng thời xử lý kịp thời, đúng pháp luật các tình huống xảy ra tại phiên tòa. Những ý kiến khác nhau được HĐXX tôn trọng và dành thời gian thỏa đáng để cho các bên tranh luận phát biểu ý kiến của họ nhằm tìm ra sự thật...

Tuy nhiên, tại một số phiên tòa, việc xét hỏi chưa tập trung vào những vấn đề mâu thuẫn, còn có ý kiến khác nhau. Cũng có trường hợp khi xét hỏi, thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã kết luận bị cáo phạm tội. Hay khi xét hỏi, những người tham gia xét hỏi không tập trung theo dõi, nhiều câu hỏi và bị cáo hoặc người tham gia tố tụng đã trả lời nhưng kiểm sát viên và luật sư vẫn hỏi lại...

*Và vẫn còn tình trạng kiểm sát viên không tranh luận mà chỉ nói “giữ nguyên quan điểm đã truy tố”. Ông nghĩ sao về thực tế này?*

Đại diện VKS giữ nguyên công tố tại phiên tòa phải bảo vệ cáo trạng của VKS truy tố bị cáo tại phiên tòa; chứng minh mọi luận điểm trong cáo trạng bằng việc chủ động xét hỏi thẩm vấn, đưa ra những chứng cứ trực tiếp và chứng cứ gián tiếp để chứng minh tội phạm, làm sáng tỏ đầy đủ chi tiết từng sự việc của vụ án. Nhưng còn có phiên tòa kiểm sát viên không chủ động xét hỏi mà chờ chủ tọa phiên tòa nhắc mới hỏi và cũng chỉ hỏi có tính chất bổ sung, còn việc hỏi để chứng minh tội phạm và làm sáng tỏ đầy đủ các tình tiết của vụ án vẫn do chủ tọa phiên tòa thực hiện.

Phản tranh luận, một số kiểm sát viên không đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến mà luật sư và những người tham gia tố tụng nêu ra làm cho việc tranh tụng bị hạn chế.

Trong cả giai đoạn xét hỏi cũng như tranh luận, HĐXX không được có những lời lẽ khẳng định hay phủ định bất cứ vấn đề nào mà kiểm sát viên, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác nêu ra, cũng không được đánh giá, nhận xét đúng sai. Nếu cần phải giải thích cho người tham gia tố tụng thì chỉ giải thích quyền và nghĩa vụ tố tụng, tuyệt đối không được giải thích các quy định của BLHS...

### **Ý kiến luật sư thường bị “bỏ qua”?**

*Giới luật sư than phiền rằng ý kiến của họ thường bị HĐXX “bỏ qua”. Điều này thể hiện rõ nhất ở việc có những tình tiết quan trọng luật sư đưa ra để tranh luận gỡ tội cho bị cáo hoặc bảo vệ quyền cho đương sự nhưng không được lập luận trong bản án. Đây cũng là lý do khiến dư luận nghi ngờ về sự tồn tại của “án bỏ túi”?*

Thực tế đúng là có trường hợp HĐXX kết luận trước về lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác khiến cho bị cáo và những người tham dự phiên tòa cho rằng bản án được viết sẵn (án bỏ túi). Hay một số bản án của tòa còn thiếu sức thuyết phục, nhất là trong phần nhận định phải xử phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo những phần quyết định lại cho bị cáo hưởng án treo. Mặt khác, có những tình tiết quan trọng luật sư đưa ra để tranh luận nhằm gỡ tội cho bị cáo hoặc bảo vệ quyền lợi của đương sự nhưng không được lập luận trong bản án...

## **KẾT LUẬN**

Tranh tụng và thẩm vấn là 2 nguyên tắc tố tụng quan trọng tạo nên 2 mô hình tố tụng của 2 hệ thống Common law và Civile Law đã tồn tại từ xa xưa, ngay từ thời Trung cổ. Mỗi một mô hình đều có những thế mạnh và yếu điểm khác nhau. Hiện nay thời đương đại đang có xu hướng xích lại gần nhau. Nằm trong hệ thống pháp luật Civile Law, thời đổi mới cải tổ, hệ thống tư pháp của Việt Nam cũng phải tiến tới chỗ tiếp thu những mặt tích cực của hệ thống pháp luật Common Law trong đó có nguyên tắc tranh tụng, nhưng phải theo lộ trình từng bước, trước hết ở giai đoạn đầu tiên phải có sự phối kết hợp giữa tố tụng thẩm vấn/ xét hỏi với tranh tụng.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đức Minh, *Tranh tụng không có nghĩa là bỏ xét hỏi*, Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh 15/7/2007.

2. Huỳnh Thị Quỳnh Chi, *Bàn về tranh tụng trong tố tụng hình sự*, Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, *Cổng thông tin điện tử*, 10/9/2015.

3. Ngô Cường, “Tố tụng tranh tụng và tố tụng xét hỏi”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử* ngày 13/3/2018.

# MỘT SỐ MÔ HÌNH TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRÊN THẾ GIỚI

TS. Đinh Văn Liêm

*Khoa Luật học, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh*

**Tóm tắt:** Mô hình tổ tụng hình sự là yếu tố cốt lõi của hoạt động tổ tụng hình sự, các mô hình tổ tụng hình sự khác nhau đó là cách thức tổ chức của các hoạt động tổ tụng hình sự để hướng tới nhiệm vụ đi tìm sự thật của vụ án. Lựa chọn mô hình tổ tụng phù hợp thúc đẩy nền tổ tụng minh bạch, công bằng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Nội dung bài viết này tác giả khái quát một số mô hình tranh tụng hình sự trên thế giới và đề xuất một số kiến nghị nâng cao chất lượng của tổ tụng tranh tụng ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Mô hình tổ tụng hình sự, tranh tụng, hoạt động tổ tụng, xét hỏi, tranh luận.

## 1. Đặt vấn đề

Mục tiêu cơ bản của luật tổ tụng hình sự là đạt được một hệ thống tôn trọng quyền của các cá nhân trong khi duy trì quyền lợi hợp pháp của xã hội bằng việc duy trì sự hợp tác hoà bình và cùng tồn tại giữa các công dân. Đó cũng là mục tiêu của các nước theo truyền thống luật dân sự cũng như các nước theo luật thông pháp. Để đạt được mục tiêu này, cần phải có sự cân bằng giữa quyền của cá nhân và quyền của Nhà nước truy tố những người cố tình vi phạm luật pháp.

Ngay từ đầu, cần phải nhận thức rằng để thành công, hệ thống luật hình sự phải phản ánh xã hội mà nó bảo vệ. Theo bản chất của mình, hệ thống này thường là bảo thủ, hơn là hiện đại, trong nhận thức của nó về các quyền, cho dù quyền của cá nhân hay của xã hội. Nó do con người làm ra chứ không phải được định trước. Mặc dù luôn thay đổi, nó phản ứng lại sau chứ không tự thay đổi trước. Hệ thống sẽ mang tính định kiến nếu nó có lợi cho những người làm ra luật. Hệ thống được thiết kế để xử lý những vấn đề được khái quát là thảm hoạ "xã hội" và như vậy, không thể có một luật chung cho tất cả các xã hội. Người ta cho rằng ở một số xã hội, có đầy đủ những điểm tương đồng trong luật và trong các hệ thống có liên quan và có thể áp dụng được cho các nước khác. Luật thông pháp là một trong những ví dụ như vậy.

Mô hình tổ tụng hình sự theo cách hiểu chung nhất là sự khái quát cao những



đặc trưng cơ bản, phổ biến, phản ánh cách thức tổ chức hoạt động tố tụng hình sự, cách thức tìm đến sự thật khách quan của vụ án. Cách thức tổ chức này quyết định địa vị tố tụng của các chủ thể trong quá trình thực hiện các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự (chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử).

Mô hình tố tụng hình sự là cách thức tổ chức hoạt động tố tụng hình sự và cách thức tổ chức này quyết định địa vị tố tụng của các chủ thể tham gia hoạt động tố tụng hình sự như thế nào và nguồn lực của hoạt động tố tụng hình sự là gì: là hoạt động tích cực của các bên tranh tụng hay là hoạt động tích cực của các cơ quan nhà nước mà trước hết là cơ quan Tòa án hay là sự kết hợp cả hai.

Trên thế giới có 3 loại mô hình tố tụng hình sự: mô hình tố tụng hình sự xét hỏi (thẩm vấn); mô hình tố tụng hình sự tranh tụng và mô hình tố tụng hình sự kết hợp.

## **2. Một số mô hình tố tụng phổ biến**

### ***2.1. Tố tụng tranh tụng***

Trong lịch sử phát triển của xã hội, loại hình tố tụng đầu tiên xuất hiện là tố tụng tranh tụng. Các nhà nghiên cứu lịch sử pháp luật đều thống nhất cho rằng loại tố tụng này đã được áp dụng tại Hy Lạp cổ đại, sau đó được đưa vào La Mã với tên gọi “thủ tục hỏi đáp liên tục”<sup>1</sup>. Tố tụng tranh tụng xuất hiện ở Pháp trong giai đoạn từ khi bị quân Bắc Ba xâm lược cho đến trước thời kỳ trung cổ<sup>2</sup>. Trong khi đó, tố tụng xét hỏi xuất hiện lần đầu trong pháp luật La Mã và biến mất cùng với sự sụp đổ của đế chế La Mã. Đến tận cuối thời kỳ trung cổ, dưới ảnh hưởng của các Tòa án thiên chúa giáo, tố tụng xét hỏi mới xuất hiện trở lại.

#### *Các đặc điểm của tố tụng tranh tụng*

Đặc điểm thứ nhất là trong suốt quá trình tố tụng tranh tụng, bên buộc tội và bên bị buộc tội liên tục trao đổi với nhau những lập luận, chứng cứ. Tố tụng tranh tụng dành một vị trí đặc biệt cho lợi ích của các bên. Lợi ích của xã hội được đặt xuống hàng thứ yếu. Chính vì vậy, Viện công tố chỉ đóng vai trò là một bên thứ ba như hai bên khác và chỉ có mặt tại Tòa để trình bày những thiệt hại đối với xã hội, chứng minh trách nhiệm hình sự của bị can. Tố tụng tranh tụng được thực hiện bằng miệng, một cách công khai

---

<sup>1</sup> Nguyên bản: Procédere des questions perpétuelles

<sup>2</sup> Thời kỳ trung cổ ở châu Âu thường được tính từ năm 476 đến năm 1453

và theo các nguyên tắc tranh tụng. Các bên ra trước Tòa với tư cách như hai đối thủ.<sup>1</sup>

Đặc điểm thứ hai là Thẩm phán chỉ đóng vai trò của một người trọng tài, Thẩm phán không có trách nhiệm tìm ra sự thật. Mọi chứng cứ hoàn toàn chỉ do các bên đưa ra: trong tố tụng tranh tụng không có giai đoạn điều tra. Các chứng cứ này chỉ được đưa ra tranh luận tại phiên xét xử và vì vậy, ngay cả các sự việc diễn ra tại phiên tòa cũng có thể được các bên dùng làm chứng cứ chống lại nhau. Để đưa ra phán quyết, Thẩm phán chỉ dựa trên các chứng cứ đưa ra tại phiên tòa và không có quyền biết đến các chứng cứ đó trước khi phiên tòa diễn ra. Mỗi bên có quyền đặt câu hỏi trực tiếp cho bên kia cũng như cho nhân chứng và Giám định viên, thậm chí có quyền ngắt lời bên kia để phản bác.

Vì hoàn toàn được thực hiện bằng lời nên mọi chứng cứ viết, chẳng hạn như biên bản của cảnh sát tư pháp, đều không được công nhận là chứng cứ. Điều này cũng quy định hình thức bào chữa của bị can: bị can có thể chọn một trong hai khả năng là nhận hoặc không nhận tội.

Tố tụng tranh tụng được áp dụng chủ yếu tại các nước theo trường phái luật án lệ như Anh và Mỹ.

## **2.2. Tố tụng xét hỏi (Thẩm vấn)**

Từ “tố tụng xét hỏi” trong tiếng Pháp xuất phát từ từ “inquisitios” được sử dụng để chỉ việc thẩm tra, thẩm vấn của các Tòa án thiên chúa giáo kể từ thế kỷ thứ 13.

Nét đặc trưng nhất của tố tụng xét hỏi là nó đề cao vai trò chủ động của Thẩm phán. Thẩm phán là người đưa ra quyết định điều tra khi xảy ra một vụ án nào đó. Thẩm phán cũng là người có trách nhiệm tìm ra sự thật trên cơ sở các sự việc, chứng cứ. Cũng chính Thẩm phán là người chỉ đạo toàn bộ quá trình tố tụng, kể cả giai đoạn điều tra.

Tố tụng xét hỏi dành một vị trí quan trọng cho các chứng cứ viết. Đây là điểm khác biệt lớn so với tố tụng tranh tụng.

Trong tố tụng xét hỏi, Viện công tố có những quyền hạn lớn hơn so với trong tố tụng tranh tụng. Viện công tố có quyền chỉ đạo công tác điều tra, ra quyết định khởi tố. Đối với các vụ án phức tạp thì sau giai đoạn điều tra sơ bộ còn có giai đoạn thẩm cứu do một Thẩm phán điều tra đảm nhiệm. Đây là một Thẩm phán độc lập, không tham gia vào giai đoạn điều tra sơ bộ ban đầu và có nhiệm vụ xác định sự thật. Theo quy định của

---

<sup>1</sup> Elisabeth Pelsez, Christian Rayseguier, Viện trưởng Viện công tố tại Tòa phúc thẩm Rouen. Hội thảo “Tranh tụng trong tố tụng dân sự” Viện khoa học xét xử. Hà Nội 2020.

Bộ luật tố tụng hình sự, nhiệm vụ của Thẩm phán điều tra là làm cho sự thật được thể hiện rõ. Như vậy, mọi chứng cứ đều do một Thẩm phán điều tra độc lập và khách quan tập hợp, cho dù đó là chứng cứ cho phép kết tội bị can hoặc cho phép chứng minh sự vô tội của bị can.

*\* Nhược điểm và ưu điểm của hai loại tố tụng*

*a. Nhược điểm của tố tụng tranh tụng*

Vì Thẩm phán không có vai trò quan trọng nên loại hình tố tụng này bị chỉ trích là làm nảy sinh sự bất bình đẳng giữa các bên trong vụ án hình sự. Lập luận cho quan điểm này, những ý kiến chỉ trích cho rằng bên nào có nhiều tiền để thuê luật sư thì sẽ có nhiều khả năng giành thắng lợi hơn. Có thể nói rằng, trong thủ tục tố tụng xét hỏi, nhược điểm này được khắc phục bởi vì công tác điều tra là do một Thẩm phán độc lập và khách quan đảm nhiệm. Một số tác giả thậm chí còn kết luận rằng tố tụng xét hỏi cho phép tìm ra sự thật, trong khi đó tố tụng tranh tụng chỉ cho phép tìm ra một sự thật mà thôi.

Nhược điểm thứ hai của tố tụng tranh tụng là nó rất phức tạp: mọi vấn đề lẽ ra phải được thực hiện trong cả một quá trình điều tra lại chỉ được trình bày trong phiên xét xử và như vậy, khi phiên tòa xét xử diễn ra thì chưa có gì thực sự được khẳng định chắc chắn cả. Điều này đôi khi dẫn đến những hệ quả nguy hiểm. Về điểm này, chúng ta có thể lấy ví dụ trường hợp của Italia. Italia đã chuyển từ tố tụng xét hỏi sang tố tụng tranh tụng vào năm 1989. Nhưng từ đó đến nay, luật pháp Italia cũng như án lệ của Tòa phá án Italia thường xuyên phải chấn chỉnh lại hệ thống tố tụng của nước này để xác lập lại thủ tục xét hỏi. Trong các vụ án liên quan đến các tổ chức mafia, khi đưa ra xét xử theo thủ tục tranh tụng, lời khai của nhân chứng tại Tòa thường mâu thuẫn với lời khai của họ bằng văn bản bởi vì họ sợ bị trả thù.

*b. Nhược điểm của tố tụng xét hỏi*

Tố tụng xét hỏi thường bị chỉ trích là không tôn trọng đầy đủ quyền của các bên đương sự bởi vì họ không có nghĩa vụ chứng minh chứng cứ. Vì chứng cứ là do Thẩm phán điều tra tập hợp nên người ta cho rằng tố tụng xét hỏi đi ngược lại nguyên tắc vô tư, khách quan và cho rằng đôi khi Thẩm phán đã có sẵn trong đầu quyết định xét xử trước khi diễn ra giai đoạn xét xử. Xét dưới góc độ đó, việc tranh luận tại phiên tòa trở nên vô nghĩa.

Người ta cũng chỉ trích rằng thủ tục tố tụng xét hỏi thường kéo dài, làm mất nhiều thời gian vì có thêm giai đoạn điều tra.

### **2.3. Mô hình kết hợp tố tụng tranh tụng với tố tụng xét hỏi**

Hiện nay, với quá trình hội nhập và toàn cầu hóa thì các mô hình tố tụng hình sự đã có sự giao thoa, tiếp nhận những yếu tố tiên bộ, tích cực của nhau để đáp ứng ngày càng cao yêu cầu phòng, chống tội phạm và bảo đảm các quyền con người trong tố tụng hình sự. Nước Pháp hiện vẫn áp dụng tố tụng xét hỏi, nhưng đã đưa vào đó một số nội dung của tố tụng tranh tụng. Một đạo luật ra ngày 15-6-2000 mang tên “Luật về suy đoán vô tội và tăng quyền của nạn nhân” đã cho phép các bên có nhiều quyền hơn trong quá trình tố tụng. Khi đạo luật này được thông qua và công bố, một số ý kiến đã đánh giá đây là một đạo luật “bán tranh tụng”. Vậy chúng tôi đã đưa vào hệ thống tố tụng xét hỏi những nội dung gì của tố tụng tranh tụng.

+ Luật sư có quyền tham gia ngay từ giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng, tức là ngay khi bắt tạm giam bị can. Bị can khi bị bắt tạm giam có quyền giữ im lặng.

+ Trong giai đoạn điều tra, các bên có quyền yêu cầu Thẩm phán điều tra thực hiện một số hoạt động điều tra mà họ thấy cần thiết. Thẩm phán điều tra không còn quyền cho tạm giam bị can, tức là không còn chức năng tài phán này như trước bởi vì đây là một điểm bị chỉ trích nhiều. Một loại Thẩm phán mới đã được lập nên để đảm nhận chức năng tài phán này, đó là Thẩm phán phụ trách việc tạm giam và thả tự do bị can.

+ Tại phiên xét xử, Viện công tố hoặc các luật sư có quyền trực tiếp đặt câu hỏi cho các bên đương sự mà không cần xin phép chủ tọa.

+ Các bên có quyền đề nghị một số lượng nhân chứng không hạn chế.

+ Trật tự phát biểu tại phiên tòa đã được thay đổi. Hiện nay, Viện công tố được quyền phát biểu trước luật sư bào chữa và sau luật sư của bên nguyên.

Tất cả các nội dung trên đã cho phép tăng cường vai trò của các bên. Song song đó, nguyên tắc tranh tụng cũng được đảm bảo tốt hơn. Việc đưa một số nội dung của tố tụng tranh tụng vào tố tụng xét hỏi đã cho phép vượt lên trên những khác biệt của chúng và kết hợp chúng lại với nhau. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng chúng ta không thể đột ngột chuyển hẳn từ loại tố tụng này sang loại tố tụng khác. Ví dụ của Italia đã chỉ ra cho chúng ta thấy điều đó. Điều cần làm là xây dựng được một loại hình tố tụng nào cho phép tìm ra được sự thật một cách chính xác nhất, cho phép tập hợp được các yếu tố chứng cứ một cách đầy đủ nhất mà vẫn tôn trọng được quyền của các bên.

Ở Việt Nam, Có thể thấy đang đi theo mô hình pha trộn thiên về thẩm vấn. Nhiệm vụ xác định sự thật khách quan, trách nhiệm chứng minh tội phạm được giao cho các cơ quan tiến hành tố tụng đảm nhiệm. Người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và người bào chữa của họ còn khá thụ động và trong nhiều trường hợp lệ thuộc vào các cơ quan tiến hành tố tụng. Điều tra, thẩm vấn là phương pháp chủ yếu được áp dụng ở tất cả các giai đoạn tố tụng, thậm chí tại phiên tòa.

Tổng kết thực tiễn thi hành mô hình tố tụng hình sự ở nước ta thời gian qua cho thấy, mô hình tố tụng hình sự hiện hành đã phát huy tác dụng tích cực trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và từng bước đáp ứng được yêu cầu bảo đảm dân chủ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, quá trình vận hành mô hình này đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập. Việc tổ chức các hoạt động tố tụng hình sự đang có sự chồng lấn, mâu thuẫn giữa các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự. Cùng một chủ thể nhưng lại được giao nhiều chức năng tố tụng khác nhau. Tòa án có vai trò quá chủ động, tích cực trong phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và đang được giao thực hiện một số thẩm quyền không phù hợp với chức năng xét xử (khởi tố vụ án, trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung...). Vai trò của Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm còn khá mờ nhạt, không tạo cơ sở phát huy tính chủ động, tích cực và trách nhiệm của cơ quan buộc tội. Đặc biệt, vai trò của người bào chữa còn yếu ớt; chưa có những quy định để bảo vệ quyền của người bào chữa trong việc thực hiện quyền tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, yếu tố quan trọng nhất liên quan đến việc định tội hoàn toàn do cơ quan nhà nước với những chức năng tố tụng khác nhau hình thành nên hồ sơ vụ án có xu hướng thiên về chứng cứ buộc tội mà thiếu chứng cứ gỡ tội, dẫn đến quyền suy đoán vô tội của bị cáo khó được tôn trọng một cách thực chất.

## **2. Một số kiến nghị tố tụng tranh tụng ở Việt Nam**

Như nội dung đã phân tích trên cho thấy, Ở Việt Nam đang đi theo mô hình kết hợp tố tụng tranh tụng với tố tụng xét hỏi thiên về thẩm vấn. Nhiệm vụ xác định sự thật khách quan, trách nhiệm chứng minh tội phạm được giao cho các cơ quan tiến hành tố tụng đảm nhiệm. Người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và người bào chữa của họ còn khá thụ động và trong nhiều trường hợp lệ thuộc vào các cơ quan tiến hành tố tụng. Điều tra, thẩm vấn là phương pháp chủ yếu được áp dụng ở tất cả các giai đoạn tố tụng, thậm chí tại phiên tòa. Thực tiễn nghiên cứu hoạt động tố tụng ở các nước trên thế giới thì các mô

hình tố tụng hình sự đã có sự giao thoa, tiếp nhận những yếu tố tiến bộ, tích cực của nhau để đáp ứng ngày càng cao yêu cầu phòng, chống tội phạm, bảo đảm các quyền con người trong tố tụng hình sự ngày một tốt hơn.

Như chúng ta đã biết thủ tục tranh tụng là thủ tục mà theo đó các bên trong vụ kiện chứ không phải Thẩm phán giải quyết vụ án có trách nhiệm trong việc xác định các vấn đề phát sinh trong vụ kiện và tiến hành việc tranh luận tại phiên tòa. Trong phiên tòa theo thủ tục tranh tụng các bên tuân thủ theo nguyên tắc tự quyết, các bên trong vụ kiện có trách nhiệm xem xét chứng cứ, lời khai và dòng thông tin có đến được với bên kia hay không. Thông thường các bên thường nhờ luật sư bào chữa, luật sư là người không chỉ có thể làm mà còn phải làm tất cả mọi việc để tạo ưu thế cho vị trí của khách hàng. Luật sư trong hệ thống tranh tụng đóng một vai trò quan trọng trong việc giải quyết vụ án. Luật sư có nghĩa vụ đối với khách hàng của mình như là quyền lợi của cá nhân luật sư. Bằng cách hướng dẫn cho khách hàng, luật sư có lợi thế trong việc tìm kiếm chứng cứ trong xét xử mà qua đó họ có nhiều thuận lợi trong việc giúp khách hàng của mình hơn.

Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về tranh tụng, khái niệm tranh tụng chưa được chính thức ghi nhận hoặc giải thích trong bất kỳ một văn bản quy phạm pháp luật nào của nước ta từ năm 1945 đến nay. Về mặt ngôn ngữ, theo từ điển Hán Việt<sup>1</sup>, theo đó tranh tụng là: “*cãi lẽ, cãi nhau để tranh lấy phần phải*”. Theo Đại từ điển tiếng Việt năm 1998 thì tranh tụng có nghĩa là “*kiện tụng*”. Về mặt lý luận, tranh tụng theo các quan điểm khác nhau:

Từ điển Black’ Law Dictionary ấn bản lần thứ chín đã định nghĩa về thủ tục tranh tụng (adversary proceeding) là “*việc xét xử tranh chấp giữa các bên đối lập*” và hệ thống tranh tụng (adversary system) là “*hệ thống tố tụng, ví dụ hệ thống luật pháp Anh - Mỹ, gắn với việc các bên chủ động không giới hạn thực hiện phản đối nhau để đưa vụ kiện trước một chủ thể phán quyết độc lập*”<sup>2</sup>

Theo tác giả tranh tụng theo nghĩa rộng là “*một quá trình được bắt đầu từ khi có yêu cầu khởi kiện, khởi tố và kết thúc khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật*” và theo nghĩa hẹp là “*quá trình tranh tụng được tiến hành tại phiên tòa sơ thẩm hay tại phiên tòa phúc thẩm khi có sự tham gia tranh luận của các bên đương sự*”.

<sup>1</sup> Thiên Chử (1993), Từ điển Hán - Việt, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, tr 621.

<sup>2</sup> Black’s Law Dictionary; Henry Campbell Black (1860-1927).

Trước hết cần thấy rằng, TTHS là quá trình phát hiện, điều tra, tái hiện sự thật đã xảy ra trong quá khứ. Trong suốt quá trình đó, tất cả các bên (bên buộc tội và bên bào chữa) đều có nhu cầu kiểm tra, bổ sung chứng cứ; tranh luận, đối chứng, phản bác lý lẽ, lập luận của nhau. Do đó, tranh tụng là nhu cầu khách quan của TTHS.

Hiến pháp năm 2013 bổ sung nguyên tắc "*tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*" (khoản 5 Điều 103), đồng thời, bổ sung quyền của người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử công bằng (khoản 2 Điều 31). Điều 26 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 quy định như sau: "*Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án*". Bổ sung này là bước tiến của khoa học pháp lý và sự phát triển của nền tư pháp nước nhà. Bảo đảm tranh tụng trong xét xử và quyền được Tòa án xét xử công bằng là hai mặt của một vấn đề, có quan hệ khăng khít và là tiền đề tồn tại của nhau.

Tranh tụng đòi hỏi phải tạo ra và bảo đảm sự công bằng giữa các bên tranh tụng, đồng thời công bằng chỉ có thể được bảo đảm khi thực hiện nguyên tắc tranh tụng. Tuy vậy, việc xác định phạm vi bảo đảm tranh tụng chỉ trong giai đoạn xét xử là chưa thật sự phù hợp với bản chất và yêu cầu của TTHS. Ngay từ khi một người bị buộc tội, người đó đã có nhu cầu cung cấp chứng cứ, phản biện lại chứng cứ, lý lẽ của bên buộc tội. Đây là nhu cầu chính đáng của người bị buộc tội bởi lẽ trước khi có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì người bị buộc tội vẫn được coi là người vô tội. Nhà nước, các cơ quan tố tụng có trách nhiệm đáp ứng nhu cầu chứng minh sự vô tội của họ. Đó chính là những giá trị của văn minh pháp lý mà các nền tư pháp cần vươn tới bảo đảm. Nguyên tắc tranh tụng đòi hỏi có sự phân định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể phù hợp với các chức năng cơ bản của TTHS, không thể giao cùng một chủ thể thực hiện nhiều chức năng của TTHS. Theo đó, xác định rõ chứng minh tội phạm là trách nhiệm của CQĐT, VKS; người bị buộc tội và người bào chữa của họ có quyền đưa ra các chứng cứ chứng minh sự vô tội nhưng không có nghĩa vụ chứng minh sự vô tội của mình; Bên buộc tội và bên bào chữa bình đẳng trong việc thực hiện chức năng tố tụng của mình; Tòa án là cơ quan xét xử, có trách nhiệm bảo vệ công lý, tạo điều kiện để các bên thực hiện tốt chức năng tố tụng của mình, thực hiện đầy đủ các quyền được pháp luật trao; Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện để các bên thực hiện tốt chức năng tố tụng

của mình, thực hiện đầy đủ các quyền được pháp luật trao; Phán quyết của Tòa án chỉ căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Ở đây cần thiết phân biệt giữa nguyên tắc tranh tụng và mô hình TTHS. Hoạt động TTHS có tính tranh tụng như là quy luật khách quan, như là lẽ tự nhiên; còn mô hình TTHS tranh tụng cho chúng ta thấy quy luật khách quan này đã được nhận thức và thể hiện triệt để trong tổ chức và hoạt động TTHS ở một số quốc gia trên thế giới. Chính vì nguyên tắc tranh tụng tồn tại mang tính khách quan, phụ thuộc vào sự phát triển của các điều kiện kinh tế - xã hội, sự nhận thức của xã hội nói chung và nhận thức của các nhà làm luật nói riêng nên mới có mô hình TTHS pha trộn theo hướng ghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong tổ chức vận hành các hoạt động TTHS.

- Thực tiễn hoạt động tố tụng Việt Nam trong thời qua cho thấy tố tụng tranh tụng ở Việt Nam còn một số hạn chế, tồn tại:

Thực tiễn hoạt động tố tụng cho thấy, một số vụ án vẫn còn hiện tượng “hợp án” giữa các cơ quan tố tụng để thống nhất quan điểm giải quyết vụ án, định tội bị cáo trước khi xét xử. Đây là vi phạm đặc biệt nghiêm trọng về tố tụng, không những phá vỡ nguyên tắc tranh tụng trong xét xử mà còn đi ngược lại nguyên tắc xét xử độc lập, xét xử trực tiếp, nguyên tắc suy đoán vô tội và các nguyên tắc tố tụng hình sự quan trọng khác.

Tranh tụng tại phiên tòa chưa đúng với tinh thần tranh tụng đó là yếu tố năng lực và đạo đức của Luật sư (người bào chữa nói chung). Bên cạnh những Luật sư giỏi về chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt thì vẫn còn một bộ phận vi phạm đạo đức nghề nghiệp, thiếu kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm đối đáp, tranh luận trực tiếp, dẫn đến sự tẻ nhạt và không đi vào trọng tâm của vấn đề khi tham gia các phiên tòa. Hơn nữa, trong các phiên tòa mời Luật sư chỉ định thì nhiều trường hợp bào chữa mang tính hình thức nên chất lượng tham gia tranh tụng thấp

Pháp luật chưa có quy định đầy đủ trách nhiệm chủ thể tố tụng đối với trường hợp Kiểm sát viên không thực hiện nghĩa vụ đối đáp, tranh luận đến cùng tại phiên tòa để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Việc này dẫn đến trong một số phiên tòa, Kiểm sát viên tranh luận hình thức, né tránh những vấn đề mà người bào chữa nêu ra trái với quan điểm của Kiểm sát viên hoặc trả lời không đi thẳng vào trọng tâm của vấn đề đang tranh luận hoặc không đưa quan điểm đối đáp bằng cách “bảo lưu quan điểm luận tội”. Do đó, chất lượng và kết quả tranh tụng trong một chừng mực bị hạn chế.



Tại một số phiên tòa, Hội đồng xét xử chưa điều hành tốt quá trình tranh tụng tại phiên tòa; hạn chế quyền hỏi của người bào chữa; chưa thực sự chú ý đến những tình tiết, chứng cứ mới của vụ án nên những vấn đề mâu thuẫn trong vụ án chưa được làm sáng tỏ; cắt ngang hoặc hạn chế quyền tranh luận, đối đáp của người bào chữa, làm cho người bào chữa không thể trình bày một cách toàn diện các quan điểm bào chữa cho người bị buộc tội trong vụ án, làm mất quyền bình đẳng trong tranh tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của người bào chữa và người bị buộc tội.

Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận và đối đáp đã phát sinh các chứng cứ mới nhưng bản án, quyết định của Tòa án chưa xem xét, đánh giá dẫn đến tiềm ẩn phát sinh oan, sai trong tố tụng. Những tình tiết quan trọng và chứng cứ gỡ tội mà người bào chữa đưa ra có trường hợp không được hội đồng xét xử quan tâm xem xét, chấp nhận và chưa được đề cập trong bản án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội. Một số bản án, quyết định của Tòa án chưa xuất phát từ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Trên cơ sở nhận định nêu trên, tham khảo mô hình TTTHS của các nước, tác giả đề xuất một số kiến nghị về tố tụng tranh tụng ở Việt Nam, cụ thể:

- Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện các nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng, mặc dù pháp luật tố tụng hình sự có quy định nguyên tắc tranh tụng tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, tuy nhiên theo tác giả cần tiếp tục bổ sung hoàn thiện nguyên tắc này để bảo đảm cho hoạt động tranh tụng được đầy đủ và bảo đảm hơn, cụ thể:

1.....

2. *Kiểm sát viên, bị hại, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bào chữa đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu và tranh luận dân chủ.*

3. *Tòa án có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện để Kiểm sát viên, bị hại, bị cáo, người bào chữa tranh tụng bình đẳng trước Tòa án. Bản án, quyết định của Tòa án chỉ căn cứ vào các chứng cứ đã được kiểm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa".*

- Thứ hai, cần thể hiện đầy đủ hơn, chính xác hơn nội dung và yêu cầu và nhận thức của nguyên tắc suy đoán vô tội. Pháp luật cần khẳng định rõ việc chứng minh lỗi

của người bị buộc tội phải theo một trình tự do luật định. Theo đó, nghĩa vụ chứng minh lỗi của người bị buộc tội phải được quy định trong luật và thuộc trách nhiệm của cơ quan buộc tội. Người bị buộc tội không có nghĩa vụ chứng minh sự vô tội của mình, đây chỉ là quyền của họ. Cùng với việc khẳng định nội dung này được hiểu rằng quá trình chứng minh lỗi của người bị buộc tội nếu còn những hoài nghi, giả thuyết chưa thể chứng minh, làm sáng tỏ bởi trình tự luật định thì phải suy đoán theo hướng có lợi cho người bị buộc tội. Theo Tôi cho rằng "suy đoán vô tội" không phải là nguyên tắc riêng có của mô hình TTTH tranh tụng. Đây là yêu cầu của một nền tư pháp văn minh. Nguyên tắc này có tính quốc tế rộng rãi, được ghi nhận trong nhiều điều ước quốc tế và trong pháp luật TTTH của nhiều nước. Vấn đề đặt ra để giải quyết yếu tố của mô hình TTTH tranh tụng như: (nguyên tắc tranh tụng, quyền được bảo đảm công bằng, bảo đảm quyền bào chữa của bên bị buộc tội...) liên quan chặt chẽ đến việc đề xuất tiếp thu các giá trị, nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội. Việc không nghiên cứu, đề xuất tiếp thu các nội dung, yêu cầu của nguyên tắc suy đoán vô tội sẽ không tạo cơ sở logic và đầy đủ cho việc tiếp thu các yếu tố khác của tố tụng tranh tụng.

- Thứ ba, bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội là nguyên tắc quan trọng của tư pháp hình sự, thể hiện tính dân chủ và mang ý nghĩa nhân đạo sâu sắc. Xuất phát từ yêu cầu của suy đoán vô tội, chừng nào người bị buộc tội chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì họ vẫn chưa bị coi là người có tội, đó đó cơ quan tố tụng phải tạo mọi điều kiện để người bị buộc tội chứng minh, bào chữa cho sự vô tội hoặc giảm nhẹ tội, hình phạt cho mình. Việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội còn giúp cho quá trình tìm đến sự thật khách quan của vụ án khẩn trương hơn; đồng thời, chính là đã tạo cơ chế giám sát, phản biện kết quả tố tụng của các cơ quan tố tụng, qua đó có tác dụng thúc đẩy cơ quan này phải thận trọng hơn, khắc phục tâm lý chủ quan, duy ý chí, qua đó nâng cao chất lượng giải quyết vụ án hình sự. Nguyên tắc này đòi hỏi phải quy định cụ thể những người được bảo đảm quyền bào chữa; các hình thức thực hiện quyền bào chữa và đặc biệt là xác định trách nhiệm của các cơ quan tố tụng trong việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội được thực thi trên thực tế.

- Thứ tư, tăng cường công tác đào tạo nguồn luật sư để tăng số lượng luật sư đáp ứng nhu cầu giải quyết xét xử vụ án theo nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng Mở rộng đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí trong quá trình giải quyết các tranh chấp, nhất là ở những vùng sâu vùng xa, đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thứ năm, Bảo đảm đầy đủ hơn nội dung nguyên tắc công khai, minh bạch trong tố tụng hình sự. Trong tố tụng thì công khai, minh bạch hoạt động giải quyết vụ án hình sự không phải là yêu cầu đặc thù chỉ có trong mô hình TTTHS tranh tụng. Đây là yêu cầu của tư pháp tiến bộ trên thế giới xuất phát từ nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội cũng như từ yêu cầu phải kiểm soát chặt chẽ việc thực thi quyền lực nhà nước trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Tuy vậy, ở khía cạnh của mô hình TTTHS tranh tụng, xuất phát từ yêu cầu phải bảo đảm công bằng trong suốt quá trình giải quyết vụ án thì cũng đặt ra những đòi hỏi cụ thể với việc bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch trong TTTHS. Để bảo đảm công bằng, tranh tụng trong TTTHS đòi hỏi các cơ quan tố tụng, mà cụ thể là bên công tố (buộc tội) vốn có lợi thế hơn về tố tụng phải công khai các chứng cứ của mình cho bên bào chữa; các thủ tục tố tụng phải được quy định và tiến hành một cách cụ thể, minh bạch. Có như vậy mới bảo đảm tốt cho tranh tụng. Trên cơ sở đó, cần thiết bổ sung vào hệ thống các nguyên tắc của BLTTTHS nguyên tắc công khai, minh bạch với nội dung cơ bản là: Mọi hoạt động giải quyết vụ án hình sự phải được tiến hành công khai, minh bạch; Trước khi mở phiên tòa, Tòa án có trách nhiệm bảo đảm mọi chứng cứ buộc tội được công khai đến bên bào chữa theo trình tự, thủ tục và thời hạn luật định.

- Thứ sáu, pháp luật cần hoàn thiện phân chia các chủ thể tố tụng. Pháp luật hiện hành phân chia các chủ thể tố tụng thành: cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là không hợp lý, tạo sự phân biệt đối xử và không bảo đảm sự bình đẳng. Cách gọi "bên tiến hành" và "bên tham gia" dường như đã tạo cho một bên có quyền chủ động hơn còn bên tham gia dường như bị động và chỉ có vai trò tham gia như tên gọi của chủ thể này. Một trong những yêu cầu quan trọng của cải cách tư pháp là:

Cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp; bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp.

Để bảo đảm dân chủ, tăng cường tranh tụng, vấn đề quan trọng là phải tạo ra và bảo đảm cho các chủ thể tố tụng (có lợi ích hoặc xu hướng hoạt động tố tụng trái chiều nhau) sự bình đẳng về vị thế tố tụng và bình đẳng về các quyền để thực hiện chức năng

tổ tụng của mình. Việc phân chia chủ thể tố tụng như BLTTHS hiện hành vừa không rõ chức năng tố tụng của chủ thể, vừa không tạo sự bình đẳng về vị thế tố tụng. Tên gọi "người tham gia tố tụng" dường như tạo sự nhận thức không có vai trò chính yếu, thụ động và như vậy sẽ không phù hợp với yêu cầu tăng cường tranh tụng, các bên trong tranh tụng phải cùng có vai trò tích cực, chủ động mới tạo tiền đề để đẩy mạnh tranh tụng. Đồng thời, để nguyên tắc tranh tụng vận hành được, vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng đó là phải hình thành các bên trong TTHS: bên buộc tội và bên bào chữa (cả ở khía cạnh hình thức pháp lý và các quy định về địa vị pháp lý của các chủ thể này).

Trên cơ sở phân tích đó, cần phân chia các chủ thể tố tụng thành bốn nhóm chủ thể: chủ thể buộc tội, chủ thể bào chữa, chủ thể xét xử và các chủ thể tố tụng khác.

Đồng thời, hoàn thiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của bốn nhóm chủ thể này cho phù hợp với yêu cầu tăng cường dân chủ, bình đẳng và tranh tụng trong TTHS. Chủ thể buộc tội gồm: CQĐT, VKS, người bị hại (đối với những vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại).

+ Chủ thể bào chữa gồm: người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và người bào chữa của những người này.

+ Chủ thể xét xử: là Tòa án, Hội đồng xét xử.

+ Chủ thể tố tụng khác: người bị nghi thực hiện tội phạm, người làm chứng, người chứng kiến, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này, người giám định, người phiên dịch.

- Thứ bảy, Hoàn thiện các quy định về chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự

Để bảo đảm tranh tụng, bảo đảm sự bình đẳng giữa các bên trong thực hiện các chức năng tố tụng của mình, bên cạnh việc tiếp tục ghi nhận chứng cứ viết với tính cách là một trong những đặc điểm đặc trưng của TTHS thâm vấn và đang phát huy tác dụng tích cực trong TTHS nước ta, cần tiếp thu những hạt nhân hợp lý của mô hình TTHS tranh tụng và đổi mới chế định chứng cứ ở nước ta với các nội dung cụ thể sau đây:

Hoàn thiện các quy định để bảo đảm sự công bằng trong thu thập, cung cấp, sử dụng chứng cứ. Theo đó, cần thiết mở rộng diện chủ thể có quyền thu thập chứng cứ không chỉ là cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng như hiện nay mà còn gồm chủ thể khác.

Hoàn thiện, thực hiện thực chất các quy định để bảo đảm công bằng trong quá trình chứng minh. Theo đó, đối với những vụ án có sự tham gia của người bào chữa cần quy định trách nhiệm của CQĐT phải thông báo trước cho người bào chữa thời gian và địa điểm hỏi cung.

Thực hiện thực chất nguyên tắc đối với hoạt động thu thập chứng cứ: 1) Thu thập chứng cứ phải được tiến hành nhanh chóng, kịp thời; 2) Thu thập chứng cứ phải bảo đảm tính khách quan, toàn diện và đầy đủ; 3) Thu thập chứng cứ phải tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và phải được thể hiện bằng các hình thức do pháp luật quy định, nghiêm cấm việc thu thập chứng cứ bằng biện pháp trái pháp luật; những tài liệu trình sát phải được chuyển hóa công khai theo trình tự, thủ tục pháp luật quy; những tài liệu trình sát có được do sử dụng các biện pháp ảnh hưởng đến các quyền cơ bản của con người, quyền công dân phải do VKS phê chuẩn trước khi tiến hành. Mở rộng nguồn chứng cứ cho phù hợp với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ: băng ghi âm, ghi hình, nguồn thông tin dữ liệu điện tử và các phương tiện khác có khả năng ghi lại dấu vết của tội phạm...

- Thứ tám, bảo đảm điều kiện cho việc nâng cao chất lượng tranh tụng trong tố tụng. Theo đó, các cơ quan tiến hành tố tụng phải tạo điều kiện cho các bên trong các vụ án dễ dàng tiếp cận với công lý, nghĩa là cần công khai hóa các thủ tục tố tụng tư pháp tại các cơ quan tiến hành tố tụng để người dân tra cứu thông tin pháp luật, nội dung vụ kiện, chứng cứ mà Tòa án thu thập được một cách thuận lợi nhất bằng các phương tiện khoa học công nghệ.

Nguyên tắc tranh tụng là một trong những nội dung quan trọng trong hoạt động tố tụng, là yêu cầu cần thiết và cấp bách trong việc thực hiện công bằng và dân chủ, tập trung xây dựng hoạt động tố tụng hướng đến việc xác định sự thật của vụ án, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, để thực hiện nguyên tắc này cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, góp phần xây dựng nền tư pháp liên chính, công bằng.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, Hội thảo khoa học “*Thủ tục tố tụng dân sự một số nước trên thế giới*”; Trung tâm Luật so sánh - Đại học Luật Hà Nội tổ chức. Hà Nội, năm 2013.

2. Trương Hòa Bình, Bài viết “*Nâng cao chất lượng tranh tụng tại Tòa án, Giải pháp đột phá để Tòa án nhân dân thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân*” Tạp chí Tòa án nhân dân; năm 2013.
3. Khoa Luật Đại học Quốc gia, Sách: “*Tuyển tập Hiến pháp của một số nước*” (Tài liệu tham khảo) Nhà xuất bản Hồng Đức. năm 2020.
4. Đinh Thị Mai Phương, Bài viết “*Bàn về vấn đề tranh tụng trong dự thảo Bộ luật tố tụng dân sự*” Tạp chí dân chủ và pháp luật, năm 2004.

# NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT HỎI TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM

**Đinh Thị Ngọc Bích**

*Tòa án quân sự Quân khu 4*

**Tóm tắt:** Tranh tụng trong xét xử được Đảng xác định là khâu đột phá của hoạt động tư pháp. Tranh tụng có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong giải quyết vụ án và đảm bảo xét xử dân chủ, khách quan, công bằng. Vì vậy, nguyên tắc tranh tụng được đảm bảo trong mọi giai đoạn của hoạt động tố tụng. Xét hỏi là một giai đoạn quan trọng trong hoạt động xét xử của Tòa án. Tại đây, nguyên tắc tranh tụng đã được thể hiện tuy nhiên thực tiễn áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong giai đoạn này còn có nhiều bất cập. Trong phạm vi bài viết, tác giả nêu lên những bất cập trong quy định của pháp luật về đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong giai đoạn xét hỏi và những vấn đề có liên quan, đồng thời đưa ra một số đánh giá và đề xuất nhằm nâng cao tính tranh tụng trong giai đoạn này góp phần nâng cao chất lượng xét xử theo yêu cầu của cải cách tư pháp hiện nay.

**Từ khóa:** Tranh tụng, xét hỏi, phiên tòa hình sự sơ thẩm.

## 1. Đặt vấn đề

Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” nhấn mạnh việc “*Nâng cao chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp*”. Kế thừa và tiếp tục thực hiện những nội dung mà Nghị quyết 49 chưa thực hiện được, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã thông qua Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 về “*Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới*” trong đó có nội dung “*Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân*” và “*Xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân*” là một trong mười nhiệm vụ, giải pháp quan trọng mà Nghị quyết đã đề ra. Như vậy, có thể thấy được tầm quan trọng và vai trò của Tranh tụng trong xét xử mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra, việc

bảo đảm và nâng cao chất lượng tranh tụng trong xét xử là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong hoạt động cải cách tư pháp bởi chất lượng tranh tụng góp phần nâng cao chất lượng xét xử, chống oan sai và bảo vệ các quyền con người cơ bản của người bị buộc tội. Sự thể hiện của vấn đề tranh tụng trong các văn kiện của Đảng là tiền đề và là cơ sở để tiến tới hoàn thiện hệ thống pháp luật về tố tụng. Trong phạm vi bài viết, tác giả trình bày quan điểm về tranh tụng trong tố tụng hình sự mà cụ thể là: **“Nguyên tắc tranh tụng trong giai đoạn xét hỏi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm”**.

## 2. Nội dung nghiên cứu

Khoản 5 Điều 103 Hiến pháp 2013 quy định: *“Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”*. Nguyên tắc tranh tụng được thể hiện tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 (Sau đây gọi tắt là BLTTHS) như sau: *“Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bị buộc tội, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án... Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa”*. Về ngữ, tranh tụng là một từ Hán - Việt được hiểu là tranh luận trong tố tụng. Hiểu theo góc độ quy định pháp luật thì Tranh tụng được hiểu là một nguyên tắc trong tố tụng và nguyên tắc này áp dụng trong tất cả các giai đoạn của tố tụng. Bản chất của tranh tụng là sự tranh luận qua lại giữa hai bên buộc tội và bào chữa để tìm ra sự thật của vụ án. Chính vì vậy, tranh tụng chỉ đặt ra giữa bên buộc tội gồm: Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát mà trực tiếp là Điều tra viên và Kiểm sát viên; bên bào chữa gồm bị can, bị cáo và/hoặc người bào chữa. Như vậy, tranh tụng sẽ xuất hiện và được bảo đảm khi có sự hiện diện của các bên và sự phân chia các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự ra thành ba chức năng chính là: buộc tội, bào chữa và xét xử. Theo đó, Tòa án đứng ra thực hiện nhiệm vụ là “trọng tài” xem xét quá trình tranh tụng của các bên và đưa ra Bản án, quyết định cuối cùng dựa trên sự thật khách quan của vụ án.

Xét xử là một giai đoạn rất quan trọng của quá trình tố tụng. Giai đoạn này là giai đoạn điều tra trực tiếp và liên tục tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử sẽ đưa ra phán quyết cuối cùng.

Giai đoạn xét hỏi tại phiên tòa là giai đoạn trung tâm của hoạt động xét xử, các



bên tham gia tố tụng đều có quyền hỏi dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Trước khi tiến hành xét hỏi thì Kiểm sát viên công bố bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung (theo Điều 306 BLTTHS). Điểm mới của BLTTHS là đã quy định ý kiến bổ sung trong bản cáo trạng không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo, điều này cũng thể hiện phần nào tính chất tranh tụng trong tố tụng hình sự, nó đảm bảo quyền lợi cho bị cáo. Tuy nhiên, có thể thấy rằng, bản cáo trạng của Kiểm sát viên là “lời buộc tội” của bên Viện kiểm sát đối với bị cáo, pháp luật chỉ quy định để cho kiểm sát viên công bố “lời buộc tội” của mình mà không quy định cho bị cáo thực hiện quyền nhận tội, nhận tội đến đâu hay chối tội và nêu lý do của bị cáo ngay sau khi kiểm sát viên công bố bản cáo trạng, mà đi ngay vào việc xét hỏi khiến cho tính chất tranh tụng chưa thực sự được thể hiện rõ nét. Để đảm bảo nguyên tắc tranh tụng được thể hiện rõ hơn thì cần thiết phải có quy định thủ tục Chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo về việc có nhận tội hay không trước khi bước vào xét hỏi.

Trình tự xét hỏi được quy định tại Điều 307 BLTTHS, điểm mới của Điều luật là đã bổ sung trách nhiệm của Chủ tọa phiên tòa về điều hành việc xét hỏi, quyết định người hỏi trước hỏi sau theo trình tự hợp lý. Trên thực tiễn xét xử, quy định này được đánh giá là phù hợp với diễn biến phiên tòa bởi nó đảm bảo cho nguyên tắc tranh tụng được áp dụng ngay trong phần xét hỏi tại phiên tòa<sup>1</sup>. Tuy nhiên, quy định này lại làm tăng vai trò của Chủ tọa phiên tòa và làm giảm vai trò của Kiểm sát viên với tư cách là chủ thể buộc tội tại phiên tòa. Trong khi việc xét hỏi thực chất là làm rõ tội danh trong vụ án mà Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử lại đảm nhận việc xét hỏi, xem xét vật chứng, công lời khai để “buộc tội” thì vô hình trung, Tòa án lại đứng về phía Viện kiểm sát - Cơ quan buộc tội. Điều này gây bất lợi cho bị cáo và làm cho phiên tranh tụng thiếu tính khách quan, công bằng. Quy định pháp luật nên xác định rõ rằng Chủ tọa phiên tòa sẽ tập trung vào nhiệm vụ dẫn dắt phiên tòa, Chủ tọa chỉ hỏi bổ sung và sau cùng nếu thấy cần thiết. Còn trách nhiệm xét hỏi chính phải thuộc về kiểm sát viên - người giữ vai trò buộc tội.

Đối với việc công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố của bị cáo tại phiên tòa được quy định tại Điều 308 BLTTHS. Quy định này cũng đã bổ sung một số trường hợp được công bố lời khai như khi người xét hỏi không nhớ lời khai của mình

---

<sup>1</sup> Nguyễn Hòa Bình (2016), “*Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, trang 320

hay họ đề nghị công bố lời khai của mình; hoặc quy định không công bố tài liệu trong các trường hợp cần giữ bí mật nhà nước, bí mật đời tư gia đình theo yêu cầu... Quy định này đảm bảo quyền của bị cáo tại phiên tòa, thể hiện tính tranh tụng trong xét xử. Tuy nhiên, điều luật vẫn chưa quy định trường hợp phải công bố lời khai khi bị cáo chối tội, không thừa nhận hành vi của mình trong quá trình điều tra cho đến tại phiên tòa và khi cần phải đối chất chứ không chỉ có công bố lời khai khi có lời khai mâu thuẫn. Bên cạnh đó, Điều luật quy định quyền công bố lời khai của Hội đồng xét xử là chưa đảm bảo tính khách quan của nguyên tắc tranh tụng bởi việc công bố lời khai của Hội đồng xét xử thể hiện việc “buộc tội” của Hội đồng xét xử đối với bị cáo.

Ngoài ra, trong thủ tục xét hỏi, bị cáo có quyền trực tiếp xét hỏi tức là bị cáo có quyền đặt câu hỏi trực tiếp với người tham gia tố tụng khác về các vấn đề có liên quan đến bị cáo (Điều 309, 310, 311 BLTTHS) nếu được Chủ tọa đồng ý. Tuy nhiên, quyền đặt câu hỏi của bị cáo vẫn bị phụ thuộc vào việc đề nghị của bị cáo có được chủ tọa phiên tòa đồng ý hay không. Để đảm bảo tính tranh tụng rõ nét hơn thì cần thiết phải quy định về việc xác định phạm vi hỏi của bị cáo và quyền ngắt câu hỏi không liên quan hoặc vòng vo... khi bị cáo hỏi của Chủ tọa phiên tòa thay vì trao quyền được hỏi nhưng phải được Chủ tọa đồng ý như quy định của pháp luật hiện nay. Mặt khác, quy định của BLTTHS vẫn chưa quy định quyền đặt câu hỏi trực tiếp của những người tham gia tố tụng khác là bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ nhằm đảm bảo phiên tòa xét xử diễn ra khách quan, công bằng theo đúng chủ trương của cải cách tư pháp.

Kết quả của tranh tụng trong giai đoạn xét hỏi là cơ sở cho lập luận của các bên trong việc đề xuất hướng giải quyết vụ án trong phần tranh luận và quan trọng hơn nó góp phần làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, làm căn cứ cho Hội đồng xét xử đưa ra phán quyết chính xác, hợp tình, hợp lý.

Theo tinh thần của Nghị quyết 49 và Nghị quyết 27 cùng với sự đổi mới về thủ tục xét hỏi tại phiên tòa trên cơ sở những quy định của BLTTHS và theo tinh thần cải cách tư pháp của Bộ Chính trị, thực tiễn xét xử cho thấy, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thể hiện được tính khách quan, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của kiểm sát viên, luật sư, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Phiên tòa đã thể hiện được tính dân chủ, bình đẳng giữa những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong việc đưa ra chứng cứ, bày tỏ quan điểm khác nhau, cùng tranh luận xác định sự thật khách quan.

Cùng với việc xét hỏi, Hội đồng xét xử còn chấp nhận luật sư, bị cáo và những người tham gia tố tụng xuất trình chứng cứ mới. Hội đồng xét xử xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ mới, chứng cứ có trong hồ sơ, chứng cứ đã được kiểm sát viên phân tích, đánh giá khi luận tội bảo vệ cáo trạng, phát biểu tại phiên tòa, quan điểm của kiểm sát viên, của người bào chữa và những người tham gia tố tụng để ra phán quyết cuối cùng. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, nhưng bên cạnh đó vẫn còn những phiên tòa xét xử chưa đảm bảo được nguyên tắc tranh tụng, việc xét hỏi phần lớn là của Hội đồng xét xử, nhiều vụ án không có người bào chữa tham gia và bị cáo không có đủ năng lực để tự bào chữa cho mình dẫn đến việc xét hỏi của Kiểm sát viên chỉ để khẳng định lại bản cáo trạng và đưa ra lời luận tội theo hướng buộc tội bị cáo. Tình trạng “án tại hồ sơ” vẫn còn nhiều. Phần lớn những hạn chế này là do quy định pháp luật còn nhiều bất cập như đã nêu trên và còn nhiều nguyên nhân mang tính chủ quan khác như chất lượng thẩm phán, hội thẩm, kiểm sát viên, luật sư còn chưa đảm bảo.. những điều này khiến cho nguyên tắc tranh tụng trong giai đoạn này nói riêng và trong các giai đoạn tố tụng nói chung vẫn chưa thực sự được thể hiện rõ nét và đạt được hiệu quả theo yêu cầu của cải cách tư pháp và tinh thần của các Nghị quyết đã đề ra.

Trên cơ sở đó, tác giả cũng đưa ra một số đề xuất nhằm thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong giai đoạn xét hỏi của phiên tòa hình sự sơ thẩm đạt hiệu quả hơn.

**Thứ nhất**, bổ sung quyền được chối tội, nhận tội, nhận tội một phần của bị cáo sau khi nghe kiểm sát viên công bố bản cáo trạng hoặc khi kiểm sát viên trình bày ý kiến bổ sung trong bản cáo trạng.

**Thứ hai**, nâng cao vai trò của kiểm sát viên trong xét hỏi và xác định rõ vai trò của Hội đồng xét xử, Chủ tọa phiên tòa trong khi thực hiện thủ tục xét hỏi là người định hướng việc xét hỏi và hỏi bổ sung nếu thấy cần thiết.

**Thứ ba**, trao quyền công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố cho Kiểm sát viên, bổ sung thêm các trường hợp công bố lời khai khi bị cáo chối tội, không thừa nhận hành vi của mình hoặc khi cần đổi chất.

**Thứ tư**, trao quyền hỏi trực tiếp cho bị cáo và quyền đặt câu hỏi trực tiếp của những người tham gia tố tụng khác là bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ.

**Thứ năm**, cần phải nâng cao chất lượng của đội ngũ thẩm phán, hội thẩm, kiểm

sát viên, luật sư mà cụ thể là ở khâu đào tạo ở các bậc, từ bậc đại học trong các khoa luật, trường đại học đào tạo luật đến các lớp đào tạo năng lực chuyên môn cũng như kỹ năng, đạo đức hành nghề.

### **3. Kết luận**

Tranh tụng tại phiên tòa hình sự là một trong những nội dung quan trọng trong hoạt động tố tụng hình sự, là yêu cầu cần thiết và cấp bách trong việc thực hiện công bằng và dân chủ, tập trung xây dựng hoạt động tố tụng hướng đến việc xác định sự thật của vụ án, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện tốt nguyên tắc tranh tụng trong xét xử cần thiết phải nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật tố tụng đảm bảo tính thực tiễn và yêu cầu của cải cách tư pháp. Bài viết *“Nguyên tắc tranh tụng trong giai đoạn xét hỏi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm”* nhằm hiểu rõ hơn về tranh tụng và nguyên tắc tranh tụng trên thực tiễn mong muốn được góp phần nhỏ trong công cuộc cải cách tư pháp hiện nay./.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Hòa Bình (2016), *“Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, trang 320.

# THỦ TỤC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

Trung tá, ThS. Nguyễn Duy Nam

*Phó Chánh án Tòa án quân sự khu vực, Quân khu 4*

**Tóm tắt:** Khi nhìn nhận tranh tụng dưới góc độ là một hoạt động tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì có thể thấy thủ tục này như là một cuộc điều tra công khai dưới sự chứng kiến của Hội đồng xét xử. Do đó, thủ tục tranh tụng được xem là thủ tục quan trọng nhất của phiên tòa sơ thẩm giúp Hội đồng xét xử xác định sự thật vụ án. Tuy nhiên, hiện nay quy định về thủ tục tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự vẫn còn có những bất cập cả trên phương diện lý luận và thực tiễn. Do vậy, bài viết trong khuôn khổ hội thảo này sẽ phân tích quy định của BLTTHS 2015 về thủ tục tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm và từ đó đưa ra một số giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa:** Tranh tụng, phiên tòa, sơ thẩm, xét hỏi, tranh luận.

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, cải cách tư pháp là vấn đề luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, tích cực thực hiện. Nghị quyết số 49 - NQ/TW của Bộ chính trị “Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” với mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, hiện đại, bảo vệ công lý đã đặt ra yêu cầu “*nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp*”. Thể chế hóa chính sách hình sự được nêu trong các văn kiện của Đảng, tại khoản 5 Điều 103 của Hiến pháp năm 2013 quy định “*Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*”. Cụ thể hóa quy định này, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định “*Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử. Việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử theo quy định của luật tố tụng*”<sup>1</sup>. Các văn bản pháp luật về tố tụng hiện hành đều quy định nguyên tắc tranh tụng là nguyên tắc cơ bản của hoạt động tố tụng. Trong đó, tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 (BLTTHS) quy định “*Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa*”. Như vậy, vấn đề về tranh tụng để bảo vệ

---

<sup>1</sup> Điều 13, Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014

công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân đã được hết sức coi trọng. Tòa án căn cứ vào kết quả tranh tụng để xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên (ĐTV), Viện kiểm sát (VKS), Kiểm sát viên (KSV) thu thập, do Luật sư hoặc bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp. Không những thế, thông qua hoạt động xét xử Tòa án còn có quyền xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của ĐTV, KSV, Luật sư trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Quy định này nhằm đảm bảo cho hoạt động xét xử được khách quan, toàn diện và đầy đủ, tất cả mọi vấn đề của vụ án đều được nghiên cứu xem xét bởi các chứng cứ, căn cứ và lập luận mà các bên đưa ra<sup>1</sup>.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### ***2.1. Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự***

Hiện nay, có rất nhiều cách hiểu và cách tiếp cận khác nhau về tranh tụng, tuy nhiên khi tiếp cận tranh tụng dưới góc độ là một hoạt động tố tụng thì có thể thấy rằng tranh tụng bản chất là tranh luận trong tố tụng. Trong tố tụng bao giờ cũng có sự tham gia của các bên có quyền và (hoặc) lợi ích trái ngược nhau yêu cầu tòa án phân xử<sup>2</sup>. Như vậy, có thể coi hoạt động tranh tụng tại phiên tòa là một cuộc điều tra công khai, mọi chứng cứ, tài liệu, đồ vật đều được đưa ra xem xét, kiểm chứng. Nếu có phát sinh các tình tiết mới thì cũng được đánh giá, xem xét một cách công khai, trực tiếp tại phiên tòa. Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện theo trình tự, thủ tục rất chặt chẽ.

Theo quy định của BLTTHS, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì tranh tụng là một phần của phiên tòa xét xử sơ thẩm được mở đầu bằng việc KSV công bố bản cáo trạng quy định tại Điều 306 BLTTHS. Những bước quan trọng nhất của phiên tòa sơ thẩm bao gồm thủ tục xét hỏi, tranh luận và hoạt động tranh tụng diễn ra ở tất cả các thủ tục này. Khi tiến hành xét hỏi, thực chất là các bên đang tiến hành kiểm tra chéo lẫn nhau để kiểm chứng độ chính xác của các thông tin có liên quan đến vụ án, xác nhận lại một lần nữa tại phiên tòa có hoặc không có các tình tiết, sự kiện nhất định<sup>3</sup>. Ở phần

---

<sup>1</sup> Nguyễn Thanh Bình, “*Vấn đề áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*”, Tạp chí Nghề luật số 5/2015, tr4

<sup>2</sup> Trần Văn Độ, “*Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa*”, Tạp chí khoa học pháp lý số 12/2004, tr9

<sup>3</sup> Nguyễn Thị Mai, *Bản chất hoạt động tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng*. Tạp chí khoa học kiểm sát. Số 5/2020

tranh luận, mâu thuẫn các bên lên sẽ lên đến “đỉnh điểm” khi cùng đưa ra các căn cứ, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình và bác bỏ quan điểm của phía bên kia. Lời buộc tội của KSV và lời bào chữa của luật sư chỉ có sức thuyết phục và được Tòa án chấp nhận khi và chỉ khi nó dựa trên các sự kiện, tình tiết và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra, xác minh công khai tại phiên tòa và chỉ ra được mối liên hệ logic khách quan giữa các sự kiện, tình tiết của vụ án<sup>1</sup>. Tòa án là chủ thể duy nhất có quyền ra phán quyết trên cơ sở kết quả của tranh tụng và các vấn đề đã được chứng minh công khai tại tòa. Nếu chỉ có hai bên buộc tội - gỡ tội mà thiếu đi sự xuất hiện của Tòa án với vai trò tài phán thì không thể đạt đến độ hoàn thiện của tranh tụng.

Tham gia vào quá trình tranh tụng gồm các chủ thể thực hiện chức năng buộc tội, chủ thể của chức năng gỡ tội và một số chủ thể tranh tụng khác như bị hại, đương sự, người đại diện, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tòa án không phải là một trong các bên tranh tụng mà thông qua việc thực hiện chức năng xét xử, Tòa án đóng vai trò là trọng tài vô tư, khách quan, thực hiện quyền tài phán để đưa ra quyết định cuối cùng nhằm giải quyết vụ án.

## ***2.2. Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm***

### ***2.2.1. Công bố cáo trạng***

Theo quy định tại Điều 306 BLTTHS thì tranh tụng được bắt đầu từ thời điểm KSV công bố bản cáo trạng truy tố bị cáo ra trước Tòa án. Nội dung cáo trạng thể hiện quan điểm truy tố của VKS về hành vi phạm tội nhưng đồng thời cáo trạng cũng tái hiện lại toàn bộ diễn biến, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện. So với BLTTHS năm 2003, Điều 306 BLTTHS 2015 bổ sung quy định mới là KSV trình bày ý kiến bổ sung cáo trạng nhưng không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Quy định này nhằm mục đích bảo đảm quyền của người bị buộc tội. Tuy nhiên, cách thể hiện của Điều luật không nêu rõ việc bổ sung của KSV chỉ để làm rõ, giải thích cáo trạng hay bao gồm cả những tình tiết, chứng cứ và các vấn đề khác của vụ án. Đó là những vấn đề gì? Mặt khác, quy định này lại chưa đề cập đến lời buộc tội của kiểm sát viên. KSV trình bày lời buộc tội là cơ sở để bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp

---

<sup>1</sup> Nguyễn Đức Mai, *Đặc điểm của mô hình tố tụng tranh tụng và phương hướng hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự ở Việt Nam*, Kỳ <https://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/296>

pháp của bị cáo đưa ra lập luận về nội dung buộc tội, có nhận tội hay không, nhận tội đến đâu, vì sao, trước khi bước vào phiên tranh tụng.

### *2.2.2. Xét hỏi tại phiên tòa hình sự sơ thẩm*

Có thể hiểu xét hỏi tại phiên tòa là thủ tục mà các chủ thể có quyền hỏi sẽ phải thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm kiểm tra, đánh giá chứng cứ làm cơ sở cho việc Tòa án đưa ra phán quyết. Điều này có nghĩa là, khi thực hiện hoạt động xét hỏi tại phiên tòa, các chủ thể có liên quan phải tuân thủ một cách nghiêm chỉnh các quy định về thứ tự thực hiện hoạt động xét hỏi theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Việc quy định trình tự xét hỏi đã tạo ra một khung pháp lý giúp việc tổ chức một phiên tòa, cụ thể là hoạt động xét hỏi được diễn ra một cách trật tự, khoa học. Từ đó, giúp các chủ thể có thể đảm bảo và phát huy được các chức năng, nhiệm vụ cũng như quyền hạn của mình, từ đó giúp đạt được mục tiêu của việc xét hỏi, góp phần đảm bảo quyền, lợi ích của người tham gia tố tụng cũng như những mục đích khác mà BLTTHS đã xác định. Điều 307 BLTTHS quy định như sau:

*“1. HĐXX phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý.*

*2. Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi.*

*Người tham gia tố tụng tại phiên tòa có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ.*

*Người giám định, người định giá tài sản được hỏi về những vấn đề có liên quan đến việc giám định, định giá tài sản.*

*3. Khi xét hỏi, Hội đồng xét xử xem xét vật chứng có liên quan trong vụ án.”*

BLTTHS năm 2015 đã chính thức trao quyền điều hành việc hỏi cho Chủ tọa phiên tòa; chủ tọa phiên tòa được quyết định một trình tự xét hỏi hợp lý, phù hợp với từng vụ án chứ không cứng nhắc, rập khuôn như bộ luật tố tụng hình sự trước đây. Thứ tự xét hỏi trở nên linh động hơn, sau khi Chủ tọa phiên tòa thực hiện việc hỏi thì có thể quyết định để cho Thẩm phán, Hội thẩm, KSV, Người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự hoặc có thể có một trật tự khác tùy vào sự đánh giá của



Chủ tọa phiên tòa. Sự khắc phục này để thể hiện tranh tụng được thực hiện ngay trong phần xét hỏi tại phiên tòa<sup>1</sup>. BLTTHS năm 2015 còn bổ sung quy định khi được chủ tọa phiên tòa đồng ý, bị cáo được đặt câu hỏi với bị cáo khác, bị cáo có thể hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ, hỏi người làm chứng về các vấn đề có liên quan đến bị cáo. Quy định mới này đã tạo ra sự dân chủ, bình đẳng tại phiên tòa, giúp bị cáo có điều kiện thuận lợi thực hiện hoạt động tranh tụng tại phiên tòa.

Tuy nhiên, so với BLTTHS năm 2003, nội dung bổ sung của điều luật vẫn tiếp tục khẳng định chủ tọa phiên tòa đảm nhận trách nhiệm chính trong việc xét hỏi và là người hỏi trước, chứ không phải KSV và người bào chữa. Có thể thấy vai trò trong hoạt động xét hỏi của chủ tọa phiên tòa là rất lớn, vừa là người hỏi trước và “*xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người*”, vừa làm nhiệm vụ điều khiển phiên xét hỏi. Sở dĩ trình tự xét hỏi và trách nhiệm “xác định” tất cả những vấn đề có liên quan đến vụ án vẫn giao cho các thành viên HĐXX là bởi xuất phát từ mô hình tố tụng pha trộn nghiêng về tính thẩm vấn. Chính vì vậy yếu tố thẩm vấn vẫn là yếu tố quan trọng để xét xử vụ án hình sự. Muốn đưa ra một phán quyết, một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thì HĐXX phải nhận trách nhiệm chứng minh này. Mặt khác, điều luật vẫn là “Trình tự xét hỏi” nên mặc dù nội dung tại Điều 307 BLTTHS quy định “rất mở” khi chủ tọa phiên tòa được phép “quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý” nhưng vẫn nhiều thẩm phán hoặc “hiểu nhầm”, hoặc quen với trình tự xét hỏi được quy định tại BLTTHS năm 2003. Vì thế, khi điều hành xét hỏi tại phiên tòa vẫn là Chủ tọa hỏi trước, sau đó đến các thành viên HĐXX tham gia xét hỏi rồi mới đến lượt KSV xét hỏi. Chính vì vậy, đối với những vụ án có ít bị cáo, tính chất ít nghiêm trọng thì sau khi HĐXX hỏi xong thì đã làm rõ hết các tình tiết của vụ án. Khi đến lượt KSV - đại diện chủ thể buộc tội tham gia xét hỏi thì đã không còn nội dung gì chưa rõ cần phải hỏi để thực hiện chức năng buộc tội của mình.

### 2.2.3. Tranh luận tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Sau khi kết thúc việc xét hỏi, KSV trình bày luận tội, thể hiện quan điểm buộc tội của VKS đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Những nội dung bên gỡ tội tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm sẽ xoay quanh nội dung buộc tội của KSV bởi các quan điểm buộc

---

<sup>1</sup> Nguyễn Hòa Bình (chủ biên) “*Những nội dung mới của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*” Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 2016, tr320

tội - gỡ tội mang tính đối lập nhau, trong một số trường hợp nhất định có thể phủ định nhau hoàn toàn. Điều 321 BLTTHS năm 2015 đã quy định: luận tội của KSV phải căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Khi luận tội, KSV phải dựa vào những chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như kết quả của việc tiến hành xét hỏi, bởi trên thực tế có nhiều trường hợp ra đến phiên tòa, người tham gia tố tụng trình bày thêm những tình tiết mà trước đó chưa khai báo, cũng có thể đưa thêm những đồ vật, tài liệu mới mà trước đó chưa được kiểm chứng. Do đó, để việc luận tội được chính xác, đúng đắn, có chất lượng và có tính thuyết phục, KSV phải căn cứ vào tất cả các chứng cứ, tài liệu trước đó và những vấn đề đã được kiểm chứng tại tòa, tránh tình trạng buộc tội trên cơ sở hồ sơ vụ án đã nghiên cứu mà xa rời thực tế tại phiên tòa xét xử. Đồng thời, nội dung luận tội phải phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của BLHS, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Theo đó, khi thực hiện việc luận tội, ngoài các chứng cứ buộc tội, chủ thể buộc tội còn phải phân tích, đánh giá cả chứng cứ gỡ tội hoặc giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo. Điều đó không có nghĩa chủ thể đồng thời thực hiện cả ba chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử mà là để bảo đảm xác định sự thật khách quan về vụ án và xử lý đúng pháp luật đối với người phạm tội. Bản luận tội được xem là cơ sở cho các bên dựa vào đó để tranh luận. Ngay cả trong thủ tục đối đáp, theo quy định tại Điều 322 BLTTHS, bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác khi trình bày ý kiến cũng được luật đặt ra là xoay quanh bản luận tội. Điều đó chưa hẳn đã tích cực, vì nếu như người tham gia tố tụng đưa ra ý kiến tranh luận mà phụ thuộc, xoay quanh lời luận tội thì họ bị bó hẹp trong vấn đề đánh giá chứng cứ và bị giảm đi lợi thế<sup>1</sup>.

Bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với KSV về tất cả vấn đề KSV

---

<sup>1</sup> Nguyễn Ngọc Kiên “*Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm*”, Nxb Tư pháp, tr152

đã trình bày. Trên cơ sở đưa ra quan điểm, lập luận, bị cáo và người bào chữa trình bày các tình tiết nhằm gỡ tội, giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Khi tất cả các tình tiết về vụ án đều được bên buộc tội và gỡ tội tranh luận, đối đáp sẽ đảm bảo thông tin cung cấp mang tính hai chiều, không phiến diện, đảm bảo sự dân chủ, bình đẳng trong quá trình xét xử vụ án. Đây cũng chính là mục đích mà hoạt động tranh tụng hướng tới, tránh tình trạng KSV chỉ tranh tụng qua loa, bỏ qua các tình tiết có lợi cho bị cáo mà chỉ nhằm hướng tới các tình tiết buộc tội. Trong quá trình tranh luận, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền đưa ra đề nghị của mình. KSV phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho KSV, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại.

Quy định chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án đã tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia tranh luận được thoải mái đưa ra các ý kiến thuyết phục đến cùng vấn đề mình bảo vệ và bảo đảm việc tranh luận được dân chủ, công khai hơn tại phiên tòa. Điều này còn có ý nghĩa rất lớn đối với HĐXX, theo đó HĐXX càng nghe được nhiều ý kiến tranh luận, đối đáp khác nhau thì càng có điều kiện để xem xét, quyết định một cách chính xác, khách quan hơn về việc giải quyết vụ án.

Bên cạnh việc không hạn chế thời gian tranh luận, để phiên tòa không kéo dài một cách không cần thiết, Chủ tọa phiên tòa có quyền cắt ý kiến đối đáp trong các trường hợp những ý kiến đó không liên quan đến vụ án, người tham gia tố tụng phát biểu nhiều lần một vấn đề, những lời phát biểu đó trùng lặp nhau hoặc trùng lặp với ý kiến của người khác đã phát biểu.

#### 2.2.4. Trở lại việc xét hỏi

Điều 323 BLTTHS quy định: “*Nếu qua tranh luận mà thấy còn có tình tiết vụ án chưa được hỏi, chưa được làm sáng tỏ thì HĐXX phải quyết định trở lại việc xét hỏi. Xét hỏi xong phải tiếp tục tranh luận.*”

Thông qua việc tranh luận, các bên đi sâu phân tích, đưa ra nhiều chứng cứ, tài liệu và có những ý kiến đánh giá khác nhau về một vấn đề nào đó mà việc tranh luận

không có kết quả, hoặc các bên có đưa ra tài liệu, chứng cứ mới thì có thể quay lại phần xét hỏi. Việc xét hỏi để làm rõ thêm những vấn đề còn chưa rõ, để bảo đảm hơn tính chính xác, khách quan của vụ án. Vì vậy điều luật quy định trong trường hợp này HĐXX có thể quyết định trở lại việc xét hỏi. Trong quá trình tranh luận HĐXX có thể quyết định quay trở lại xét hỏi nhiều lần mà không nhất thiết là chỉ một lần.

Việc quay trở lại phần thủ tục xét hỏi có thể do HĐXX tự quyết định hoặc có thể do KSV hay những người tham gia tranh luận yêu cầu và HĐXX nhận thấy yêu cầu đó là cần thiết. Luật không quy định HĐXX quyết định trở lại xét hỏi vào thời điểm nào khi tranh luận, nhưng thông thường HĐXX quyết định trở lại xét hỏi khi các bên không có ý kiến phát biểu và đối đáp thêm mặc dù có những vấn đề chưa được làm sáng tỏ. Khi việc xét hỏi thêm xong thì Chủ tọa lại cho tiếp tục tranh luận. Việc tranh luận xung quanh kết quả đã xét hỏi thêm, nếu kết quả đó làm thay đổi quan điểm của người tham gia tranh luận thì người đó có quyền thay đổi ý kiến. Khi các bên đưa ra tài liệu, chứng cứ mới trong quá trình tranh luận thì HĐXX phải xem xét tính chân thực, khách quan của từng tài liệu, chứng cứ đó bằng cách quay trở lại việc xét hỏi. Nếu tài liệu, chứng cứ mới đó là tài liệu gốc, tin cậy được, phản ánh tính chân thực, khách quan thì mặc dù tài liệu đó do Luật sư hay người tham gia tố tụng khác thu thập, HĐXX có thể coi đó là chứng cứ để xác định sự thật vụ án. Nếu tài liệu, chứng cứ không thể tin cậy thì HĐXX bác bỏ.

#### *2.2.5. Bị cáo nói lời sau cùng*

Sau khi những người tham gia tranh luận phát biểu ý kiến và đối đáp xong, Chủ tọa phiên tòa hỏi có ai có ý kiến tranh luận gì thêm không. Nếu họ không trình bày gì thêm thì chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc phần tranh luận và cho bị cáo nói lời sau cùng. Luật quy định bị cáo được nói lời sau cùng là để HĐXX nắm được tâm tư, nguyện vọng, nhận thức của bị cáo sau khi đã xét hỏi, tranh luận xong để có cơ sở cân nhắc đường lối xử lý cho phù hợp. Trong lời nói sau cùng, bị cáo có quyền trình bày tất cả những gì mà họ thấy phải nói, thái độ của họ đối với việc buộc tội, đề nghị HĐXX lưu ý đến tình tiết nay hay tình tiết khác của vụ án, hay thái độ tỏ ra ăn năn hối cải... HĐXX không được hạn chế thời gian đối với bị cáo khi nói lời sau cùng, nhưng có quyền yêu cầu bị cáo không trình bày những điểm không liên quan đến vụ án. Trong vụ án có nhiều bị cáo, Chủ tọa phiên tòa bố trí cho các bị cáo nói lời sau cùng theo một trật tự nhất định. Nếu trong lời nói sau cùng bị cáo trình bày thêm những tình tiết mới có ý

nghĩa quan trọng đối với vụ án, như có tội hay không có tội, có thể thay đổi tội danh, thay đổi khung hình phạt, các tình tiết đó mâu thuẫn với kết quả xét hỏi, tranh luận... thì HĐXX phải quyết định trở lại xét hỏi. Quy định này đảm bảo cho việc xét xử các vụ án hình sự được chính xác, khách quan và toàn diện.

### ***2.3. Một số giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về thủ tục tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm***

#### *Thứ nhất, về thủ tục xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm*

Theo Điều 307 BLTTHS năm 2015, khi tiến hành xét hỏi thì chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng khác. Trình tự thực hiện việc xét hỏi như vậy là chưa hợp lý bởi lẽ tại phiên tòa là nơi các chức năng trong TTHS được thể hiện một cách rõ nét, các chủ thể phải thực hiện đúng vị trí, chức năng của mình. Vì vậy, để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của hoạt động xét hỏi tại phiên tòa, chúng tôi cho rằng cần sửa đổi thủ tục xét hỏi theo hướng như sau:

- Về mặt kỹ thuật lập pháp: Điều 307 BLTTHS 2015 chỉ quy định Thẩm phán chủ tọa phiên tòa là người xét hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi. Như vậy, nội dung điều luật không quy định thứ tự xét hỏi của những thành phần khác ngoài chủ tọa phiên tòa mà thứ tự xét hỏi do Chủ tọa phiên tòa quyết định một cách hợp lý tùy thuộc vào tính chất của từng vụ án. Đây là một sự thay đổi lớn so với quy định tại Điều 207 của BLTTHS năm 2003, “*Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự*” điều luật đã ấn định thứ tự xét hỏi của những người tiến hành tố tụng và người bào chữa. Sự thay đổi của BLTTHS 2015 đã thể hiện rõ nội dung nguyên tắc tranh tụng được bảo đảm, tăng sự chủ động cho thẩm phán chủ tọa phiên tòa, đồng thời làm cho quá trình xét hỏi được mềm mại hơn, từ đó đi đến kết quả là các thông tin mà HĐXX cần kiểm tra, đánh giá được khách quan và toàn diện hơn. Tuy nhiên, Điều 307 vẫn đề tên là “Trình tự xét hỏi” là vẫn chưa phù hợp với nội dung của điều luật. Hơn nữa, việc đề tên là “trình tự”<sup>1</sup> khiến cho người áp dụng dễ bị hiểu nhầm là thứ tự xét hỏi phải theo như sắp xếp tại khoản 2 Điều 307. Ngoài ra, thì nội dung của Điều 307 còn thể hiện nội dung về phạm vi xét hỏi của các chủ thể nên việc đề tên điều luật là “Trình tự xét hỏi” là chưa bao quát và phù hợp. Theo chúng tôi,

<sup>1</sup> Theo từ điển Tiếng Việt thì trình tự có nghĩa là “sự sắp xếp lần lượt, thứ tự trước sau”

cần sửa lại tên điều luật là “Xét hỏi tại phiên tòa” để đảm bảo tính bao quát và phù hợp với nội dung của điều luật.

- Tiếp tục ghi nhận và duy trì vai trò điều hành xét hỏi của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa để đảm bảo hoạt động xét hỏi được diễn ra có trật tự, có trọng tâm. Mặt khác, để đảm bảo chức năng “*HĐXX phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người*” Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chỉ hỏi thêm hoặc đề nghị các bên hỏi thêm những vấn đề chưa được làm sáng tỏ. Do đó, nên quy định Thẩm phán, Hội thẩm mà đặc biệt là Chủ tọa phiên tòa sẽ là chủ thể tiến hành hỏi cuối cùng sau khi các chủ thể khác đã hoàn tất phần xét hỏi của mình.

*Thứ hai*, về nội dung xét hỏi. Hiện nay, BLTTHS quy định các cơ quan tiến hành tố tụng khác nhau với các mặt hoạt động khác nhau gắn với chức năng tố tụng của mình. Tuy nhiên, quy định về nội dung xét hỏi như hiện nay vẫn thể hiện việc chức năng tố tụng có sự chòng chéo đặc biệt là đối với KSV và thành viên HĐXX. Đối với KSV, đã xác định là chủ thể thực hiện chức năng buộc tội, là người thực hiện việc xét hỏi đầu tiên nên KSV sẽ là người hỏi chính, nhận trên vai trách nhiệm phải hỏi để làm rõ tất cả những tình tiết của vụ án, cả tình tiết buộc tội và tình tiết gỡ tội. Đối với HĐXX, vì là chủ thể thực hiện chức năng xét xử, hơn nữa, thành viên HĐXX sẽ tiến hành hỏi cuối cùng. Vì vậy, nội dung xét hỏi của HĐXX sẽ như người tổng kết những tình tiết đã được các chủ thể khác đã làm rõ, đồng thời rà soát kiểm tra lại xem có vấn đề nào cần hỏi thêm hay hỏi lại mà thôi.

Do đó, Điều 307 nên được sửa lại khoản 1 và khoản 2 theo hướng:

“1. Hội đồng xét xử điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý để xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người.

2. Khi xét hỏi từng người, Kiểm sát viên hỏi trước rồi đến Người bào chữa sau đó Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định để cho bị cáo; bị hại; đương sự hoặc người đại diện của họ; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự; người giám định; người định giá tài sản tiến hành việc xét hỏi. Hội đồng xét xử hỏi sau cùng về những vấn đề cần làm rõ thêm hoặc yêu cầu xét hỏi thêm về những tình tiết chưa rõ.”

*Thứ ba*, về thủ tục tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm.

Đối với bản luận tội của KSV: Hiện nay, trong bản luận tội của KSV đã đề nghị

mức án, biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự là chưa hợp lý. Bởi vì việc tranh luận chưa xảy ra, các bên chưa đưa ra ý kiến lập luận để làm sáng tỏ các tình tiết, chứng cứ còn mâu thuẫn nhưng KSV đã đề xuất cụ thể, chi tiết về mức án, trách nhiệm dân sự vô hình trung gây áp lực cho bị cáo và người bào chữa<sup>1</sup>. KSV chỉ nên đưa ra lập luận kết luận về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo. Sau khi các bên đã tranh luận xong, KSV và người bào chữa đưa ra lời đề nghị cụ thể về mức án và mức bồi thường thiệt hại trước khi HĐXX vào nghị án để xem xét, quyết định. Do đó, chúng tôi cho rằng nên sửa đổi Điều 321 và Điều 325 theo hướng: chuyển khoản 3 và khoản 4 Điều 321 để gộp với nội dung quy định tại Điều 325 và đổi tên điều 325 thành “Đề nghị của Kiểm sát viên”. Cụ thể như sau:

### **“Điều 321. Luận tội của Kiểm sát viên**

1. Luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

2. Nội dung luận tội phải phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

### **“Điều 325. Đề nghị của Kiểm sát viên**

1. Đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng.

2. Kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

3. Khi Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn thì Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

---

<sup>1</sup> Nguyễn Ngọc Kiên “Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm”, Nxb Tư pháp, tr174

4. Trường hợp Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì trước khi nghị án, Hội đồng xét xử yêu cầu những người tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc rút quyết định truy tố đó”.

### 3. Kết luận

Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là là giai đoạn mà ở đó có sự góp mặt công khai của nhiều chủ thể, thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Kết quả xét xử cũng đồng thời thể hiện kết quả của quá trình tố tụng diễn ra trong thời gian dài. Do đó, các thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm đặc biệt là thủ tục tranh tụng cần phải được thực hiện một cách cách thực chất và có hiệu quả. Để tranh tụng có chất lượng, đòi hỏi KVS, luật sư, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác phải hỏi và tranh luận từng vấn đề rõ ràng, dứt khoát, không tranh luận một cách chung chung, dàn trải, lạc đề. Đặc biệt cần tránh khuynh hướng KSV chỉ phát biểu quan điểm của mình là giữ nguyên quan điểm như đã truy tố mà không đưa ra lý lẽ, dẫn chứng có sức thuyết phục để bảo vệ quan điểm đó. Có như vậy, chất lượng giải quyết vụ án cũng như đảm bảo quyền con người trong TTHS mới được thực hiện một cách tối đa./.

### DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thanh Bình “*Vấn đề áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*”, Tạp chí Nghề luật số 5/2015.
2. Trần Văn Độ “*Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa*”, Tạp chí khoa học pháp lý số 12/2004.
3. Nguyễn Đức Mai, *Đặc điểm của mô hình tố tụng tranh tụng và phương hướng hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự ở Việt Nam*, Kỳ <https://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/296>.
4. Nguyễn Thị Mai, *Bản chất hoạt động tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng*. Tạp chí khoa học kiểm sát. Số 5/2020.
5. Nguyễn Hòa Bình (chủ biên) “*Những nội dung mới của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*” Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 2016.
6. Nguyễn Ngọc Kiện “*Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm*”, Nxb Tư pháp.



# NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG LỊCH SỬ LẬP HIẾN VIỆT NAM

TS. Ngô Thị Thu Hoài, NCS. Cao Thị Ngọc Yến

*Khoa Luật học, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh*

**Đặt vấn đề:** Cùng với việc kế thừa các nguyên tắc như nguyên tắc xét xử công khai, nguyên tắc xét xử tập thể... Hiến pháp năm 2013 bổ sung một số nguyên tắc mới quan trọng, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, bảo vệ quyền con người và phù hợp pháp luật quốc tế. Trong các nguyên tắc được bổ sung có nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm. Đây là nguyên tắc thể hiện nội dung rất quan trọng trong cải cách tư pháp và thể hiện nhiều bước tiến trong lịch sử lập hiến ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Nguyên tắc, tranh tụng, lập hiến, hiến pháp, cải cách tư pháp...

## 1. Khái quát về nguyên tắc tranh tụng trong xét xử

Theo từ điển Tiếng Việt, thì “tranh tụng” có nghĩa là “sự kiện cáo nhau”<sup>1</sup>. Theo nghĩa Hán Việt thì thuật ngữ “tranh tụng” được ghép từ hai từ “tranh luận” và “tố tụng” có nghĩa là “tranh luận trong tố tụng”. Đó là cuộc tranh luận giữa hai bên: “bên nguyên đơn và bên bị đơn có lập trường tương phản với nhau, yêu cầu Tòa án làm trọng tài phân xử”<sup>2</sup>. Bản chất của tranh tụng là quá trình xác minh, làm rõ công khai và tranh luận giữa các bên dưới sự điều khiển của Tòa án để phân tích, thẩm định, đánh giá chứng cứ nhằm mục đích xác định sự thật khách quan của vụ án, tạo cơ sở để Tòa án giải quyết vụ án khách quan, công bằng, đúng pháp luật, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng. Vì vậy, nguyên tắc bảo đảm tranh tụng là một trong những nguyên tắc quan trọng trong tố tụng nói chung và xét xử nói riêng, là dấu hiệu đặc trưng của nền tư pháp dân chủ, bình đẳng, công bằng và minh bạch.

Xét về mặt lịch sử, tranh tụng là một nội dung cụ thể của nền tư pháp tranh tụng hình thành từ thời cổ đại mà tư tưởng của nó bắt nguồn từ nhà triết học cổ đại nổi tiếng người Hy Lạp là Plato. Ông cho rằng “Bằng cách nói chuyện (đối thoại) về một điều gì đó trong một thời gian dài, một vài dấu hiệu hoặc hiểu biết sẽ xuất hiện, và cả hai bên sẽ cùng nhìn ra sự thật”. Ý tưởng này của Plato được các Luật gia Hy Lạp cổ đại phát triển và xây dựng thành một trong những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự ở Nhà nước Hy Lạp cổ đại. Sau đó, nguyên tắc này được đưa vào áp dụng ở La Mã và các quốc gia

<sup>1</sup> Từ điển Tiếng Việt, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1991, tr.1238

<sup>2</sup> Nguyễn Thúc Linh, Từ điển Luật học điển giải, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn 1972

khác ở Châu Âu, với tên gọi “thủ tục hỏi đáp liên tục”.<sup>3</sup> “Hỏi đáp liên tục” là một quy trình tố tụng bao gồm từ khi vụ án được Toà án thụ lý đến khi kết thúc xét xử. Nguồn gốc ra đời của tranh tụng là từ thực tiễn giải quyết tranh chấp của xã hội du mục, tố tụng tranh tụng thay cho việc dùng sức mạnh để tranh giành quyền lợi, thay vì sử dụng vũ lực, các bên sử dụng sự biện hộ, biện lý, trạng sư, luật sư để đưa ra lý lẽ nhằm giành quyền lợi cho mình. Trong tranh tụng, các bên đương sự dựa vào sức mình là chính, quan tòa chỉ được coi như một trọng tài để phân định đúng sai và được hưởng thù lao từ chính các bên tranh chấp.<sup>4</sup>

Như vậy, vấn đề tranh tụng đã được đề cập từ rất lâu trong lịch sử tư pháp, bản chất của nó là hoạt động đối đáp liên tục giữa các bên có lợi ích đối kháng nhau trước người trọng tài đóng vai trò phân xử để đi tìm chân lý. Xét về khía cạnh thuật ngữ pháp lý, tranh tụng được hiểu theo ba nội dung khác nhau: thứ nhất được hiểu là một mô hình tố tụng; thứ hai được hiểu là một nguyên tắc thuộc tố tụng hình sự; thứ ba được hiểu là phương thức, là giai đoạn thực hiện vai trò của các chức năng đối lập nhau và có quyền ngang nhau trong tố tụng hình sự hay còn gọi là hoạt động tranh tụng. Dù hiểu theo nghĩa nào thì tranh tụng luôn có bản chất là phương thức đi tìm sự thật khách quan của vụ án mà hoạt động tố tụng muốn hướng tới. Theo nhiều luật gia, phương thức tranh tụng là phương thức có ưu điểm nhất trong việc vừa có thể tìm ra sự thật khách quan của vụ án vừa có thể bảo vệ hữu hiệu quyền con người của người buộc tội và chống oan sai. Có thể hiểu: ***“Tranh tụng là việc từng bên đưa ra các quan điểm của mình và tranh luận lại để bác bỏ một phần hay toàn bộ quan điểm của phía bên kia”***. Nguyên tắc này được thừa nhận rộng rãi trên thế giới không chỉ ở những nước có mô hình tố tụng tranh tụng mà còn ở những nước có mô hình tố tụng pha trộn ví dụ như ở Việt Nam.

## **2. Nguyên tắc tranh tụng trong lịch sử lập hiến Việt Nam**

### ***2.1. Nguyên tắc tranh tụng trong lịch sử lập Hiến Việt Nam trước năm 2013***

Từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời cho đến trước năm 2013, nước ta đã ban hành bốn bản Hiến pháp, đó là Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2001). Các bản Hiến pháp này đều ra đời trong những hoàn cảnh thời điểm lịch sử nhất định

<sup>3</sup> <https://tapchitoaan.vn/ban-ve-nguyen-tac-tranh-tung-trong-blthhs-nam-2015>

<sup>4</sup> Phạm Hồng Phong, Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong hoạt động xét xử, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 8(288), tháng 4/2015.

nhằm thể chế hóa quan điểm, đường lối, chủ trương cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam cho từng giai đoạn phát triển của đất nước. Hiến pháp là văn bản pháp luật có giá trị pháp lý đặc biệt quan trọng, là đạo luật cơ bản, luật gốc của Nhà nước làm căn cứ ban hành các văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật, thể hiện rõ nét bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước. Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ luôn xác định những vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất của Nhà nước và xã hội, thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nội dung trong Hiến pháp là bản tổng kết những thành quả của cách mạng, vừa đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo như bản chất nhà nước, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa xã hội; quyền con người. Trong đó có những quy định về hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam nói chung và hoạt động của Tòa án nhân dân nói riêng. Bên cạnh những nguyên tắc chung trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, Tòa án nhân dân tổ chức, hoạt động theo những nguyên tắc riêng riêng, đặc thù được Hiến pháp ghi nhận như: *Nguyên tắc xét xử kịp thời, công bằng, công khai (nguyên tắc này được ghi nhận từ Hiến pháp năm 1946); Nguyên tắc thực hiện chế độ xét xử có hội thẩm tham gia* (nguyên tắc này được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1946 và tiếp tục được khẳng định trong các Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992); *Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật* (Hiến pháp được ban hành vào các năm 1946, 1959, 1980, 1992, nguyên tắc này đã luôn luôn được khẳng định)... Thực hiện những nguyên tắc này trong tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân sẽ bảo đảm cho Tòa án xét xử khách quan, toàn diện, chống độc đoán và quyền lực tập trung vào tay cá nhân nào đó. Tuy nhiên có thể thấy, có một nguyên tắc mặc dù đã được đề cập rất lâu trong lịch sử tư pháp các nước trên thế giới nhưng lại chưa được quy định trong 4 bản Hiến pháp ở Việt Nam trước năm 2013. Đó là *nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử*.

Trước đây, với quan niệm cho rằng tranh tụng là nguyên tắc đặc trưng của tố tụng hình sự tư sản nên vấn đề này không được khoa học pháp lý quan tâm nghiên cứu. Về mặt lý luận, tranh tụng không được thừa nhận và thuật ngữ “tranh tụng” cũng chưa bao giờ được dùng trong các văn bản pháp luật của nước ta. Do đó, mặc dù đã xuất hiện và được thừa nhận từ rất lâu trong lịch sử tư pháp ở các nước phát triển khác, nhưng cho đến trước năm 2013 nguyên tắc tranh tụng vẫn chưa trở thành nguyên tắc hiến định ở Việt Nam. Cụ thể Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980,

Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2001) không quy định nguyên tắc tranh tụng trong xét xử. Sự thừa nhận mang tính sơ khai đầu tiên về tranh tụng ở Việt Nam trong các văn bản chính thức của Đảng đó chính là Nghị quyết 08/2002/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới, xác định “...việc phán quyết của tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo...để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định”. Tiếp theo đó, vấn đề tranh tụng tiếp tục được Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” thể hiện, theo đó: “Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả phiên tòa xét xử, coi đây là hoạt động đột phá của các cơ quan tư pháp”.

Hệ thống tư pháp của Việt Nam trước Hiến pháp năm 2013 được xây dựng và hoạt động theo mô hình tố tụng truyền thống. Theo đó, khi một vụ tranh chấp xảy ra, các cơ quan của nhà nước như tòa án, điều tra, viện kiểm sát đóng vai trò và có nhiệm vụ chính trong việc xử lý và đưa ra phán quyết. Vai trò của các bên tranh chấp và luật sư đại diện chỉ là thứ yếu. Thậm chí, trước đây có giai đoạn luật sư còn được coi là chỉ có vai trò “bổ trợ tư pháp”. Điều này thể hiện đặc biệt rõ trong tư pháp hình sự, nơi mà luật sư và các bên liên quan chỉ được coi là “người tham gia tố tụng”. Các cơ quan tiến hành tố tụng là những người “dẫn dắt”, “chi phối” quá trình tố tụng hình sự và “kiểm soát” bộ hồ sơ của vụ án. Luật sư luôn gặp khó khăn để khẳng định vai trò bào chữa của mình trong quá trình tố tụng. Việc quá xem nặng vai trò của các cơ quan nhà nước và xem nhẹ vai trò của luật sư cũng như các bên dẫn tới xu hướng chủ quan, duy ý chí khi xử lý các vụ tranh chấp, từ đó dẫn tới tỷ lệ cao bản án oan, sai. Trong các vụ án dân sự và hành chính, việc xem nhẹ vai trò của các bên cũng như luật sư bảo vệ quyền lợi cho các bên cũng dễ dẫn tới sự chủ quan, duy ý chí của thẩm phán khi xét xử.

## **2.2. Nguyên tắc “bảo đảm tranh tụng trong xét xử” trong Hiến pháp năm 2013**

Theo xu hướng phát triển tiến bộ của pháp luật tố tụng và trên tinh thần cải cách tư pháp của Nhà nước, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp, nguyên tắc tranh tụng được thừa nhận chính thức trong một văn bản pháp lý của Nhà nước. Cụ thể tại khoản 5 Điều 103 Hiến pháp 2013 quy định: “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”. Nguyên tắc này có 2 nội dung cơ bản sau:

*Thứ nhất*, nền tảng của hệ thống tố tụng Việt Nam vẫn theo mô hình tố tụng *thẩm cứu*, song vai trò tranh biện của các bên phải được tăng cường trong quá trình xét xử. Nói cách khác, tinh thần của nguyên tắc “bảo đảm tranh tụng” là Tòa án phải thực sự coi trọng sự tranh biện giữa các bên trong quá trình xét xử. Thông thường, các bên trong vụ án hình sự là viện kiểm sát - buộc tội và luật sư/người bào chữa - gỡ tội; trong vụ án dân sự, kinh tế, lao động là nguyên đơn và bị đơn; trong vụ án hành chính là người khởi kiện - người dân và người bị kiện - cơ quan hành chính nhà nước bị kiện. Nguyên tắc tranh tụng yêu cầu các bên phải được tranh tụng công bằng và bình đẳng với nhau trước tòa án. Yêu cầu này tưởng chừng đơn giản, song nó kéo theo hàng loạt những yêu cầu khác mà pháp luật tố tụng phải quy định (ví dụ, quyền tiếp cận ngang bằng đối với hồ sơ vụ án, quyền được gặp thân chủ vào bất kì lúc nào, quyền được đối xử bình đẳng trong phiên xét xử...). Chỉ khi làm được điều đó thì tòa án mới có cơ hội lắng nghe ý kiến, lập luận từ các chiều khác nhau để trên cơ sở đó đưa ra quyết định đúng đắn, qua đó tránh chủ quan, duy ý chí dẫn tới các bản án oan, sai.

*Thứ hai*, hội đồng xét xử phải lắng nghe các bên tranh biện trong phiên xét xử và phán quyết chủ yếu dựa trên lí lẽ mà các bên đưa ra. Đương nhiên, trong hệ thống tố tụng của Việt Nam, thành viên hội đồng xét xử luôn nghiên cứu trước hồ sơ và do đó đã hình thành quan điểm về vụ việc trước khi phiên xét xử diễn ra. Mặc dù vậy, tại phiên xét xử, tức là nơi các bên đưa ý kiến tranh luận về vụ việc, thẩm phán và hội thẩm phải thực sự lắng nghe ý kiến các bên, coi trọng ý kiến các bên như nhau để trên cơ sở đó ra phán quyết phù hợp, cho dù phán quyết đó có thể không giống với quan điểm của mình trước khi xét xử.

Từ góc độ lí luận cũng như thực tiễn, nguyên tắc bảo đảm tranh tụng có phạm vi tác động không chỉ đối với Tòa án mà đối với cả quá trình tố tụng nói chung, đặc biệt là tố tụng hình sự. Bởi lẽ, tố tụng hình sự liên quan tới nhiều cơ quan nhà nước và gồm nhiều công đoạn như khởi tố, truy tố rồi mới tới xét xử. Nguyên tắc bảo đảm tranh tụng đòi hỏi đề cao vai trò của luật sư ngang bằng với viện kiểm sát không chỉ trong giai đoạn xét xử mà cả các giai đoạn tố tụng trước đó. Tất nhiên, là cơ quan nhà nước, viện kiểm sát có những đặc quyền mà luật sư khó có thể có. Tuy nhiên, về cơ bản luật sư và viện kiểm sát phải có các quyền ngang nhau để có thể tạo ra một sự tranh tụng công bằng khi xét xử.

Tranh tụng được coi là khâu đột phá trong hoạt động xét xử, chất lượng tranh tụng sẽ góp phần nâng cao chất lượng xét xử, chống oan sai và bảo vệ các quyền con người cơ bản của người bị buộc tội. Sự thể hiện của vấn đề tranh tụng trong các văn kiện của Đảng là tiền đề và là cơ sở để tiến tới hoàn thiện hệ thống pháp luật về tố tụng nói chung. Việc hiến định nguyên tắc tranh tụng mang nhiều ý nghĩa, cụ thể:

**Thứ nhất**, quy định nguyên tắc tranh tụng trong Hiến pháp đã thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp. Việc hiến định nguyên tắc này là phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp mà chúng ta đang tiến hành.

Hoạt động tư pháp được Đảng và Nhà nước ta chú trọng ngay trong những năm đầu mới giành được chính quyền. Cụ thể, ngày 22/5/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 85 về cải cách bộ máy tư pháp, xây dựng nên những nguyên tắc tiên bộ đầu tiên cho nền tư pháp nước nhà. Phát huy tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và xuất phát từ quan điểm của Đảng ta về chiến lược cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, ngày 02/1/2002, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 với mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, hiện đại, bảo vệ công lý. Cụ thể: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới” đã quy định: "...Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác...Việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng của phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời gian quy định". Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” tiếp tục khẳng định: “Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp”. Nghị quyết 37/NQ-QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội “Về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện Kiểm sát nhân

dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án năm 2013” cũng yêu cầu: “Kiểm sát viên phải chủ động, tích cực tranh luận, đối đáp tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự... Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo các Tòa án tiếp tục đẩy mạnh việc tranh tụng tại phiên tòa”. Trên tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị, thời gian qua, Quốc hội đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng liên quan đến lĩnh vực tư pháp, đặc biệt Hiến pháp 2013. Việc ghi nhận thủ tục tranh tụng trong Hiến pháp và pháp luật tố tụng của một quốc gia chính là phương thức hữu hiệu để đảm bảo thực hiện tốt nhất quyền tư pháp của quốc gia đó, đồng thời đảm bảo niềm tin của người dân vào pháp luật, vào công lý.

Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử là nguyên tắc cơ bản trong hoạt động tư pháp của hầu hết các quốc gia dân chủ và pháp quyền. Đó là một tiêu chí quan trọng để đánh giá tính dân chủ và pháp quyền của một quốc gia. Chính vì thế, các văn kiện của Đảng về cải cách tư pháp và Hiến pháp năm 2013 đều ghi nhận nguyên tắc tranh tụng là một bộ phận quan trọng trong tiến trình cải cách tư pháp nói chung và hoạt động của hệ thống tòa án nhân dân nói riêng.

**Thứ hai**, quy định nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong Hiến pháp tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cả về nhận thức lẫn hoạt động thực tiễn trong việc xét xử.

Tranh tụng là hoạt động tranh luận mang yếu tố pháp lý - một yếu tố để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong hoạt động thực hiện quyền tư pháp của các nhà nước pháp quyền. Tuy nhiên, ở Việt Nam vẫn còn có sự nhầm lẫn giữa *tranh tụng* và *tranh luận*. Khái niệm về tranh luận có nội hàm rộng hơn, nó bao gồm tất cả các hoạt động đối đáp (mang tính pháp lý và không pháp lý) của các bên nhằm đưa ra lý lẽ thuyết phục đối phương phải chấp nhận lý lẽ của mình. Còn tranh tụng chỉ ở một phạm vi hẹp, chỉ xuất hiện trong hoạt động tố tụng, là sự kiện cáo dẫn đến sự tranh luận giữa các bên đối lập tại tòa án và bản chất của nó chính là các quan hệ pháp luật. Tranh tụng cũng có thể được hiểu là sự tranh chấp (theo nghĩa rộng) thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án và để giải quyết các tranh chấp đó, tòa án tạo điều kiện cho các bên tự mình thu thập chứng cứ, chứng minh để thuyết phục bên đối lập phải chấp nhận lý lẽ của mình là đúng và được tòa án ghi nhận dựa trên các quy định của pháp luật. Tranh tụng là phương tiện để các bên trong tranh chấp tự mình bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình dựa trên các quy định của pháp luật và chứng cứ, chứng minh. Quan tòa trong thủ tục tranh tụng chỉ là trọng tài phân xử dựa trên các quy định của pháp luật và các chứng cứ, lý lẽ mà các bên đưa ra.

Thực tiễn có phiên tòa chưa thực sự bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, số lượng án hủy, sửa còn nhiều. Về mặt nhận thức vẫn tồn tại quan niệm "án bỏ túi", "án tại hồ sơ" dẫn đến tâm lý xem nhẹ hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Nguyên nhân của tình hình trên có nhiều, trong đó có nguyên nhân từ những quy định của pháp luật về tranh tụng và bảo đảm tranh tụng chưa rõ ràng, cụ thể nên hiệu lực chưa cao. Hiến pháp sửa đổi năm 2013 quy định chính thức về nguyên tắc bảo đảm tranh tụng như vậy sẽ tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của cán bộ tư pháp, của công dân trong quá trình thực hiện các quyền năng khi tham gia tranh tụng. Đồng thời thực tiễn xét xử sẽ thay đổi, với bước tiến mới trọng tâm là hoạt động tranh tụng được bảo đảm, phát huy tối đa tính công bằng, dân chủ. Nguyên tắc này là cần thiết đối với hoạt động của tòa án, đặc biệt là khi lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến Việt Nam, tòa án được ghi nhận là cơ quan thực hiện quyền tư pháp. Do đó, để thực hiện tốt nhiệm vụ thực hiện quyền tư pháp của mình, hơn ai hết, tòa án phải là người thực hiện nghiêm chỉnh các nguyên tắc về tranh tụng mà Hiến pháp đã quy định. Theo nguyên tắc của tranh tụng, phiên tòa sẽ được tổ chức sao cho các bên tham gia phiên tòa có được vị trí tương đương nhau, quyền phát biểu, tranh luận, đưa ra chứng cứ, thời gian dành cho mỗi bên cũng tương đương nhau, các chủ thể tham gia tố tụng được tôn trọng như nhau... Tòa án - hay cụ thể hơn là các thẩm phán - sẽ là một người trọng tài thực thụ để đánh giá những chứng cứ, ý kiến, quan điểm mà các bên thu thập được theo một trình tự tố tụng, trên cơ sở đó, làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án để đưa ra những phán quyết khách quan nhất, tương thích nhất với các quy định của pháp luật. Như vậy, tranh tụng trong xét xử góp phần rất quan trọng để tòa án đưa ra những phán quyết đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế tình trạng oan sai, bảo đảm tòa án thực sự là nơi công bằng và công lý được thực thi.

**Thứ ba**, việc quy định nguyên tắc tranh tụng trong Hiến pháp là tiền đề để xây dựng và hoàn thiện các quy định về bảo đảm tranh tụng trong các văn bản pháp luật tố tụng. Hiến pháp là đạo luật gốc, văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất. Do vậy, khi Hiến pháp quy định về nguyên tắc bảo đảm tranh tụng thì những quy định trong bộ luật, luật, các văn bản dưới luật chưa rõ ràng, không thống nhất phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, tạo sự thống nhất trong việc vận dụng pháp luật, đặc biệt đòi hỏi cần xây dựng quy định cụ thể về phương thức bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử. Theo đó, cần phải sửa đổi các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Tố tụng hành chính cho phù hợp với một quy trình tranh tụng.



Nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử là quy tắc pháp lý quan trọng, bao trùm toàn bộ hoạt động của hệ thống Tòa án nhân dân. Từng Tòa án nhân dân phải tuân thủ quy tắc này trong quá trình hoạt động của từng Tòa án, từng hội đồng xét xử, từng thẩm phán, hội thẩm khi thụ lý vụ án. Tòa án có thẩm quyền xét xử các loại vụ việc khác nhau như hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, hành chính. Tương ứng, khi xét xử Tòa án tuân thủ các quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, dân sự và hành chính. Mỗi loại tố tụng lại có những nguyên tắc riêng mà Tòa án phải tuân thủ tuy nhiên, các nguyên tắc hiến định trong đó có nguyên tắc tranh tụng là những nguyên tắc nền tảng nhất, áp dụng chung cho mọi hoạt động của Tòa án. Vì vậy, khi Tòa án xét xử theo tố tụng hình sự, dân sự hay hành chính đều phải tuân thủ các nguyên tắc này.

### **3. Kết luận**

Bản chất của tranh tụng là quá trình xác minh, làm rõ công khai và tranh luận giữa các bên dưới sự điều khiển của Tòa án để phân tích, thẩm định, đánh giá chứng cứ nhằm mục đích xác định sự thật khách quan của vụ án, tạo cơ sở để Tòa án giải quyết vụ án khách quan, công bằng, đúng pháp luật, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng. Vì vậy, nguyên tắc bảo đảm tranh tụng là một trong những nguyên tắc quan trọng trong tố tụng nói chung và xét xử nói riêng, là dấu hiệu đặc trưng của nền tư pháp dân chủ, bình đẳng, công bằng và minh bạch. Việc đổi mới thủ tục tranh tụng tại phiên tòa của Tòa án nhân dân được coi là khâu đột phá để nâng cao công tác xét xử, đảm bảo những phán quyết của Tòa án đúng luật, mang lại công lý, niềm tin cho nhân dân và xã hội. Việc đổi mới thủ tục xét hỏi và tranh luận không chỉ ở các phiên tòa xét xử hình sự mà được áp dụng đối với cả các phiên tòa xét xử dân sự, hành chính. Chính vì là quy tắc pháp lý quan trọng nên nguyên tắc này được quy định trong hiến pháp, đạo luật cơ bản và có giá trị pháp lý tối cao trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Điều này khẳng định tầm quan trọng của nguyên tắc đối với hoạt động của Tòa án nói riêng cũng như bộ máy nhà nước nói chung. Một khi đã được quy định trong hiến pháp thì nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm cũng mang giá trị pháp lý tối cao như chính bản thân hiến pháp.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Từ điển Tiếng Việt, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1991, tr.1238.
2. Nguyễn Thúc Linh, Từ điển Luật học điển giải, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn 1972.

3. Phạm Hồng Phong, *Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong hoạt động xét xử*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 8(288), tháng 4/2015.
4. Hoàng Thế Liên (chủ biên), *Bình luận khoa học Hiến pháp hiện hành (năm 2013)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018.
5. Phạm Văn Tuyền, *Thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử bảo đảm tinh thần Hiến pháp năm 2013*, Tạp chí Lý luận chính trị số 1/2016.
6. Nguyễn Văn Điệp - Lê Văn Quyến, *Hiến pháp năm 2013 và pháp luật về yêu cầu tranh tụng trong cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Nghề luật số 5 tháng 10/2015.
7. Đặng Văn Vương - Xuân Thoại, *Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm quy định và thực tiễn thực hiện*, <https://lsvn.vn/nguyen-tac-tranh-tung-trong-xet-xu-duoc-bao-dam-quy-dinh-va-thuc-tien-thuc-hien1650638840.html>
8. Phạm Tiến Đại, *Bàn về nguyên tắc tranh tụng trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, <https://tapchitoaan.vn/ban-ve-nguyen-tac-tranh-tung-trong-blthhs-nam-2015>.

## QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TOÀ SƠ THẨM HÌNH SỰ

**ThS.LS. Nguyễn Trọng Điệp**

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 đã đánh dấu một bước mới, quan trọng trong lịch sử lập pháp tố tụng hình sự của Việt Nam. Tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm được thể hiện trong Bộ luật tố tụng hình sự về các vấn đề sau:

*- Thứ nhất, quy định về các chủ thể thực hiện tranh tụng tại phiên tòa*

Đối với các chủ thể buộc tội tại phiên tòa như Viện kiểm sát (Kiểm sát viên), người bị hại, nguyên đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ, Bộ luật tố tụng hình sự quy định những quyền, nghĩa vụ pháp lý cụ thể:

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì Viện kiểm sát có các quyền và nghĩa vụ sau: có trách nhiệm chứng minh tội phạm (Điều 15); áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ; làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo (Điều 16); bảo đảm cho bị can, bị cáo thực hiện quyền bào chữa; giải thích và bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện các quyền và nghĩa vụ (Điều 71); thu thập, xem xét và đánh giá chứng cứ (Điều 88 và 108); Điều 42 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định cụ thể về các hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa: *“tiến hành tố tụng tại phiên tòa; công bố Cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, các quyết định khác của VKS về việc buộc tội đối với bị cáo; xét hỏi, đưa ra chứng cứ tài liệu, đồ vật, luận tội, tranh luận, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, phiên họp”*

Đối với người bị hại tham gia tố tụng để thực hiện chức năng buộc tội ở một mức độ nhất định để bảo vệ quyền lợi của mình. Bộ luật TTHS 2015 đã quy định quyền của họ tại các Điều 62, 63 và một số điều khác của Bộ luật tố tụng hình sự. Nội dung các điều luật nhấn mạnh đến các quyền *“trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp”*; quyền *“khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng”* của các chủ thể này. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định rõ nghĩa vụ của nguyên đơn dân sự là *“trình bày trung thực những tình tiết liên quan đến việc bồi thường thiệt hại”*.

Đối với các bị cáo, Điều 61 Bộ luật tố tụng hình sự quy định có các quyền: được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định đình chỉ vụ án; bản án, quyết định của Tòa án; quyền được tham gia phiên toà; trình bày ý kiến tranh luận tại phiên toà; được giải thích về quyền và nghĩa vụ các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này... Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã mở rộng hơn các quyền của bị cáo. Quyền “trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình”, quyền “đề nghị chủ tọa phiên toà hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên toà nếu được chủ tọa đồng ý...” quyền “xem biên bản phiên toà, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên toà”.

Bộ Luật tố tụng hình sự 2015 đã quy định quyền bào chữa của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Điều 73 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định người bào chữa có quyền tham gia tố tụng ngay từ khi lấy lời khai người bị bắt (BLTTHS 2003 quy định luật sư tham gia tố tụng ngay từ khi lấy lời khai người bị có quyết định tạm giữ trong trường hợp bắt người theo quy định tại Điều 81: Bắt người trong trường hợp khẩn cấp và Điều 82: Bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã). Điều 73 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định nhiều các quyền mới cho người bào chữa như: có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt; được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác...; *thu thập, đưa ra chứng cứ*, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; có mặt trong hoạt động đối chất, nhận dạng...; xem các biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình và các quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa; Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cũng quy định người bào chữa có nghĩa vụ sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị tạm giữ, bị can, bị cáo vô tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo; Người bào chữa không được từ chối bào chữa cho bị cáo mà mình đã đảm nhận, nếu không có lý do chính đáng; không được tiết lộ bí mật mà mình biết được trong khi làm nhiệm vụ. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thuộc bên bào chữa còn được quy định tại một số điều luật khác của Bộ luật tố tụng hình sự như: Điều 15, Điều 29, Điều 71, Điều 301, Điều 307, Điều 312,...

*- Thứ hai, quy định các nguyên tắc bảo đảm tranh tụng*

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 ghi nhận một số nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự vốn được xem là những nguyên tắc của mô hình tranh tụng. Đó là các nguyên tắc.

Nguyên tắc “suy đoán vô tội” (Điều 13). Nguyên tắc này nhằm đảm bảo quyền lợi của người dân, tránh định kiến, suy diễn trong quá trình xác định sự thật khách quan của vụ án. Nguyên tắc này khẳng định chỉ có tòa án mới có quyền đưa ra phán quyết bằng bản án xác định có tội hay không có tội. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự BLTTHS thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội.

Nguyên tắc “xét xử kịp thời, công bằng, công khai” (Điều 25) việc xét xử kịp thời, công bằng, công khai chính là mọi đảm bảo cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa được đảm bảo thực hiện. Cuộc tranh luận công khai cũng là động lực để các chức năng buộc tội và gỡ tội được thực hiện một cách tích cực.

Nguyên tắc “bảo đảm quyền bào chữa người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự”: Thực hiện nguyên tắc này chính là việc đảm bảo cho việc thực hiện chức năng bào chữa, bảo vệ quyền lợi hợp pháp (đối trọng với chức năng buộc tội trong tố tụng hình sự). Hai chức năng này không chỉ tồn tại song song mà còn đối lập và chế ước nhau tạo ra một cơ chế tranh tụng có hiệu quả nhất trong hoạt động tố tụng nhằm giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

*- Thứ ba, quy định về trình tự, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa*

Dù còn nhiều quan điểm khác nhau về thời điểm bắt đầu tranh tụng tại phiên tòa nhưng phần lớn các quan điểm đều xác định hoạt động này được bắt đầu ngay từ phần thủ tục bắt đầu phiên tòa. Bởi vì, theo quy định tại Điều 305 Bộ luật tố tụng hình sự thì “*Chủ tọa phiên tòa phải hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng xem có ai đề nghị triệu tập thêm người làm chứng hoặc đề nghị đưa thêm vật chứng và tài liệu ra xem xét hay không. Nếu có người tham gia tố tụng vắng mặt thì chủ tọa phiên tòa cũng phải hỏi xem có ai đề nghị hoãn phiên tòa hay không. Nếu có người yêu cầu thì HĐXX xem xét và quyết định*”. Việc các bên đưa ra yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc đưa ra vật chứng, tài liệu mới để HĐXX xem xét chính là những đảm bảo cho việc xét hỏi và là cơ sở tranh luận ở phần tiếp theo của phiên tòa. Do đó, về lý thuyết, cần phải xem quá trình tranh tụng tại phiên tòa bắt đầu ngay phần thủ tục.

Trên thực tế, hoạt động tranh tụng tại phiên tòa bắt đầu rõ nét nhất bằng việc Kiểm sát viên đọc cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung nếu có, làm cơ sở cho việc xét hỏi. Thủ tục xét hỏi được quy tại mục V, Chương XXI của Bộ luật tố tụng hình sự với trình tự xét hỏi như sau:

Xét hỏi có thể được xem là nền tảng của tranh tụng tại phiên toà. Bởi vì, thông qua xét hỏi mới có cơ sở để xác định đầy đủ các tình tiết có ý nghĩa quan trọng của vụ án. Xét hỏi càng đúng trọng tâm, cụ thể và chi tiết bao nhiêu càng củng cố cho lập luận của các chủ thể vững chắc bấy nhiêu. Quan điểm của chủ thể tranh tụng chủ có sức thuyết phục khi nó được dựa trên các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, thẩm định tại phiên toà. Sẽ thiếu tính thuyết phục nếu chứng cứ đưa ra chỉ là “án tại hồ sơ” mà không được thẩm định công khai tại phiên toà. Do đó, phần tranh luận có thành công hay không phụ thuộc rất lớn vào việc xét hỏi công khai tại phiên toà.

Tranh luận tại phiên toà sơ thẩm được kế tiếp ngay sau khi thủ tục xét hỏi. Trước khi tranh luận, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội. Điều 321 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: “*Luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ những chứng cứ, tài liệu, đồ vật chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên toà và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà*”. Căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên toà, Kiểm sát viên sẽ đánh giá chứng cứ để quyết định theo ba hướng: hoặc là bảo vệ toàn bộ cáo trạng đã truy tố; hoặc là bảo vệ một phần cáo trạng đã truy tố; hoặc không bảo vệ được cáo trạng đã truy tố. Để luận tội của Kiểm sát viên được đúng đắn, chính xác và có sức thuyết phục, Viện kiểm sát phải tổng hợp, phân tích, đánh giá chứng cứ một cách logic trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại toà. Ngoài ra, kết quả xét hỏi chính là lập luận để làm rõ vai trò của bị cáo trong vụ án, tính chất, mức độ và hậu quả của vụ án cũng như tính chất, mức độ của hành vi của bị cáo. Để việc đề xuất mức án cho tội danh của bị cáo được chính xác, luận tội của Kiểm sát viên còn phải làm rõ cả tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo.

Tiếp theo lời buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát là những lập luận bên bào chữa để gỡ tội. Trước tiên, người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa và quan điểm của mình về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên đã đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hay chưa? Nếu chưa thì ý kiến của người bào chữa là gì? Bào chữa cho bị cáo còn phải xét đến các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo đã được đề cập đủ chưa, nếu còn sót về các tình tiết giảm nhẹ nào được quy định tại Khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự thì phải bổ sung. Người bào chữa của bị cáo có quyền kiến nghị với Hội đồng xét xử sử dụng những đặc điểm nhân thân hoặc những tình tiết khác có lợi cho bị cáo làm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt. Sau khi người bào chữa trình bày, bị cáo có quyền bổ sung lời bào chữa nếu xét thấy người bào chữa còn bỏ sót các chứng cứ và tình tiết có lợi cho mình.

Cuộc tranh luận tiếp diễn với sự tham gia của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp hoặc người bảo vệ quyền lợi cho họ được trình bày ý kiến của họ về cách giải quyết vụ án: bổ sung mức đề nghị của Kiểm sát viên hoặc bác bỏ đề xuất của Kiểm sát viên về các phần giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi của họ.

Điều 322 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định đối đáp giữa những người tham gia tranh luận. So với quy định tại Điều 218 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì quy định về đối đáp trong Bộ luật tố tụng hình sự mới đã có những tiến bộ.

Điều 322 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: *“Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa”*. Quy định mới này đã xác định rõ trách nhiệm đối đáp lại, tranh luận lại đến cùng với bên bào chữa của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định: *“Chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận”*. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là, trong những trường hợp dù được đề nghị, Kiểm sát viên vẫn không tham gia tranh luận thì hậu quả pháp lý là gì? Chế tài áp dụng như thế nào? Có thể và cần phải xem việc không tham gia tranh luận, không đáp lại được lập luận của bên tham gia tranh tụng chính là thừa nhận, đồng tình với lập luận của họ.

Điều 192 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 quy định: *“Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác nhưng chỉ được phát biểu một lần đối với mỗi ý kiến mà mình không đồng ý”*. Quy định này của Điều luật đã hạn chế sự cò sát các quan điểm, lập luận, vốn là phương pháp được sử dụng công khai và hữu hiệu nhất tại phiên tòa hình sự, giữa các bên tranh tụng.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã có sự kế thừa sửa đổi phù hợp: *“Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt những ý kiến không có liên quan đến vụ án.”*

Với những sửa đổi trong quy định về đối đáp tại phiên tòa, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã chứng minh xu hướng tăng cường tranh tụng tại phiên tòa theo đường lối của Đảng, nhà nước.

Tranh luận tại phiên toà kết thúc khi bị cáo nói lời sau cùng. Quyền được nói lời sau cùng trước khi nghị án là một trong những bảo đảm pháp lý quan trọng để bị cáo thực hiện quyền bào chữa của mình, là quyền đặc thù mà pháp luật chỉ giành riêng cho bị cáo. Qua phát biểu của bị cáo, Hội đồng xét xử có thêm nhiều niềm tin nội tâm để cân nhắc đối với việc giải quyết vụ án. Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự đã chỉ rõ khi nghị án: *“Các phán quyết của Hội đồng xét xử phải dựa trên cơ sở các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà”*.

Qua việc phân tích một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có thể thấy Tố tụng hình sự nước ta là tố tụng thẩm vấn nhưng đã đan xen các yếu tố tranh tụng trong quá trình tố tụng, nổi bật là tranh tụng tại phiên toà. Mặc dù vậy, theo quy định của Bộ luật, tranh tụng vẫn chưa được quy định là một trong những nguyên tắc cơ bản của Tố tụng hình sự Việt Nam.



# HOÀN THIÊN MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015

Nguyễn Phi Hùng

*Tòa án quân sự Quân khu 4*

**Tóm tắt:** Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 được xây dựng dựa trên một trong những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự là nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để các chủ thể tiến hành tố tụng, chủ thể tham gia tố tụng hình sự đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để xác định sự thật khách quan của vụ án và bảo đảm tính công bằng tránh bỏ lọt tội phạm hoặc xử oan người không có tội. Mặc dù đã được ghi nhận là một nguyên tắc nhưng một số quy định để bảo đảm thực hiện nguyên tắc này, nhất là trong phần phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự lại chưa thực sự hợp lý. Do vậy, bài viết tập trung phân tích và đưa ra kiến nghị để giải quyết vấn đề này.

**Từ khóa:** Tranh tụng, xét xử sơ thẩm, Bộ luật Tố tụng hình sự

## **1. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015**

“*Tranh tụng trong xét xử được đảm bảo*” là nguyên tắc mới, lần đầu được quy định với vị trí một nguyên tắc riêng biệt trong BLTTHS năm 2015. Nguyên tắc này thay thế cho nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án quy định tại Điều 19 BLTTHS năm 2003 với những nội dung mới bảo đảm tranh tụng trong xét xử, thực hiện yêu cầu của cải cách tư pháp.

Nguyên tắc quy định, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, điều tra viên, KSV, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Để giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ thì bên buộc tội, bên gỡ tội và những người khác có quyền và lợi ích hợp pháp cần được giải quyết trong vụ án đều phải được bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ và đưa ra những yêu cầu. Trước đây, quyền bình đẳng trong việc đưa chứng cứ, đưa yêu cầu của các bên liên quan trong vụ án chỉ được thực hiện vào thời điểm tại phiên tòa. Quy định mới đã mở rộng cả

về phạm vi quyền, thời gian cũng như về chủ thể được hưởng quyền. Không chỉ là quyền đưa chứng cứ, yêu cầu mà pháp luật còn quy định các chủ thể được bình đẳng trong việc đánh giá chứng cứ; không chỉ giới hạn thời điểm thực hiện quyền chỉ tại phiên tòa mà quyền bình đẳng trong việc đưa chứng cứ, yêu cầu, đánh giá chứng cứ được thực hiện trong suốt quá trình giải quyết vụ án; các chủ thể tranh tụng bao gồm Điều tra viên, KSV, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác.

Nguyên tắc này là cụ thể hoá nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật trong tố tụng hình sự. Nội dung cơ bản của nguyên tắc này là bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Các bên phải được bình đẳng với nhau trong việc đưa ra chứng cứ và đánh giá chứng cứ để chứng minh sự thật khách quan của vụ án. Dựa vào chứng cứ của các bên đưa ra, Tòa án mới có thể giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm, không xử oan người không có tội. Ngoài việc bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ và đánh giá chứng cứ, các bên buộc tội và gỡ tội mà còn bình đẳng trong việc đưa ra yêu cầu (như yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch), bình đẳng trong việc tranh luận trước Hội đồng xét xử. Nguyên tắc này đã xác định vị trí của Tòa án là trọng tài công minh cho các bên buộc tội và gỡ tội, tạo điều kiện cho Tòa án xử lý vụ án đúng pháp luật.

Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo, quy định tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện Kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho KSV, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước tòa án.

Nguyên tắc này xác định rõ trách nhiệm của Tòa án trong việc bảo đảm tranh tụng trong xét xử. Các chủ thể có quyền tranh tụng phải được Tòa án triệu tập đầy đủ để tham gia phiên tòa xét xử; Tòa án chỉ xét xử vắng mặt họ trong trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định; Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho họ thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án; Tòa án phải nghiên cứu hồ sơ vụ án, bảo đảm những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do viện Kiểm sát

chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp, làm phương tiện để chứng minh và tranh tụng tại phiên tòa. Những hoạt động đó của Tòa án là những đòi hỏi cần thiết để có thể bảo đảm tranh tụng trong xét xử nhằm tìm ra sự thật khách quan của vụ án.

Ngoài ra, mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.

Toà án thực hiện xét xử trực tiếp nên tất cả các chứng cứ của vụ án phải được xem xét, đánh giá, làm rõ tại phiên tòa. Việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ của toà án phải bảo đảm khách quan, toàn diện và đầy đủ, mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của BLHS để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.

Bản án và quyết định của toà án là kết quả của hoạt động xét xử của toà án và phản ánh thực tế tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy bản án, quyết định của toà án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

## **2. Quy định về thủ tục tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự**

Trước khi có BLTTHS năm 2015, các BLTTHS trước đó đều quy định trình tự phiên tòa sơ thẩm gồm bốn bước: thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục xét hỏi, thủ tục tranh luận, nghị án và tuyên án. Tuy nhiên, Nghị quyết của Bộ Chính trị khóa IV đã nhấn mạnh: *“Khi xét xử, các Tòa án phải bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan; Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của KSV, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định”*, đồng thời *“bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại phiên tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp”* [1].

BLTTHS năm 2015 đã thể chế hóa tư tưởng này, bổ sung nguyên tắc tranh tụng trong xét xử và quy định thủ tục tranh tụng tại phiên tòa xét xử. Thủ tục tranh tụng chính là sự kết hợp của thủ tục xét hỏi, tranh luận trước đây và bổ sung thêm một số nội dung nhằm thể hiện tư tưởng tranh tụng trong tố tụng hình sự cụ thể như sau:

### ***2.1. Thủ tục xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự***

#### ***- Thủ tục công bố cáo trạng***

Theo quy định tại Điều 306 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định “Trước khi tiến hành xét hỏi, KSV công bố bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung (nếu có). Ý kiến bổ sung không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo”. BLTTHS năm 2015 có bổ sung một nội dung mới, đó là ý kiến bổ sung khi công bố cáo trạng của VKS không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Ngay từ giai đoạn truy tố, khi VKS quyết định truy tố bị can bằng bản cáo trạng thì trong thời hạn 03 ngày (hoặc chậm nhất là 10 ngày) kể từ ngày ra bản cáo trạng, VKS phải giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can và gửi cho người bào chữa bản cáo trạng, quy định này đồng nghĩa với việc bị cáo (mà trước đó là bị can) đã có một khoảng thời gian nhất định để nghiên cứu cáo trạng, chuẩn bị các quan điểm bào chữa, do đó nếu tại phiên tòa VKS bổ sung nội dung làm xấu đi tình trạng của bị cáo thì sẽ gây bất lợi cho bị cáo. Bị cáo cũng như người đại diện, người bào chữa chưa biết đến những nội dung bổ sung này trước đó, làm thiếu tính công bằng trong tranh tụng. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, nhìn chung những nội dung theo hướng có lợi cho bị can, bị cáo sẽ được áp dụng cho nên việc bổ sung quy định này tại Điều 306 BLTTHS năm 2015 là hết sức cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho bên gỡ tội có thể tiến hành tranh tụng tại phiên tòa.

#### ***- Về trình tự xét hỏi***

Sau khi KSV công bố cáo trạng sẽ chuyển sang thủ tục xét hỏi. Tại Điều 307 BLTTHS năm 2015 quy định, Hội đồng xét xử phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý. Điều 307 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung trách nhiệm của chủ tọa phiên tòa về điều hành xét hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý cho thấy sự linh hoạt khi điều khiển phiên xét hỏi tại phiên tòa. Đây là điểm mới của BLTTHS năm 2015 so với BLTTHS năm 2003, quy định mới nhằm đảm bảo cho phiên tòa xét xử được linh hoạt, phù hợp với từng vụ án và diễn biến cụ thể tại các phiên tòa.

Điều 307 BLTTHS năm 2015 cũng xác định rõ “*chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi*” vẫn tiếp tục xác định chủ tọa phiên tòa là người đảm trách chính trong xét hỏi và là người hỏi trước mà không phải là KSV hay người bào chữa, cụ thể “*khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi*”. Quy định trình tự xét hỏi như vậy là vẫn chưa phù hợp với các chức năng trong tố tụng hình sự, bởi lẽ chức năng buộc tội thuộc về VKS, chức năng gỡ tội thuộc về người bào chữa, Tòa án đóng vai trò trọng tài và không có nghĩa vụ phải chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, nếu quy định trách nhiệm xét hỏi chính thuộc về các bên buộc tội và gỡ tội theo thứ tự KSV hỏi trước rồi đến người bào chữa thì sẽ phù hợp hơn.

Ngoài ra, người tham gia tố tụng tại phiên tòa có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ của vụ án. Khi có người đề nghị thì chủ tọa phiên tòa xem xét yêu cầu đó. Quy định mới này đã tạo ra sự dân chủ, bình đẳng tại phiên tòa, giúp bị cáo có điều kiện thuận lợi thực hiện hoạt động tranh tụng tại phiên tòa.

*- Thủ tục công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố*

Nếu người được xét hỏi có mặt tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử, KSV không được công bố lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, truy tố. Chỉ được công bố những lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố khi thuộc một trong các trường hợp: Lời khai của người được xét hỏi tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, truy tố; Người được xét hỏi không khai tại phiên tòa hoặc không nhớ những lời khai của mình trong giai đoạn điều tra, truy tố; Người được xét hỏi đề nghị công bố lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, truy tố; Người được xét hỏi vắng mặt hoặc đã chết.

Tuy nhiên, điều luật vẫn chưa điều chỉnh trường hợp phải công bố lời khai đó là khi bị cáo chối tội, không thừa nhận hành vi nào đó xuyên suốt quá trình điều tra cho đến tại phiên tòa và khi cần phải đối chất chứ không chỉ đơn thuần là có lời khai mâu thuẫn. Mặt khác, về quyền yêu cầu HĐXX công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố đặt ra đối với KSV và người được xét hỏi mà chưa bao gồm người bào chữa. Những hạn chế đó cần phải được khắc phục cho phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, Điều 308 BLTTHS năm 2015 đã xác lập mới các trường hợp HĐXX không công bố các tài liệu trong hồ sơ vụ án có liên quan đến bí mật nhà nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục, bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh bí mật đời tư... Đây là nội dung mới có giá trị tích cực [2].

*- Phạm vi xét hỏi*

Điều 309, Điều 310 và Điều 311 BLTTHS năm 2015 quy định thủ tục xét hỏi đối với bị cáo, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ, người làm chứng, những quy định này đã mở rộng phạm vi xét hỏi của KSV và người bào chữa. Theo đó, KSV hỏi bị cáo về “những chứng cứ, tài liệu, đồ vật” (quy định cũ chỉ hỏi về những tình tiết của vụ án liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội, nay mở rộng được hỏi các tình tiết khác của vụ án). Khi xét hỏi, KSV phải đặt câu hỏi khách quan, rõ ràng, dễ hiểu, tránh giải thích, kết luận ngay. Người bào chữa không những được hỏi các tình tiết liên quan đến việc bào chữa như trước đây, mà còn được hỏi các tình tiết khác của vụ án.

*- Thủ tục xem xét vật chứng*

Vật chứng, ảnh hoặc biên bản xác nhận vật chứng được đưa ra để xem xét tại phiên tòa. Khi cần thiết, Hội đồng xét xử có thể cùng với KSV, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa đến xem xét tại chỗ những vật chứng không thể đưa đến phiên tòa được. Việc xem xét vật chứng tại chỗ được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này. BLTTHS năm 2015 đã có sự bổ sung so với BLTTHS năm 2003 khi quy định, Hội đồng xét xử, KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có thể hỏi thêm người tham gia phiên tòa về những vấn đề có liên quan đến vật chứng. Quy định mới mở rộng quyền cho bên buộc tội, bên gỡ tội thực hiện việc chứng minh nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án khi xét hỏi tại tòa.

*- Thủ tục nghe, xem nội dung được ghi âm, ghi hình có âm thanh và thủ tục điều tra viên, KSV và người tiến hành tố tụng người tham gia tố tụng khác trình bày ý kiến*

Theo quy định tại Điều 313 BLTTHS năm 2015 thì trường hợp cần kiểm tra chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án hoặc khi bị cáo tố cáo bị bức cung, dùng nhục hình, Hội đồng xét xử quyết định việc cho nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh liên quan tại phiên tòa. Quy định này tạo điều kiện tốt hơn cho việc làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án tại phiên tòa, đây là những điểm mới cần thiết để bảo đảm tranh tụng được đầy đủ và toàn diện hơn, góp phần làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Đối với lời trình bày ý kiến của điều tra viên, KSV và người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác, đây là một điểm mới rất tiến bộ, biểu hiện tính tranh tụng cao. Lời trình bày của họ sẽ giải thích những quyết định, hành vi tố tụng của họ trong

giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, đặc biệt là những trường hợp bị cáo không nhận tội, không thừa nhận hành vi phạm tội, thay đổi lời khai vi cho rằng trong quá trình điều tra bị ép cung, bức cung...

## ***2.2. Thủ tục tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự***

### *- KSV trình bày luận tội*

Sau khi kết thúc việc xét hỏi, KSV trình bày luận tội, thể hiện quan điểm buộc tội của VKS đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Những nội dung bên gỡ tội tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm sẽ xoay quanh nội dung buộc tội của KSV bởi các quan điểm buộc tội - gỡ tội mang tính đối lập nhau, trong một số trường hợp nhất định có thể phủ định nhau hoàn toàn. Điều 321 BLTTHS năm 2015 quy định: “Luận tội của KSV phải căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa”.

Do đó, để việc luận tội được chính xác, đúng đắn, có chất lượng và có tính thuyết phục, KSV phải căn cứ vào tất cả các chứng cứ, tài liệu trước đó và những vấn đề đã được kiểm chứng tại tòa, tránh tình trạng buộc tội trên cơ sở hồ sơ vụ án đã nghiên cứu mà xa rời thực tế tại phiên tòa xét xử. Đồng thời, nội dung luận tội phải phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của BLHS, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

### *- Tranh luận tại phiên tòa*

Bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với KSV về tất cả vấn đề KSV đã trình bày. Trên cơ sở đưa ra quan điểm, lập luận, bị cáo và người bào chữa trình bày các tình tiết nhằm gỡ tội, giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Khi tất cả các tình tiết về vụ án đều được bên buộc tội và gỡ tội tranh luận, đối đáp sẽ đảm bảo thông tin cung cấp mang tính hai chiều, không phiến diện, đảm bảo sự dân chủ, bình đẳng trong quá trình xét xử vụ án. Đây cũng chính là mục đích mà hoạt động tranh tụng hướng tới, tránh tình trạng

KSV chỉ tranh tụng qua loa, bỏ qua các tình tiết có lợi cho bị cáo mà chỉ nhằm hướng tới các tình tiết buộc tội.

Trong quá trình tranh luận, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền đưa ra đề nghị của mình. KSV phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho KSV, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại. Quy định này hết sức rõ ràng và cần thiết cho hoạt động tranh tụng, chỉ thông qua tranh tụng bình đẳng trước tòa, mọi nội dung của vụ án mới được làm sáng tỏ. Vì vậy, chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận giữa các bên, khi các bên đang đưa ra các lập luận để bảo vệ quan điểm của mình thì chủ tọa phiên tòa phải để cho họ được trình bày, không hạn chế thời gian trình bày của bên nào.

Chủ tọa phiên tòa với vai trò là người điều khiển phiên tòa, chủ tọa phiên tòa yêu cầu KSV phải đáp lại những ý kiến của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác khi mà những ý kiến đó chưa được KSV tranh luận. HĐXX phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến của KSV, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tranh luận tại phiên tòa để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa thì HĐXX phải nêu rõ lý do và được ghi trong bản án.

Ngoài ra, nếu qua tranh luận tại phiên tòa mà thấy còn có tình tiết vụ án chưa được hỏi, chưa được làm sáng tỏ thì HĐXX phải quyết định trở lại việc xét hỏi. Xét hỏi xong phải tiếp tục tranh luận. Theo Điều 219 BLTTHS năm 2003 thì HĐXX “có thể” quyết định trở lại việc xét hỏi nếu thấy cần “xem xét thêm chứng cứ”, nhưng BLTTHS năm 2015 đã sửa đổi thay “có thể” bằng việc HĐXX “phải” quyết định trở lại việc xét hỏi nếu có tình tiết chưa được hỏi, chưa được làm sáng tỏ. Việc sửa đổi về mặt thuật ngữ như vậy bảo đảm tính chặt chẽ, trên cơ sở xét hỏi cụ thể, kỹ lưỡng cả bên buộc tội và gỡ tội đều có thêm những căn cứ để bảo vệ cho quan điểm của mình, Tòa án cũng có thêm căn cứ để giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện nhất.

*- Bị cáo nói lời sau cùng*

Quyền của bị cáo là được nói lời sau cùng sau khi kết thúc phần tranh luận, trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Sau khi những người tham gia tranh luận không



trình bày gì thêm, chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc tranh luận. Bị cáo được nói lời sau cùng. Nếu trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày thêm tình tiết mới có ý nghĩa quan trọng đối với vụ án thì hội đồng xét xử phải quyết định trở lại việc hỏi. Hội đồng xét xử có quyền yêu cầu bị cáo không được trình bày những điểm không liên quan đến vụ án nhưng không được hạn chế thời gian đối với bị cáo.

*- Xem xét việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa*

Khi KSV rút một phần quyết định truy tố luận về tội nhẹ hơn thì hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án. Trường hợp KSV rút toàn bộ quyết định truy tố thì trước khi nghị án, hội đồng xét xử yêu cầu những người tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc rút quyết định truy tố đó. Việc rút quyết định truy tố được giải quyết cụ thể như sau:

Nếu KSV rút toàn bộ quyết định truy tố không có căn cứ nhưng hội đồng xét xử vẫn chấp nhận và tuyên bị cáo không phạm tội thì viện Kiểm sát cùng cấp hoặc viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp phải kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Tòa án có kiến nghị với viện trưởng viện Kiểm sát cùng cấp hoặc viện trưởng viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp về việc KSV rút toàn bộ quyết định truy tố tại phiên Tòa không có căn cứ, thì viện trưởng viện Kiểm sát nhận được kiến nghị nghiên cứu, quyết định hủy việc rút quyết định truy tố và thông báo bằng văn bản cho Tòa án đã kiến nghị biết.

Nếu việc rút quyết định truy tố của KSV có căn cứ thì viện trưởng viện Kiểm sát nhận được kiến nghị thông báo bằng văn bản cho Tòa án để chuyển hồ sơ cho viện Kiểm sát xem xét, xử lý theo quy định [3].

### **3. Kiến nghị hoàn thiện quy định về thủ tục tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự**

*Thứ nhất, quy định về trình tự xét hỏi khi thực hiện thủ tục tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.*

Theo quy định tại Điều 307 BLTTHS năm 2015, khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước, sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi. Với quy định như trên, có thể thấy rằng để thực hiện đúng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử thì việc BLTTHS quy định khi xét hỏi, chủ tọa phiên tòa hỏi trước là chưa phù hợp, mà nên quy định KSV hỏi trước. Điều này để bảo đảm hoạt động tranh tụng, VKS phải thực hiện

đúng chức năng buộc tội còn Tòa án thực hiện chức năng điều khiển phiên tòa, tiến hành xét xử.

Để hoạt động tranh tụng trong xét xử được thực hiện dân chủ, bình đẳng, thể hiện đúng vai trò của các chủ thể buộc tội, chủ thể gỡ tội, chủ thể xét xử và vai trò điều hành của chủ tọa phiên tòa, Điều 307 BLTTHS năm 2015 về trình tự xét hỏi cần được sửa đổi theo hướng: Xác định rõ chủ tọa phiên tòa hỏi trước về ý kiến của bị cáo đối với bản cáo trạng (hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn) và yêu cầu bị cáo trình bày về những tình tiết của vụ án, trừ trường hợp phiên tòa xét xử vắng mặt bị cáo. Sau đó, chủ tọa phiên tòa sẽ điều hành việc hỏi của KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự. Hội đồng xét xử chỉ nên hỏi thêm về những tình tiết mà người được hỏi trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn hoặc xét thấy còn những tình tiết khác cần được làm sáng tỏ để kiểm tra tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án và tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, KSV, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án.

Cụ thể, sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 307 BLTTHS như sau:

2. Khi xét hỏi từng người, ***KSV xét hỏi trước, rồi đến người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự. Đối với những vấn đề liên quan đến nội dung vụ án mà KSV và người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự khi xét hỏi chưa làm rõ hoặc xét hỏi chưa đầy đủ, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa đề nghị những người này tiếp tục xét hỏi hoặc có thể cùng các thành viên khác của Hội đồng xét xử xét hỏi thêm. Bị cáo có quyền đề nghị Chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý.***

***Thứ hai, sửa đổi, bổ sung quy định về việc luận tội của KSV***

Theo quy định tại Điều 319 BLTTHS năm 2015, sau khi kết thúc việc xét hỏi, KSV có thể rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn. Tuy nhiên việc KSV rút quyết định truy tố, kết luận về tội nhẹ hơn cũng chính là nội dung của phần luận tội, do đó quy định Điều 319 là không cần thiết vì nội dung luận tội đã được thể hiện tại khoản 3 của Điều 321. Do đó, đề xuất bỏ quy định tại Điều 319, đồng thời sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 321 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 theo hướng làm rõ hơn về nội dung luận tội.

Cụ thể, theo khoản 3 Điều 321, nội dung lời luận tội chỉ có đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn, thiếu trường hợp KSV đề nghị kết luận về khoản khác với khoản đã truy tố trong cùng điều luật. Do đó, cần bổ sung vào quy định về luận tội của KSV nhằm làm rõ hơn nữa các trường hợp KSV có thể đề xuất.

Cụ thể, sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 321 BLTTHS như sau:

*3. Đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng hoặc kết luận về khoản khác với khoản đã truy tố trong cùng điều luật, về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội đã truy tố, đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng.*

*Thứ ba, sửa đổi, bổ sung quy định về tranh luận tại phiên tòa.*

Để đảm bảo quyền bình đẳng trước Tòa án, các bên tranh tụng được tạo điều kiện tốt nhất để trình bày quan điểm của mình, phát biểu ý kiến về đánh giá chứng cứ của vụ án, phản bác yêu cầu, đề nghị do các bên đối lập đưa ra tại phiên tòa. Qua đó, tại phiên tòa, các chủ thể tố tụng có cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau về kết quả việc chứng minh các tình tiết của vụ án. Để thực hiện chức năng tố tụng của mình, các bên tham gia tranh tụng được (hoặc phải) công khai đưa ra ý kiến đánh giá của mình về sự thật khách quan của vụ án để giúp HĐXX cân nhắc khi ra phán quyết. Các ý kiến đánh giá khác nhau, sự phản biện lẫn nhau của các bên tranh tụng tại phiên tòa sẽ giúp cho Tòa án có cái nhìn đa chiều hơn về các tình tiết của vụ án và có thái độ thận trọng hơn khi đánh giá chứng cứ, kết luận các vấn đề thuộc nội dung vụ án để ra phán quyết khách quan, toàn diện và đầy đủ.

Tác giả, cho rằng cần tiếp tục hoàn thiện Điều 322 BLTTHS quy định về tranh luận tại phiên tòa nhằm tạo điều kiện tối đa cho bên buộc tội và gỡ tội đưa ra các lý lẽ, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình và bác bỏ quan điểm của người khác về những vấn đề thuộc nội dung vụ án, hạn chế tình trạng tranh luận qua loa, nặng về hình thức.

Cụ thể, sửa đổi, bổ sung Điều 322 BLTTHS như sau:

...

*2. KSV phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến và đề nghị của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác.*

*3. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận và số lần được phát biểu ý kiến đối đáp giữa những người tham gia tranh luận, phải tạo điều kiện cho KSV, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại.*

*Chủ tọa phiên tòa có quyền tự mình hoặc theo đề nghị của người tham gia tranh luận, yêu cầu KSV phải đáp lại những ý kiến, đề nghị của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được KSV tranh luận. Trong trường hợp này, KSV phải thực hiện yêu cầu của Chủ tọa phiên tòa.*

*Thứ tư, sửa đổi, bổ sung quy định chủ tọa phiên tòa không giới hạn quyền đặt câu hỏi của bị cáo.*

Theo quy định tại Điều 61 BLTTHS năm 2015 quy định bị cáo có quyền “đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý”. Do đó, tại phiên tòa bị cáo có quyền đặt câu hỏi đối với những người tham gia phiên tòa, thực hiện quyền hỏi bằng cách đề nghị chủ tọa hỏi và việc đặt câu hỏi trực tiếp của bị cáo thì phải được chủ tọa đồng ý.

Như vậy, việc thực hiện hoạt động hỏi của bị cáo đang bị giới hạn theo ý chí của chủ tọa phiên tòa, chủ tọa phiên tòa đồng ý thì bị cáo mới thực hiện được quyền này, trường hợp chủ tọa không đồng ý thì bị cáo không thực hiện được hoạt động đặt câu hỏi của mình. Đây được coi là một quy định hạn chế hoạt động bào chữa của bị cáo tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Việc thực hiện đặt câu hỏi của bị cáo không nên bị giới hạn bởi việc cho phép của chủ tọa phiên tòa mà cần phải được mở rộng theo hướng bị cáo có quyền đặt câu hỏi đối với những người tham gia tố tụng khác, chủ tọa phiên tòa có quyền cắt những câu hỏi trùng lặp, không liên quan đến vụ án mà bị cáo đưa ra. Điều này sẽ đảm bảo được quyền tự do trình bày của bị cáo, đảm bảo quyền công bằng, dân chủ đối với bị cáo.

Cụ thể, sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 2 Điều 61 như sau:

*“i, Quyền đặt câu hỏi đối với những người tham gia tố tụng khác, chủ tọa phiên tòa có quyền cắt những câu hỏi trùng lặp, không liên quan đến vụ án”.*

*Thứ năm, quy định về thủ tục trong trường hợp đang tranh tụng mà bị hại hoặc người đại diện của họ rút yêu cầu tại phiên tòa xét xử vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại*

Theo Điều 155 BLTTHS năm 2015, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ được khởi tố vụ án hình sự về tội phạm quy định tại khoản 1 các Điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của Bộ luật hình sự (BLHS) khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết.

Trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì vụ án phải được đình chỉ, trừ trường hợp có căn cứ xác định người đã yêu cầu rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì tuy người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án vẫn tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án.

Theo quy định trên, trường hợp vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại mà bị hại hoặc người đại diện của họ rút yêu cầu hoàn toàn theo ý muốn của họ thì vụ án phải được đình chỉ. Như vậy, trường hợp bị hại hoặc người đại diện của họ tự nguyện rút yêu cầu tại phiên tòa thì vụ án cũng phải được đình chỉ. Tuy nhiên, hiện nay trong các quy định về thủ tục xét xử vụ án hình sự lại không có quy định về việc Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ vụ án khi bị hại hoặc người đại diện của họ rút yêu cầu tại phiên tòa xét xử vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại. Đây là một thiếu sót khi xây dựng luật.

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 325 BLTTHS năm 2015 hoặc bổ sung thêm một điều luật mới về việc xem xét việc rút yêu cầu khởi tố của bị hại hoặc đại diện của họ tại phiên tòa xét xử vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại với nội dung: “***Khi bị hại hoặc đại diện của họ rút yêu cầu khởi tố tại phiên tòa xét xử vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại thì Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ vụ án***”.

#### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020
2. Nguyễn Ngọc Kiên (2017), “*Đánh giá một số điểm mới về thủ tục tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm*”, Nghiên cứu lập pháp số 14, tr.312.
3. Quy chế về công tác thực hành quyền công tố và Kiểm sát xét xử các vụ án hình sự (ban hành kèm theo Quyết định của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao số 960/QĐ-VKSNDTC ngày 17/9/2007).

4. Phan Văn Chánh, “*Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*”, Tạp chí dân chủ và pháp luật, 2017.
5. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.
6. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

# TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CẢI CÁCH TƯ PHÁP HƯỚNG TỚI NỀN TƯ PHÁP ĐỘC LẬP

TS. Bùi Thị Phương Quỳnh

*Khoa Luật học, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh*

**Tóm tắt:** Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đặt ra nhiệm vụ trọng tâm xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó có cải cách tư pháp. Để thực hiện thành công Nghị quyết của Đảng, đòi hỏi phải đẩy mạnh cải cách tư pháp, phát huy những thành quả đạt được, khắc phục những hạn chế, khó khăn, bất cập, xây dựng nền tư pháp nước nhà tương đồng với trình độ chung của thế giới. Đây là con đường tất yếu để đạt được các mục tiêu, yêu cầu của Đảng và đáp ứng sự mong đợi của nhân dân, hướng tới xây dựng nền tư pháp ngày càng chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Bài viết đưa ra những đánh giá tổng quát kết quả của việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp theo tinh thần của nghị quyết số 49 - NQ/TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp. Bài viết phân tích một số nội dung cải cách tư pháp trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Cải cách tư pháp; Tư pháp độc lập

## 1. Đặt vấn đề

Công tác tư pháp luôn có ý nghĩa quan trọng đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là kết quả của quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Pháp quyền Xã hội Chủ Nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, là phương tiện để bảo đảm trật tự xã hội, bảo đảm công bằng cũng như thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Trong quá trình lãnh đạo nhà nước, cải cách tư pháp là nhiệm vụ quan trọng được Đảng ta đề ra cùng với nhiệm vụ cải cách công tác lập pháp và cải cách hành chính nhằm thực hiện chủ trương lớn là “thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước”. Qua các kỳ Đại hội (từ Đại hội lần thứ VI, đến Đại hội lần thứ XII) và gần đây là Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh chủ trương tiếp tục cải cách tư pháp và đề cao việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Qua hơn 15 năm thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, nền tư pháp Việt Nam đã có nhiều khởi sắc hướng đến hoàn thành mục tiêu bảo đảm “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ

nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao”, “các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời, phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm”. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả cải cách tư pháp hướng tới nền tư pháp độc lập là nhiệm vụ quan trọng then chốt của nền văn minh pháp lý quốc gia.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### ***2.1. Khái quát chung về Quyền tư pháp và thực hiện tốt nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật***

Quyền tư pháp có thể hiểu là khả năng và năng lực riêng có của Tòa án trong việc thực hiện thẩm quyền xét xử và các thẩm quyền khác theo phương thức nhất định để tác động đến hành vi của con người và các quá trình phát triển xã hội.

Đây là quan niệm khái quát nhất về quyền tư pháp mà ở đó chỉ rõ các bộ phận cấu thành quan trọng nhất của quyền tư pháp và thực hiện quyền tư pháp. Đó là: quyền tư pháp là khả năng và năng lực riêng có của Tòa án; quyền tư pháp được thực hiện bằng việc thực hiện thẩm quyền xét xử và các thẩm quyền khác; quyền tư pháp được thực hiện bằng phương thức tố tụng tư pháp; quyền tư pháp và việc thực hiện quyền tư pháp tác động đến hành vi của con người và các quá trình phát triển xã hội. Nội dung của các bộ phận cấu thành quan trọng đó được nhận thức cụ thể thông qua việc phân tích bản chất, phạm vi, nội dung, chủ thể, phương thức và thể chế hoá quyền tư pháp và thực hiện quyền tư pháp.

Tính độc lập của quyền tư pháp là đặc trưng cốt lõi của quyền tư pháp hay nói cách khác là đặc trưng của đặc trưng. Đồng thời, tính độc lập của quyền tư pháp cũng là một giá trị cốt lõi của quyền tư pháp. Trong số các đặc trưng phổ biến của quyền tư pháp trong mọi Nhà nước pháp quyền thì tính độc lập của quyền tư pháp là đặc trưng vốn có, không thể thiếu. Thiếu tính độc lập thì không thể có quyền tư pháp. Tính độc lập không được bảo đảm đầy đủ thì không thể có quyền tư pháp đúng nghĩa của nó. Quyền tư pháp được độc lập để thực hiện chức năng rất quan trọng của quyền lực nhà nước là áp dụng pháp luật đúng đắn, thực hiện xét xử để bảo vệ công lý, bảo vệ pháp luật và khôi phục các quyền đã bị xâm phạm. Tính độc lập của Tòa án, tất yếu, dẫn đến tính độc lập của thực hiện quyền tư pháp.



Tính độc lập của quyền tư pháp và của thực hiện quyền tư pháp thể hiện ở những nội dung sau: độc lập về vị trí, vai trò trong cơ chế quyền lực nhà nước; độc lập về quyền năng; độc lập về chủ thể thực hiện: độc lập của Tòa án, độc lập của Thẩm phán và hội thẩm nhân dân khi xét xử; độc lập về phương thức thực hiện quyền năng: tổ tụng tư pháp; chỉ tuân theo pháp luật; độc lập trong việc đưa ra phán quyết (bản án, quyết định); nghiêm cấm mọi sự can thiệp, mọi sự gây áp lực. Nói cách khác, đó là độc lập về tổ chức và độc lập về hoạt động.

“*Xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*” là nguyên tắc căn cốt của tòa án và được mọi quốc gia tuân thủ. Nhà nước và xã hội có trách nhiệm bảo đảm cho tòa án và thẩm phán không bị bất cứ sự can thiệp nào trên phương diện tổ chức và hoạt động.

## ***2.2. Đánh giá tổng quát kết quả của việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp theo tinh thần của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp***

Căn cứ tình hình, kết quả triển khai thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, có thể khẳng định mục tiêu, quan điểm, phương hướng và nhiệm vụ cải cách tư pháp do Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đề ra là đúng đắn, phù hợp với yêu cầu khách quan của việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đã được các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện tích cực và đạt được nhiều kết quả quan trọng bước đầu như:

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của các cơ quan tư pháp và hoạt động tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; về sự cần thiết phải tiến hành và đẩy mạnh cải cách tư pháp đã được nâng lên rõ rệt. Phần lớn các cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan tư pháp Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương đều thành lập Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp để giúp cấp ủy triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp tại cơ quan, tổ chức, địa phương mình.

Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tư pháp được quan tâm hơn trước. Hệ thống pháp luật về hình sự, dân sự, tố tụng tư pháp và tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp từng bước được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện theo đúng định hướng của Đảng về cải cách tư pháp. Thể chế hóa được các chủ trương nhân đạo của Đảng trong chính sách pháp luật về hình sự; Pháp luật dân sự đã bổ sung, hình thành các cơ chế pháp lý thúc đẩy các quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại phát triển lành mạnh, bước đầu đáp ứng

được yêu cầu phát triển của xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Pháp luật về tố tụng tư pháp từng bước được hoàn thiện, nghiên cứu xác định lại mô hình tố tụng theo hướng kết hợp giữa mô hình tố tụng thẩm vấn với tố tụng tranh tụng, nhằm tăng tính dân chủ, minh bạch trong hoạt động tố tụng và bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tố tụng.

Tiếp tục đổi mới, tổ chức và hoạt động công chứng, giám định, luật sư... theo định hướng của Đảng, phục vụ có hiệu quả công tác điều tra, truy tố xét xử và đáp ứng được bước đầu yêu cầu của xã hội; đội ngũ luật sư phát triển nhanh về số lượng. Số vụ việc luật sư tư vấn, tham gia bào chữa và trợ giúp pháp lý ngày càng tăng. Vai trò của luật sư từng bước được khẳng định. Việc xã hội hóa hoạt động công chứng đã thành công bước đầu, giảm tải được nhiều vụ việc cho các phòng công chứng nhà nước, phục vụ kịp thời nhu cầu của người dân. Kết quả xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và bổ trợ tư pháp đem lại những hiệu quả bước đầu, đáp ứng kịp thời các yêu cầu về đội ngũ cán bộ cho các cơ quan tư pháp và xã hội, góp phần thực hiện được việc chuẩn hóa trình độ đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp.

Thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện cơ chế giám sát của cơ quan dân cử đối với hoạt động tư pháp, Quốc hội đã hoàn thiện bước đầu hệ thống pháp luật về tổ chức hoạt động giám sát của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp. Các hoạt động giám sát, chất vấn, điều trần đối với hoạt động tư pháp được tăng cường; Quốc hội đã ban hành một số nghị quyết chuyên đề về công tác tư pháp.

Việc tăng cường hợp tác quốc tế về lĩnh vực tư pháp đạt được một số kết quả quan trọng. Thể chế hóa được các chủ trương của Đảng về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp và pháp luật, xác định rõ cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan làm đầu mối trong hợp tác, tương trợ tư pháp. Việc nhanh chóng mở rộng quan hệ về tư pháp và pháp luật với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đã đánh dấu sự hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam vào đời sống pháp lý quốc tế, minh chứng cho tinh thần sẵn sàng hợp tác của Việt Nam với các nước và khẳng định vai trò, vị thế của các cơ quan tư pháp Việt Nam trên trường quốc tế và khu vực. Việc đảm bảo cơ sở vật chất cho hoạt động tư pháp được Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan và chính quyền địa phương quan tâm. Trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, kinh phí đầu tư phát triển và đảm bảo hoạt động của các cơ quan tư pháp vẫn được ưu tiên phân bổ ngân sách cao hơn so với các cơ quan nhà nước khác; chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức tư pháp từng bước được cải thiện.

Nhìn chung, qua hơn 15 năm thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp tuy mới đạt kết quả bước đầu nhưng hoạt động tư pháp đã được cải thiện đáng kể; hệ thống pháp luật về tư pháp được hoàn thiện hơn; công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện nghiêm minh, dân chủ, công bằng hơn. Các quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại, các chế định hợp đồng, bồi thường, bồi hoàn ngày càng được hoàn thiện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

### ***2.3. Một số nội dung cải cách tư pháp trong thời gian tới***

Trong nhiệm kỳ lần thứ XIII, Đảng nhấn mạnh giải pháp “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật, tiếp cận công lý của người dân và doanh nghiệp. Phát triển mạnh thị trường dịch vụ pháp lý, các hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, hỗ trợ tư pháp và các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án... Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân”. Giải pháp tăng cường cải cách tư pháp cần chú trọng các nội dung sau đây:

**Thứ nhất**, cần quán triệt, nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và đề cao sự lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp ở các cấp ủy đảng, các cơ quan tư pháp từ Trung ương đến địa phương. Tăng cường cải cách tư pháp cần được tiến hành trên cơ sở kiện toàn bộ máy của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương và các Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp của các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan ở Trung ương và địa phương. Đồng thời, quán triệt các yêu cầu về đổi mới phương thức lãnh đạo và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp, cải cách tư pháp. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng về công tác tư pháp. Cần xác định rõ về những nội dung, nhiệm vụ cải cách tư pháp giai đoạn tiếp theo trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền trên cơ sở nội dung định hướng nêu trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Chiến lược mới về cải cách tư pháp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, gắn với thực hiện Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội pháp quyền, nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường, hợp tác và hội nhập quốc tế và các quy luật phát triển của pháp luật, của tư pháp.

**Thứ hai**, Cần đổi mới nhận thức lý luận và thực tiễn về quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa. Làm sáng tỏ nội hàm của quan điểm được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và

quyền hạn của cơ quan nhà nước nói chung, trong cơ chế có sự phân công rõ ràng, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Đồng thời, cần xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan hỗ trợ tư pháp trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ.

Hoàn thiện pháp luật tố tụng tư pháp và cơ chế bảo đảm về dịch vụ pháp lý, các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án như thương lượng, hòa giải, trọng tài và có biện pháp pháp lý, biện pháp kinh tế phù hợp để người dân và doanh nghiệp nâng cao năng lực tiếp cận pháp luật và công lý, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp tại Tòa án và cả trong quá trình thi hành án.

**Thứ ba**, thực hiện tốt trọng tâm cải cách tư pháp đã được Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII xác định về tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam trên cơ sở hoàn thiện tổ chức và hoạt động các cơ quan tư pháp. Cụ thể như sau: Đối với Tòa án nhân dân, cần tiếp tục cụ thể hóa đầy đủ các nguyên tắc hiến định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân và hoạt động xét xử. Tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử; Phân định rành mạch thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp; bảo đảm nguyên tắc độc lập, nguyên tắc suy đoán vô tội, bảo đảm tranh tụng trong xét xử, bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, của đương sự... Nghiên cứu xây dựng cơ chế thực hiện chức năng quản lý về nhân sự, cơ sở vật chất của Tòa án; giám sát việc thực thi công vụ của Thẩm phán và khen thưởng, kỷ luật đối với Thẩm phán.

Đối với Viện kiểm sát nhân dân, tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra.

Đối với Cơ quan điều tra cần tiếp tục kiện toàn tổ chức cơ quan điều tra, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Cơ quan điều tra.

Đối với các chế định luật sư, hỗ trợ tư pháp, cần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực luật sư, công chứng, giám định tư pháp, trợ giúp pháp lý.

Tăng cường quyền tư pháp, quan điểm độc lập tư pháp, tăng cường vị thế của thẩm phán vào Chiến lược mới về cải cách tư pháp.

*Thứ tư*, huy động các nguồn lực cần và đủ cho hoạt động của các cơ quan tư pháp. Trước hết tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tư pháp quốc gia thông qua việc nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng... Tiếp tục đổi mới cơ chế thu hút, tuyển chọn người có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm, kiến thức xã hội, khả năng ngoại ngữ vào nguồn thi tuyển, bổ nhiệm các chức danh tư pháp. Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện nghiêm quy tắc đạo đức nghề nghiệp các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp. Bên cạnh đó, cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách, đầu tư kinh phí cho việc xây dựng trụ sở Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án hình sự; đồng thời, ứng dụng công nghệ thông tin cho các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; đổi mới cơ chế phân bổ, sử dụng, quyết toán ngân sách Trung ương do Quốc hội phân bổ và cơ chế phân bổ, sử dụng, quyết toán ngân sách do địa phương bảo đảm hiệu quả trên thực tế.

### **3. Kết luận**

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nói chung, cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng hoạt động của tòa án nói riêng. Đảng đã ban hành nhiều văn kiện; Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan có thẩm quyền ban hành nhiều đạo luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện trên thực tiễn. Nhờ đó, nền tư pháp nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ Xã hội Chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Rõ ràng, độc lập tư pháp chính là việc đảm bảo để Tòa án có thể xét xử tuân theo pháp luật, không chịu sự chi phối của cá nhân nào ngoài quy trình tố tụng luật định. Do đó, cải cách tư pháp cần hướng tới các giải pháp đảm bảo độc lập tư pháp cân bằng với vai trò lãnh đạo của Đảng về chủ trương, chính sách về công tác tư pháp, trong đó chú trọng đến yêu cầu thượng tôn pháp luật trong quan hệ với Tòa án. Khả năng và mức độ hiện thực hóa những giá trị của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vào đời sống xã hội phụ thuộc rất nhiều vào mức độ độc lập của quyền tư pháp.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về “chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2020), *Kết luận số 84-KL/TW, ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.
5. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014*, Hà Nội.

**BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ  
GÓP PHẦN ĐƯA HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG THÀNH KHÂU ĐỘT PHÁ  
TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CẢI CÁCH TƯ PHÁP  
Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**ThS.NCS. Hồ Trọng Hữu**

*Khoa Luật học, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh*

**Tóm tắt:** Xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam giai đoạn hiện nay xác định “lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá”. Để thực hiện tốt mục tiêu đó, việc có cơ chế bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự được thực hiện hiệu quả là yêu cầu cấp bách. Trong phạm vi bài viết, tác giả lý giải sự cần thiết phải xem xét bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử từ các mô hình tổ tụng hình sự trên thế giới; đồng thời chỉ ra một số thực trạng của việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng, từ đó đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khoá:** Tranh tụng, tổ tụng hình sự, hoạt động xét xử Toà án

### **1. Đặt vấn đề**

Nghị quyết Số: 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới xác định mục tiêu đến năm 2030: “Hoàn thành cơ bản việc xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân” trong đó có trọng tâm “Đẩy mạnh cải cách tư pháp, bảo đảm tính độc lập của tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”.

Để xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, Nghị quyết Số: 27-NQ/TW xác định xây dựng chế định tổ tụng tư pháp “lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá”.

Vấn đề tranh tụng trong tổ tụng hình sự được ghi nhận và là một trong những nội dung quan trọng tại Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị Ban

chấp hành trung ương Đảng “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” xác định: “Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác...”. Tiếp đó, tại Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” nhấn mạnh việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử và lần đầu tiên xác định đây là “khâu đột phá” của hoạt động tư pháp.

Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật tố tụng hình sự ghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm<sup>26</sup>, nguyên tắc này thay thế cho nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước toà án quy định tại BLTTHS 2003 với những nội dung mới bảo đảm tranh tụng trong xét xử, thực hiện yêu cầu của cải cách tư pháp.

Để hoạt động tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự thành khâu đột phá trong tố tụng hình sự đòi hỏi phải có các cơ chế đầy đủ bảo đảm các bên được tôn trọng và thực hiện triệt để nguyên tắc này.

## **2. Nội dung**

### ***2.1. Hoạt động tranh tụng trong các mô hình tố tụng hình sự trên thế giới***

Mô hình tố tụng hình sự theo cách hiểu chung nhất là sự khái quát cao những đặc trưng cơ bản, phổ biến, phản ánh cách thức tổ chức hoạt động tố tụng hình sự và cách thức tìm đến sự thật khách quan của vụ án.

Hiện nay, trên thế giới có 3 mô hình tố tụng hình sự chính gồm: Tố tụng hình sự tranh tụng, tố tụng hình sự thẩm vấn và tố tụng hình sự pha trộn (hỗn hợp).

Hoạt động tranh tụng trong 3 mô hình này cũng thể hiện những điểm khác biệt.

Ở mô hình tố tụng hình sự tranh tụng thường áp dụng đối với các quốc gia theo hệ thống pháp luật Anh - Mỹ (Common Law) theo đó hoạt động tranh tụng bảo đảm quyền bình đẳng giữa các bên. Mô hình tố tụng này có một quy trình tố tụng, đặc biệt trong giai đoạn xét xử thể hiện tính công bằng cao, thể hiện qua vai trò bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Ở các giai đoạn của quá trình tố tụng, các bên (buộc tội và gỡ tội) đều có quyền thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và được thẩm tra, đánh giá công khai tại toà án. Việc ra phán quyết phải dựa trên quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa trên cơ sở chứng cứ mà các bên đưa ra.

---

<sup>26</sup> Hiến pháp năm 2013 - Khoản 5, Điều 103  
Bộ Luật tố tụng hình sự 2015 số: 101/2015/QH13 - Điều 26



Mô hình tố tụng tranh tụng đem lại những tác động tích cực tới chất lượng của quá trình tố tụng. Luật sư có thể tham gia đầy đủ vào quá trình tố tụng nên tòa án có thêm được một nguồn thông tin giá trị để khám phá sự thật khách quan của vụ án. Thay vì chỉ xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ hình sự của mô hình thẩm vấn thì đoàn bồi thẩm của mô hình tranh tụng được tiếp cận chứng cứ của cả bên buộc tội và bên gỡ tội. Trước các chứng cứ mà các bên đưa ra trong quá trình tranh tụng, mặc dù mang yếu tố chủ quan của các bên giữ vai trò khác nhau trong hoạt động tranh tụng nhưng cũng góp phần cung cấp cơ sở dữ liệu đầy đủ để quyết định tội danh và hình phạt. Vai trò của luật sư trong mô hình tố tụng tranh tụng rất quan trọng, giúp hạn chế sự “lạm quyền” của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, tại mô hình tố tụng này, quyền được suy đoán vô tội đối với người bị buộc tội được tôn trọng.

Mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn thường áp dụng với các quốc gia theo hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa (Civil Law). Đặc trưng như các quốc gia: Cộng hoà Pháp, Cộng hoà Liên bang Đức

Tại mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn xem việc xác định sự thật vụ án là trách nhiệm của Nhà nước, do đó các cơ quan tiến hành tố tụng gồm: Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát/ Viện công tố, tòa án được quy định có vai trò thực hiện nghĩa vụ chứng minh về tội phạm và người phạm tội.

So với mô hình tố tụng tranh tụng, vai trò của cơ quan nhà nước trong việc tham gia tố tụng theo mô hình này là chủ yếu. Hiện diện trong suốt quá trình tố tụng là một hồ sơ vụ án hình sự thống nhất được lập từ giai đoạn điều tra và là nơi chứa đựng chứng cứ xác định tội phạm. Các cơ quan tiến hành tố tụng, bao gồm Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án là những chủ thể đóng vai trò chính trong toàn bộ quá trình tố tụng và chi phối toàn bộ mô hình tố tụng. Các cơ quan tiến hành tố tụng là chủ thể xác định sự thật khách quan của vụ án, có toàn quyền trong việc xây dựng hồ sơ vụ án và coi đó là chứng cứ để xem xét định tội.

Thẩm phán đóng vai trò chủ động trong mô hình này. Kết quả của quá trình điều tra trước khi mở phiên tòa có ý nghĩa to lớn đối với phán quyết của thẩm phán. Chính vì thế, nhiệm vụ của thẩm phán tại phiên tòa là kiểm tra, thẩm định lại các chứng cứ đã được thu thập trước đó. Điều này lý giải tại sao việc xem xét và đánh giá tính có căn cứ và tính hợp pháp của chứng cứ được coi là đặc trưng của tố tụng thẩm vấn. Việc đặt nặng hoạt

động điều tra ở giai đoạn tiền tố tụng trước khi mở phiên tòa đòi hỏi các bên gồm cảnh sát điều tra, đại diện Viện công tố và đặc biệt là thẩm phán phải tập trung vào việc chứng minh tội phạm, do đó các chức năng tố tụng không được phân định một cách rõ ràng, cụ thể mà chủ yếu tập trung vào Tòa án. Tòa án vừa chi phối, giám sát hoạt động điều tra trước phiên tòa, vừa thực hiện chức năng xét xử. Phiên tòa với bản chất của cuộc điều tra lại, điều tra tiếp được tiến hành bởi thẩm phán nên hoạt động tranh tụng của Công tố viên và bên bào chữa trở nên hình thức, dẫn đến quyền bào chữa của người bị buộc tội bị ảnh hưởng. Từ đó nguyên tắc “suy đoán vô tội” và nguyên tắc về “quyền im lặng” trong mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn không được coi trọng đúng mức.

Mô hình tố tụng hình sự pha trộn (hỗn hợp) tụng lần đầu tiên xuất hiện trong truyền thống pháp luật Hồi giáo, đó là sự hỗn hợp giữa tố tụng thẩm vấn và tố tụng tranh tụng. Truyền thống luật Hồi giáo dựa trên cơ sở thần quyền nên không phát triển thông qua quá trình pháp điển hóa hay tiền lệ pháp. Hơn nữa, pháp luật Hồi giáo không đòi hỏi các hoạt động tố tụng phải tập trung vào một hay nhiều cơ quan. Việc xác định luật tố tụng Hồi giáo là việc làm không dễ dàng vì nó phụ thuộc hoàn toàn vào sự sáng tạo của Nhà nước. Nhờ sự sáng tạo này mà luật tố tụng hình sự Hồi giáo có đặc trưng của cả loại hình tố tụng xét hỏi và tố tụng tranh tụng. Loại hình tố tụng xét hỏi chiếm phần cơ bản hơn vì không có sự tách biệt giữa thẩm phán và điều tra viên. Mặt khác, vai trò của người bào chữa không đến mức đối trọng như một bên đại diện cho các chứng cứ đảm bảo chống lại sự kết tội không đúng hoặc để giám sát phán quyết của tòa án. Trong khi đó, một số quy định của loại hình tranh tụng lại được áp dụng như quyền phản đối sự buộc tội, quyền im lặng và nguyên tắc suy đoán vô tội. Mô hình tố tụng hình sự pha trộn sau này được phát triển ở các quốc gia như Cộng hoà Áo, Cộng hoà Ý...

Từ thực tiễn công tác áp dụng pháp luật trong tố tụng hình sự ở Việt Nam thời gian qua cho thấy, mô hình tố tụng hình sự hiện hành đã phát huy tác dụng tích cực trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và từng bước đáp ứng được yêu cầu bảo đảm dân chủ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, công tác cải cách tư pháp đặt ra một số yêu cầu để phù hợp với sự phát triển của xã hội và quá trình hội nhập quốc tế, trong đó xác định tranh tụng trong tố tụng là khâu đột phá.

## **2.2. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm theo quy định của BLTTHS 2015**

Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS 2015) của Việt Nam lần đầu tiên quy định nguyên tắc tranh tụng trong xét xử. Nguyên tắc tranh tụng đã được BLTTHS hiện hành quy định tại Điều 26 BLTTHS 2015.

Đến nay còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm tranh tụng. Có quan điểm cho rằng: *“Tranh tụng tại phiên tòa thực chất là quyền cho phép bên bị buộc tội và bên buộc tội đưa ra những lý lẽ để chứng minh những căn cứ của kiểm sát viên thực hành quyền công tố là đúng hay sai, từ đó hội đồng xét xử (HĐXX) sẽ đưa ra được bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật”<sup>27</sup> hoặc “Tranh tụng là hoạt động tố tụng được thực hiện bởi các bên tham gia tố tụng (bên buộc tội và bên gỡ tội) có quyền bình đẳng với nhau trong việc đưa ra chứng cứ để bảo vệ quan điểm và lợi ích của mình, phản bác lại quan điểm và lợi ích của phía đối lập”<sup>28</sup>*

Tranh tụng trong tố tụng hình sự cũng có thể được hiểu là *việc một bên có quyền biết về chứng cứ và lập luận của bên kia đồng thời đưa ra các chứng cứ và lập luận để phản bác*. Có nhiều cách tìm ra sự thật khách quan của vụ án. Tranh tụng là một trong phương pháp tốt nhất chẳng những tìm ra được sự thật của vụ án mà còn đảm bảo được quyền con người trong tố tụng hình sự. Tranh tụng có thể xem xét nhiều khía cạnh: một hoạt động tố tụng, một mô hình tố tụng và một nguyên tắc trong tố tụng hình sự.

Nguyên tắc tranh tụng được quy định trong BLHS đòi hỏi có sự phân công rành mạch giữa các chức năng của tố tụng hình sự là chức năng buộc tội, chức năng gỡ tội và chức năng xét xét xử. Tương ứng với các chức năng đó là các chủ thể tham gia vào tranh tụng trong tố tụng hình sự gồm: bên buộc tội thực hiện chức năng buộc tội là điều tra viên, những người tiến hành tố tụng khác, kiểm sát viên; bên gỡ tội bao gồm người bị buộc tội (người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo), người bào chữa.

Trong đó bên gỡ tội và buộc tội bình đẳng với nhau (có quyền ngang nhau) trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ và đưa ra yêu cầu đối với bên kia. Nghĩa vụ chứng minh thuộc bên buộc tội, bên bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải đưa ra chứng cứ chứng minh mình vô tội. Tòa án đóng vai trò trọng tài bảo đảm cho sự bình đẳng trong tranh tụng.

<sup>27</sup> Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, Từ điển Luật học, 2006, tr.807 - 809.

<sup>28</sup> Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, Từ điển Luật học, 2006, tr.807 - 809.

Nội dung tranh tụng là các bên tranh tụng làm rõ bản chất của của vụ án như có sự việc phạm tội xảy ra hay không? Ai là người phạm tội, có lỗi, có năng lực trách nhiệm hình sự hay không? thời gian, địa điểm phạm tội và các tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án. Ngoài ra nội dung tranh tụng còn để xác định tính hợp pháp của các chứng cứ, các quyết định tố tụng và các thủ tục tố tụng...

Phạm vi hoạt động tranh tụng: Mặc dù Điều 26 BLTTHS 2015 quy định “Tranh tụng trong xét xử” nhưng nội dung của điều luật cho thấy tranh tụng là một nguyên tắc xuyên suốt quá trình tố tụng hình sự bắt đầu từ khi có sự buộc tội của bên buộc tội (khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, khi tạm giữ người, khi khởi tố bị can và chấm dứt khi bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án). Tinh thần này đúng với với bản chất của tranh tụng: khi nào có buộc tội khi đó xuất hiện tranh tụng và tranh tụng không chỉ diễn ra tại phiên tòa và chỉ tại tòa mới có tranh tụng. Nói cách khác tranh tụng tại phiên tòa chỉ là một khâu cuối cùng và quan trọng của quá trình tố tụng hình sự.

Nhằm bảo đảm cho tranh tụng được thực hiện, nguyên tắc tranh tụng đòi hỏi tính hợp pháp và đầy đủ của hệ thống chứng cứ, tài liệu của bên buộc tội. Mặt khác, đòi hỏi sự có mặt đầy đủ của các bên “buộc tội” và “gỡ tội” (trừ các trường hợp theo quy định của BLTTHS). Để bảo đảm cho hoạt động tranh tụng và tranh tụng khi xét xử vụ án hình sự tại phiên tòa, vai trò của Tòa án là hết sức quan trọng. Tòa án phải có trách nhiệm bảo đảm cho các bên tranh tụng bình đẳng tại phiên tòa, mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ một cách đầy đủ và thuyết phục.

Việc ra bản án, quyết định của tòa án phải dựa trên kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa.

Ngoài nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm, BLTTHS 2015 cũng quy định các nội dung khác phù hợp với quy định tại Điều 26 để tạo điều kiện cho nguyên tắc này được thực thi hiệu quả:

BLTTHS quy định về thủ tục tranh tụng tại phiên tòa tại Mục V Chương XXI để bảo đảm quyền bình đẳng, dân chủ của bị cáo, người bào chữa trong quá trình xét hỏi; xem xét vật chứng; đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tình tiết có giá trị giải

quyết vụ án tại phiên tòa; đặc biệt quy định rất cụ thể, rõ ràng về quá trình tranh luận tại phiên tòa (người bào chữa, bị cáo được quyền tranh luận đến cùng đối với từng vấn đề liên quan đến vụ án, Kiểm sát viên có trách nhiệm đưa ra chứng cứ, lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến bị cáo, người bào chữa; chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tranh luận trình bày hết ý kiến, yêu cầu Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến của người bào chữa và người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận).

Quy định bổ sung các quyền và cách thức thực hiện các quyền của người bào chữa nhằm tạo sự bình đẳng và các điều kiện thuận lợi cho người bào chữa tham gia các hoạt động tố tụng hình sự như gặp, hỏi người bị buộc tội (mà không phụ thuộc vào kế hoạch hỏi cung của điều tra viên); có mặt trong hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói và hoạt động điều tra khác; được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác (mà không cần đề nghị); đề nghị triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền độc lập trong thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật...

Quy định bổ sung các quyền và cách thức thực hiện các quyền của người bị buộc tội nhằm bảo đảm quyền của người bị buộc tội, nhất là quyền tự bào chữa hoặc nhờ người bào chữa như giải thích, thông báo quyền nhờ người bào chữa; trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; đề nghị giám định, định giá tài sản; đọc, ghi chép bản sao tài liệu ...

### ***2.3. Thực trạng áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm***

Sau 5 năm kể từ khi BLTTHS 2015 có hiệu lực, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm đã được áp dụng rộng rãi tại các phiên tòa xét xử vụ án hình sự và thu được hiệu quả tích cực. Trong quá trình kiểm tra, đánh giá chứng cứ, nhiều hội đồng xét xử bảo đảm quyền bình đẳng của người bào chữa trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án, các vật chứng, tài liệu được đưa ra xem xét, đánh giá công khai tại phiên tòa. Trong giai đoạn tranh luận, nhiều hội đồng xét xử đã phổ biến những điểm quan trọng trong tranh luận tại phiên tòa theo Điều 322 BLTTHS và tạo điều kiện cho người bào chữa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến của mình mà không hạn

chế thời gian tranh luận; yêu cầu Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ tài liệu, lập luận từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa để làm sáng tỏ tình tiết vụ án...

Tuy nhiên, ngoài các hiệu quả thu được bên cạnh đó cũng tồn tại một số vấn đề cần được đưa ra xem xét, đánh giá để từ đó làm cơ sở thực hiện tốt hơn nguyên tắc này, góp phần đưa tranh tụng tại phiên tòa thành khâu đột phá trong tố tụng hình sự.

### ***Cụ thể:***

#### **Về quy định của pháp luật:**

Theo quy định của BLTTHS 2015, tòa án có thẩm quyền trong trường hợp luật định có quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự tại phiên tòa<sup>29</sup>, bên cạnh đó, tòa án có thẩm quyền thực hiện thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án hình sự<sup>30</sup>. Tại Hiệp pháp năm 2013 khẳng định tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện quyền tư pháp. Những nhiệm vụ, thẩm quyền của tòa án không thuộc chức năng xét xử, ảnh hưởng đến nguyên tắc độc lập xét xử, ảnh hưởng đến tính khách quan của hoạt động xét xử như: Trách nhiệm chứng minh tội phạm; thẩm quyền khởi tố vụ án; thẩm quyền tiếp tục xét xử vụ án khi VKS đã rút quyết định truy tố; thẩm quyền xét xử vượt quá giới hạn truy tố của VKS, giới hạn xét xử... cần được bãi bỏ.

Khoản 1 Điều 34 BLTTHS 2015 quy định người tiến hành tố tụng gồm cả Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán. Theo nguyên tắc tố tụng trong xét xử, Kiểm sát viên đại diện cho bên buộc tội ngang hàng với bên gỡ tội. Nếu quy định Kiểm sát viên cùng với Thẩm phán đều là người tiến hành tố tụng, đã đặt Kiểm sát viên là bên buộc tội ngang hàng với Thẩm phán là bên thực hiện việc xét xử, sẽ tạo sự “không ngang hàng” giữa chủ thể buộc tội và gỡ tội.

Khoản 1 Điều 42 BLTTHS 2015 quy định về quyền của Viện kiểm sát trong việc thực hiện kiểm sát việc xét xử: Viện kiểm sát có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự. Việc này ít nhiều sẽ làm cho Tòa án bị lệ thuộc theo quan điểm truy tố của Viện kiểm sát. Do đó, thiết nghĩ cần có cơ chế tách riêng nhiệm vụ thực hành quyền công tố trước tòa và nhiệm vụ kiểm sát xét xử vụ án hình sự thành hai cơ quan độc lập.

<sup>29</sup> Bộ Luật tố tụng hình sự 2015 số: 101/2015/QH13 - Điều 153

<sup>30</sup> Bộ Luật tố tụng hình sự 2015 số: 101/2015/QH13 - Điều 252

Điều 307 BLTTHS quy định về trình tự xét hỏi: “Hội đồng xét xử phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý.

Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi” là chưa hợp lý với quan điểm xem tranh tụng là khâu đột phá trong xét xử.

Khoản 3 Điều 322 BLTTHS 2015, chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án. Đến nay khái niệm “không liên quan vụ án” chưa được hướng dẫn cụ thể, có nhiều cách hiểu khác nhau, trong một số trường hợp chủ tọa phiên tòa dùng quyền của mình để cắt ý kiến của người bào chữa. Ngoài ra, BLTTHS không quy định về biện pháp áp dụng trách nhiệm đối với trường hợp Kiểm sát viên không thực hiện nghĩa vụ đối đáp, tranh luận đến cùng tại phiên tòa để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Việc này dẫn đến trong một số phiên tòa, Kiểm sát viên tranh luận hình thức, né tránh những vấn đề mà người bào chữa nêu ra trái với quan điểm của Kiểm sát viên hoặc trả lời không đi thẳng vào trọng tâm của vấn đề đang tranh luận hoặc không đưa quan điểm đối đáp bằng cách “bảo lưu quan điểm luận tội”.

#### **Về các chủ thể tham gia vào mối quan hệ pháp luật tố tụng hình sự:**

Trong một số vụ án, hội đồng xét xử không coi trọng đúng mực kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi xét hỏi, tranh luận và đối đáp đã phát sinh các chứng cứ mới nhưng bản án, quyết định của Tòa án chưa xem xét, đánh giá dẫn đến tiềm ẩn phát sinh oan, sai trong tố tụng. Những tình tiết quan trọng và chứng cứ gỡ tội mà người bào chữa đưa ra có trường hợp không được hội đồng xét xử quan tâm xem xét, chấp nhận và chưa được đề cập trong bản án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội. Một số bản án, quyết định của Tòa án chưa xuất phát từ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Chất lượng đội ngũ Luật sư (một trong những người tham gia tố tụng) là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng tranh tụng tại phiên tòa. Theo thống kê của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, tính đến ngày 30 tháng 8 năm 2023 cả nước có hơn

17.000 Luật sư<sup>31</sup>. Bên cạnh những Luật sư giỏi về chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt thì vẫn còn một bộ phận Luật sư vi phạm đạo đức nghề nghiệp, thiếu kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm đối đáp, tranh luận trực tiếp, dẫn đến tranh tụng không đi vào trọng tâm của vấn đề khi tham gia các phiên tòa. Trong các trường hợp theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa mời Luật sư là người bào chữa chỉ định thì nhiều trường hợp thực hiện hoạt động bào chữa mang tính hình thức nên chất lượng tham gia tranh tụng còn hạn chế.

#### ***2.4. Một số kiến nghị bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự góp phần đưa hoạt động tranh tụng thành khâu đột phá trong tố tụng hình sự, phục vụ công tác cải cách tư pháp***

##### ***Về quy định của pháp luật***

Bỏ thẩm quyền của toà án trong việc ra quyết định khởi tố vụ án hình sự tại phiên tòa và thực hiện thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án hình sự.

Toà án chỉ thực hiện chức năng xét xử, không thực hiện những thẩm quyền thuộc chức năng buộc tội. Khi xét xử, tòa án nhận diện và đánh giá bản chất sự thật vụ án chủ yếu thông qua việc nghe các bên hỏi, tranh luận, đối đáp; dựa vào kết quả tranh tụng và căn cứ vào quy định của pháp luật để ra phán quyết. Nếu nhận thấy đủ chứng cứ xác định có tội phạm và người phạm tội thì áp dụng trách nhiệm hình sự đối với họ, nếu không đủ và không thể làm sáng tỏ chứng cứ buộc tội thì phải tuyên bị cáo vô tội.

Khoản 1 Điều 34 BLTTHS 2015 quy định cơ quan tiến hành tố tụng gồm Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát; Tòa án cần sửa đổi theo hướng xem xét Viện kiểm sát không phải là cơ quan tiến hành tố tụng mà là một bên tham gia tố tụng, có địa vị pháp lý bình đẳng như người bào chữa, người bị buộc tội. Từ đó quy định các chủ thể tham gia vào mối quan hệ pháp luật tố tụng thành các nhóm: Toà án; Chủ thể buộc tội; Chủ thể gỡ tội; các chủ thể khác.

Tại Khoản 1 Điều 42 BLTTHS 2015 quy định Viện kiểm sát có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, cần quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên trong tố tụng hình sự theo hướng tách thành hai cơ quan độc lập công tố và kiểm sát để tránh Tòa án bị lệ thuộc theo quan điểm truy tố của Viện kiểm sát.

---

<sup>31</sup> Liên đoàn Luật sư Việt Nam - <https://lsvn.vn>.



Điều 307 BLHS 2015 nên thay đổi về trình tự xét hỏi theo hướng trách nhiệm xét hỏi chính thuộc về kiểm sát viên và luật sư. Kiểm sát viên hỏi về các tình tiết chứng minh việc buộc tội, luật sư hỏi về các tình tiết gỡ tội. HĐXX chỉ hỏi khi cần thiết để kiểm tra chứng cứ buộc tội, gỡ tội nhằm nhận thức đúng sự thật, hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc có mâu thuẫn.

Cụ thể, nên quy định trình tự xét hỏi được thực hiện theo thứ tự: Kiểm sát viên hỏi trước, sau đó đến luật sư, cuối cùng mới đến HĐXX hỏi nếu thấy còn những vấn đề cần làm rõ thêm. HĐXX điều hành phân xét hỏi, hướng dẫn các bên thực hiện việc xét hỏi hoặc trình tự, căn cứ pháp luật tố tụng cần áp dụng và chỉ thực hiện việc thẩm vấn bổ sung, xem xét vật chứng sau khi bên buộc tội và bên gỡ tội đã thực hiện chức năng buộc tội và gỡ tội. Nếu đã tiến hành việc thẩm vấn, kiểm tra chéo nhân chứng, xem xét vật chứng mà thấy vấn đề còn chưa rõ thì yêu cầu kiểm sát viên, luật sư thẩm vấn thêm hoặc trực tiếp thẩm vấn, xem xét vật chứng, trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để ban hành phán quyết.

Cần có quy định cụ thể khái niệm “không liên quan vụ án” trong khoản 3 Điều 322 BLTTHS 2015, đó là trong trường hợp nào thì chủ tọa phiên tòa được quyền cất ý kiến của người bào chữa và trường hợp nào thì không, tránh trường hợp chủ tọa dùng quyền của mình để thực hiện việc cất ý kiến của người bào chữa ảnh hưởng tới hoạt động tranh tụng tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự.

#### **Về các chủ thể tham gia vào mối quan hệ pháp luật tố tụng hình sự:**

Để nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm thì cần bảo đảm thực hiện các nguyên tắc cơ bản khác trong tố tụng hình sự, trong đó có nguyên tắc suy đoán vô tội. Với nguyên tắc này, đòi hỏi hội đồng xét xử phải coi bị cáo là người chưa có tội cho đến khi chứng minh theo trình tự tố tụng và bản án có hiệu lực pháp luật. Như vậy, hội đồng xét xử mới coi trọng quá trình xét hỏi, tranh luận và đối đáp giữa Kiểm sát viên và người bào chữa, bị cáo; xem xét, đánh giá kỹ lưỡng, khách quan, toàn diện từng chứng cứ, cả chứng cứ định tội và chứng cứ gỡ tội, chứng cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để tìm ra sự thật vụ án, phán quyết chính xác, tránh oan, sai người vô tội. Nếu thông qua việc xét hỏi công khai, tranh luận và đối đáp tại phiên tòa, khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định thì hội đồng xét xử phải kết luận người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo không có tội (Điều 13. Suy đoán vô tội).

Cần xem xét tranh tụng trong xét xử là hoạt động trọng yếu có tính chất bút phá để bảo đảm và nâng cao chất lượng xét xử. Tranh tụng là hoạt động tố tụng quan trọng trong giai đoạn xét xử; hoạt động xét xử luôn phải đảm bảo hoạt động tranh tụng; Bản án, quyết định của Hội đồng xét xử được ban hành phải dựa trên diễn biến, nội dung, kết quả hoạt động tranh tụng giữa các bên bao gồm nhưng không chỉ giới hạn tại phiên tòa. Để hoạt động xét xử thực sự trở thành trung tâm của tố tụng hình sự cần có sự đột phá cả về hình thức, chất lượng, quy trình của hoạt động tranh tụng giữa các bên.

Đối với đội ngũ Luật sư, cùng với sự phát triển về số lượng thì việc bảo đảm chất lượng Luật sư phải được quan tâm. Các tổ chức hành nghề phải luôn khuyến khích động viên các Luật sư thành viên chủ động học tập rèn luyện để nâng cao phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp Luật sư, trình độ chuyên môn, đặc biệt là kỹ năng tranh tụng.

### **3. Kết luận**

Như vậy, để đảm bảo và thực hiện thành công chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá<sup>32</sup> cần thực hiện đồng bộ nhiều công việc từ hoàn thiện pháp luật; hoàn thiện mô hình hoạt động của Tòa án; đảm bảo hoạt động xét xử độc lập Tòa án; đảm bảo vai trò trung tâm của Tòa án trong chuỗi hoạt động tố tụng hình sự; đề cao vai trò, đạo đức của nhân lực ngành Tư pháp. Đặc biệt cần có các cơ chế để nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”.<sup>33</sup>

---

<sup>32</sup> Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - Nghị quyết Số: 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022

<sup>33</sup> Bộ Luật tố tụng hình sự 2015 số: 101/2015/QH13

**XÉT XỬ TRỰC TUYẾN**  
**SỰ ĐỘT PHÁ VÀ NHỮNG THÁCH THỨC TRÊN CON ĐƯỜNG XÂY DỰNG**  
**TÒA ÁN ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**TS. Đinh Ngọc Thắng**

*Khoa Luật học, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh*

**Đặt vấn đề:**

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tạo ra những biến chuyển mạnh mẽ trong đời sống kinh tế xã hội, làm thay đổi, nảy sinh những vấn đề mới, những thách thức mới, trong đó có hệ thống tư pháp. Xu hướng toàn cầu hóa và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng cũng đặt ra yêu cầu bảo vệ quyền con người, quyền công dân của Tòa án ngày càng cao, từ đó đòi hỏi phải luật hóa các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, không ngừng hoàn thiện pháp luật để tiệm cận trình độ pháp luật chung của thế giới. Việt Nam đã tham gia Hội nghị Chánh án các nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Hội đồng Chánh án khu vực ASEAN và đã cam kết đến năm 2025 phải hoàn thành việc xây dựng Tòa án điện tử theo Nghị quyết của Hội đồng. Hiện nay, các nước trong khu vực ASEAN đã thực hiện việc xây dựng Tòa án điện tử (chỉ còn Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar chưa thực hiện). Để có những bước đi thận trọng và phù hợp, ngành Tòa án đã đề nghị Quốc Hội xem xét, ban hành Nghị quyết về phiên tòa trực tuyến nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn do đại dịch Covid - 2019 gây ra, đồng thời từng bước hoàn thiện mô hình Tòa án điện tử trong tương lai. Ngày 12/11/2021 Quốc Hội đã ban hành Nghị quyết số 33/2021/QH15 của Quốc hội khóa XV về tổ chức phiên tòa trực tuyến, Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/01/2022. Vì vậy, bài viết này sẽ tập trung vào những vấn đề chính sau đây: 1) Khái quát về các mô hình xét xử trực tuyến của một số quốc gia; 2) Đánh giá những thành công và vướng mắc khi thực hiện xét xử trực tuyến ở Việt Nam trong thời gian qua; 3) Một số đề xuất, kiến nghị.

**1. Khái quát về mô hình xét xử trực tuyến của một số quốc gia trên thế giới**

Hiện nay, trên thế giới đã có 168 nền tài phán quốc gia có tổ chức các phiên xử trực tuyến bằng các ứng dụng công nghệ thông tin khác nhau như Google Meet, Zoom, Microsoft Teams [1]. Sự lan tỏa của các phiên xử từ xa dựa vào công nghệ thông tin được lan tỏa nhanh trong giai đoạn đại dịch Covid-19. Trong thời gian đại dịch Covid tính ở thời điểm giữa tháng 6 năm 2020 có 56 quốc gia mở các phiên tòa trực tuyến [2]

Thực tiễn quốc tế cho thấy, thời gian vừa qua, các nước có nền khoa học công nghệ phát triển như Úc, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapo,... đã chú trọng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động tư pháp. Việc xét xử các phiên tòa trực tuyến đều được các quốc gia này thực hiện một cách thường xuyên và dần thay thế cho hoạt động tổ tụng truyền thống. Cụ thể [3]:

- Ở Singapo, tất cả các phòng xét xử tại các Tòa án đều được trang bị cơ sở hạ tầng cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xét xử trực tuyến. Luật sư cũng có thể sử dụng máy tính cá nhân, truy cập hồ sơ vụ án điện tử và trình bày vụ việc thông qua việc sử dụng công nghệ thích hợp. Tất cả các phòng xét xử đều được lắp đặt hệ thống hỗ trợ nghe cho người khiếm thính sử dụng thiết bị trợ thính telecoil ở một mức độ nhất định để tham dự phiên tòa.

Nhằm khuyến khích luật sư tận dụng những tiến bộ của công nghệ để trình bày vụ án tốt hơn, các thiết bị công nghệ thông tin di động được trang bị sẵn để sử dụng trong tất cả các phòng xét xử. Các thiết bị này bao gồm hệ thống phóng đại hình ảnh của các vật thể 3D hoặc tài liệu bản cứng và vô tuyến độ phân giải cao 65 inch với hệ thống hiển thị tương tác cho phép người dùng chú thích nội dung một cách rõ ràng. Thiết bị hội nghị truyền hình có sẵn trong phòng xét xử có thể được sử dụng để nhân chứng không có mặt tại phiên tòa trình bày lời khai.

- Phiên tòa trực tuyến ở Úc: Úc là một trong số các quốc gia đầu tiên trên thế giới ứng dụng thành công công nghệ thông tin vào việc xét xử. Ở Úc, phòng xét xử trực tuyến là phòng xử án ảo được sử dụng trong việc quản lý và xem xét một số vấn đề trước khi đưa ra xét xử trước Tòa án Liên bang Úc hoặc Tòa sơ thẩm Liên bang Úc.

- Tại Trung Quốc: TANDTC Trung Quốc đã ban hành “Quy tắc tổ tụng trực tuyến Tòa án nhân dân” có hiệu lực từ ngày 01/8/2021 (Quy tắc tổ tụng trực tuyến). Điều 1 Quy tắc tổ tụng trực tuyến quy định: “Tòa án nhân dân, đương sự và người tham gia tổ tụng khác có thể dựa trên nền tảng tổ tụng điện tử, thông qua mạng Internet hoặc các mạng chuyên dụng khác để thực hiện... xét xử. Hoạt động tổ tụng trực tuyến và hoạt động tổ tụng truyền thống có hiệu lực pháp luật như nhau”.

Ứng dụng hệ thống truyền hình hội nghị phục vụ cho việc xét xử các vụ án kinh doanh, thương mại đơn giản. Theo đó, trong quá trình Tòa án giải quyết đơn khởi kiện trực tuyến đối với những vụ việc đơn giản, Thẩm phán được phân công giải quyết sẽ tạo ra một “phòng xét xử điện tử” và cấp tài khoản truy cập vào phòng xét xử này

cho bên kiện và bên bị kiện để các đối tượng này dùng máy tính kết nối internet tham dự phiên tòa.

- Tại Hàn Quốc: Các Tòa án của Hàn Quốc đều có phòng xử án trực tuyến, các phòng xử án này được trang bị, lắp đặt các thiết bị hiện đại để phục vụ xét xử trực tuyến và công khai tài liệu, chứng cứ điện tử.

- Tại Anh: Ngày 11/5/2020, quyết định về việc xét xử trực tuyến được thông báo. Hai địa điểm đầu tiên áp dụng phương án này là Tòa án Hình sự London và Tòa án Hình sự Wales. Những người tham gia phiên xử vẫn có mặt tại tòa án. Tuy nhiên, thay vì tham gia chung tại phòng xử án, từng nhóm khác nhau như Thẩm phán, luật sư, bồi thẩm đoàn... được phân về các phòng riêng biệt và kết nối thông qua màn hình. Điều này nhằm đáp ứng các yêu cầu về giãn cách xã hội của Chính phủ Anh.

- Tại Mỹ, phiên xét xử trực tuyến đầu tiên diễn ra vào ngày 11/8/2020 tại bang Texas trước khi dần được áp dụng tại các bang khác như Alaska, Arizona, California, Columbia hay Tennessee... Hình thức tham gia của những người có vai trò tại phiên xét xử sẽ do các bang toàn quyền quyết định. Ví dụ: Tại Alaska, chỉ một số lượng nhất định thành viên bồi thẩm đoàn có mặt tại phiên tòa, phần còn lại kết nối, tham gia xét xử từ xa. Tại Arizona, các vụ án được chia thành các nhóm dựa trên mức độ nghiêm trọng. Từ đó, việc áp dụng xét xử sẽ tùy thuộc vào việc vụ án có mức độ nghiêm trọng ra sao; Tại California, Arkansas hay Columbia, các bị cáo có thể xuất hiện thông qua các thiết bị công nghệ; Tại bang Tennessee, việc xét xử trực tuyến thường chỉ áp dụng với các vụ việc dân sự liên quan tới tranh chấp, kinh doanh thương mại [4].

- Tại Ấn Độ, Đức, Brazil và nhiều quốc gia khác cũng đang tiến hành xét xử trực tuyến

Như vậy, xét xử trực tuyến là một xu thế tất yếu trong thời đại ngày nay, tuy nhiên, giới hạn về nội dung và hình thức tham gia của những người có liên quan ở các quốc gia là không giống nhau.

## **2. Xét xử trực tuyến ở Việt Nam, ưu điểm và những vướng mắc**

Ngày 12/11/2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 33/2021/QH15 về tổ chức phiên tòa trực tuyến, Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 [8] (Nghị quyết số 33/2021). Tiếp đó, ngày 15/12/2021, TANDTC, VKSNDTC, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư liên tịch số

05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến (Thông tư liên tịch số 05/2021), Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/2/2022. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng đánh dấu sự ra đời của phiên tòa trực tuyến để xét xử các vụ án hình sự, kinh doanh thương mại, lao động, hành chính... Có thể thấy, việc ra đời của Nghị quyết số 33/2021 và Thông tư liên tịch số 05/2021 là vô cùng kịp thời và cần thiết, đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn và phù hợp với xu thế chung của thế giới.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021 thì: *"Tòa án nhân dân được tổ chức phiên tòa trực tuyến để xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự, dân sự, hành chính có tình tiết, tính chất đơn giản; tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án rõ ràng..."*. [5]

Về khái niệm phiên tòa trực tuyến đã được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021 như sau: *"Phiên tòa trực tuyến là phiên tòa được tổ chức tại phòng xử án, có sử dụng các thiết bị điện tử kết nối với nhau thông qua môi trường mạng, cho phép bị cáo, bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa tại địa điểm ngoài phòng xử án do Tòa án quyết định nhưng vẫn bảo đảm trực tiếp theo dõi đầy đủ hình ảnh, âm thanh và tham gia các trình tự, thủ tục tố tụng của phiên tòa bằng lời nói, hành vi tố tụng liên tục, công khai, vào cùng một thời điểm"*.

Như vậy, về cơ bản xét xử trực tuyến là việc tổ chức xét xử trực tiếp có sự hỗ trợ từ các thiết bị điện tử và phần mềm ứng dụng truyền hình trực tuyến được thiết lập, kết nối với nhau thông qua môi trường mạng. Và việc tổ chức phiên tòa trực tuyến phải tuân thủ các quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật; bảo đảm sự tôn nghiêm của phiên tòa (khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021).

Khi tổ chức phiên tòa trực tuyến tại các điểm cầu, trong đó có một *điểm cầu trung tâm* và các *điểm cầu tham gia* [6] sẽ giúp tiết kiệm được thời gian, kinh phí đi lại cho người dân, cơ quan, tổ chức. Quyền và lợi ích hợp pháp của người dân cũng được bảo đảm, công lý được thực thi một cách nhanh chóng, kịp thời. Xét xử trực tuyến nói riêng, tố tụng trực tuyến nói chung phù hợp với chủ trương của Đảng, các nguyên tắc cơ bản và thủ tục tố tụng do pháp luật quy định; phù hợp với thực tiễn; đảm bảo tư pháp không chậm trễ; tiết kiệm chi phí xã hội [7].

Tại Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất triển khai luật, nghị quyết của Quốc hội

khóa XV do Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức, ngày 06/9/2023, Phó Chánh án TANDTC Nguyễn Văn Du cho biết Tính từ ngày 01/01/2022 đến nay, các tòa án đã phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng tổ chức xét xử trực tuyến được 9.263 vụ án, trong đó các vụ án hình sự là 7.197 vụ, hành chính 643 vụ, dân sự 436 vụ, hôn nhân và gia đình 164 vụ, lao động, kinh doanh thương mại 18 vụ, các loại vụ việc khác 807 vụ, cả nước đã có 691 tòa án đã tổ chức phiên tòa xét xử trực tuyến. Các tòa án chưa tổ chức xét xử bằng hình thức trực tuyến là do điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hoạt động xét xử trực tuyến chưa đảm bảo [8]

Thực tế triển khai các phiên tòa xét xử theo hình thức trực tuyến đã mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho người dân và xã hội, đặc biệt trong thời gian dịch bệnh Covid-19 đã giúp hạn chế tập trung đông người tại phòng xử án, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh; giúp người dân dễ dàng tiếp cận công lý và đảm bảo các hoạt động xét xử được tổ chức đúng thời hạn luật định. Việc xét xử trực tuyến đối với các vụ án hình sự, vừa đảm bảo tính nhân văn trong quá trình giải quyết các vụ án (đối với vụ án có liên quan đến tội phạm xâm hại tình dục hoặc bị hại là trẻ em thì không cần xuất hiện trực tiếp tại phiên tòa), đồng thời việc các bị cáo có thể tham dự phiên tòa tại điểm cầu trại tạm giam, nhà tạm giữ mà không cần phải áp giải các bị cáo từ nơi giam giữ đến tòa án đã giúp tiết kiệm được chi phí dẫn giải, thuận lợi cho việc bảo vệ phiên tòa...Việc xét xử trực tuyến các vụ án hành chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức phiên tòa, khắc phục tình trạng người bị kiện không tham gia phiên tòa, từ đó góp phần hạn chế việc phải hoãn phiên tòa nhiều lần; giảm bức xúc cho người khởi kiện. Việc xét xử trực tuyến các vụ án hành chính đã nhận được phản hồi tích cực của những người tham gia tố tụng và đánh giá rất cao của cơ quan hành chính nhà nước. Với vụ án dân sự, xét xử trực tuyến giúp tháo gỡ khó khăn và đẩy nhanh tiến độ giải quyết nhiều vụ án đã sắp hết thời hạn nhưng không thể đưa ra xét xử do không triệu tập được đầy đủ đương sự, người tham gia tố tụng khác đến phiên tòa; tiết kiệm được chi phí cho đương sự khi phải trực tiếp đến Tòa án tham dự phiên tòa.

Nhìn chung, việc xét xử theo hình thức trực tuyến không ảnh hưởng đến chất lượng xét xử, mà còn giúp cho tòa án giải quyết tình trạng hoãn các phiên tòa do vắng mặt bị cáo và những người tham gia tố tụng vì nhiều lý do khách quan. Ngoài ra tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; bảo đảm việc lưu trữ, bảo quản hồ sơ vụ việc, giảm thiểu

chi phí, thời gian, giúp đẩy nhanh tiến độ giải quyết các loại án.

Kết quả trên cho thấy chủ trương của Quốc hội cho phép TAND tổ chức phương thức xét xử bằng hình thức trực tuyến là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với quan điểm của Đảng về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động của các tòa án; đáp ứng việc thực hiện các cam kết quốc tế cũng như xu thế chung của các nền tư pháp tiên tiến trên thế giới. Tuy nhiên, việc tổ chức các phiên tòa xét xử trực tuyến vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc sau:

**Thứ nhất**, khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021 quy định: *“Tòa án nhân dân được tổ chức phiên tòa trực tuyến để xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự, dân sự, hành chính có tình tiết, tính chất đơn giản; tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án rõ ràng...”*.

Điều 3 Thông tư liên tịch số 05/2021 quy định về xem xét, quyết định mở phiên tòa trực tuyến có sự phân chia thành hai trường hợp là đối với vụ án giải quyết theo thủ tục thông thường (khoản 1) và đối với vụ án giải quyết theo thủ tục rút gọn (khoản 2), trong đó cũng chỉ ghi nhận, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải đánh giá vụ án có thuộc hay không thuộc trường hợp tổ chức phiên tòa trực tuyến quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021.

Căn cứ để Thẩm phán quyết định quyết định có tổ chức phiên tòa trực tuyến đối với các vụ án hay không là dựa vào quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021, theo đó, việc xét xử trực tuyến được giới hạn trong phạm vi những vụ án có tình tiết, tính chất đơn giản, rõ ràng; tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án rõ ràng (trừ các trường hợp theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 33/2021). Tuy nhiên, thực tiễn xác định, đánh giá tiêu chí này để quyết định mở phiên tòa trực tuyến còn khá lúng túng, vướng mắc do quy định của điều luật còn chưa cụ thể, rõ ràng.

Đồng thời, nghiên cứu các quy định của BLTTHS năm 2015 và BLTTDS năm 2015 thì thấy, đều có quy định thủ tục giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng thông thường và thủ tục tố tụng rút gọn, trong đó có ghi nhận những tiêu chí, điều kiện áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể. Và thực tế, khi xem xét, quyết định việc xét xử trực tuyến gặp vướng mắc về việc xác định điều kiện áp dụng, ví dụ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 317 BLTTDS năm 2015 về điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn đối với vụ án dân sự tại phiên tòa sơ thẩm như sau: *“Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn*



*khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ; tài liệu, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ;... "*

Về mặt câu chữ thì nội dung khoản 1 Điều 317 BLTTDS năm 2015 nêu trên có sự ghi nhận không khác nhiều so với quy định về điều kiện mở phiên tòa trực tuyến tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021. Tuy nhiên, Điều 3 Thông tư liên tịch số 05/2021 lại ghi nhận cả hai thủ tục tố tụng cho phiên tòa trực tuyến là thủ tục tố tụng thông thường và thủ tục tố tụng rút gọn mà không có hướng dẫn cụ thể tiêu chí đánh giá, xác định vụ án có thuộc hay không thuộc trường hợp được tổ chức phiên tòa trực tuyến quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội là một vướng mắc, gây khó khăn cho việc xét xử trực tuyến các vụ án.

**Thứ hai**, về bảo đảm bí mật thông tin trong xét xử các vụ án bằng hình thức trực tuyến

Có thể thấy, việc bảo mật các thông tin do các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập được trước và tại phiên tòa là vấn đề cần được quan tâm khi xét xử trực tuyến các vụ án. Thực tế xét xử trực tuyến ở các quốc gia cũng đang đứng trước nguy cơ bị đánh cắp thông tin khi việc tiếp cận các phiên tòa không phải là điều khó khăn khi xét xử trực tuyến.

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 05/2021 quy định: “*Phòng xử án trang bị các thiết bị phục vụ phiên tòa trực tuyến như sau: Hệ thống chiếu sáng; hệ thống đường truyền và thiết bị mạng...*” và khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 03/2021 quy định: “*Yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, vận hành và quản lý hệ thống tổ chức phiên tòa trực tuyến phải bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu theo quy định của Tòa án nhân dân tối cao...*”. Như vậy, rõ ràng quy định này còn khá chung chung, chưa bảo đảm các yêu cầu bảo vệ bí mật thông tin trong xét xử các vụ án.

Ngày 14/3/2022, Chánh án TANDTC đã ban hành Quyết định số 50/QĐ-TANDTC hướng dẫn về trang thiết bị, lắp đặt thiết bị phục vụ tổ chức phiên tòa xét xử trực tuyến cho phòng xử án của TAND các cấp. Hướng dẫn có quy định chung đối với trang thiết bị phục vụ tố tụng cho phiên tòa xét xử trực tuyến; quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, số lượng và bố trí, lắp đặt thiết bị phục vụ. Đồng thời, hướng dẫn có phụ lục rõ ràng về tiêu chuẩn thông số kỹ thuật, số lượng trang thiết bị cho một phòng xử trực tuyến; chi tiết kỹ thuật, số lượng thiết bị hệ thống âm thanh, hình ảnh, máy

chiếu vật thể để trình chiếu tài liệu, chứng cứ; máy tính điều khiển; thiết bị định tuyến, chia tín hiệu. Cụ thể như tivi hiển thị hình ảnh gồm ba cái, trong đó một tivi lớn hơn hoặc bằng 85 inch, hai cái còn lại lớn hơn hoặc bằng 75 inch. Về bố trí lắp đặt thiết bị bốn camera, ba tivi, hệ thống âm thanh, ánh sáng gắn thế nào... Tuy nhiên, cũng chưa có nội dung hướng dẫn về hệ thống đường truyền khi xét xử trực tuyến để bảo mật thông tin, tránh hacker đột nhập, lấy cắp thông tin nhằm gây cản trở, gián đoạn quá trình xét xử hoặc lấy cắp thông tin vì mục đích không chính đáng. Đây là một bất cập cần sớm được hoàn thiện.

*Thứ ba*, thực hiện việc xét xử trực tuyến nhưng các giai đoạn khác của quá trình tố tụng như nộp đơn khởi kiện, nộp tài liệu, chứng cứ kèm theo, tổng đạt quyết định của Tòa án,... vẫn được thực hiện bằng cách thức truyền thống thì không đảm bảo sự đồng bộ, dẫn đến việc không lựa chọn xét xử trực tuyến. Hiện nay, TANDTC đang xây dựng Đề án “Xây dựng Tòa án điện tử ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” [3] - đây là một trong 9 định hướng của cải cách tư pháp. Khi đề án này được thông qua, với việc triển khai đồng loạt các thủ tục, quy trình của tố tụng dân sự thì việc xét xử phiên tòa trực tuyến sẽ đạt hiệu quả cao hơn, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đặt ra.

### **3. Một số đề xuất, kiến nghị hướng tới mô hình Tòa án điện tử**

Ở nước ta việc xét xử trực tuyến đã được triển khai thực hiện trên thực tế, tuy nhiên, do đây là vấn đề khá mới mẻ nên hiệu quả chưa thực sự cao như mong đợi, vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập như nêu trên. Để khắc phục những hạn chế đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị sau:

*Một là*, Cần xem xét kỹ các loại án và vụ việc nào phù hợp trong xét xử trực tuyến, tùy thuộc vào hoạt động tố tụng nào được chuyển đổi số, phạm vi áp dụng có thể khác nhau. Ví dụ, ở các nước phát triển, việc số hóa hồ sơ, văn bản tố tụng và nộp đơn điện tử đã trở nên rất phổ biến, nhưng việc tổ chức phiên tòa, phiên họp trực tuyến thì có thể chỉ áp dụng đối với một số loại vụ việc. Do những rủi ro về công nghệ, có thể ảnh hưởng đến chất lượng xét xử và các quyền thủ tục công bằng của các bên, nên nhìn chung xét xử trực tuyến được áp dụng chủ yếu đối với các vụ việc không phức tạp. Hội đồng Thẩm phán TANDTC cần sớm ban hành nghị quyết hướng dẫn cụ thể tiêu chí xác định vụ án được xem xét, đưa ra xét xử trực tuyến. Đồng thời, tác giả cho rằng, khi sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 05/2021 thì cần thiết kể một điều khoản riêng về tiêu

chí đánh giá, xem xét áp dụng xét xử trực tuyến.

**Hai là**, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc của tố tụng truyền thống có tính đến yếu tố đặc thù của tố tụng điện tử, ví dụ: để bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận công lý và bình đẳng về công nghệ giữa các bên, tòa án trong tố tụng điện tử đôi khi phải đóng vai trò chủ động giải thích, hướng dẫn, hỗ trợ các đương sự yếu thế, gặp khó khăn trong tiếp cận công nghệ, chứ không thể đối xử cào bằng đối với tất cả các đương sự mà không xem xét đến thực tế là các bên vốn dĩ đã ở vào vị thế bất bình đẳng, hay nói cách khác, để đạt được sự công bằng, bình đẳng đôi khi lại cần một sự đối xử khác biệt, tức là cung cấp hỗ trợ nhiều hơn cho các đương sự gặp khó khăn so với các đương sự có lợi thế về công nghệ.

**Ba là**, tố tụng truyền thống mặc dù cũng đã có những quy định về bảo vệ bí mật đời tư, bí mật cá nhân nhưng vấn đề bảo đảm an toàn dữ liệu, trong đó dữ liệu cá nhân được đặt ra, đặc biệt cấp thiết hơn trong bối cảnh áp dụng tố tụng điện tử. Thực tiễn ở Việt Nam và các quốc gia trên thế giới cho thấy các hành vi đánh cắp thông tin cá nhân để khai thác nhằm mục đích thương mại là rất phổ biến. Trong bối cảnh áp dụng tố tụng điện tử, việc tiếp cận các phiên tòa công khai trên mạng Internet khá dễ dàng, nguy cơ mất an toàn thông tin cá nhân của các đương sự được cung cấp trên các nền tảng tranh tụng trực tuyến cũng có thể xảy ra như nguy cơ đối với người dùng của bất kỳ một nền tảng trực tuyến nào. Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cần sớm nghiên cứu ban hành quy chế trong việc bảo vệ thông tin vụ án, thông tin cá nhân của các bên trong tranh chấp và cả những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong phiên tòa xét xử trực tuyến. Công nghệ thông tin hiện đại có khả năng chống lại rủi ro này, tuy nhiên, phải có sự đầu tư một cách hiệu quả, cần thiết thì yêu cầu này mới được bảo đảm. Vì vậy, cần sớm có sự đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật một cách đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo yêu cầu thực tiễn đặt ra ở các điểm cầu (các phòng xét xử trực tuyến).

**Bốn là**, Xét xử trực tuyến nói riêng và Tố tụng điện tử nói chung cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về tính hiệu quả, đơn giản, gọn nhẹ, nhanh chóng, thuận tiện, “thân thiện với người dùng” nhằm giảm thiểu tình trạng chậm trễ, tốn kém và quá tải của hệ thống tòa án, vốn dĩ là nhược điểm cố hữu của tố tụng truyền thống ở bất kỳ quốc gia nào. Vì vậy, xã hội hiện đại đòi hỏi công lý được thực thi một cách nhanh chóng, hiệu quả, thậm chí là “theo thời gian thực” để phù hợp với nhịp độ gấp gáp, khẩn trương của thời đại Internet, thương mại điện tử và công nghệ số. Do đó, xét xử trực tuyến và xây dựng mô

hình tổ tụng điện tử cần đặt tiêu chí “hiệu quả” và “trương xúng” ngang bằng với tiêu chí “công bằng, chặt chẽ”.

**Năm là**, việc tổ chức phiên tòa trực tuyến để xét xử sơ thẩm, phúc thẩm đối với các vụ án hình sự, hành chính, kinh doanh thương mại, lao động... là một vấn đề rất mới, lần đầu tiên được thực hiện ở nước ta, do vậy kể cả đương sự và Thẩm phán, người tiến hành tổ tụng, cơ quan tiến hành tổ tụng khác còn rất nhiều lúng túng. Do đó, tác giả kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về nội dung Nghị quyết số 33/2021 cũng như Thông tư liên tịch số 05/2021 để người dân nói chung, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nói chung kịp thời nắm bắt được để thuận lợi trong quá trình giải quyết các tranh chấp. Bởi, khi người dân, doanh nghiệp đã hiểu, nắm bắt được nội dung của các văn bản này, thấy được tính ưu việt của việc tổ chức phiên tòa trực tuyến thì sẽ có sự cộng tác, phối hợp tốt hơn, do vậy việc giải quyết các vụ án cũng nhanh chóng và thuận lợi hơn.

### **Kết luận**

Có thể nói, việc tổ chức phiên tòa trực tuyến là một giải pháp đột phá nhằm nâng cao tính minh bạch trong hoạt động tổ tụng của Tòa án, tạo đòn bẩy thúc đẩy quá trình giải quyết vụ việc, vụ án được nhanh chóng, thuận lợi hơn, đáp ứng đầy đủ quyền công dân, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại của người dân. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cho thấy còn nhiều bất cập do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, tuy nhiên, xu thế chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp là một tất yếu và mô hình Tòa án điện tử là nhiệm vụ cấp bách trong quá trình phát triển và hội nhập, nhưng trước hết chúng ta cần nghiên cứu để bổ sung, hoàn thiện các quy định liên quan đến xét xử trực tuyến theo tinh thần Nghị quyết 33/2021.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] *Professor Richard Susskind, Society for Computer and Law, Remote Court Worldwide, <https://remotecourt.org>.*

[2] *GS.TS Lê Hồng Hạnh, Những thách thức đối với Tòa án điện tử nhìn từ yêu cầu đảm bảo sự thân thiện, hiệu quả trong tiếp cận công lý, thúc đẩy độc lập tư pháp, Tham luận Hội thảo khoa học góp ý đối với dự thảo Đề án “Xây dựng Tòa án điện tử ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” tổ chức ngày 22/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao, tr.1.*

[3] Dự thảo Đề án “Xây dựng Tòa án điện tử ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 của Tòa án nhân dân tối cao, ngày 30/5/2022.

[4] Hoàng Linh, *Xét xử trực tuyến ở các nước diễn ra như thế nào?*

<https://zingnews.vn/xet-xu-truc-tuyen-o-cac-nuoc-dien-ra-nhu-the-nao-post1264152.html>

[5] Xem khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 33/2021

[6] Điều 2 Thông tư liên tịch 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP

[7] Xem: <https://zingnews.vn/pho-chanh-an-tand-toi-cao-khong-phai-tat-ca-vu-an-deu-xu-truc-tuyen-post1263737.html>

[8] <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=79531>

# BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÀNH CHÍNH Ở VIỆT NAM

**TS. Nguyễn Thị Hà**

*Khoa Luật học, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh*

**Tóm tắt:** Chủ trương, quan điểm của Đảng về nguyên tắc tranh tụng đã được thể chế hóa trong Hiến pháp. Tại khoản 5 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” [2]. Như vậy, lần đầu tiên, việc bảo đảm tranh tụng trong xét xử được ghi nhận thành một nguyên tắc, thể hiện bước tiến lớn trong hoạt động xây dựng pháp luật của nước ta. Trên cơ sở trình bày, phân tích nhận thức chung về tranh tụng trong tố tụng hành chính, đặc trưng, vai trò của tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính, tác giả bình luận, đưa ra một số giải pháp về mặt pháp lý và tổ chức nhằm thực hiện có hiệu quả nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính, đảm bảo tính khách quan, công bằng, dân chủ trong xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhằm làm căn cứ để xác định sự thật vụ án, cơ sở để Hội đồng xét xử ra bản án, quyết định đúng đắn, khách quan, hợp pháp.

**Từ khóa:** *tranh tụng, xét xử sơ thẩm, vụ án hành chính*

## **1. Đặt vấn đề**

Tranh tụng là hoạt động của các bên tham gia xét xử đưa ra các quan điểm của mình và tranh luận lại để bác bỏ một phần hoặc toàn bộ quan điểm của phía bên kia. Tranh tụng là cơ sở để Tòa án đánh giá toàn bộ nội dung vụ án và đưa ra phán quyết cuối cùng đảm bảo tính khách quan đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tranh tụng tại phiên tòa hành chính là nội dung có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động tố tụng hành chính được quy định trong Luật Tố tụng hành chính năm 2015, là sự thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 liên quan đến hoạt động tố tụng và cải cách tư pháp là “đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, vai trò, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng đảm bảo tính công bằng, dân chủ, nghiêm minh, nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp”[1]. Đó cũng là yêu cầu cấp bách đảm bảo tính khách quan, công bằng, dân chủ trong xét xử sơ thẩm vụ án hành

chính nhằm làm căn cứ để xác định sự thật vụ án, cơ sở để hội đồng xét xử ra bản án, quyết định đúng đắn, khách quan, hợp pháp.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### ***2.1. Một số vấn đề chung về tranh tụng quy định trong Luật Tố tụng hành chính năm 2015***

So với Luật Tố tụng hành chính năm 2010, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đã quy định nguyên tắc bảo đảm tranh tụng là bắt buộc tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cả về nhận thức lẫn hoạt động thực tiễn trong việc xét xử. Cụ thể, Điều 175 đã quy định rõ nội dung và phương thức tranh tụng tại phiên tòa. Với phương thức này, các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đều được bình đẳng, chủ động và công khai đưa ra chứng cứ, căn cứ pháp lý, lập luận và đối đáp với nhau để làm rõ sự thật khách quan của vụ án hành chính [3]. Tranh tụng tại phiên tòa bao gồm việc trình bày chứng cứ, hỏi, đối đáp, trả lời và phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ, tình tiết của vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết yêu cầu của đương sự trong vụ án. Việc tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh tụng, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh tụng trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt ý kiến không liên quan đến vụ án. Tòa án phải sử dụng kết quả tranh tụng giữa các bên đương sự để giải quyết vụ án hành chính một cách khách quan, công bằng và đúng pháp luật. Đây là một phương thức bảo đảm dân chủ và công bằng trong tố tụng hành chính.

Điều 18 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 về bảo đảm tranh tụng trong xét xử cũng quy định rõ Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định. Đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền thu thập, giao nộp, cung cấp tài liệu, chứng cứ kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án hành chính và có nghĩa vụ thông báo cho nhau các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp; trình bày, đối đáp, phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng để bảo vệ yêu cầu, quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc bác bỏ yêu cầu của người khác theo quy định. Trong quá trình xét xử, mọi tài liệu, chứng cứ phải được xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, công khai, trừ trường hợp không được công khai theo quy định. Tòa án điều hành việc tranh tụng, hỏi những vấn

đề chưa rõ và căn cứ vào kết quả tranh tụng để ra bản án, quyết định. Một quy định nhằm bảo đảm nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa hành chính được thể hiện tại Điều 177 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 về thứ tự hỏi là sau khi nghe xong lời trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, theo sự điều hành của chủ tọa phiên tòa, thứ tự hỏi của từng người được thực hiện như sau: Người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện hỏi trước, tiếp đến người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, sau đó là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người tham gia tố tụng khác; chủ tọa phiên tòa, hội thẩm nhân dân; kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Việc đặt câu hỏi phải rõ ràng, nghiêm túc, không trùng lặp, không lợi dụng việc hỏi và trả lời để xâm phạm danh dự, nhân phẩm của những người tham gia tố tụng. So với trước đây, quy định về trình tự xét hỏi quy định tại Điều 171 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 có sự thay đổi tích cực và hợp lý hơn tạo sự chủ động trong việc hỏi để khai thác các chứng cứ, tránh sự áp đặt ý chí của Tòa án. Bên cạnh đó, khoản 19 Điều 55 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 còn quy định thêm việc đương sự có quyền “đưa ra câu hỏi với người khác về vấn đề có liên quan đến vụ án hoặc đề xuất với Tòa án những vấn đề cần hỏi với người khác; được đối chất với nhau hoặc với người làm chứng” [3].

Để làm rõ nội dung và phương thức tranh tụng, cần phân tích làm rõ một số đặc trưng của tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính như sau:

*Thứ nhất*, chủ thể tranh tụng chỉ bao gồm đương sự, người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

Tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính, chủ thể của tranh tụng là các bên trong vụ án - là người khởi kiện và người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các bên đều được bình đẳng, chủ động và công khai đưa ra chứng cứ, căn cứ pháp lý, lập luận và đối đáp để chứng minh, biện luận nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án theo những trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hành chính quy định. Tòa án là cơ quan tiến hành tố tụng điều hành, giám sát quá trình tranh tụng mà không tranh tụng với các bên đương sự, Tòa án sử dụng kết quả tranh tụng để giải quyết vụ án hành chính một cách khách quan, công bằng, đúng pháp luật.

*Thứ hai*, về phạm vi tranh tụng là các vấn đề cần làm rõ để xác định sự thật



khách quan của vụ án

Các vấn đề cần làm rõ có thể là “chứng cứ, tình tiết của vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết yêu cầu của đương sự trong vụ án”[3] hoặc những vấn đề mâu thuẫn, chưa thống nhất giữa các đương sự cần được Tòa án phân xử. Việc tranh tụng bắt đầu từ khi Tòa án thụ lý vụ án, các bên đương sự có quyền thu thập, giao nộp, cung cấp tài liệu, chứng cứ và nghĩa vụ thông báo cho nhau các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp. Việc tranh tụng kết thúc khi vụ án đã được giải quyết. Như vậy, phạm vi tranh tụng là giới hạn tất cả các vấn đề mà các bên tham gia tranh tụng cần làm rõ bằng các chứng cứ, tài liệu, căn cứ pháp lý, lập luận để Hội đồng xét xử có thể nhìn nhận, đánh giá một cách khách quan, chính xác nhất sự thật của vụ án hành chính.

#### *Thứ ba, nội dung và phương thức tranh tụng*

Tranh tụng tại phiên tòa bao gồm việc trình bày chứng cứ, hỏi, đối đáp, trả lời và phát biểu quan điểm, lập luận đánh giá chứng cứ, tình tiết của vụ án, về quan hệ tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết yêu cầu của đương sự. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành một cách công khai, trực tiếp và bằng lời nói. Tranh tụng ngoài phiên tòa là các hoạt động thu thập, giao nộp chứng cứ tài liệu, quyền yêu cầu được tiếp cận tài liệu. Việc tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

#### *Thứ tư, ý nghĩa của tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính*

Trước hết, việc quy định rõ nội dung và phương thức tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính bảo đảm cho đương sự được bình đẳng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án, từ đó, góp phần cho việc ra các bản án, quyết định của Tòa án khách quan, có căn cứ và đúng pháp luật. Tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính còn thể hiện rõ tính chất dân chủ, công khai và minh bạch trong việc giải quyết tranh chấp hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, củng cố lòng tin của người dân, nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý hành chính.

Như vậy, việc bổ sung các quy định trên đã xác định rõ và đầy đủ hơn quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia tranh tụng, đảm bảo cho đương sự quyền và nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án. Thực tiễn xét xử thời gian qua cho thấy, khi chưa có quy định cụ thể trong Luật Tố tụng hành chính năm 2015, khái niệm “tranh tụng” mới chỉ được hiểu là việc tranh luận tại phiên tòa và

chỉ thể hiện trong những vụ án có luật sư tham gia hoặc trong những vụ án mà đương sự có trình độ hiểu biết pháp luật nhất định, hoặc bên bị kiện cử người có đủ thẩm quyền, nắm rõ sự việc liên quan đến khiếu kiện tham gia phiên tòa. Những vụ án mà người khởi kiện có điều kiện kinh tế khó khăn, không thuê luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình hoặc những vụ án mà bên bị kiện ủy quyền cho người không phải là người quản lý, điều hành lĩnh vực liên quan đến khiếu kiện thì việc tranh tụng tại phiên tòa chưa bảo đảm. Hiện nay, tại hầu hết các Tòa án, quá trình tố tụng vẫn diễn ra theo lối mòn đó là xét hỏi. Những quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2010 đã làm hạn chế vai trò của đương sự, thể hiện ở trình tự phiên tòa là xét hỏi trước rồi mới đến tranh luận, số lượng các điều luật quy định vấn đề xét hỏi nhiều hơn hẳn so với các quy định về vấn đề tranh luận. Thủ tục hỏi bắt đầu từ phía Hội đồng xét xử, khi các bên muốn hỏi phải được sự đồng ý của Hội đồng xét xử. Không ít phiên tòa, Hội đồng xét xử hạn chế thời gian tranh luận của các bên đương sự... Chính vì vậy, công tác xét xử các vụ án hành chính của Tòa án nhân dân theo quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2010 chưa đáp ứng được sự mong đợi của người dân và xã hội, ảnh hưởng đến việc bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của cơ quan, tổ chức, cá nhân cũng như ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết các vụ án hành chính của Tòa án nhân dân. Do đó, nguyên tắc tranh tụng được vận dụng trong xét xử án hành chính chưa mang lại hiệu quả cao nên chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp đã đề ra.

## ***2.2. Một số giải pháp bảo đảm hiệu quả nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính***

Tranh tụng là nguyên tắc quan trọng trong tố tụng nói chung và xét xử hành chính nói riêng. Để đảm bảo cho nguyên tắc tranh tụng được thực hiện đầy đủ tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính nhằm giải quyết đúng đắn, khách quan vụ án, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng, cần thiết phải có một hệ thống các bảo đảm về mặt pháp lý cũng như các giải pháp nâng cao hiệu quả việc tổ chức thực hiện.

### ***Thứ nhất, bảo đảm về mặt pháp lý***

Ghi nhận rõ nội dung và các cơ chế pháp lý đảm bảo nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hành chính theo hướng thực chất, đảm bảo dân chủ, công khai. Chiến lược Cải cách tư pháp đã nhấn mạnh việc “đẩy mạnh tranh tụng tại Tòa án”. Hiến pháp năm 2013 cũng khẳng định “nguyên tắc tranh tụng trong xét xử phải được đảm bảo” [2]. Vì vậy, trong Luật Tố tụng hành chính năm 2015 cần cụ thể

hóa và quy định chặt chẽ nội dung và phương thức tranh tụng, đặc biệt là tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Để thực hiện tốt nguyên tắc này trong phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính, Luật cần quy định rõ ràng về quyền và địa vị pháp lý để đương sự thực hiện quyền tranh tụng như: Quy định quyền, nghĩa vụ, thủ tục cung cấp chứng cứ, chứng minh; coi trách nhiệm thu thập chứng cứ của đương sự là nội dung trọng tâm. Một vấn đề khác, để tranh tụng thực sự dân chủ, công bằng, khách quan, thì các tài liệu, chứng cứ trong vụ án phải được minh bạch, công khai, các bên đương sự đều có quyền và điều kiện tiếp cận như nhau. Các quy định đầy đủ, hợp lý và khả thi về địa vị tố tụng của các bên tham gia tố tụng tại phiên tòa để họ có điều kiện, khả năng thực hiện các nội dung tranh tụng theo chức năng, nhiệm vụ hoặc lợi ích của mình, như được chủ động thu thập vật chứng, được xét hỏi những người tham gia tố tụng, đặc biệt là người làm chứng trong giai đoạn điều tra, được yêu cầu cung cấp tài liệu.

Xác định rõ hơn quyền hạn, trách nhiệm của hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử thực hiện vai trò điều khiển tranh tụng trong phiên tòa hành chính, để bảo đảm chất lượng tranh tụng, chủ tọa phiên tòa phải là người xác định những nội dung cần tranh tụng (căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và đề xuất của các bên đương sự); chủ tọa phiên tòa là người điều hành việc tranh tụng và bảo đảm rằng, các bên đương sự phải nêu quan điểm, lập luận của mình trong từng vấn đề đã được xác định. Mặc dù họ không phải là một bên tranh tụng nhưng với vai trò thực thi công lý, họ phải có kỹ năng điều hành, hướng dẫn các bên thực hiện việc tranh tụng đi vào trọng tâm, hiệu quả. Muốn vậy, thẩm phán phải là người có kiến thức chuyên sâu, thành thực kỹ năng và nghiệp vụ xét xử, tranh tụng và có đạo đức nghề nghiệp. Vì vậy, trong thời gian tới, cần có các biện pháp để xây dựng, nâng cao năng lực chuyên môn, tập huấn, bồi dưỡng các kỹ năng xét xử cho đội ngũ thẩm phán đáp ứng yêu cầu tranh tụng trong xét xử hành chính, đồng thời, chú trọng việc tuyển chọn, đào tạo đội ngũ hội thẩm nhân dân đáp ứng các yêu cầu tranh tụng trong tố tụng hành chính.

Quy định thủ tục tố tụng bình đẳng, đảm bảo để các bên tham gia tố tụng được xét hỏi, tranh luận một cách khách quan, công bằng và bình đẳng, phát huy vai trò của các bên trong việc hỏi, tranh luận và đối đáp trước Tòa. Các bên phải tích cực trong tranh tụng và đó là cơ sở để Tòa ra phán quyết giải quyết vụ án. Mở rộng phạm vi các vụ án có sự tham gia bắt buộc của luật sư.

**Thứ hai,** bảo đảm về mặt tổ chức

Quán triệt theo tinh thần chỉ đạo tại Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng ngày 12/01/2011, Nghị quyết 49-NQ/TW và Kết luận 79 - KL/TW thì việc làm cần thiết đó là phải nghiên cứu cả về phương diện lí luận và thực tiễn để thiết lập lại hệ thống tổ chức TAND theo thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hành chính độc lập với cơ quan hành chính - người bị kiện nhằm nâng cao hiệu quả xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. Kiện toàn mô hình thiết chế thực hiện xét xử vụ án hành chính theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan và hiệu quả trong xét xử. Cùng với đó là xây dựng một trình tự giải quyết tại cơ quan tài phán hành chính một cách gọn ghẽ theo những nguyên tắc bảo đảm sự bình đẳng khách quan, minh bạch và công bằng, coi trọng tranh tụng và vai trò của luật sư. Trước mắt khi chúng ta chưa xây dựng được mô hình tòa hành chính khu vực, có thể đưa ra giải pháp đối với các loại việc thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện. Luật TTHC nên quy định cho người khởi kiện được quyền lựa chọn có thể kiện ở bất kì tòa án huyện nào, không bắt buộc phải khởi kiện đến tòa án huyện có cùng địa giới hành chính với cơ quan hoặc người đã ban hành QĐHC, HVHC bị kiện. Nội dung này cũng đồng thời hướng đến việc đảm bảo tính độc lập của hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hành chính trong giai đoạn hiện nay.

Cần đẩy mạnh việc giáo dục, tuyên truyền về Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và các văn bản pháp luật, đặc biệt là quyền được tranh tụng một cách cụ thể và sâu rộng để người dân hiểu biết về pháp luật tố tụng hành chính, giúp cho họ có sự chuẩn bị cần thiết các điều kiện, tiền đề khi tham gia vào tố tụng nhằm có thể thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa, đồng thời, giúp cho xã hội có sự hiểu biết pháp luật để có thể giám sát, đánh giá khách quan về hoạt động tranh tụng trong xét xử hành chính. Nâng cao trình độ, nhận thức người tham gia tố tụng, đảm bảo cho họ có đủ kiến thức, năng lực, khả năng diễn đạt để thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa. Những trường hợp người tham gia tranh tụng không có khả năng đó thì nhất thiết phải được sự trợ giúp của luật sư.

Hình thành các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp với chức năng hợp lý phù hợp với cơ chế tranh tụng. Đặc biệt, để việc tranh tụng có hiệu quả cần nâng cao vai trò của luật sư và trợ giúp viên pháp lý trong hoạt động tranh tụng được ghi nhận tại khoản 5 Điều 103 Hiến pháp năm 2013. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc

tranh tụng tại phiên tòa, đồng thời xác định rõ chế độ trách nhiệm đối với luật sư. Trong xét xử các tranh chấp hành chính, đương sự là người khởi kiện, một số trường hợp trình độ còn hạn chế, trong khi đó, người bị kiện là những người nắm và hiểu rõ các quy định pháp luật, có trình độ nên cần có sự tham gia của luật sư, trợ giúp viên pháp lý nhằm hỗ trợ bên khởi kiện là bên yếu thế hơn. Muốn vậy, cần tăng cường các tổ chức luật sư, mở rộng phạm vi bào chữa để đảm bảo các phiên tòa có sự tham gia của người bào chữa ngày càng nhiều.

Bảo đảm cơ sở vật chất cho quá trình tranh tụng. Việc người dân đứng ra kiện trước Tòa án những hành vi hành chính của cơ quan quản lý nhà nước là một quan hệ không bình đẳng. Vị trí của các bên tại phiên tòa thế nào để đảm bảo không khí tố tụng bình đẳng, khách quan, tạo điều kiện cho các bên dễ dàng tiếp xúc trong quá trình tố tụng, hệ thống âm thanh, hình ảnh thuận tiện cho việc theo dõi tiến trình tố tụng là những điều kiện rất cần thiết cho tranh tụng cần được nghiên cứu.

**Tóm lại,** việc quy định Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử tranh chấp hành chính theo quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đã xác định rõ và đầy đủ hơn quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia tranh tụng. Quy định này thực sự đảm bảo cho đương sự quyền và nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hoạt động xét xử nhằm xây dựng nền tư pháp vững mạnh, trong sạch, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người; bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

#### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
2. Quốc hội, “Hiến pháp”, ngày 08/12/ 2013.
3. Quốc hội “Luật Tố tụng hành chính”, số: 93/2015/QH13), ngày 25/11/2015.
4. Nguyễn Việt Nam, (2013), “*Tranh tụng trong tố tụng hành chính ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*”, Luận văn thạc sĩ, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

# VAI TRÒ CỦA TRANH TỤNG TRONG MÔ HÌNH TỔ TỤNG DÂN SỰ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

**ThS. Bùi Thuận Yến**

*Khoa Luật kinh tế, Trường KHXH&NV, trường Đại học Vinh*

## **1. Đặt vấn đề**

Luật tố tụng dân sự được thừa nhận là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Luật tố tụng dân sự bao gồm hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các mối quan hệ tố tụng phát sinh trong quá trình Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân phát sinh từ quan hệ pháp luật dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động. Trong tố tụng dân sự, tổng hợp những quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tiến hành tố tụng, chủ thể tham gia tố tụng sẽ hình thành nên một mô hình tố tụng xác định. Các quốc gia trên thế giới xuất phát từ trình độ phát triển, đặc điểm đặc thù về truyền thống pháp lý mà xây dựng cho mình một mô hình tố tụng không giống nhau. Và hiện nay trên thế giới tồn tại hai mô hình tố tụng là mô hình tố tụng tranh tụng và mô hình tố tụng thẩm xét.

Ở Việt Nam, thuật ngữ “mô hình tố tụng” không còn quá xa lạ nhưng các nghiên cứu lại chủ yếu tập trung trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Trong những năm qua, đặc biệt là từ khi Bộ luật tố tụng dân sự 2004 có hiệu lực pháp luật thì mô hình tố tụng dân sự của Việt Nam đã dần hình thành và có những cơ sở nhất định. Bên cạnh đó, thuật ngữ “tranh tụng” cũng lần đầu tiên được đề cập tới trong văn kiện của Đảng, cụ thể là Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2001 của Bộ Chính trị. Nghị quyết có xác định quan điểm chỉ đạo hoạt động đối với Tòa án nhân dân là: “Khi xét xử các Tòa án phải bảo đảm cho mọi người dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có tính thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định”. Tiếp đó, tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị một lần nữa khẳng định một trong những nhiệm vụ phải thực hiện cho đến năm 2020 là nâng

cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp; từng bước xã hội hóa một số hoạt động tư pháp. Thực hiện chủ trương đó, Hiến pháp 2013 đã ghi nhận “nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” làm nền tảng xây dựng và tổ chức xây dựng ngành Tòa án. Xuất phát từ vai trò quan trọng của tranh tụng trong mô hình tố tụng nên bài viết tập trung đi vào nghiên cứu, bình luận “Vai trò của tranh tụng trong mô hình tố tụng dân sự ở Việt Nam hiện nay”.

## **2. Phân loại mô hình tố tụng dân sự**

Theo Đại từ điển Tiếng Việt, Nxb Văn hóa Thông tin thì “mô hình dùng để chỉ khuôn mẫu đã sẵn có theo đó tạo ra cái tương tự”. Còn theo Từ điển Tiếng Việt mô hình là “hình thức diễn đạt hết sức gọn theo một ngôn ngữ nào đó có đặc trưng chủ yếu của một đối tượng để nghiên cứu đối tượng ấy”. Dù diễn đạt khác nhau nhưng điểm chung của các cách hiểu khi nhắc đến mô hình là nhắc đến tập hợp những yếu tố khác nhau cấu thành vật hoặc quá trình phục vụ cho những mục đích nhất định của con người.

Tố tụng dân sự là trình tự, thủ tục do pháp luật quy định cho việc xem xét, giải quyết vụ án dân sự. Mục đích của tố tụng dân sự là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức và lợi ích của Nhà nước. Ở Việt Nam, tố tụng dân sự bao gồm: khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự, thụ lý vụ việc dân sự, giải quyết vụ việc dân sự theo trình tự sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm và thi hành án dân sự.

Từ cách hiểu “mô hình” và “tố tụng dân sự” đó, chúng ta có thể định nghĩa “mô hình tố tụng dân sự là tổng hợp các tư tưởng, nguyên tắc, biện pháp giải quyết các tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của một quốc gia, phù hợp với hoàn cảnh thực tế và nhằm phục vụ những mục tiêu chung của quốc gia đó”.

### **2.1. Mô hình tố tụng dân sự tranh tụng**

Tố tụng tranh tụng là mô hình tố tụng ở những quốc gia theo truyền thống thông luật như Anh, Mỹ, Úc... Ở những quốc gia này không có các Bộ luật tố tụng do Quốc hội thông qua, mà chỉ có bộ quy tắc về tố tụng do Tòa án tối cao ban hành. Trên cơ sở quy định của bộ quy tắc này, các Tòa án cấp dưới có thể có những quy định bổ sung phù hợp với điều kiện hoạt động của mình. Thông qua việc xét xử các vụ án, nếu nhận thấy

Tòa án cấp dưới đi “chệch hướng” với quy định tại bộ quy tắc thì Tòa án tối cao sẽ điều chỉnh thông qua các án lệ của mình.

Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, mô hình tố tụng tranh tụng có những đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, thủ tục tố tụng được cơ cấu mà theo đó hai bên đương sự chịu trách nhiệm chính trong việc làm sáng tỏ vụ kiện; quyền tự định đoạt của đương sự là tối cao. Các đương sự bình đẳng với nhau trong việc đưa ra chứng cứ trước cơ quan xét xử, bao gồm thẩm phán và bồi thẩm đoàn. Hệ thống pháp lý của Mỹ quy định thủ tục tiết lộ tài liệu, mỗi bên đều có quyền được biết các thông tin thuộc sở hữu của bên kia. Hai bên đương sự bắt buộc phải xuất trình những chứng cứ liên quan theo yêu cầu của bên đương sự kia, trừ văn bản do đương sự chuẩn bị để lập luận tại phiên tòa. Thủ tục tố tụng tranh tụng còn bao gồm cơ chế thẩm vấn giữa các bên đương sự: đương sự trực tiếp tổng đạt văn bản thẩm vấn cho bên đương sự kia mà không thông qua Tòa án, bên nhận được thẩm vấn sẽ trả lời các câu hỏi mà bên đương sự kia nêu ra. Bên cạnh phải tự mình chứng minh cho thẩm phán và bồi thẩm đoàn về quyền lợi của mình, các bên đương sự có quyền thỏa thuận cách thức tổ chức phiên tòa; có quyền yêu cầu thay đổi địa điểm xét xử, thay đổi thành viên bồi thẩm đoàn trong một số trường hợp nhất định.

Thứ hai, quy trình xét xử được tiến hành bởi một Thẩm phán có chuyên môn cùng một đoàn bồi thẩm vô tư, khách quan. Tính trung lập một cách tuyệt đối của Thẩm phán chính là yếu tố đặc thù trong mô hình tranh tụng tố tụng tại Mỹ. Trong hệ thống luật án lệ, các thẩm phán không biết một cái gì hết, họ chỉ biết mỗi tên thôi, không có hồ sơ cho các vị thẩm phán. Thậm chí, Thẩm phán còn không hướng dẫn về vấn đề thủ tục tố tụng mà các đương sự phải tự tìm hiểu lấy thông qua luật sư của mình. Có chăng trong giai đoạn trước phiên tòa, thẩm phán hướng dẫn các bên đương sự các biện pháp tìm kiếm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, bảo đảm không để bên đương sự nào lợi dụng quy định của tố tụng để kéo dài thời gian vụ kiện. Tuy nhiên, tại giai đoạn phiên tòa, Thẩm phán không can thiệp vào việc các bên trình bày chứng cứ và việc triệu tập nhân chứng. Các bên đương sự có quyền đề xuất một lượng nhân chứng không hạn chế và triệu tập họ đến phiên tòa chứ không phải tòa án triệu tập; có quyền thẩm vấn, kiểm tra chéo các nhân chứng. Tất nhiên để đảm bảo thực hiện được tính trung lập này thì Thẩm phán được bỏ nhiệm suốt đời và có chế độ đãi ngộ, lương bổng ưu đãi để không bị chi phối bởi yếu tố kinh tế, chính trị. Đối với bồi thẩm đoàn, tất cả những



người dân đều có thể trở thành thành viên của hội đồng bồi thẩm. Trong quá trình bầu cử có danh sách cử tri, và bồi thẩm được lựa chọn ngẫu nhiên trong danh sách đó, không phân biệt giới tính, chủng tộc, nghề nghiệp... Thẩm phán sẽ xác định chắc chắn hội đồng bồi thẩm gồm 12 vị mà trong đầu họ hoàn toàn không hay biết gì về vụ kiện, bất kỳ ai đã biết và có định kiến về vụ kiện thì không được phép làm thành viên của hội đồng bồi thẩm, chỉ khi thẩm phán đảm bảo chắc chắn các thành viên của hội đồng bồi thẩm là đại diện cho toàn thể cộng đồng thì khi đó mới được xem là lựa chọn xong bồi thẩm đoàn. Phán quyết của bồi thẩm đoàn được đưa ra sau giai đoạn thẩm phán hướng dẫn bồi thẩm đoàn ra phán quyết với mục đích khắc phục việc các thành viên của bồi thẩm đoàn có hạn chế nhất định về pháp luật.

Thông thường các vụ án dân sự được giải quyết theo ba bước:

Bước thứ nhất, luật sư của hai bên thu thập toàn bộ chứng cứ của vụ kiện gửi cho Thẩm phán. Sáu tuần sau khi nhận được toàn bộ chứng cứ của hai bên đương sự, Thẩm phán và luật sư của hai bên sẽ tổ chức một phiên họp xem xét, đánh giá chứng cứ của mỗi bên. Nếu thống nhất, vụ án sẽ kết thúc ở bước này, Thẩm phán sẽ ra bản án.

Bước thứ hai, nếu hai bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án ở bước thứ nhất, luật sư hai bên sẽ chuẩn bị lý lẽ và chứng cứ để giải quyết những vấn đề còn chưa thống nhất, phiên họp sẽ diễn ra sau 05 tuần sau phiên họp thứ nhất. Trường hợp hai bên đương sự thống nhất với nhau, vụ án sẽ kết thúc ở đây, Thẩm phán sẽ ra bản án.

Bước thứ ba, phiên tòa xét xử sẽ được tiến hành khi hai bên đương sự không thống nhất được với nhau ở phiên họp lần hai.

Trên thực tế, khoảng 98% các vụ kiện dân sự được giải quyết ở bước thứ nhất và bước thứ hai. Vì toàn bộ chứng cứ đã phải xuất trình và được xem xét ở cấp sơ thẩm nên có rất ít kháng cáo lên cấp phúc thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại vụ kiện về khía cạnh luật pháp chứ không xem xét lại các tình tiết của vụ kiện, trừ trường hợp có chứng cứ mới mà ở giai đoạn sơ thẩm đương sự không thể biết và chứng cứ này có thể làm thay đổi kết quả giải quyết vụ kiện.

Như vậy, từ những đặc điểm cơ bản trên có thể đánh giá mặt tích cực của mô hình tố tụng dân sự tranh tụng là rất đề cao quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả, mặt hạn chế lớn của mô hình này là không

bảo vệ những người yếu thế. Tòa án đóng vai trò là người trung gian, quyết định của Tòa án dường như được thực hiện không phải trên cơ sở sự thật khách quan của vụ án, mà trên cơ sở sự thật được các bên chứng minh tại phiên tòa có tính thuyết phục cao hơn. Do đó, đương sự nào yếu thế về kinh tế sẽ gặp khó khăn khi bảo vệ lợi ích của mình bởi chi phí thuê luật sư tốn kém. Do đó, các vụ án tranh tụng sôi nổi, hấp dẫn thường chỉ thuộc về các bên đương sự có tiềm lực kinh tế hùng hậu tương đương nhau.

## **2.2. Mô hình tố tụng dân sự xét hỏi**

Tố tụng xét hỏi xuất hiện lần đầu tiên trong pháp luật La Mã. Đến thế kỉ 13, thuật ngữ tố tụng xét hỏi xuất hiện lại tại Pháp, chủ yếu trong lĩnh vực hình sự với các tòa dị giáo, nơi xét xử những kẻ có quan điểm trái ngược với giáo hội. Nhưng về sau mô hình này được mở rộng ra xã hội dân sự thành mô hình hoạt động của Tòa án của Nhà nước. Vì vậy, có thể coi Pháp là quê hương của mô hình tố tụng xét hỏi. Và những nền móng ban đầu của luật tố tụng dân sự Việt Nam chịu ảnh hưởng của mô hình tố tụng xét hỏi trong pháp luật Pháp - kết quả của 80 năm Pháp xâm chiếm và đô hộ nước ta.

Mô hình tố tụng xét hỏi có những đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, việc giải quyết vụ kiện thông qua hai cơ chế: nghĩa vụ nói sự thật của các bên và nghĩa vụ làm rõ của Thẩm phán.

Nghĩa vụ nói sự thật của các bên có nghĩa là các bên phải xuất trình chứng cứ và nói lên sự thật của vụ kiện để chứng minh cho yêu cầu của mình có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, đương sự không có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho đương sự bên kia; đương sự có quyền giao nộp tài liệu, chứng cứ ở bất kì giai đoạn nào của quá trình tố tụng nếu muốn. Điều này dẫn tới tình trạng đương sự “ém”, “giấu” tài liệu, chứng cứ, cố tình làm cho thời gian giải quyết vụ kiện bị kéo dài.

Nghĩa vụ làm rõ của Thẩm phán nhấn mạnh đến vai trò quyết định của Thẩm phán trong quá trình tố tụng. Theo đó, Thẩm phán sẽ đưa ra câu hỏi cho các bên đương sự trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện nhằm làm sáng tỏ các tình tiết, sự kiện của vụ án. Thẩm phán quyết định triệu tập người làm chứng cũng như những người liên quan khác tham gia vụ kiện. Tại phiên tòa, Thẩm phán đóng vai trò trung tâm khi thực hiện việc hỏi các bên đương sự, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Thứ hai, có hai cấp xét xử tách biệt nhau và đương sự tham gia vào hai trình tự

tố tụng. Một trong những dấu hiệu để nhận biết mô hình tố tụng dân sự xét hỏi đó là xét xử phúc thẩm vụ án dân sự. Nếu như ở mô hình tố tụng dân sự tranh tụng, cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại vụ kiện về khía cạnh luật pháp chứ không xem xét lại các tình tiết của vụ kiện, tức là xem xét vấn đề áp dụng pháp luật ở bản án sơ thẩm; thì ở mô hình tố tụng dân sự xét hỏi, kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm là đưa vụ kiện đã xét xử ra tòa án phúc thẩm để xét xử lại. Việc xét xử lại này bao gồm cả vấn đề nội dung và vấn đề pháp lý, có thể là một phần hoặc toàn bộ vụ án theo yêu cầu của đương sự.

Trong mô hình tố tụng xét hỏi, trình tự giải quyết vụ án dân sự không phân chia thành các bước như ở mô hình tố tụng tranh tụng mà được thực hiện theo những phiên làm việc không liên tục. Sau khi khởi kiện, các bên được triệu tập đến tòa án để trình bày về vụ kiện và yêu cầu của mình. Kết thúc phiên làm việc đầu tiên, Thẩm phán sẽ sắp xếp phiên làm việc tiếp theo. Trong các phiên làm việc này, Thẩm phán đóng vai trò chính và trực tiếp, các bên trình bày ý kiến của mình bằng cách trả lời các câu hỏi mà Thẩm phán đưa ra. Sau khi các phiên làm việc đạt kết quả chín muồi, Thẩm phán sẽ hòa giải, nếu không thành sẽ đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm. Tại phiên tòa, sau khi hỏi và nghe các bên trình bày những tranh luận cuối cùng của mình, Thẩm phán ra bản án. Trong suốt quá trình làm việc, các bên hoàn toàn tự do đưa ra những lập luận mới, những chứng cứ mới, thay đổi những lập luận, yêu cầu trước đó. Với cách làm việc này, việc đưa ra những chứng cứ mới gần như không bao giờ là quá muộn, không có chuyện loại bỏ những chứng cứ mới được đưa ra ở giai đoạn muộn của quá trình giải quyết vụ án. Hơn nữa, ngay đến cấp phúc thẩm các bên vẫn được phép đưa ra những lập luận mới hoặc chứng cứ mới.

Như vậy, với những đặc trưng cơ bản nói trên, có thể đánh giá mặt ưu điểm của mô hình tố tụng dân sự xét hỏi là thông qua vai trò của Thẩm phán - đại diện quyền lực nhà nước tiến hành các hoạt động chứng minh sẽ góp phần bảo vệ những đương sự yếu thế trong xã hội. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả, nhược điểm lớn nhất của mô hình này là quá coi trọng Thẩm phán và vai trò của đương sự bị mờ nhạt. Nếu Thẩm phán không vô tư, khách quan sẽ dẫn đến các hành vi tiêu cực. Thậm chí, trước khi diễn ra phiên tòa, Thẩm phán đã ấn định kết quả của vụ án trong đầu và phiên tòa diễn ra mang tính hình thức, hợp thức hóa phán quyết đã được Thẩm phán ấn định.

### **3. Vai trò của tranh tụng trong mô hình tố tụng dân sự ở Việt Nam hiện nay**

### ***3.1. Nhận diện mô hình tố tụng dân sự ở Việt Nam***

Từ việc phân tích các đặc trưng cơ bản của hai mô hình tố tụng dân sự tranh tụng và tố tụng dân sự xét hỏi ở trên, chúng ta sẽ nhận diện mô hình tố tụng dân sự ở Việt Nam hiện nay.

Việt Nam là quốc gia có quá trình lịch sử rất đặc thù so với các nước khác trên thế giới. Chúng ta xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa từ một chế độ phong kiến quân chủ, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa. Bên cạnh đó, Việt Nam chịu sự thống trị kéo dài của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ - hai quốc gia phương Tây theo hai mô hình tố tụng dân sự khác nhau, đặc biệt là sự cai trị hơn 80 năm của Pháp đã để lại dấu ấn đậm nét trong hệ thống pháp luật tố tụng dân sự nước ta. Vì vậy mà mô hình tố tụng dân sự ở nước ta trong một thời gian dài là mô hình tố tụng dân sự xét hỏi, thể hiện rõ qua các nét đặc trưng như: đương sự phụ thuộc chặt chẽ vào Thẩm phán; Thẩm phán có quyền chủ động thu thập tài liệu, chứng cứ, có quyền yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ; quá trình giải quyết vụ án luôn ghi dấu đậm nét vai trò của Thẩm phán, cụ thể Thẩm phán thụ lý đơn kiện, lập hồ sơ nghiên cứu vụ án, tiến hành phiên hòa giải, hỏi các bên đương sự tại phiên tòa... Điều này được quy định ở Bộ luật tố tụng dân sự 2004.

Vậy vấn đề đặt ra ở đây là với những hạn chế của mô hình tố tụng dân sự xét hỏi đó, thì có phải mô hình tố tụng dân sự tranh tụng là ưu việt để Việt Nam học tập và làm theo hay không? Câu trả lời là không. Bởi lẽ mô hình nào cũng có những ưu và nhược cần phải khắc phục. Thực tế khi xây dựng pháp luật tố tụng, nhiều quốc gia trên thế giới đã đưa một số yếu tố của mô hình tố tụng xét hỏi vào tố tụng tranh tụng và ngược lại. Việt Nam cũng không nằm ngoài con đường đó khi xây dựng Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Cụ thể khi xây dựng Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các nhà làm luật đã tăng thêm tính tranh tụng, đồng thời vẫn đảm bảo được vai trò, vị trí của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng. Và với nguyên tắc tranh tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì mô hình tố tụng dân sự ở Việt Nam đã có sự thay đổi, chuyển từ tố tụng xét hỏi là chính sang tố tụng tranh tụng kết hợp với xét hỏi. Việc tăng thêm tính tranh tụng chính là điểm đột phá của luật tố tụng dân sự Việt Nam, có vai trò, ý nghĩa hết sức quan trọng trong thực tiễn giải quyết vụ án dân sự tại tòa án.

### ***3.2. Vai trò của tranh tụng trong mô hình TTDS ở Việt Nam hiện nay***

Theo từ điển tiếng Việt thì tranh tụng là việc “yêu cầu xét xử việc người khác đã làm thiệt hại đến mình”. Do đó, tranh tụng chỉ đặt ra khi cá nhân, cơ quan, tổ chức cho rằng quyền lợi của họ hay của người khác bị xâm phạm và yêu cầu Tòa án giải quyết nhằm bảo vệ cho họ. Yêu cầu này được Tòa án chấp nhận giải quyết theo trình tự tố tụng pháp luật quy định, khi việc đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, tranh tụng trong tố tụng dân sự diễn ra từ khi bắt đầu khởi kiện cho đến kết thúc giai đoạn tranh luận tại phiên tòa. Tăng cường tranh tụng trong xét xử là tư tưởng quan trọng trong Chiến lược cải cách tư pháp do Bộ Chính trị ban hành, bởi vai trò quan trọng của nó trong mô hình tố tụng dân sự ở Việt Nam hiện nay.

### *3.2.1. Đối với các chủ thể tiến hành tố tụng dân sự*

Chủ thể tiến hành tố tụng dân sự bao gồm chánh án, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký tòa án, thẩm tra viên, viện trưởng viện kiểm sát, kiểm sát viên nhưng tăng cường tranh tụng trong tố tụng dân sự tác động chủ yếu tới thẩm phán - người trực tiếp giải quyết vụ án dân sự. Sự tác động này diễn ra theo chiều hướng tích cực, cụ thể xác định rõ thẩm phán - đại diện cho Tòa án - chỉ là bên thứ ba trung gian để giúp các đương sự tìm ra sự thật và giải quyết tranh chấp; hướng dẫn đương sự tự thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; đặt ra vấn đề pháp lý: có nên chăng sửa đổi quyền thu thập chứng cứ của Tòa án để phù hợp với tăng cường tính tranh tụng trong tố tụng dân sự.

Thứ nhất, Thẩm phán là bên thứ ba trung gian giúp các đương sự giải quyết tranh chấp có nghĩa là Thẩm phán đóng vai trò là người trọng tài để phân xử giữa hai bên tham gia tranh tụng. Để làm được điều này buộc Thẩm phán phải vô tư và khách quan trong khi làm nhiệm vụ. Đương sự có thể thực hiện đầy đủ các quyền tranh tụng của mình hay không hoàn toàn phụ thuộc vào sự công minh của Thẩm phán, và Thẩm phán phải bảo đảm tranh tụng trong xét xử. Thẩm phán có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Chính vì thế, Thẩm phán không được phép định kiến với bất cứ đương sự nào vì bất cứ lý do gì trong quá trình giải quyết vụ án. Điều này có ý nghĩa rất lớn trong việc hạn chế ý chí chủ quan của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án dân sự.

Thứ hai, tăng thêm tính tranh tụng trong tố tụng dân sự nhấn mạnh vai trò cốt

yếu của Thẩm phán là hướng dẫn đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Ở mô hình tranh tụng xét hỏi, Thẩm phán giữ vai trò quyết định trong việc đi tìm sự thật khách quan của vụ án. Điều này không còn phù hợp với quan điểm, định hướng chỉ đạo của Đảng về một trình tự tố tụng công khai, bình đẳng giữa các đương sự. Do đó, tăng cường tính tranh tụng trong tố tụng dân sự nhấn mạnh tới vai trò hướng dẫn của Thẩm phán trong việc các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Hướng dẫn là sự giải thích cặn kẽ các quy định của pháp luật để đương sự tự ý thức được về quyền và nghĩa vụ của mình, nhận thức được khi tham gia tố tụng họ phải biết thu thập các tài liệu, chứng cứ như thế nào để bảo vệ quyền lợi của mình. Ví dụ khi nguyên đơn khởi kiện vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, nhưng bị đơn cho rằng bản hợp đồng đó là giả mạo. Lúc này, vai trò hướng dẫn của Thẩm phán là giải thích cho nguyên đơn và bị đơn biết rằng họ phải chứng minh bản hợp đồng đó là có thật hay không có thật thông qua các biện pháp thu thập chứng cứ khác nhau. Có thể là yêu cầu người làm chứng tham gia tố tụng, tiến hành đối chất để xác định tính chính xác của bản hợp đồng. Nếu một bên vẫn không thừa nhận có thể tiến hành giám định chữ ký trong bản hợp đồng, đương sự có nghĩa vụ nộp đơn và các chi phí giám định. Đặc biệt, Thẩm phán hướng dẫn cho đương sự biết để chủ động và tích cực thực hiện các quyền và nghĩa vụ quan trọng như thu thập tài liệu, chứng cứ; yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ trong trường hợp tự mình không thể thu thập được; có quyền tiếp cận các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; yêu cầu đương sự bên kia sao gửi, thông báo nội dung các tài liệu, chứng cứ cho mình...

Thứ ba, để đảm bảo sự bình đẳng trong tố tụng thì không một chủ thể nào trong quan hệ pháp luật tố tụng dân sự được sử dụng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước, kể cả khi bên nguyên đơn hoặc bị đơn là cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chỉ có Thẩm phán nhân danh Tòa án sử dụng quyền lực Nhà nước hỗ trợ đương sự thu thập tài liệu, chứng cứ. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đã quy định vấn đề này:

Trường hợp đương sự đã áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập tài liệu, chứng cứ mà vẫn không thể tự mình thu thập được thì có thể đề nghị Tòa án ra quyết định yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp cho mình hoặc đề nghị Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ việc dân sự đúng đắn.

Đương sự yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ phải làm đơn ghi rõ vấn đề

cần chứng minh; tài liệu, chứng cứ cần thu thập; lý do mình không tự thu thập được; họ, tên, địa chỉ của cá nhân, tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ cần thu thập”.

Với quy định này, Thẩm phán chỉ hỗ trợ đương sự khi đương sự chứng minh được mình đã áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập tài liệu, chứng cứ mà vẫn không thể tự mình thu thập được. Nghĩa là vai trò của Thẩm phán ở đây là hỗ trợ xác minh, thu thập chứng cứ, còn việc nghiên cứu, sử dụng chứng cứ như thế nào để có lợi cho bản thân mình vẫn là nghĩa vụ của đương sự. Thẩm phán chỉ hỗ trợ đương sự ở khâu thu thập chứng cứ chứ không làm thay, làm hộ đương sự trong việc thực hiện nghĩa vụ chứng minh.

Bên cạnh đó Khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định trường hợp Thẩm phán có quyền chủ động thu thập tài liệu, chứng cứ thông qua các biện pháp:

- a) Lấy lời khai của đương sự, người làm chứng;
- b) Đối chất giữa các đương sự với nhau, giữa đương sự với người làm chứng;
- c) Trưng cầu giám định;
- d) Định giá tài sản;
- đ) Xem xét, thẩm định tại chỗ;
- e) Ủy thác thu thập, xác minh tài liệu, chứng cứ;
- g) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được hoặc hiện vật khác liên quan đến việc giải quyết vụ việc dân sự;
- h) Xác minh sự có mặt hoặc vắng mặt của đương sự tại nơi cư trú;
- i) Các biện pháp khác theo quy định của Bộ luật này.

Điều này đặt ra một vấn đề: nếu Thẩm phán thu thập chứng cứ có lợi cho nguyên đơn thì việc giải quyết vụ án sẽ nghiêng về phía nguyên đơn và ngược lại. Do đó, không đảm bảo được tính công bằng, khách quan, nhất là khi chúng ta cải cách theo xu hướng tăng tính tranh tụng trong tố tụng, coi Tòa án chỉ là bên thứ ba trung gian giúp các đương sự giải quyết tranh chấp. Chính vì thế, dự thảo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi) đã quy định trong vụ việc dân sự, Tòa án không có nghĩa vụ thu thập chứng cứ. Tòa án sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà các bên đã thu thập, giao nộp cho Tòa án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để xét xử.

### 3.2.2. Đối với các chủ thể tham gia tố tụng dân sự

Chủ thể tham gia tố tụng dân sự bao gồm đương sự, người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng, người phiên dịch, người định giá tài sản... Nhưng sự cải cách theo hướng tăng tính tranh tụng tác động nhiều nhất tới đương sự bởi lẽ đương sự có vai trò quan trọng nhất để thực hiện việc tranh tụng. Thông qua vai trò hướng dẫn của Thẩm phán, đương sự nhận thức rõ được các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, đặc biệt là vấn đề cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, phản đối yêu cầu của mình. Khoản 1 Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đã quy định: “Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện, yêu cầu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác có quyền và nghĩa vụ thu thập, cung cấp chứng cứ, chứng minh như đương sự”. Với quy định này, sau khi được Thẩm phán hướng dẫn, đương sự buộc phải có những hành vi xác minh, thu thập, giao nộp chứng cứ. Nếu không thực hiện sẽ chịu hậu quả bất lợi “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc” (Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015). Đây chính là cơ chế tự chịu trách nhiệm của đương sự.

Đặc biệt, với việc chuyển từ tố tụng xét hỏi là chính sang tố tụng tranh tụng kết hợp với xét hỏi góp phần hạn chế sự bất hợp tác của đương sự, nhất là khi quy định Tòa án không có nghĩa vụ thu thập chứng cứ trong dự thảo Luật tổ chức Tòa án nhân dân sửa đổi có hiệu lực. Khi Tòa án thụ lý vụ án dân sự, Tòa án sẽ tổng đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có)” (Khoản 1 Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự 2015). Tuy nhiên, rất nhiều trường hợp bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn toàn im lặng, không có bất kì phản hồi nào cho Tòa án. Theo các Thẩm phán đây là vấn đề gây khó khăn rất lớn bởi khi bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác thì Tòa án không có gì để xét xử. Mặc dù Bộ luật tố tụng dân sự có quy định về những trường hợp xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đó là tại phiên tòa, còn trước phiên tòa thì không có quy định nào về vấn đề này. Bên cạnh đó, Tòa án cũng không có thẩm quyền áp dụng



biện pháp cưỡng chế để dẫn giải bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Tòa án. Nếu Tòa án cứ cố tình xét xử, thì lên đến cấp phúc thẩm, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đưa ra ý kiến, tài liệu, chứng cứ thì bản án sơ thẩm có thể bị hủy hoặc sửa án. Nếu án bị hủy, sửa nhiều sẽ ảnh hưởng tới thi đua của Thẩm phán và cơ quan. Bởi lẽ, Thẩm phán là được bổ nhiệm theo nhiệm kì 5 năm. Một trong các điều kiện để được tái bổ nhiệm là trong quá trình xét xử 5 năm của nhiệm kì bị cấp trên hủy không quá 1,16%, sửa không quá 4% tổng số án Thẩm phán đó đã giải quyết. Chính vì thế, cán bộ Tòa án liên tục phải đi xác minh, thu thập chứng cứ làm căn cứ để giải quyết vụ án, và lại dẫn đến tình trạng nếu Thẩm phán thu thập chứng cứ thiên về nguyên đơn thì việc giải quyết vụ án nghiêng về phía nguyên đơn và ngược lại. Do đó, ở mô hình tố tụng thiên về hướng tranh tụng, đương sự tự bảo vệ quyền lợi của mình, tòa án chỉ đóng vai trò trung gian giải quyết tranh chấp và hướng dẫn đương sự tự thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng, nên nếu đương sự không chủ động và tích cực thu thập chứng cứ thì họ sẽ phải chịu hậu quả bất lợi, có thể bị thua kiện. Đây là dấu ấn rất tích cực mà việc tăng tính tranh tụng trong tố tụng mang lại.

Như vậy, với sự phân tích trên chúng ta khẳng định việc chuyển từ mô hình tố tụng xét hỏi là chính sang mô hình tố tụng tranh tụng kết hợp với xét hỏi có vai trò tác động tích cực tới Thẩm phán và đương sự - hai chủ thể chính trong quan hệ pháp luật tố tụng dân sự. Tất nhiên việc hoàn thiện, phát triển một mô hình nhất định phải có thời gian và sự tham gia từ nhiều chủ thể khác nhau. Cùng với sự sửa đổi, bổ sung của nhiều quy định pháp luật, chúng ta hy vọng mô hình này sẽ phát huy được vai trò tích cực vốn có của nó.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ luật tố tụng dân sự 2004, 2015.
2. Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013.
4. Đại từ điển Tiếng Việt, Nguyễn Như Ý (chủ biên). Nxb Văn hóa thông tin.
5. Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam, trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, 2019.
6. Giáo trình Luật so sánh, trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân
7. Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 2 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến 2020.
8. Báo cáo tổng kết ngành Tòa án năm 2021.

# TRANH TỤNG TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP

TS. Phạm Thị Thuý Liễu

*Khoa Luật Kinh tế, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh*

**Tóm tắt:** Tranh tụng là một trong những nội dung có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động tố tụng nói chung và tố tụng dân sự nói riêng, là yêu cầu cấp bách trong việc đảm bảo tính công bằng, dân chủ giữa người tham gia tố tụng với cơ quan tiến hành tố tụng, là căn cứ để xác định sự thật vụ án và là cơ sở để hội đồng xét xử ra bản án khách quan, đúng pháp luật. Xác định tầm quan trọng của hoạt động tranh tụng trong hoạt động tố tụng, tại các Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp như Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 01/01/2002, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005, Kết luận 79-KL/TW ngày 28/7/2010... đã xác định tầm quan trọng của tranh tụng trong tố tụng và coi đây là một trong những nội dung trọng tâm của cải cách tư pháp. Bài viết tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về tranh tụng trong tố tụng dân sự, từ đó có những nhận xét, đánh giá góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật về tranh tụng trong tố tụng dân sự.

**Từ khoá:** Tranh tụng, tố tụng dân sự, cải cách tư pháp.

## 1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2001 của Bộ Chính trị có xác định quan điểm chỉ đạo hoạt động đối với Tòa án nhân dân là: *“Khi xét xử các Tòa án phải bảo đảm cho mọi người dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có tính thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định”*. Tiếp đó, tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị một lần nữa khẳng định một trong nhiệm vụ phải thực hiện cho đến năm 2020 là nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp; từng bước xã hội hóa một số hoạt động tư pháp. Thực hiện chủ trương đó Hiến pháp năm 2013 đã quy định tại khoản 5 Điều 103 *“Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”*. Như vậy, lần

đầu tiên, việc bảo đảm tranh tụng trong xét xử được ghi nhận thành một nguyên tắc, thể hiện bước tiến lớn trong hoạt động xây dựng pháp luật và phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp của Nhà nước ta.

Tranh tụng trong tố tụng dân sự là một loại tranh tụng trong tố tụng, bao hàm cả hoạt động tranh tụng trước khi mở phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa và tranh tụng sau khi có quyết định giải quyết vụ án dân sự. Vì tố tụng dân sự là quá trình giải quyết vụ án dân sự cho nên tranh tụng trong tố tụng dân sự là tranh tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự có thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc. Theo đó, có thể hiểu giới hạn của việc tranh tụng trong tố tụng dân sự như sau [4]:

Theo nghĩa rộng, giới hạn của việc tranh tụng trong tố tụng dân sự bắt đầu từ khi có tranh chấp dân sự và đương sự thể hiện nhu cầu giải quyết tranh chấp đó, kết thúc khi giải quyết xong tranh chấp dân sự bao gồm cả giai đoạn thi hành án dân sự. Nếu có tranh chấp dân sự nhưng đương sự không muốn giải quyết tranh chấp thì không xuất hiện nhu cầu tranh tụng để giải quyết tranh chấp. Việc đương sự là người thắng kiện trong vụ việc dân sự từ chối (không làm đơn) yêu cầu thi hành án dân sự trong thời hạn do pháp luật quy định có thể được hiểu là nội dung quyền tự định đoạt của đương sự và thể hiện quan điểm tranh tụng của đương sự.

Theo nghĩa hẹp, giới hạn của việc tranh tụng trong tố tụng dân sự bắt đầu từ khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện vụ án dân sự và kết thúc khi Tòa án ra quyết định, bản án giải quyết vụ việc đó. Giải quyết vụ án dân sự là việc Tòa án giải quyết các tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (sau đây gọi chung là vụ án dân sự) theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định với nguyên tắc xét xử hai cấp. Cho nên, mặc dù tranh tụng trong tố tụng dân sự được bắt đầu từ khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện và kết thúc khi Tòa án ra quyết định sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án dân sự nhưng tập trung nhất là ở các giai đoạn: chuẩn bị xét xử; xét xử sơ thẩm; xét xử phúc thẩm vụ án dân sự.

## **2. Quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về tranh tụng**

### **2.1. Về chủ thể tranh tụng**

Tại Điều 13 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân quy định: *“Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử. Việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử theo quy định của luật tố tụng”*.

Điều 24 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định cụ thể: “1. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án dân sự và có nghĩa vụ thông báo cho nhau các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp; trình bày, đối đáp, phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng để bảo vệ yêu cầu, quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc bác bỏ yêu cầu của người khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3. Trong quá trình xét xử, mọi tài liệu, chứng cứ phải được xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, công khai, trừ nội dung tài liệu, chứng cứ có liên quan đến bí mật nhà nước, thuần phong mỹ tục của dân tộc, bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo yêu cầu chính đáng của đương sự nhưng phải thông báo cho đương sự biết những tài liệu chứng cứ không được công khai. Tòa án điều hành việc tranh tụng, hỏi những vấn đề chưa rõ và căn cứ vào kết quả tranh tụng để ra bản án, quyết định.”

Chủ thể tranh tụng trong tố tụng dân sự bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ vào lợi ích, có thể chia các đương sự thành hai bên là bên khởi kiện và bên bị kiện. Bên khởi kiện là nguyên đơn dân sự còn bên bị kiện là bị đơn dân sự. Tùy từng vụ án dân sự cụ thể mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được coi là đương sự thuộc bên khởi kiện hoặc bên bị kiện. Bên khởi kiện và bên bị kiện bình đẳng trước Tòa án trong việc đưa ra chứng cứ và thể hiện sự đánh giá của mình về các chứng cứ trong vụ án cũng như quan điểm giải quyết vụ án. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là người được đương sự nhờ và được Tòa án chấp nhận tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự [4].

Quyền tranh tụng của đương sự chính thức được Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 ghi nhận nguyên tắc “Bảo đảm tranh tụng trong xét xử” tại Điều 4. Theo đó, Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án dân sự và có nghĩa vụ thông báo cho nhau

các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp; trình bày, đối đáp, phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng để bảo vệ yêu cầu, quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc bác bỏ yêu cầu của người khác. Việc bổ sung nguyên tắc tranh tụng đã đưa hoạt động tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân trong thực tiễn xét xử trở về đúng bản chất tài phán của cơ quan có chức năng tư pháp khi giải quyết tranh chấp liên quan đến lợi ích tư. Bản chất của tố tụng dân sự phải thông qua tranh tụng để tìm ra sự thật khách quan của vụ án, hoạt động tranh tụng diễn ra trong suốt quá trình tố tụng và thể hiện quyền quyết định, định đoạt của đương sự trong vụ án [2].

## ***2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tranh tụng trong tố tụng dân sự***

*Một là, hệ thống quy định của pháp luật:*

Hoạt động tranh tụng trong tố tụng dân sự muốn thực hiện có hiệu quả phải được thực hiện dưới sự điều chỉnh của pháp luật. Pháp luật quy định trình tự, thủ tục, nội dung, cách thức thực hiện hoạt động tranh tụng, quyền nghĩa vụ của các chủ thể tham gia tranh tụng trong tố tụng dân sự. Như vậy, quy định của pháp luật tố tụng dân sự tạo hành lang pháp lý xác định rõ nhiệm vụ quyền hạn, trách nhiệm của các chủ thể tham gia tranh tụng.

Hai là, vai trò của tòa án khi giải quyết vụ án:

Để bảo đảm sự công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong tố tụng dân sự đòi hỏi Tòa án phải khách quan, thái độ vô tư và công minh đối với cả hai bên. Đương sự có thể thực hiện đầy đủ các quyền tranh tụng của mình hay không hoàn toàn phụ thuộc vào Tòa án. Tòa án phải bảo đảm cho đương sự, những người tham gia tố tụng khác hiểu biết và đủ điều kiện thực hiện quyền tranh tụng của mình theo quy định của pháp luật. Tòa án phải tôn trọng quyền tranh tụng của các đương sự. Tòa án phải bảo đảm quyền bình đẳng cho các đương sự tham gia vào quá trình tố tụng dân sự, điều đó có nghĩa Tòa án phải bảo đảm cho đương sự được bình đẳng trong việc đưa ra yêu cầu, bổ sung yêu cầu, cung cấp chứng cứ, căn cứ pháp lý, lý lẽ, được đề nghị Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ về những tình tiết cụ thể mà tự mình không thể thực hiện được hoặc đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng, được biết chứng cứ, căn cứ pháp lý, lý lẽ chứng minh do bên kia cung cấp hoặc chứng cứ do Tòa án thu thập và được tranh luận trước Tòa án. Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Ba là, cơ chế kiểm sát, giám sát hoạt động tranh tụng:

Để hoạt động tranh tụng hiệu quả và tuân thủ đúng quy định của pháp luật cần có cơ chế kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo cho hành vi xử sự của các chủ thể tham gia vào quá trình tranh tụng được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, nhằm giải quyết được vụ án dân sự, Mặt khác, những sai sót, vi phạm trong tranh tụng luôn có những khả năng hạn chế quyền của đương sự, gây thiệt hại cho người khác, làm giảm niềm tin của nhân dân vào công lý. Chính vì vậy, hoạt động này cần thiết phải chịu sự kiểm tra, giám sát. Một trong những hình thức của cơ chế kiểm tra, giám sát đối với hoạt động tranh tụng là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân. Viện kiểm sát nhân dân sẽ kiểm tra việc tuân theo pháp luật trong toàn bộ quá trình tố tụng nói chung và hoạt động tranh tụng nói riêng. Viện kiểm sát nhân dân sẽ tham gia phiên tòa trong một số trường hợp nhất định, kiểm tra hoạt động tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án, từ đó ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, đảm bảo quyền tranh tụng của đương sự.

*Ngoài các yếu tố nêu trên thì trình độ hiểu biết pháp luật của đương sự cũng là yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tranh tụng.* Đương sự chính là các chủ thể của quan hệ pháp luật nội dung đang tranh chấp, họ hiểu vụ án hơn bất kỳ chủ thể nào khác tham gia tố tụng. Tòa án chỉ có thể nhận thức được vụ án thông qua những chứng cứ, lập luận do đương sự cung cấp. Còn đương sự họ có mặt từ đầu khi xác lập các mối quan hệ pháp lý về nội dung, quá trình vận động của quan hệ đó dẫn đến phát sinh tranh chấp. Họ hiểu vụ án nên có thể tiếp cận một cách dễ dàng các chứng cứ đang có trong tay cũng như biết được cần thiết phải lấy các chứng cứ khác ở đâu khi có yêu cầu.

### **3. Kết luận**

Có thể thấy, pháp luật Việt Nam đã khẳng định cải cách theo xu hướng của mô hình tố tụng tranh tụng, xu hướng này là hoàn toàn phù hợp, đặc biệt trong giải quyết các tranh chấp dân sự và nên xem xét để không ngừng hoàn thiện.

Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm là nguyên tắc hiến định, nhưng chúng tôi cho rằng, việc thể chế nguyên tắc tranh tụng trong xét xử phải theo hướng giới hạn của việc tranh tụng trong tố tụng dân sự theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Nghĩa là những người có quyền tranh tụng phải được đánh giá chứng cứ, đề xuất quan điểm của mình về việc giải quyết tranh chấp dân sự trước, trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án và cả trong giai đoạn thi hành án dân sự thì cần [4]:

(1) Ghi nhận chỉ có các bên đương sự mới có quyền tranh luận. Viện kiểm sát

chỉ có quyền tranh luận khi được pháp luật quy định quyền khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ lợi ích công hoặc bảo vệ lợi ích cho nhóm người yếu thế trong xã hội.

(2) Bảo đảm cơ sở vật chất cho việc nâng cao chất lượng tranh tụng trong tố tụng nói chung và tố tụng dân sự nói riêng. Theo đó, các cơ quan tiến hành tố tụng phải tạo điều kiện cho người dân nói chung và các đương sự trong các vụ án dân sự dễ dàng tiếp cận với công lý, nghĩa là cần công khai hóa các thủ tục tố tụng tư pháp tại các cơ quan tiến hành tố tụng để người dân tra cứu thông tin pháp luật, nội dung vụ kiện, chứng cứ mà Tòa án thu thập được một cách thuận lợi nhất bằng các phương tiện khoa học công nghệ.

(3) Tăng cường công tác hòa giải trước khi xét xử theo hướng Tòa án mở nhiều phiên họp kiểu như điều trần trước khi mở phiên tòa để Tòa án thông báo về: những chứng cứ mà đương sự cung cấp cho bên đương sự còn lại; những chứng cứ mà Tòa án thu thập được cho các đương sự.

(4). Tăng cường đào tạo và phát triển đội ngũ luật sư đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trình độ chuyên môn. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa, đồng thời xác định rõ chế độ trách nhiệm đối với luật sư. Nhà nước tạo điều kiện về pháp lý để phát huy chế độ tự quản của tổ chức luật sư; đề cao trách nhiệm của các tổ chức luật sư đối với thành viên của mình.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bùi Tiến Đạt, 2021, “Nguyên tắc trình tự pháp luật công bằng, hợp lý và vai trò bảo vệ quyền con người”, Nxb Chính trị quốc gia sự thật.

[2]. Đặng Quang Dũng, 2021, “Các yếu tố đảm bảo tranh tụng trong tố tụng dân sự”, *Tạp chí Công Thương*, tháng 2/2021.

[3]. Trường Đại học Luật Hà Nội, 2019, “Giáo trình luật Tố tụng dân sự”, Nxb *Công an nhân dân*.

[4]. TS. Mai Bộ - Phó Chánh án Tòa án quân sự trung ương, “Nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng dân sự”. Cập nhật ngày 02/10/2023.

<https://luatsuphamtuananh.com/trao-doi-nghiep-vu/nguyen-tac-tranh-tung-trong-to-tung-dan-su/>

[5]. Nguyễn Anh Hoàng, “Bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử theo luật tố tụng hình sự Việt Nam”, Cập nhật ngày 02/10/2023.

<http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211733>  
<http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211733>

# VAI TRÒ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TRONG BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ

Nguyễn Duy Tuấn<sup>34</sup>

ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung, TS. Đinh Văn Liêm<sup>35</sup>

**Tóm tắt:** Trong hoạt động tố tụng nói chung và tố tụng hình sự nói riêng, Tòa án giữ vai trò là trung tâm. Có thể nói, hoạt động xét xử tại phiên tòa được xem là hoạt động quan trọng nhất. Thông qua phiên tòa, các chức năng cơ bản của hoạt động tố tụng được bảo đảm thực hiện một cách rõ nét, công khai, dân chủ và bình đẳng. Hoạt động xét xử cũng chính là việc kiểm tra công khai tính đúng đắn của các hoạt động tố tụng trước đó của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, mà ở đó mọi tài liệu chứng cứ của vụ án do Cơ quan điều tra, truy tố thu thập trong quá trình điều tra đều được xem xét một cách công khai tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng được nghe trực tiếp lời khai của nhau, được tranh luận chất vấn. Nội dung bài viết này tác giả khái quát vai trò của Tòa án trong bảo đảm hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự và đề xuất một số kiến nghị nâng cao vai trò tòa án trong hoạt động tố tụng tranh tụng ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Tố tụng hình sự, tranh tụng, hoạt động tố tụng, xét hỏi, tranh luận, phiên tòa hình sự.

## 1. Đặt vấn đề

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, điều khiển phần tranh tụng là kỹ năng hết sức quan trọng đòi hỏi Hội đồng xét xử mà ở đây là vai trò của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, phải tập trung trí tuệ, xử lý các tình huống một cách nhanh chóng, các lý lẽ đưa ra không chỉ đòi hỏi sự chính xác mà phải có sức thuyết phục, nhưng đồng thời lại phải tuân theo những quy định của pháp luật.

Điều 26. Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm của Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi năm 2015 đã quy định:

*“Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và*

---

<sup>34</sup> Thẩm phán Tòa án Nhân dân thị xã Hoàng Mai

<sup>35</sup> Khoa Luật học - Đại học Vinh



người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án....

*Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa”.*<sup>36</sup>

Từ nguyên tắc trên theo chúng tôi, có thể hiểu tranh tụng trong tố tụng hình sự “là sự tranh luận giữa các bên một cách bình đẳng (bên buộc tội và bên gỡ tội) dựa trên những tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án tại phiên tòa xét xử, đồng thời làm cơ sở cho việc ra Bản án, quyết định của Tòa án”.

Vậy tranh tụng trong tố tụng hình sự được bắt đầu từ giai đoạn nào của hoạt động tố tụng? Về vấn đề này cũng có những quan điểm khác nhau đó là:

Có quan điểm cho rằng, quá trình tranh tụng bắt đầu không chỉ từ giai đoạn khởi tố vụ án mà cả các giai đoạn trước khởi tố và quá trình này sẽ kết thúc khi vụ án được xét xử xong (xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm), thậm chí quá trình này còn được tiếp tục trong một số trường hợp khi bản án bị Tòa án cấp trên hủy để tiến hành điều tra, truy tố, xét xử lại. Những người đồng tình với ý kiến này cho rằng: “*Tranh tụng là một quá trình xác định sự thật khách quan về vụ án đồng thời cũng là phương tiện để đạt được mục đích và nhiệm vụ đặt ra của TTHS*” và chủ thể tham gia vào quá trình tranh tụng bao gồm tất cả những chủ thể tham gia vào quá trình TTHS. Cụ thể là: CQĐT-ĐTV; VKS-KSV; người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ, bị can, bị cáo, người bị kết án, người bào chữa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân.

Chúng tôi không đồng tình với quan điểm trên bởi lẽ, trong giai đoạn khởi tố, điều tra là giai đoạn mà ở đó Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng, tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ nhằm chứng minh tội phạm và người bào chữa nếu có trong giai đoạn này cũng sẽ chỉ thực hiện nhiệm vụ thu thập tài liệu, chứng cứ nhằm bảo vệ cho thân chủ của mình mà thôi, chứ không thể gọi là tranh tụng vì giai đoạn này nếu gọi là tranh tụng thì không lẽ chỉ có chủ thể của hai bên buộc tội và bào chữa tham gia, các chức năng buộc tội và bào chữa mới chỉ được hai bên thực hiện một cách đơn phương theo ý chí chủ quan của mình là phiến diện, không chính thức và

---

<sup>36</sup> Điều 26, Bộ luật tố tụng hình sự 2025

đương nhiên bên nào cũng bảo vệ ý kiến của mình, thậm chí còn không bộc lộ hết những sự thật của các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và đặc biệt giai đoạn này còn thiếu một chủ thể hết sức quan trọng giữ vai trò quyết định đó là Tòa án với chức năng xét xử. Theo quy định tại Điều 26 BLTTHS 2015 thì có thể khẳng định: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng; người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án, điều đó hoàn toàn phù hợp với phân tích chúng tôi đã nêu ở trên. Quá trình tranh tụng chỉ thực sự được tiến hành khi có sự hiện diện đầy đủ các bên buộc tội, bên bào chữa dưới sự kiểm tra, giám sát của Tòa án... Chính vì vậy mà quá trình này chỉ có thể được bắt đầu từ giai đoạn xét xử, đặc biệt là xét xử sơ thẩm tại phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử, với sự có mặt đầy đủ các chủ thể đó là bị cáo và người bào chữa; kiểm sát viên - đại diện cho VKS và người bị hại (trong trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại), quá trình tranh tụng được tiến hành thông qua hoạt động của các chủ thể thuộc bên buộc tội, bên bào chữa và Hội đồng xét xử với ba chức năng tương ứng đó là xem xét việc buộc tội, bào chữa và xét xử. Hội đồng xét xử chỉ có thể ra Bản án, quyết định sau khi đã căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tại phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm, quá trình tranh tụng vẫn còn tồn tại song bị hạn chế hơn cả về nội dung, chủ thể tham gia và các chức năng được thực hiện. Tuy nhiên, phạm vi tranh tụng bị giới hạn bởi nội dung kháng cáo, kháng nghị. Do đó, các chức năng buộc tội, bào chữa, xét xử cũng không được thực hiện đầy đủ như ở phiên tòa sơ thẩm.

Như vậy, có thể khẳng định rằng tranh tụng chỉ tồn tại ở giai đoạn mà ở đó có sự hiện diện đầy đủ các bên buộc tội, bào chữa và xét xử... Đặc điểm và nội dung của tranh tụng mà người Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cần phải hiểu và hướng đến khi điều hành phiên tranh tụng là:

- Tranh tụng là nguyên tắc cơ bản của hoạt động tố tụng hình sự, do vậy hoạt động tranh tụng bắt buộc phải tuân theo các quy định của Bộ luật TTHS. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện, thực thi các quy định của pháp luật theo quy định của BLTTHS để các bên tham gia tranh tụng.

- Chủ thể của tranh tụng gồm có Kiểm sát viên (chủ thể buộc tội) và người tham gia tố tụng khác như Luật sư, bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo,

người bị hại... (cũng có thể là chủ thể buộc tội hoặc gỡ tội). Các chủ thể này, tuy xuất phát từ những địa vị pháp lý khác nhau nhưng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì họ bình đẳng với nhau trong quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, yêu cầu, quan điểm về giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có trách nhiệm tranh tụng với người bào chữa, với bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác để làm rõ sự thật khách quan của đối tượng tranh tụng trên cơ sở đối đáp lại toàn bộ các quan điểm của chủ thể gỡ tội với tinh thần trách nhiệm, trên cơ sở chứng cứ khách quan và qui định của pháp luật; với tinh thần tôn trọng lẫn nhau, có văn hoá ứng xử...

- Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa diễn ra dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Để làm tốt vấn đề này, phụ thuộc rất nhiều vào kỹ năng điều hành phần tranh tụng của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử. Chủ tọa phiên tòa có quyền yêu cầu các bên tiến hành tranh tụng hoặc chấm dứt tranh tụng, điều chỉnh nội dung cũng như phương pháp tranh tụng cho phù hợp với quy định của pháp luật để làm rõ các vấn đề của vụ án thông qua ý kiến của các bên tham gia tranh tụng.

- Mục tiêu của hoạt động tranh tụng là nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Sự thật khách quan này bao gồm sự thật như nó đã diễn ra trên thực tế và được nhìn nhận, đánh giá dưới góc độ pháp lý, dựa trên đối tượng của hoạt động tranh tụng là các quan điểm, luận cứ và luận chứng của các bên đưa ra trong việc giải quyết vụ án bao gồm chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội để từ đó khẳng định quan điểm của mình, bác bỏ quan điểm hoặc thừa nhận quan điểm của bên tranh tụng đối lập trong việc buộc tội hoặc gỡ tội, để từ đó làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

Tóm lại, chất lượng tranh tụng tại phiên tòa có được nâng cao hay không, phụ thuộc chủ yếu vào kỹ năng điều hành phần tranh tụng của Hội đồng xét xử cũng như kết quả phiên tòa tốt hay không tốt phụ thuộc chủ yếu vào vai trò của chủ tọa phiên tòa vì:

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì tại phiên tòa sơ thẩm hình sự, Chủ tọa phiên tòa vừa là người tiến hành tố tụng vừa là người điều khiển toàn bộ hoạt động tố tụng tại phiên tòa của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng khác.

Với vai trò là người tiến hành tố tụng, chủ tọa phiên tòa phải thực hiện đầy đủ, chính xác các công việc mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định, đồng thời phải chịu trách nhiệm chính về những vấn đề Bộ luật tố tụng hình sự quy định đối với Hội đồng xét xử, thay mặt Hội đồng xét xử công bố những quyết định đã được thông qua trong phòng nghị án cũng như tại phòng xử án.

Với vai trò của người điều khiển phiên tòa, chủ tọa phiên tòa phải là người tổ chức, người chỉ huy cao nhất đối với mọi hoạt động tố tụng và hành vi tố tụng tại phòng xử án.

Để điều khiển việc tranh tụng đạt kết quả theo ý muốn, đòi hỏi chủ tọa phiên tòa phải là người nắm chắc các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; đọc kỹ hồ sơ vụ án; dự kiến các tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa, có kế hoạch xét hỏi chặt chẽ, cụ thể và chủ động tìm biện pháp giải quyết mọi tình huống xảy ra tại phiên tòa.

## **2. Vai trò Tòa án nhân dân trong các giai đoạn tranh tụng tại phiên tòa hình sự**

### ***2.1. Hoạt động điều hành tranh tụng trong thủ tục bắt đầu phiên tòa***

Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa có ý nghĩa rất quan trọng cho việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng xét xử tại phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phần thủ tục sau khi kiểm tra căn cước của bị cáo, công bố thành phần những người tham gia tố tụng, giải thích quyền, nghĩa vụ của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa thì thực tế cũng cho thấy có nhiều vấn đề mới nảy sinh khác với Cáo trạng của VKS truy tố như vấn đề về họ tên, nhân thân người phạm tội trong quá trình điều tra đã không có sự xác minh đầy đủ về nhân thân, tuổi, tình trạng năng lực trách nhiệm hình sự của người phạm tội, cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nhiều vụ án, cáo trạng của Viện kiểm sát xác định bị cáo có tiền án, nhưng người bào chữa lại có chứng cứ, chứng minh bị cáo đã được đương nhiên xóa án và ngược lại bị cáo có tiền án nhưng cáo trạng lại xác định bị cáo không có tiền án... Theo quy định tại Chương IV từ Điều 55 đến Điều 71 về người tham gia tố tụng cũng đã có những bổ sung cơ bản về diện người tham gia tố tụng và quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo đó: So với BLTTHS năm 2003 thì BLTTHS năm 2015 bổ sung thêm 08 NTGTT gồm: Người tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố; Người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố; Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; Người bị bắt; Người chứng kiến; Người định giá tài sản; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố; Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân phạm tội, người đại diện khác theo quy định của Bộ luật này. Người tham gia tố tụng theo BLTTHS 2015 cũng được bổ sung thêm nhiều quyền và nghĩa vụ, ví dụ như đối với bị cáo có những quyền và nghĩa vụ như sau “*Nhận quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp cưỡng chế;*

*Được thông báo về quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này; Đề nghị giám định, định giá tài sản; Đề nghị thay đổi người định giá tài sản, người dịch thuật; Đề nghị triệu tập người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người giám định, người định giá tài sản, người tham gia tố tụng khác và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tham gia phiên tòa; Đưa ra chứng cứ; Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; Trình bày lời khai, trình bày ý kiến.....”<sup>37</sup>.*

Bị hại cũng có những quyền và nghĩa vụ cụ thể như: “*Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này; Đưa ra chứng cứ; Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; Đề nghị giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật; Được thông báo về kết quả giải quyết vụ án; Đề nghị thay đổi người định giá tài sản, người dịch thuật; Đề nghị mức hình phạt; Đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa; Xem biên bản phiên tòa; Tự bảo vệ, nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; Tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này; Yêu cầu có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa; Các quyền khác theo quy định của pháp luật; Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trường hợp có ý vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải; Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng”<sup>38</sup>... Nếu trong quá trình giải thích quyền và nghĩa vụ cho họ nếu không đầy đủ cũng sẽ phát sinh tranh tụng giữa họ với Hội đồng xét xử hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ cũng sẽ có ý kiến tranh tụng với Hội đồng xét xử về vấn đề này.*

Và như vậy, Hội đồng xét xử cũng phải có trách nhiệm phổ biến đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo yêu cầu của họ. Về phía đại diện VKS thực hành quyền công tố tại phiên tòa cũng phải có trách nhiệm làm rõ những điểm mới phát sinh để giải quyết những tình huống phát sinh trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa. Thực tiễn xét xử cho thấy, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 58 Bộ luật tố tụng hiện hành và khoản 2 Điều 81 Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi bổ sung năm 2015, thì nếu như Điều 58 Bộ luật

---

<sup>37</sup> Điều 61 BLTTHS

<sup>38</sup> Điều 62 BLTTHS

tổ tụng hiện hành quy định là “...Tùy theo mỗi giai đoạn tố tụng, khi thu thập được tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án, thì người bào chữa có trách nhiệm giao cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Việc giao nhận các tài liệu đồ vật đó giữa người bào chữa và cơ quan tiến hành tố tụng phải được lập biên bản theo quy định tại Điều 95 của Bộ luật này” thì Điều 81 Bộ luật tố tụng 2015 quy định là “...Tùy từng giai đoạn tố tụng, khi thu thập được chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa, người bào chữa phải kịp thời giao cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để đưa vào hồ sơ vụ án. Việc giao, nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật phải được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này”. Quy định tại Điều 81 nêu trên so với quy định tại Điều 58 BLTTHS hiện hành đã mang tính “mềm” chứ không còn mang tính quy định cứng như trước. Tại Điều 58 quy định “khi thu thập được tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án, thì người bào chữa có trách nhiệm giao cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án”, thì việc giao nộp tài liệu, chứng cứ mà người bào chữa thu thập được là trách nhiệm, thì quy định tại Điều 81 BLTTHS 2015 chỉ quy định “phải kịp thời giao cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để đưa vào hồ sơ vụ án”. Quy định như vậy, theo tôi là không hợp lý và không khả thi và cũng là căn cứ để phát sinh tranh luận bởi lẽ: Trong thực tiễn xét xử có rất nhiều trường hợp, các Luật sư sẽ tìm mọi cách né tránh để không giao nộp các tài liệu, chứng cứ có tính chất gỡ tội hoặc có lợi cho thân chủ của họ mà chỉ tới khi ra Tòa luật sư mới giao nộp các tài liệu chứng cứ và họ trình bày lý do là “Mới nhận được” và đây cũng chính là những vấn đề phát sinh mới tại phiên tòa cần phải có ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét quyết định hoãn phiên tòa hay tiếp tục xét xử.

Sau khi kết thúc phần thủ tục thì chủ tọa phiên tòa phải hỏi KSV và những người tham gia tố tụng xem có ai đề nghị triệu tập thêm người làm chứng hoặc đề nghị đưa thêm vật chứng và tài liệu ra xem xét hay không. Nếu có người tham gia tố tụng vắng mặt thì chủ tọa phiên tòa cũng phải hỏi xem có ai đề nghị hoãn phiên tòa hay không. Nếu có người yêu cầu thì HĐXX xem xét và quyết định...

Trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phải bảo đảm quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ và yêu cầu triệu tập người làm chứng, đồ vật, tài liệu ra xem xét hoặc việc xác định tư cách tham gia tố tụng. Các tài liệu, chứng cứ được cung cấp, triệu tập thêm người làm chứng hoặc ý kiến khác nhau về xác định tư cách tham gia tố tụng của một người đều phải được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai, làm rõ để từ đó có hướng xử

lý đúng đắn. Như vậy, việc các bên đưa ra yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc đưa ra vật chứng, tài liệu mới để HĐXX xem xét chính là những đảm bảo cho việc xét hỏi và là cơ sở tranh luận ở phần tiếp theo của phiên tòa.

## **2.2. Hoạt động tranh tụng trong thủ tục xét hỏi tại phiên tòa**

Xét xử trực tiếp, bằng lời nói và xét xử liên tục là các nguyên tắc quan trọng của hoạt động xét xử tại phiên tòa. Điều này cũng đã được quy định rõ tại Điều 250 Xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục của Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi 2015 là:

*“1. Việc xét xử được tiến hành bằng lời nói.*

*Hội đồng xét xử phải trực tiếp xác định những tình tiết của vụ án bằng cách hỏi, nghe ý kiến của bị cáo, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ, người làm chứng, người giám định, người khác tham gia phiên tòa được Tòa án triệu tập; xem xét, kiểm tra tài liệu, chứng cứ đã thu thập; công bố biên bản, tài liệu và tiến hành hoạt động tố tụng khác để kiểm tra chứng cứ; nghe ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự...”*

Giai đoạn xét hỏi tại phiên tòa được coi là giai đoạn trung tâm của hoạt động xét xử và cũng là giai đoạn quan trọng nhất. Ở giai đoạn này, các bên tham gia tố tụng đều có quyền điều tra dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa từ hỏi người khác, xem xét vật chứng, tài liệu để trên cơ sở đó Hội đồng xét xử cùng Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng như người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự có điều kiện kiểm tra các chứng cứ, Kết luận điều tra, bản Cáo trạng một cách công khai về những tình tiết của vụ án, thông qua các câu hỏi và những câu trả lời tại phiên tòa luôn được đặt ra và trả lời một cách công khai, tự nguyện mang tính kiểm nghiệm kết quả. Mặc dù các câu hỏi hoặc câu trả lời ở giai đoạn xét hỏi có nội dung không khác với những câu hỏi và câu trả lời ở giai đoạn điều tra, nhưng nó có một ý nghĩa vô cùng quan trọng ở chỗ: Việc hỏi và trả lời được diễn ra công khai, đây là hình thức kiểm nghiệm kết quả điều tra của Cơ quan điều tra cũng như các căn cứ để Viện kiểm sát ra bản Cáo trạng truy tố. Cũng tại giai đoạn xét hỏi, Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự còn có điều kiện để xem xét vật chứng, xem xét hiện trường xảy ra vụ án và những nơi khác, công bố các tài liệu v.v... Vì vậy, để xét xử chính xác, khách quan vụ án, Bộ luật tố tụng hình sự quy định Tòa án chỉ có thể xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng trong những trường hợp pháp luật quy định và việc vắng mặt đó không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử.

Việc xét xử phải được tiến hành liên tục từ khi bắt đầu phiên tòa đến khi tuyên án, trừ thời gian nghỉ theo quy định. Thời gian nghỉ án cũng là thời gian Tòa án làm việc. Khi chưa kết thúc phiên tòa thì Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên không được phép tiến hành tố tụng đối với vụ án khác. Chính vì vậy, đối với vụ án phải xét xử nhiều ngày Tòa án thường phải cử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân dự khuyết để có thể thay thế trong trường hợp cần thiết, tránh việc phải hoãn phiên tòa không cần thiết.

Để điều hành tốt và nâng cao chất lượng tranh tụng trong giai đoạn xét hỏi tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử không được lệ thuộc vào các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thu thập trong quá trình điều tra và truy tố, mà phải xác định và làm rõ thêm các tài liệu, chứng cứ này bằng cách lắng nghe, phân tích chính xác các ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đặc biệt là sự tham gia xét hỏi cũng như các tình tiết, chứng cứ của người bào chữa đề cập tại phiên tòa.

Về trình tự xét hỏi tại phiên tòa, Tại Điều 307 “*Trình tự xét hỏi*” của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 cũng đã quy định cụ thể như:

*“1. Hội đồng xét xử phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý.*

*Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi.*

*Người tham gia tố tụng tại phiên tòa có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ.*

*Người giám định, người định giá tài sản được hỏi về những vấn đề có liên quan đến việc giám định, định giá tài sản.*

*Khi xét hỏi, Hội đồng xét xử xem xét vật chứng có liên quan trong vụ án”.*

Theo quy định tại Điều 307 nêu trên, trong giai đoạn xét hỏi chủ tọa phiên tòa được toàn quyền điều hành và đóng vai trò chính trong việc xét hỏi. Để điều hành tốt phần xét hỏi cũng như việc bảo đảm tranh tụng trong xét hỏi, chủ tọa phiên tòa cần chú ý những vấn đề sau:



*Thứ nhất:* Chủ tọa phiên tòa phải căn cứ vào đề cương, kế hoạch xét hỏi để khi xét hỏi phải xác định được đầy đủ các tình tiết về từng sự việc, từng hành vi phạm tội và các tình tiết khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án theo thứ tự xét hỏi hợp lý.

Xét hỏi theo một thứ tự hợp lý là một yêu cầu mà chủ tọa phiên tòa phải dự kiến trước, căn cứ vào các tình tiết của vụ án đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, nhất là đối với vụ án có nhiều bị cáo bị truy tố về nhiều tội khác nhau.

*Thứ hai:* Không nên cho rằng, quy định về trình tự xét hỏi tại Điều 307 Bộ luật tố tụng hình sự là do Chủ tọa phiên tòa chủ động toàn bộ, còn việc xét hỏi của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là thụ động và chỉ tham gia xét hỏi khi chủ tọa phiên tòa nhắc mới hỏi và cũng chỉ hỏi có tính chất bổ sung còn việc hỏi để chứng minh tội phạm và làm sáng tỏ đầy đủ các tình tiết của vụ án vẫn do chủ tọa phiên tòa thực hiện! Chính cách hiểu như vậy, đã dẫn đến nhiều trường hợp Hội đồng xét xử vẫn còn giải thích Bộ luật hình sự hoặc giáo dục bị cáo về thái độ khai báo hoặc kết luận trước về lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, làm cho bị cáo và những người tham gia phiên tòa cho rằng Hội đồng xét xử đã không khách quan, bản án đã được chuẩn bị sẵn, việc xét xử tại phiên tòa chỉ còn là thủ tục hình thức. Để khắc phục những nhược điểm trên, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cần nghiên cứu và thực hiện đúng tinh thần quy định của BLTTHS là đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phải bảo vệ cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo tại phiên tòa; chứng minh mọi luận điểm trong cáo trạng bằng việc chủ động xét hỏi, thẩm vấn, đưa ra những chứng cứ trực tiếp và chứng cứ gián tiếp để chứng minh tội phạm, làm sáng tỏ đầy đủ các tình tiết từng sự việc của vụ án.

Hơn nữa, theo quy định tại khoản 1 Điều 307 BLHS 2015 thì “*Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý.*”

Để vừa thể hiện đúng quy định của pháp luật vừa bảo đảm tính tranh tụng tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa vẫn phải hỏi trước, nhưng chỉ nên đặt câu hỏi có tính chất nêu vấn đề, gợi mở chứ không được kết luận. Còn lại những câu hỏi có tính chất buộc tội hoặc gỡ tội, nên dành cho Kiểm sát viên và người bào chữa. Nếu trong quá trình điều hành phân xét hỏi, khi thấy câu hỏi có tính chất mớm cung, ép cung hoặc những câu hỏi có liên quan đến bí mật Nhà nước, bí mật công tác, bí mật điều tra; xúc phạm nhân phẩm, danh dự con người thì chủ tọa phiên tòa phải yêu cầu người hỏi đặt lại câu hỏi hoặc yêu cầu người trả lời không trả lời câu hỏi đó.

Đối với người bào chữa khi tham gia xét hỏi để bào chữa cho bị cáo hoặc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, thông thường hay đặt câu hỏi nhằm có lợi cho thân chủ mà mình bảo vệ, đôi khi có tính mớm cung hoặc tạo điều kiện để thân chủ của mình phản cung tại phiên tòa. Do vậy, Chủ tọa phiên tòa cần chú ý về việc xét hỏi của người bào chữa để có biện pháp chấn chỉnh người bào chữa hỏi cho đúng trọng tâm và cần thiết có thể cắt phần xét hỏi của người bào chữa nếu có tình không chấp hành sự điều hành của Chủ tọa phiên tòa.

*Thứ ba: Về xét hỏi đối với bị cáo tại phiên tòa*

Việc xét hỏi đối với bị cáo tại phiên tòa, cần phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công minh, không thể hiện ý thức chủ quan của người hỏi là một yêu cầu của tố tụng thẩm vấn. Do vậy, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cần tập trung làm rõ các tình tiết là yếu tố định tội mà Viện kiểm sát truy tố; các tình tiết là yếu tố định khung hình phạt; các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; các vấn đề có liên quan đến trách nhiệm dân sự; đền xử lý vật chứng.v.v... Tuy nhiên, việc đặt câu hỏi phải mang tính gợi mở, tạo điều kiện cho bị cáo được khai báo một cách thoải mái nhất, không được hỏi mang tính quy chụp đối với bị cáo. Trong quá trình xét hỏi, không chỉ xét hỏi về các tình tiết buộc tội mà phải xét hỏi cả các tình tiết gỡ tội đối với bị cáo, kể cả trường hợp bị cáo không thừa nhận lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra thì cũng không được có thái độ mang tính áp đặt, dọa nạt, ép buộc mà cần phân tích, hỏi và lắng nghe sự lý giải của bị cáo tại phiên tòa vì sao tại Cơ quan điều tra nhận tội mà tới phiên tòa lại phủ nhận lời khai nhận tội. Thực tế có nhiều vụ án, nhiều trường hợp khi xét hỏi bị cáo thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã bộc lộ ngay định kiến xét hỏi theo hướng buộc tội hoặc theo hướng gỡ tội, thông qua việc xét hỏi như vậy những người dự phiên tòa đã biết được hoặc bàn tán nói trước Hội đồng xét xử sẽ ra bản án như thế nào đối với bị cáo. Việc xét hỏi tại phiên tòa là một nghệ thuật, đòi hỏi người hỏi phải khách quan, không thành kiến hoặc định kiến trước, không quy chụp hoặc đặt câu hỏi theo kiểu bức cung hoặc mớm cung, không giải thích hoặc giáo dục bị cáo theo kiểu mớm cung như: Nếu nhận tội thì được giảm nhẹ hình phạt, khi thấy bị cáo không thừa nhận lời khai của mình tại giai đoạn điều tra thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa luôn có thái độ dồn ép và công bố các bút lục ghi lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra để gây áp lực với bị cáo. Theo chúng tôi việc làm như vậy là không phù hợp với nguyên tắc tranh tụng vì theo quy định tại Điều 308 “*Công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố*” có quy định:

*“1. Nếu người được xét hỏi có mặt tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên không được công bố lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, truy tố. Chỉ được công bố những lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố khi thuộc một trong các trường hợp:*

*a) Lời khai của người được xét hỏi tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, truy tố;*

*b) Người được xét hỏi không khai tại phiên tòa hoặc không nhớ những lời khai của mình trong giai đoạn điều tra, truy tố;*

*c) Người được xét hỏi đề nghị công bố lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, truy tố;*

*d) Người được xét hỏi vắng mặt hoặc đã chết.*

*Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật đời tư của cá nhân, bí mật gia đình theo yêu cầu của người tham gia tố tụng hoặc tự xét thấy cần thiết thì Hội đồng xét xử không công bố tài liệu có trong hồ sơ vụ án”.*

Nếu chỉ mới thấy bị cáo không thừa nhận lời khai mà đã vội công bố các lời khai của họ tại giai đoạn điều tra, truy tố là quá phụ thuộc vào hồ sơ vụ án mà không tôn trọng diễn biến của phiên tòa, như vậy dễ dẫn đến tình trạng oan sai. Cũng theo quy định tại Điều 309 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì:

*“...Kiểm sát viên hỏi bị cáo về những chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội và những tình tiết khác của vụ án”.* Do vậy, việc xét hỏi những vấn đề liên quan đến việc buộc tội và gỡ tội thì Chủ tọa phiên tòa chỉ hỏi mang tính gợi mở còn lại yêu cầu đại diện Viện kiểm sát chủ động hỏi làm rõ để bảo vệ bản Cáo trạng của Viện kiểm sát. Việc điều luật quy định, Kiểm sát viên không chỉ hỏi về những tình tiết của vụ án liên quan đến việc buộc tội mà còn phải hỏi cả những tình tiết liên quan đến việc gỡ tội nhằm thể hiện bản chất tố tụng hình sự của nước ta là tố tụng *“thẩm vấn”* và nguyên tắc *“xác định sự thật của vụ án”* là mục đích tối thượng của tố tụng Nhà nước. Bởi vì, Kiểm sát viên tại phiên tòa có trách nhiệm thực hành quyền công tố, bảo đảm việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội; kiểm sát việc xét xử các vụ án hình sự, nhằm bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật, nghiêm minh, kịp thời. Trong lời luận tội của Kiểm sát viên cũng không chỉ nêu các nội dung chứa đựng các tình tiết buộc tội bị cáo mà còn phải nêu các chứng cứ gỡ tội, các

tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Trong trường hợp bị cáo đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa thì chủ tọa phiên tòa cũng cần xem xét ý kiến của bị cáo, nếu phù hợp và cần thiết cũng nên chấp nhận ý kiến đề nghị của bị cáo để làm sáng tỏ thêm các tình tiết của vụ án. Nếu sau khi xét hỏi mà chứng minh bị cáo không phạm tội thì Kiểm sát viên còn phải rút quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án.

*Thứ tư: Xét hỏi những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.*

Điều 310 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 “*Hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ*” có quy định:

*“Bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ trình bày những tình tiết của vụ án có liên quan đến họ. Sau đó, Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, người bào chữa và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự hỏi thêm về những điểm mà họ trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn.*

*Khi được chủ tọa phiên tòa đồng ý, bị cáo có thể hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ về các vấn đề có liên quan đến bị cáo”.*

Vấn đề xét hỏi đối với người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ như quy định trên cho thấy, khi xét hỏi nên nêu vấn đề để họ trình bày về những tình tiết của vụ án có liên quan đến họ. Sau đó Kiểm sát viên, người bào chữa hỏi thêm về những điểm mà họ trình bày chưa đủ hoặc có mâu thuẫn. Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng quan trọng của vụ án thì cần phải hỏi kỹ các tình tiết có liên quan đến trách nhiệm hình sự của bị cáo. Như vậy, tại phiên tòa những người này trình bày là chính, còn chủ tọa phiên tòa chỉ hỏi khi thấy cần thiết phải làm rõ thêm những tình tiết của vụ án bao gồm cả buộc tội và gỡ tội. Nếu bị cáo thấy có những vấn đề mà những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trình bày chưa rõ thì họ có quyền đề nghị Hội đồng xét xử cho phép được hỏi bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ thì cũng nên để cho họ được phép hỏi để làm sáng tỏ thêm các tình tiết của vụ án.

Đối với nguyên đơn dân sự, cần chú ý hỏi xem họ có yêu cầu bồi thường thiệt hại không, nếu việc yêu cầu đó không được thực hiện bằng văn bản thì Hội đồng xét xử phải yêu cầu họ cung cấp văn bản, vì theo quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì nguyên đơn dân sự là cá nhân, cơ quan hoặc tổ chức bị thiệt hại về vật chất do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại.

*Đối với người làm chứng: thì Điều 311 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 có quy định:*

*“1. Việc hỏi phải được tiến hành riêng đối với từng người làm chứng và không để cho những người làm chứng khác biết được nội dung xét hỏi đó.*

*Khi hỏi người làm chứng, Hội đồng xét xử phải hỏi rõ về quan hệ giữa họ với bị cáo và các đương sự trong vụ án. Chủ tọa phiên tòa yêu cầu người làm chứng trình bày rõ những tình tiết của vụ án mà họ đã biết, sau đó hỏi thêm về những điểm mà họ khai chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn. Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có thể hỏi thêm người làm chứng.*

*.....”.*

Theo quy định thì khi hỏi người làm chứng phải hỏi riêng từng người làm chứng và không để cho những người làm chứng khác biết được nội dung xét hỏi đó. Thực tiễn xét xử cho thấy hầu như các Tòa án thực hiện không đúng quy định tại khoản 1 Điều 311 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 về việc cách ly người làm chứng mà thường để những người làm chứng ngồi luôn trong phòng xử án, người làm chứng này nghe được lời khai của người làm chứng khác, thậm chí khi lời khai của người làm chứng này mâu thuẫn với lời khai của người làm chứng khác còn phải tiến hành đối chất giữa những người làm chứng. Hiện nay các hội trường xét xử của Tòa án cũng không có đủ điều kiện để bảo đảm yêu cầu *“không để những người làm chứng khác biết được nội dung xét hỏi trước đó”*. Đây cũng là vấn đề khó khăn khi xét hỏi đối với người làm chứng, đòi hỏi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải chủ động, linh hoạt trong từng vụ án cụ thể, nếu thấy cần thiết phải cách ly người làm chứng thì cũng cần phải áp dụng biện pháp cách ly người làm chứng để bảo đảm khách quan trong xét hỏi.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 311 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì khi hỏi người làm chứng, phải hỏi rõ quan hệ giữa họ với bị cáo và các đương sự trong vụ án. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hoặc Kiểm sát viên yêu cầu người làm chứng trình bày rõ những tình tiết vụ án mà họ biết, sau đó hỏi thêm về những điểm mà họ khai chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn. Cũng như đối với việc hỏi bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, nếu người làm chứng không trả lời hoặc không khai tại phiên tòa thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thể tự mình hoặc yêu cầu Kiểm sát viên công bố lời khai của họ tại Cơ quan điều tra. Khác với quy định tại khoản 3 Điều 211 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 thì tại Điều 311 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 không còn quy định *“người làm chứng là người chưa thành niên”*. Khi hỏi người làm chứng, Thẩm phán hoặc Kiểm sát viên cần chú ý

vấn đề hỏi để làm rõ vì sao họ lại biết được tình tiết đó, nếu họ không trả lời được vì sao lại biết thì lời khai của người làm chứng đó không được dùng làm chứng cứ.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 311 Bộ luật tố tụng hình sự thì trong trường hợp cần thiết phải bảo đảm an toàn cho người làm chứng và những người thân thích của họ, Hội đồng xét xử phải quyết định thực hiện biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật. Đây là quy định cần thiết, nhằm bảo đảm an toàn cho người làm chứng trong những trường hợp cần thiết. Với quy định này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hoặc Kiểm sát viên cần đề nghị các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn cho người làm chứng trong những trường hợp cần thiết.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 311 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì “*Trường hợp cần thiết, Tòa án quyết định hỏi người làm chứng qua mạng máy tính, mạng viễn thông*”. Đây là quy định hoàn toàn mới, trường hợp này có thể hiểu, vì một lý do bất khả kháng mà người làm chứng không thể đến phiên tòa được và cam đoan sẽ trả lời đúng sự thật những điều họ biết về tình tiết của vụ án qua điện thoại hoặc mạng viễn thông hoặc mạng máy tính và phải bảo đảm việc hỏi và trả lời là công khai mọi người có thể được nghe thấy. Để thực hiện được điều này, thì các phòng xét xử hiện nay cần được nâng cấp hiện đại cho phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hiện hành.

*Đối với người giám định, người định giá tài sản:* Theo quy định tại Điều 316 thì:

*“1. Hội đồng xét xử tự mình hoặc theo đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa yêu cầu người giám định, người định giá tài sản trình bày kết luận của mình về vấn đề được giám định, định giá tài sản. Khi trình bày, người giám định, người định giá tài sản có quyền giải thích bổ sung về kết luận giám định, định giá tài sản, căn cứ để đưa ra kết luận giám định, định giá tài sản.*

*.....”.*

Theo quy định thì người giám định, người định giá không bắt buộc phải có mặt tại phiên tòa mà tùy từng trường hợp nếu xét thấy sự có mặt của người giám định, người định giá tại phiên tòa là cần thiết thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa tự mình hoặc Kiểm sát viên đề nghị chủ tọa phiên tòa cho triệu tập người giám định, người định giá đến để xét hỏi. Việc hỏi người giám định tại phiên tòa chỉ được tiến hành sau khi người giám định, người định giá trình bày kết luận của mình về vấn đề được giao giám định, định giá giải thích bổ sung trên cơ sở kết luận giám định hoặc kết quả của Hội đồng định giá

tài sản và cũng chỉ được hỏi những gì còn chưa rõ hoặc có mâu thuẫn trong kết luận giám định. Nếu người giám định, người định giá vắng mặt và sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật của vụ án thì chủ tọa phiên tòa tự mình hoặc yêu cầu Kiểm sát viên công bố kết luận giám định hoặc kết quả định giá. Việc công bố kết luận giám định hoặc kết quả định giá trong trường hợp người giám định, người định giá không có mặt tại phiên tòa là bắt buộc.

Tại phiên tòa, sau khi nghe người giám định, người định giá trình bày kết luận giám định, kết quả định giá; nghe người giám định, người định giá giải thích bổ sung, nghe những người khác có ý kiến về kết luận giám định, kết quả định giá; nếu xét thấy cần thiết, Hội đồng xét xử quyết định giám định bổ sung hoặc giám định lại. Trong trường hợp này thì phải hoãn phiên tòa để giám định bổ sung hoặc giám định lại.

*Tóm lại:* Để làm đúng vai trò của Chủ tọa phiên tòa là người điều hành xét hỏi và bảo đảm cho việc tranh luận được diễn ra tại giai đoạn xét hỏi thì trong việc xét hỏi tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa không nên hỏi nhiều mà chỉ nêu vấn đề bảo đảm tính bao trùm, đầy đủ, toàn diện để Kiểm sát viên và Luật sư hoặc người bào chữa hỏi. Trong quá trình xét hỏi chủ tọa phiên tòa là người điều hành. Kiểm sát viên và Luật sư hoặc người bào chữa có quyền đưa ra những bằng chứng mới để chứng minh có tội cũng như chứng minh vô tội. Trong quá trình xét hỏi cũng là quá trình tranh luận. Những người tham gia tố tụng có thể trình bày quan điểm của mình về vụ án, tranh luận với Kiểm sát viên về những vấn đề gỡ tội hoặc buộc tội.

### ***2.3. Hoạt động tranh tụng trong giai đoạn tranh luận tại phiên tòa***

Để làm tốt chức năng điều hành phần tranh luận tại phiên tòa thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cần chú ý, quan tâm đến một số vấn đề như:

- Nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa dựa trên căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến của người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa hay không? Hay vẫn luận tội theo nội dung của bản Cáo trạng! Trong trường hợp này cần phải đối chiếu theo quy định tại Điều 321. Luận tội của Kiểm sát viên để xem xét luận tội của Kiểm sát viên có tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 321 không đó là:

*“1. Luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.*

*2. Nội dung luận tội phải phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.....”.*

- Trong trường hợp luận tội của đại diện Viện kiểm sát xuất phát từ diễn biến tại phiên tòa mà có những thay đổi so với bản cáo trạng thì phải nêu lý do của việc thay đổi đó; nếu Kiểm sát viên chưa nêu lý do về việc thay đổi, thì chủ tọa phiên tòa phải yêu cầu Kiểm sát viên trình bày lý do của việc thay đổi đó. Bởi lẽ, Điều luật quy định Kiểm sát viên phải trình bày lời luận tội, chứ không phải đọc lời luận tội chuẩn bị trước. Quy định này, bắt buộc lời luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào diễn biến của phiên tòa để có quan điểm luận tội một cách khách quan, trung thực. Còn việc đọc bản luận tội chuẩn bị trước thì không bao giờ có thể đúng với diễn biến thực tiễn của phiên tòa và chỉ thể hiện ý chí áp đặt chủ quan của Kiểm sát viên đối với bị cáo và các đương sự khác. Tuy nhiên, khi trình bày lời luận tội trong trường hợp giữ nguyên hay thay đổi khác với bản Cáo trạng thì nội dung luận tội cũng phải thể hiện được đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Đề nghị kết tội theo toàn bộ Cáo trạng hay một phần của bản Cáo trạng hoặc đề nghị xét xử bị cáo theo một tội nhẹ hơn hoặc khung hình phạt nhẹ hơn thì cũng cần phải phân tích rõ các lý do trong phần luận tội...

- Sau khi đại diện Viện kiểm sát kết thúc việc trình bày lời luận tội, Chủ tọa phiên tòa chủ động trong việc quyết định người bào chữa nào phát biểu trước, người bào chữa nào phát biểu sau (nếu vụ án có đồng bị cáo và nhiều người bào chữa hoặc có một bị cáo nhưng có nhiều người bào chữa). Sau khi người bào chữa phát biểu xong thì chủ tọa cần hỏi bị cáo có đồng ý với quan điểm của người bào chữa đã phát biểu hay không, có cần bổ sung gì thêm để tự bào chữa cho mình. Nếu bị cáo có ý kiến phát biểu



bổ sung thì dễ bị cáo được phát biểu, xong cần lưu ý bị cáo những gì mà người bào chữa đã phát biểu rồi thì không cần nói lại để tránh mất thời gian. Sau đó sẽ yêu cầu những người tham gia tố tụng khác phát biểu quan điểm của mình đối với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Về vấn đề này, đòi hỏi Chủ tọa phiên tòa phải nắm chắc các tình tiết đã được xét hỏi để điều khiển việc tranh luận không kéo dài mà vẫn bảo đảm tính chất tranh tụng khi xét xử.

- Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, nhưng có quyền cắt những ý kiến không có liên quan đến vụ án. Thực tiễn cho thấy cũng có những luật sư lạm dụng quá trình tranh luận để phê phán các văn bản hướng dẫn về pháp luật, các quyết định hành chính của các cấp chính quyền hoặc bào chữa mang tính gây bất lợi cho bị cáo khác. Trong trường hợp này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cần nghiêm khắc cắt những ý kiến không liên quan đó. Nếu vụ án có nhiều vấn đề, nhiều tình tiết của vụ án có quan điểm đánh giá khác nhau, thì chủ tọa phiên tòa phải chú ý xem những vấn đề được tranh luận có bao nhiêu ý kiến khác nhau, để việc tranh luận đúng trọng tâm của vụ án, chủ tọa phiên tòa cần yêu cầu những người tham gia tranh luận nêu những vấn đề không đồng ý và tranh luận từng vấn đề một.

- Trong phần đối đáp, Chủ tọa phiên tòa cần hết sức chú ý đến phần đối đáp của đại diện Viện kiểm sát. Theo quy định tại Điều 322 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì khi đối đáp mà những người tham gia tố tụng có ý kiến khác với mình thì Kiểm sát viên phải đưa ra những lập luận, chứng cứ, tài liệu để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Nếu người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền lợi của đương sự đưa ra những ý kiến đề nghị Kiểm sát viên tranh luận nhưng Kiểm sát viên không tranh luận thì chủ tọa phiên tòa phải phải yêu cầu Kiểm sát viên đối đáp lại toàn bộ những ý kiến của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Nếu đại diện Viện kiểm sát không đối đáp thì yêu cầu Kiểm sát viên nói rõ lý do và việc này phải được ghi vào biên bản phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa phải tạo điều kiện để những người tham gia phiên tòa thực hiện quyền đối đáp lại những ý kiến của người khác. Điều luật không quy định người tham gia tranh luận chỉ có quyền phát biểu một lần với mỗi ý kiến mà mình không đồng ý. Tuy nhiên, Chủ tọa phiên tòa cũng có quyền cắt ý kiến đối đáp khi thấy những ý kiến đối đáp không liên quan đến vụ án hoặc người tham gia tố tụng phát biểu nhiều lần về

một vấn đề nhưng lời phát biểu đó trùng lặp nhau hoặc trùng lặp với ý kiến của người khác đã phát biểu, tránh kéo dài phiên tòa một cách không cần thiết.

Trong quá trình tranh luận, chủ tọa phiên tòa không được có ý kiến mang tính kết luận, bình luận, nhận định những luận điểm của các bên đối đáp hay có tính chất bênh vực Kiểm sát viên hay người tham gia tranh luận với Kiểm sát viên mà phải luôn giữ thái độ khách quan.

Nếu trong khi tranh luận, theo yêu cầu của Kiểm sát viên hoặc người tham gia tranh luận hoặc chủ tọa phiên tòa thấy có những vấn đề cần phải làm rõ hơn hoặc phát hiện có tình tiết mới cần phải trở lại giai đoạn xét hỏi thì Hội đồng xét xử có thể quyết định việc trở lại xét hỏi, sau đó việc tranh luận được thực hiện lại bình thường. Tuy nhiên, để tránh kéo dài thời gian không cần thiết, chủ tọa phiên tòa có thể lưu ý đối với Kiểm sát viên và người tham gia tranh luận chỉ tranh luận những vấn đề mới phát sinh sau khi xét hỏi thêm.

### **3. Kiến nghị, đề xuất**

*Thứ nhất, nâng cao nhận thức về nguyên tắc tranh tụng trong xét xử*

Vai trò của Tòa án có ý nghĩa rất lớn và quyết định hiệu quả của việc tranh tụng, vì vậy để nâng cao chất lượng tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự cần phải đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân biết về nguyên tắc tranh tụng và vai trò của Tòa án bảo đảm tranh tụng trong tố tụng dân sự.

Đối với Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân cần thường xuyên nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng tập huấn về những quy định mới của pháp luật để điều hành phiên tòa theo quy định của pháp luật tố tụng về tranh tụng. Bảo đảm cho các bên đương sự thực hiện tranh tụng có hiệu quả trên cơ sở bình đẳng trước pháp luật. Những phán quyết của Hội đồng xét xử trong bản án, quyết định phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*Thứ hai, bảo đảm độc lập Tòa án, tòa án tổ chức theo thẩm quyền xét xử, không theo đơn vị hành chính*

Vai trò của Tòa án bảo đảm tranh tụng trong tố tụng có liên quan đến nguyên tắc độc lập tư pháp. Một trong những yếu tố để đảm bảo cho Tòa án độc lập là các Tòa án được tổ chức theo thẩm quyền xét xử. Độc lập của Tòa án còn là nguyên tắc hoạt động của bộ máy nhà nước hiện đại. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định: “*Các*

*Tòa án nhân dân được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử*<sup>39</sup>. Hiện nay, hệ thống Tòa án nhân dân được tổ chức có Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Theo mô hình tổ chức này, ngoài Tòa án nhân dân cấp cao các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện vẫn tổ chức theo đơn vị hành chính. Do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân Tòa án được tổ chức theo cấp hành chính, nên công tác tổ chức chưa được quan tâm đúng mức, chế độ tiền lương, phụ cấp đối với Thẩm phán Tòa án các cấp cũng được quy định như các ngạch cán bộ, công chức hành chính nhà nước khác. Vì vậy, không đáp ứng được yêu cầu công tác xét xử và không tương xứng với vị trí, vai trò và tính chất hoạt động quan trọng của cơ quan Tòa án thực hiện quyền tư pháp trong bộ máy nhà nước.

*Thứ ba, Tăng cường đội ngũ luật sư, trợ giúp viên pháp lý để tham gia vào hoạt động tranh tụng các vụ án*

Luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hoặc là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các vụ án về tranh chấp dân sự, kinh doanh, thương mại. Với tư cách là người đại diện cho đương sự, luật sư được tham gia tố tụng từ khi khởi kiện hoặc bất cứ giai đoạn nào trong quá trình tố tụng dân sự; xác minh, thu thập chứng cứ và cung cấp chứng cứ cho Tòa án; nghiên cứu hồ sơ vụ án và được ghi chép, sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ án để thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; tham gia việc hoà giải, tham gia phiên toà hoặc có văn bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; thay mặt đương sự yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác; giúp đương sự về mặt pháp lý liên quan đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Hiện nay số lượng luật sư trong cả nước khoảng gần 20.000 luật sư, số vụ án có luật sư tham gia chiếm tỷ lệ khoảng 30% trên tổng số các vụ án mà Tòa án đã giải quyết, vì vậy chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Phát huy vai trò hoạt động trợ giúp pháp lý. Trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng trong những năm gần đây chiếm tỷ lệ thấp chỉ khoảng gần 10% hoạt động trợ giúp pháp lý trong một năm, chất lượng tham gia tố tụng ở một số vụ án chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu tranh tụng trong hoạt động xét xử theo yêu cầu của Chiến lược cải cách tư pháp. Do vậy, cần phải có những quy định hoạt động trợ giúp

---

<sup>39</sup> Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014

pháp lý tập trung vào hoạt động tranh tụng là chính. Để làm được điều này ngoài việc phát triển đội ngũ trợ giúp viên pháp lý mang tính chuyên nghiệp, hiện đại cần có những cơ chế hợp lý để tập hợp được đội ngũ luật sư tham gia trợ giúp pháp lý, vì luật sư có thể mạnh trong hoạt động tranh tụng hơn so với những người tham gia trợ giúp pháp lý khác.

*Thứ tư, hoàn thiện cơ chế giám sát của cơ quan dân cử đối với công tác xét xử.*

Một trong những nhiệm vụ cải cách tư pháp là hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp. Vì vậy, cần đẩy mạnh việc hoàn thiện cơ chế giám sát của cơ quan dân cử đối với công tác xét xử: Cần đổi mới phương thức, nội dung và phạm vi giám sát của Quốc hội theo hướng Quốc hội thực hiện giám sát tối cao đối với hoạt động của Tòa án nhưng không làm thay đổi công việc xem xét, kết luận về việc xét xử các vụ án cụ thể của vụ án; không can thiệp, kết luận việc xét xử sai đúng của tòa án, cũng không kiến nghị về tội danh hay mức án cụ thể.

Tòa án trung tâm, xét xử làm trọng tâm và lấy tranh tụng làm khâu đột phá; trọng tâm của cải cách tư pháp hiện nay đó là bảo đảm cho nguyên tắc Tòa án độc lập có hiệu lực trên thực tế. Do đó có thể thấy rằng, việc nghiên cứu về các giải pháp nhằm tăng cường độc lập xét xử của Tòa án là một nhu cầu cấp thiết trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền, đồng thời bảo đảm thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong nền tố tụng ở Việt Nam.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trương Hòa Bình, Bài viết “*Nâng cao chất lượng tranh tụng tại Tòa án, Giải pháp đột phá để Tòa án nhân dân thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân*” Tạp chí Tòa án nhân dân; năm 2013.
2. PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa (2008), *Cơ quan Tư pháp trong một nhà nước đang chuyển đổi: Góp một cách nhìn nhận và kiến nghị cải cách*. Hội thảo quốc tế về Độc lập xét xử do Viện Nhà nước và pháp luật tổ chức năm 2008.
3. GS.TS. Nguyễn Duy Quý (1992), “*Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta*”, Tạp chí Cộng sản.
4. Margaret Popkin, *Efforts to Enhance Judicial Independence in Latin America: A Comparative Perspective. Solutions to enhance the judicial independence*. Technical Publication, Guidance for Promoting Judicial Independence and Impartiality (November 2001).

# VAI TRÒ CỦA LUẬT SƯ VỀ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN Ở VIỆT NAM

TS. Nguyễn Văn Đại và NCS.ThS. Nguyễn Thị Mai Anh  
*Khoa Luật học, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh*

## 1. Đề dẫn

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử bảo đảm và tạo điều kiện cho luật sư, bị cáo, đương sự trình bày các quan điểm, ý kiến của mình về các tình tiết của vụ án là một yêu cầu quan trọng và có ý nghĩa trong hoạt động tố tụng ở Việt Nam; cơ quan báo chí cũng được tạo điều kiện để thông tin về hoạt động tại phiên tòa kịp thời, bảo đảm phiên tòa diễn ra công khai; quyền bào chữa, quyền công khai xét xử được tuân thủ. Phiên tòa được tổ chức theo tinh thần cải cách tư pháp đã thể hiện sự trang nghiêm, bình đẳng giữa các bên, tạo tâm lý thoải mái cho luật sư khi tranh tụng. Bản án được tuyên bảo đảm tính khách quan, công bằng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bảo đảm các quyền của bị cáo, việc tranh tụng tại các phiên tòa được thực hiện nghiêm túc.

Cải cách tư pháp luôn được coi là một bộ phận quan trọng gắn liền với nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam. Mục tiêu của cải cách tư pháp là xây dựng một hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh có phương thức tổ chức, hoạt động khoa học, hiện đại góp phần quan trọng vào việc giữ gìn trật tự kỷ cương phép nước. Nội dung chủ yếu của cải cách tư pháp là củng cố, kiện toàn bộ máy các cơ quan tư pháp, phân định lại thẩm quyền của Tòa án, đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp.

Trong hoạt động tư pháp, hoạt động xét xử được coi là khâu trọng tâm vì ở đây biểu hiện sự tập trung và thể hiện đầy đủ quyền tư pháp, là nơi trên cơ sở kết quả điều tra, truy tố và bào chữa, Tòa án nhân danh Nhà nước đưa ra phán xét một người có tội hay không có tội. Do vậy một phán xét chính xác, khách quan và đúng pháp luật hay không, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân có được bảo đảm hay không phụ thuộc vào quá trình điều tra, truy tố và xét xử từ phía cơ quan tiến hành tố tụng, mặt khác từ phía hoạt động tích cực của luật sư với vai trò là người bào chữa cho bị can, bị cáo và góp phần bảo vệ công lý. Hoạt động của luật sư không phải là hoạt động tư pháp nhưng lại có mối liên hệ gắn chặt với hoạt động tư pháp, hỗ trợ cho hoạt động tư pháp.

Nội dung của bài viết này, tác giả tập trung phân tích thực trạng đặt ra về việc thực hiện vai trò của luật sư trong hoạt động xét xử tại Tòa án và những kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa vai trò của luật sư trong thời gian tới.

## **2. Những vấn đề đặt ra trong thực hiện nguyên tắc tranh tụng của Tòa án và những đặc trưng cơ bản của nghề Luật sư**

### ***2.1. Những vấn đề đặt ra trong thực hiện nguyên tắc tranh tụng của Tòa án***

*Thứ nhất*, BLTTHS quy định trong mọi trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt phải hoãn phiên tòa trong khi BLTTHS quy định người bào chữa hoặc bị cáo, các chủ thể khác vắng mặt thì vẫn có thể tiến hành xét xử vụ án. Quy định như vậy là chưa đảm bảo sự bình đẳng giữa các bên trong tranh tụng, sẽ không bảo đảm được quyền của bị cáo. Sự vắng mặt của luật sư và bị cáo tại phiên tòa sẽ làm cho quá trình tranh tụng mất đi ý nghĩa bởi thiếu một bên tham gia tranh tụng và bào chữa là chức năng quan trọng không được thực hiện, những phiên tòa không có luật sư bào chữa thì việc tranh tụng diễn ra một chiều. Lúc đó, mục đích và ý nghĩa của quá trình tranh tụng khó để đạt được như mong muốn.

*Thứ hai*, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm, lần đầu được quy định trong BLTTHS năm 2015, tuy nhiên cho đến nay các Thẩm phán và Kiểm sát viên chưa được tập huấn chuyên sâu về kỹ năng điều khiển tranh tụng của Chủ tọa phiên tòa và kỹ năng tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa. Điều đó cũng có thể làm ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền tham gia tranh tụng, bào chữa của luật sư cho bị cáo tại phiên tòa. Luật sư có thể không có đủ điều kiện để phát huy được năng lực, cơ hội tranh tụng của mình đối với cơ quan tiến hành tố tụng. BLTTHS năm 2015 không quy định về biện pháp áp dụng trách nhiệm đối với trường hợp Kiểm sát viên không thực hiện nghĩa vụ đối đáp tại phiên tòa để làm rõ sự thật khách quan của vụ án là chưa bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trong tranh tụng khi xét xử vụ án hình sự.

*Thứ ba*, về việc thực hiện trách nhiệm của các chủ thể tiến hành tố tụng khi xét hỏi cũng còn hạn chế, bất cập. Có trường hợp Kiểm sát viên còn có định kiến với bị cáo, coi họ đã là tội phạm, chưa quán triệt nguyên tắc suy đoán vô tội; có trường hợp Kiểm sát viên chưa tích cực, chủ động trong việc xét hỏi mà coi việc xét hỏi là nhiệm vụ chính của Chủ tọa phiên tòa. Khi phát biểu ý kiến, có trường hợp Kiểm sát viên không căn cứ vào kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa mà căn cứ vào bản cáo trạng đã truy tố bị cáo, mặc dù kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa có nhiều nội dung không trùng với bản cáo trạng.

Một số vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử chưa điều hành tốt quá trình tranh luận giữa các bên; chưa thực sự chú ý đến những tình tiết, chứng cứ mới của vụ án nên những mâu thuẫn trong chứng cứ và lời khai chưa được làm sáng tỏ. Các tình tiết quan trọng và chứng cứ gỡ tội mà người bào chữa đưa ra có trường hợp không được Hội đồng xét xử quan tâm xem xét, chấp nhận và chưa được đề cập trong bản án. Có trường hợp Kiểm sát viên do chưa chuẩn bị tốt, không dự liệu, lường trước được tình huống xảy ra nên khi bị cáo và người bào chữa đưa ra những chứng cứ mới Kiểm sát viên bị động, lúng túng, né tránh những vấn đề mà bên gỡ tội nêu ra trái với quan điểm của Kiểm sát viên hoặc trả lời không đi thẳng vào trọng tâm của vấn đề đang tranh luận. Vai trò của luật sư trong trường hợp đó vì thế mà cũng mờ nhạt, không phát huy được khả năng tranh luận của mình.

*Thứ tư*, về giới hạn xét xử của Tòa án, tại phiên tòa phán quyết của Tòa án phải dựa trên việc xem xét đánh giá những chứng cứ được đưa ra và tranh luận giữa các bên. Tuy nhiên, qua thẩm tra và đánh giá chứng cứ xét thấy bị cáo phạm tội khác nặng hơn Hội đồng xét xử cũng không có quyền ra phán quyết về tội nặng hơn đó, nếu xét xử về tội nặng hơn đó vượt quá thẩm quyền xét xử của Tòa án.

Chẳng hạn như tình huống: Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, qua xem xét toàn diện các chứng cứ và đấu tranh tại phiên tòa có căn cứ kết luận bị cáo phạm tội Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, Tòa án không được ra phán quyết đối với bị cáo về tội Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà phải trả hồ sơ để Viện kiểm sát điều tra bổ sung, truy tố lại vì liên quan đến giới hạn của việc xét xử. Theo quy định tại Điều 298 BLTTHS: “Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố... Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố”. Trường hợp này, Hội đồng xét xử phải căn cứ vào Điều 280 BLTTHS trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung và truy tố lại vì tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có khung hình phạt cao hơn tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng mà Viện kiểm sát truy tố. Như vậy, phải qua những khâu tố tụng lòng vòng mới giải quyết được vụ án và trong trường hợp này tranh tụng tại phiên tòa chưa phải là căn cứ có tính quyết định, Tòa án không ra được phán quyết cuối cùng.

*Thứ năm*, một trong những nguyên nhân dẫn đến việc tranh tụng tại phiên tòa chưa đúng với tinh thần tranh tụng đó là yếu tố con người. Hiện nay có nhiều Thẩm phán, Kiểm sát viên, Hội thẩm giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, am hiểu pháp luật, phẩm chất đạo đức tốt tuy nhiên vẫn còn những Thẩm phán, Kiểm sát viên, Hội thẩm và cả luật sư, người bào chữa chưa đạt yêu cầu. Chất lượng xét xử phụ thuộc vào kỹ năng điều khiển của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, sự chủ động xét hỏi, tranh luận của Hội thẩm, Kiểm sát viên và khả năng tranh biện của Luật sư. Do đó đòi hỏi những người tiến hành tố tụng phải là người có cái tâm trong sáng đồng thời là người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng. Năng lực của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Hội thẩm. Luật sư ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, đối với Thẩm phán là kỹ năng điều khiển phiên tòa, Hội thẩm là kỹ năng xét hỏi, đối với Kiểm sát viên và Luật sư là kỹ năng tranh tụng, các trường hợp án bị sửa, huỷ xảy ra là do việc nắm và vận dụng pháp luật của một số Thẩm phán, Hội thẩm và Kiểm sát viên và Luật sư còn hạn chế.

Thực tế có nhiều Luật sư giỏi về chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, tuy nhiên hiện nay đội ngũ Luật sư vẫn còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng. Luật sư tham gia bào chữa nặng về khai thác các tình tiết gỡ tội, giảm nhẹ nên ít quan tâm tới việc làm rõ các tình tiết của vụ án một cách đầy đủ, toàn diện; thậm chí có luật sư có việc làm không trong sáng, làm lộ bí mật điều tra để chạy tội cho bị cáo hoặc làm lộ bí mật đời tư của bị cáo, bị hại với động cơ không tốt. Chính những biểu hiện, việc làm của luật sư đã cản trở việc thực hiện quy định người bào chữa tham gia tố tụng và tiếng nói của luật sư trong một số vụ án chưa được người dân đồng tình, coi trọng. Mặt khác chi phí cho luật sư bào chữa cao, trong khi không phải bị can, bị cáo nào cũng có điều kiện thuê luật sư bào chữa. Luật sư trợ giúp pháp lý nhiều trường hợp bào chữa mang tích hình thức nên chất lượng tham gia tranh tụng thấp.

## ***2.2. Đặc trưng cơ bản của nghề Luật sư gắn với hoạt động tố tụng***

*Thứ nhất, nghề luật sư là một nghề nghiệp được thực hiện bởi những người được đào tạo để có trình độ, kỹ năng pháp lý và đạo đức nghề luật thích hợp.*

Đặc điểm này nói tới chủ thể của hoạt động luật sư (như trên trình bày, bao gồm: Tranh tụng, tư vấn, đại diện...). Chính bởi tính chất đặc biệt về chuyên môn của loại hoạt động này và sự tác động lớn của nó tới cá nhân cụ thể và cộng đồng, nên đòi hỏi phải có một loại chủ thể đặc biệt. Thông thường, nghề luật sư lựa chọn những người đã có trình độ pháp lý cao và có đạo đức thích hợp để đào tạo nghề. Hầu hết các nước đi



theo khuynh hướng này, chứ không lựa chọn những người bình thường để đào tạo luật sư. Trong khi đó, hầu hết các nghề nghiệp khác đào tạo những người bình thường để có trình độ, kỹ năng và đạo đức phù hợp, trừ những yêu cầu nghề nghiệp đặc biệt về sức khỏe (như quân đội, thợ mỏ, hàng hải...), về năng khiếu (như kiến trúc, nghệ thuật...). Bác sĩ y khoa cũng không bắt đầu từ những người đã có trình độ y học nhất định. Hiện nay, hầu hết các nước trên thế giới, người ta đào tạo bác sĩ y khoa từ những người bình thường tốt nghiệp trung học phổ thông. Đối với nghề kiến trúc sư cũng vậy, nhưng bắt đầu từ người có năng khiếu nhất định về hội họa, tốt nghiệp trung học phổ thông... Đặc điểm này của nghề luật sư dẫn tới sự khác biệt lớn trong quy chế vào nghề của luật sư so với quy chế vào nghề của thương nhân và những người cung cấp dịch vụ khác mà đòi hỏi pháp luật phải chú ý.

*Thứ hai, nghề luật sư ngày càng có vị trí, vai trò quan trọng trong thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền, bảo đảm quyền con người.*

Luật sư độc lập trong hành nghề và tự chịu trách nhiệm về hoạt động nghề nghiệp của mình. Đặc điểm này của nghề luật sư hình thành do chính tính chất hoạt động “không thể dựa dẫm” của luật sư liên quan tới từng hoàn cảnh cụ thể quy định (vụ việc cụ thể, hoàn cảnh tư vấn cụ thể...). Đặc điểm này tác động rất lớn tới việc tổ chức hành nghề luật sư. Vì vậy, việc quản lý nhà nước đối với luật sư cũng có những tính chất riêng biệt so với việc quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực thương mại hoặc dịch vụ khác. Rất nhiều ý kiến hiện nay cho thấy, số lượng luật sư được cấp thẻ hành nghề thì đông, nhưng số lượng luật sư hành nghề và kiếm sống được bằng nghề luật sư một cách thực chất, đúng với nghĩa là hành nghề luật sư thì không nhiều, có thể chỉ chiếm khoảng 1/3 trong tổng số các luật sư được cấp thẻ hành nghề. Với số lượng luật sư như vậy, rõ ràng việc cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp toàn thời gian không nhiều. Số lượng luật sư làm theo kiểu “thời vụ” hoặc một phần thời gian cho thấy, việc ràng buộc luật sư vào một tổ chức nhất định không phải là khâu quản lý có tính chất bắt buộc.

Dịch vụ mà luật sư cung cấp có các chức năng: (i) Chức năng chỉ dẫn; (ii) Chức năng phản biện. Đây là các chức năng chủ yếu của luật sư đem lại nguồn thu nhập chủ yếu cho luật sư, tức là, luật sư khi cung cấp dịch vụ pháp lý và luôn thu lại một đối khoản thể hiện đúng tính chất luật sư là một nghề nghiệp, trừ những hoạt động có tính chất đóng góp cho xã hội gần giống như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, ví dụ như trợ giúp pháp lý, phổ biến, tuyên truyền pháp luật không lấy tiền. Bởi luật sư là

những người am hiểu tường tận về pháp luật và cả những đường lối cũng như cách thức xử lý các vi phạm pháp luật, cho nên, luật sư cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý nhằm chỉ dẫn cho khách hàng hành xử đúng pháp luật trong các hoạt động sống của mình và góp phần phản biện để áp dụng đúng pháp luật cho những vụ việc tranh chấp cụ thể được đưa ra các cơ quan tài phán. Tuy nhiên, sự bù đắp công sức do luật sư bỏ ra và sự sáng tạo do luật sư đem lại luôn là vấn đề gây tranh luận. Sự bù đắp ở đây chỉ có tính chất tương đối trên những cơ sở thiếu chắc chắn, nhất là đối với những gì mà luật sư sáng tạo ra trong việc hiểu pháp luật và tìm kiếm giải pháp cho tranh chấp cụ thể đó, góp phần phát triển án lệ.

*Thứ ba, nghề nghiệp luật sư là một nghề “bán kinh doanh”.*

Tác giả Phan Trung Hoài đã viết: “Chức năng xã hội của luật sư được thể hiện thông qua khả năng đáp ứng nhu cầu pháp lý của người dân một cách minh bạch và tạo ra cho người dân nhận biết chân thực và công bằng các nhu cầu chính đáng ấy”, và với chức năng này, thì “phẩm chất của luật sư trong điều kiện hiện nay được đánh giá không chỉ là người tuân thủ pháp luật, có kỹ năng và kỹ luật, trình độ tinh thông nghề nghiệp, tận tâm với khách hàng, mà còn phải là người có tấm lòng yêu thương đối với xã hội, có lối sống lành mạnh, lòng đầy tự tin vào chính nghĩa, tin vào công bằng xã hội”. Vì vậy, luật sư không chỉ đơn thuần cung cấp dịch vụ để lấy tiền như những nghề nghiệp khác, mà còn là những người đóng góp trực tiếp cho việc bảo đảm tuân thủ pháp luật. Hoạt động kinh doanh đơn thuần thông qua việc mua bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ mà giá cả của nó do quan hệ cung cầu quyết định đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Còn trong nghề luật sư, mỗi hoạt động cung cấp dịch vụ đơn lẻ đều đóng góp trực tiếp cho sự tuân thủ pháp luật và bình ổn của xã hội.

### **3. Thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao vai trò của luật sư trong thực hiện nguyên tắc tranh tụng của Tòa án**

Sự tham gia của luật sư trong tố tụng không chỉ giúp bị can, bị cáo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, mà còn góp phần trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án, giúp việc điều tra, truy tố và xét xử được nhanh chóng, chính xác, tránh oan sai, để lọt tội phạm. Tuy nhiên vị trí, vai trò của luật sư hiện nay chưa được nhìn nhận đúng và chưa thực sự bảo đảm theo yêu cầu của pháp luật. Theo quy định của pháp luật, luật sư có thể tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can, thậm chí còn sớm hơn là từ khi có quyết định tạm giữ. Nhưng trên thực tế tỉ lệ các vụ án luật sư được tham gia từ giai đoạn

điều tra còn khá thấp so với tổng số vụ án hình sự bị khởi tố, trong đó có cả những vụ án theo quy định của pháp luật sự tham gia của luật sư là bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Về vấn đề này có nhiều nguyên nhân, là do bị can không biết mình có quyền mời luật sư hoặc biết nhưng vì có khó khăn về tài chính nên không thể thuê luật sư bảo đảm quyền lợi cho mình. Bên cạnh đó còn có một nguyên nhân là do cơ quan tố tụng chưa tạo điều kiện để luật sư thực hiện đầy đủ chức năng tố tụng của mình, một số điều tra viên chưa ủng hộ việc luật sư được tham gia từ giai đoạn điều tra. Trong một số trường hợp sự không ủng hộ này được thể hiện bằng cách khuyên bị can không nên mời luật sư mà tốt nhất là khai báo trung thực để được hưởng khoan hồng. Đối với bị can kém hiểu biết pháp luật, lại ở trong tình trạng tạm giam, do vậy tâm lý bất ổn, lo lắng, vì vậy thường không có khả năng tiếp cận sự bảo đảm quyền lợi từ luật sư. Rất khó xác định được việc từ chối luật sư của bị can xuất phát từ ý chí như thế nào của họ. Trong trường hợp này cơ quan điều tra phải tạo điều kiện để bị can được tiếp xúc với luật sư, còn quyền từ chối luật sư của bị can có thể thực hiện ở bất cứ giai đoạn nào của tố tụng. Việc gặp gỡ với luật sư không làm mất đi quyền từ chối luật sư của bị can, nó chỉ giúp cho bị can nhận thức đúng hơn về vai trò của luật sư cũng như sáng suốt hơn trong việc lựa chọn người bào chữa cho mình trong suốt quá trình tố tụng.

Bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo là nguyên tắc dân chủ trong tố tụng hình sự vì vậy việc mở rộng sự tham gia của luật sư trong tố tụng hình sự, cho phép luật sư tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ là cần thiết. Bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo cần thực hiện theo hướng mở rộng quyền của của bị can, bị cáo và cho phép luật sư tham gia sớm hơn và trong mọi giai đoạn của tố tụng, đồng thời tăng cường trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền tham gia tố tụng của luật sư.

Sự tham gia của luật sư ở giai đoạn điều tra không chỉ mở rộng những nguyên tắc dân chủ trong tố tụng hình sự mà còn nâng cao chất lượng điều tra, tăng cường pháp chế trong giai đoạn điều tra. Việc bào chữa kiên định, dũng cảm trong vụ án hình sự không những không cản trở mà còn thúc đẩy cuộc đấu tranh chống tội phạm, giúp khắc phục những sai lầm trong việc xử lý vụ án. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo và các đương sự khác bằng những phương tiện hợp pháp luật sư thể hiện vai trò của mình trong việc bảo vệ quyền công dân, góp phần vào công cuộc cải cách tư pháp ở Việt Nam. Vì vậy cần có nhận thức đúng về vị trí, vai trò của luật sư trong tố tụng nói

chung và trong việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng của Tòa án nhân dân nói riêng. Nhận thức đó phải được quán triệt trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các cơ quan tiến hành tố tụng và mọi người dân.

Hiện nay, hoạt động tranh tụng hình sự của Luật sư được quy định cơ bản trong các nguồn pháp luật về tố tụng hình sự. Đặc biệt, một số điểm mới đáng chú ý của Bộ luật TTHS 2015 so với hệ thống pháp luật tố tụng hình sự trước đây có thể nói là cơ sở pháp lý thuận lợi để nâng cao vai trò, vị thế của Luật sư trong hoạt động tranh tụng. Từ nhiệm vụ và mục tiêu hướng tới bảo vệ quyền con người, chính là việc bảo đảm quyền bào chữa, bảo vệ quyền được bào chữa, quyền được bảo vệ của người bị buộc tội và đương sự trong vụ án hình sự<sup>40</sup>.

Một số các quy định mới của Bộ luật TTHS 2015 như Luật sư với vai trò là người bào chữa được tham gia từ trước khi khởi tố vụ án đó là giai đoạn xác minh, thu thập chứng cứ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền được thu thập chứng cứ của người bào chữa, quy định tại Điều 73. So sánh với Bộ luật TTHS 2003, Luật sư với vai trò là người bào chữa chỉ được thu thập tài liệu, đồ vật là một dạng nguồn chứng cứ; sau đó giao nộp cho các cơ quan thụ lý vụ án để tiến hành đánh giá. Những tài liệu, đồ vật được giao nộp đó chỉ có thể được chuyển hóa thành chứng cứ mà không chắc chắn có được sử dụng làm chứng cứ phục vụ mục đích bào chữa của luật sư; người bào chữa có quyền được gặp người bị buộc tội tại nơi giam giữ... Có thể khẳng định rằng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự hiện nay đã và đang là cơ sở, điều kiện thuận lợi cho luật sư với vai trò là người bào chữa thực hiện quyền bào chữa của mình để góp phần nâng cao hiệu quả trong hoạt động tư pháp hình sự nói chung và chất lượng của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa ở nước ta.

Tuy nhiên, thực trạng hoạt động tranh tụng của Luật sư hiện nay trong lĩnh vực hình sự chưa đạt được theo như mong muốn, kỳ vọng của xã hội, cũng như các mục tiêu về cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước. Một nguyên tắc cơ bản của Bộ luật TTHS 2015 là bản án, quyết định của tòa phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nội dung này khẳng định tầm quan trọng của hoạt động tranh tụng nói chung và hoạt động đánh giá chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa nói riêng; thể hiện tính khách quan, bình đẳng, toàn diện, công khai, dân chủ của tư

---

<sup>40</sup> Luật sư Hoàng Văn Hường (Đoàn Luật sư Hà Nội), “Nâng cao kỹ năng tranh tụng hình sự của Luật sư”, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, năm 2021.

pháp hình sự Nhà nước. Đồng thời, hoạt động đánh giá chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa là kết quả của một quá trình giải quyết vụ án kể từ các hoạt động xác minh, điều tra, truy tố đến xét xử.

Hiện nay, dù tỉ lệ các phiên tòa có Luật sư và người bào chữa tham gia trong các vụ án hình sự đã được tăng lên đáng kể, nhưng về chất lượng của hoạt động bào chữa, bảo vệ trong quá trình tố tụng vụ án hình sự chưa cao. Thực trạng này dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội và các chủ thể được bảo vệ trong quan hệ pháp luật hình sự trong một vụ án chưa được bảo đảm một cách tốt nhất theo quy định của pháp luật. Một số vụ án còn nhiều sai sót trong hoạt động tố tụng từ phía những người tiến hành tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng. Tỉ lệ về các vụ án hủy, án sửa còn khá lớn cũng phản ánh được chất lượng tranh tụng chưa đạt được như yêu cầu. Những hạn chế này đã được nêu ra trong quá trình sửa đổi hệ thống pháp luật tố tụng hình sự; kỳ vọng khi có Luật sư và người bào chữa tham gia sẽ hạn chế được những vi phạm tố tụng cả về mặt hình thức lẫn nội dung của các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong hoạt động tư pháp hình sự.

Từ những phân tích về thực trạng nêu trên, tác giả đề xuất một số giải pháp sau đây:

**Thứ nhất**, cần phải nâng cao nhận thức của các chủ thể về vai trò của luật sư trong thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa. Nhận thức đó cần phải lan tỏa ở tất cả các nhóm chủ thể trong xã hội. Nếu như chúng ta mới chỉ có ở cơ quan xây dựng pháp luật, cơ quan quản lý nhà nước và ở đội ngũ luật sư là chưa đầy đủ. Cần phải tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để cho người dân, các tổ chức trong xã hội nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò của luật sư trong tố tụng hình sự, đặc biệt là trong hoạt động tranh tụng. Việc triển khai những quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tranh tụng vụ án hình sự trong thời gian vừa qua đã góp phần nâng cao vị trí, vai trò của luật sư trong việc thực hiện chức năng bảo vệ công lý, phát huy dân chủ thông qua việc thực hiện chức năng tố tụng để giúp cá nhân, tổ chức bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp đã được Hiến pháp và pháp luật quy định. Trong một vụ án hình sự, luật sư tham gia có thể với các tư cách khác nhau. Họ có thể là người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Họ cũng có thể là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, người liên quan... Dù với tư cách nào, luật sư đều cố gắng thực hiện hết trách nhiệm trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình, thực hiện tốt chức năng xã

hội của luật sư đã được luật định. Quá trình tham gia tố tụng, luật sư đóng vai trò rất quan trọng trong việc thực thi nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử, bảo đảm cho vụ án được xét xử một cách khách quan, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

**Thứ hai**, nhận thực đúng về nghề luật sư để tiếp tục hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề Luật sư. Theo quy định của pháp luật về Luật sư có thể nói không còn phù hợp với yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng của đội ngũ Luật sư trong thời gian hiện nay và yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật và cải cách tư pháp. Chẳng hạn như các quy định về điều kiện được miễn đào tạo hoặc miễn, giảm thời gian tập sự hành nghề đã tạo ra một khoảng trống về nhận thức nghề, đặc biệt những đặc thù của nghề nghiệp Luật sư, những nội dung quy định bắt buộc về quy tắc đạo đức của Luật sư, phạm vi khách thể nghề trong dịch vụ pháp lý thực hiện. Đây là một nội dung lớn, đòi hỏi cần phải có những nhận thức chung từ cơ quan lập pháp, xây dựng hoàn thiện thể chế, pháp luật; cơ quan quản lý nhà nước về nghề luật sư và đặc biệt là nhận thức của chính những người tham gia đào tạo, bồi dưỡng để hành nghề luật sư. Cần phải xác định rõ, công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp là nhiệm vụ quan trọng để hành nghề. Yêu cầu đó không phải là cơ chế nặng nề trong quản lý nhà nước mà là giải pháp bảo đảm tốt cho điều kiện tham gia hành nghề luật sư đối với công dân trong điều kiện thực tiễn ở nước ta.

Cần phải không ngừng nâng cao chất lượng về đào tạo và bồi dưỡng chuyên sâu cho luật sư tham gia tranh tụng tại phiên tòa. Hiện nay, Học viện Tư pháp là cơ sở duy nhất đào tạo nghề luật sư nhằm đáp ứng cả về số lượng và yêu cầu của nhiệm vụ cải cách tư pháp pháp. Mặc dù đã được Nhà nước quan tâm lớn về cơ sở vật chất, chương trình và các điều kiện giảng dạy, nhưng thực tế mới chỉ đào tạo đại trà về phương pháp tiếp cận kỹ năng chung của Luật sư, mà chưa đào tạo theo những lĩnh vực chuyên sâu, trong đó đặc biệt là kỹ năng tranh tụng của Luật sư trong vụ án hình sự. Điều này có nghĩa là chúng ta có đào tạo nghề luật sư nhưng chưa đào tạo chuyên ngành, chuyên sâu kỹ năng Luật sư tranh tụng hình sự. Chưa có tổ chức, cơ quan hay đơn vị nào thực hiện việc tổ chức đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu kỹ năng tranh tụng nói chung và kỹ năng tranh tụng hình sự nói riêng. Thực tế cho thấy, bất kể một Luật sư nào sau khi được cấp thẻ luật sư cũng có thể đăng ký tham gia tranh tụng trong một vụ án hình sự. Về mặt quy trình, Luật sư đó có thể thực hiện tốt theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Tuy nhiên, xuất phát từ sự cần thiết trong tranh tụng để bào chữa, bảo vệ tốt nhất cho khách hàng, từ nội dung kiến thức lý luận nền tảng, các phương pháp, kỹ năng được học trong chương trình đào tạo nghề cần phải được chuyển tải thành các kỹ năng thực tế mang tính sáng tạo, phù hợp với đặc điểm từng loại án, vụ án và từng đối tượng mà Luật sư bào chữa hoặc bảo vệ trong vụ án hình sự.

Kỹ năng tranh tụng và tham gia phiên tòa đã và sẽ là một yêu cầu cấp bách cho việc bồi dưỡng và đào tạo Luật sư tranh tụng hình sự, để hướng tới góp phần vào sự hoàn thiện pháp luật, xây dựng môi trường tố tụng dân chủ, văn minh trong thực hành quyền tư pháp của Nhà nước. Nâng cao và hoàn thiện kỹ năng tranh tụng cho Luật sư chính là việc nâng cao vị thế của Luật sư trước các cơ quan tiến hành tố tụng và trước sự tin tưởng, kỳ vọng của xã hội. Nó góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng tranh tụng trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân.

Trong thời gian tới đây, để phát huy tốt nhất các hoạt động tranh tụng của Luật sư trong các phiên tòa hình sự, thực hành quyền tư pháp hình sự của Nhà nước cần phải tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng với các chủ đề chuyên sâu về kỹ năng tranh tụng các vụ án hình sự. Trong đó phải đưa ra những yêu cầu về cải tiến và chuẩn hóa mạnh mẽ đội ngũ Luật sư tranh tụng. Tăng cường đào tạo kỹ năng thực tế mang tính sáng tạo phù hợp với điều kiện tư pháp của Việt Nam trong tranh tụng hình sự, đặc biệt là các kỹ năng mềm để hướng tới hoạt động của Luật sư trong lĩnh vực tranh tụng hình sự trở thành nghệ thuật tranh tụng. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng và kỹ năng của người đào tạo, bồi dưỡng cần có sự tham khảo, vận dụng giá trị, kết quả phù hợp từ các nước trong yêu cầu về hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay. Trên thực tế, đã có nhiều mô hình tranh tụng chất lượng đã được thực hiện ở nhiều quốc gia có nền tư pháp phát triển, tiến bộ mà chúng ta có thể nghiên cứu để học tập, trong đó đặc biệt là việc khẳng định vị thế, vai trò của Luật sư trong quá trình tranh tụng.

**Thứ ba**, cần tăng cường thực hiện việc quản lý nhà nước và hoạt động tự quản của Luật sư. Cần tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền và hoạt động tự quản của các đoàn luật sư trong nhiệm vụ quản lý luật sư và hành nghề luật sư. Qua đó, kịp thời phát hiện, uốn nắn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của Luật sư, những hành vi chưa đúng, chưa chuẩn mực với quy định của quy tắc đạo đức nghề luật sư. Cần đặc biệt quan tâm cách ứng xử của các Luật sư tranh tụng hình sự, để các Luật sư hiểu rõ dù các hoạt động tranh tụng

của Luật sư mang tính độc lập nhưng vẫn phải tuân thủ pháp luật chung và Bộ quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp.

Đoàn Luật sư các tỉnh, thành phố hoặc Liên đoàn Luật sư Việt Nam có thể thành lập các Câu lạc bộ Luật sư tranh tụng hình sự; từ đó có các không gian sinh hoạt riêng giữa các Luật sư có kinh nghiệm trao đổi, thảo luận, đúc rút kinh nghiệm trong hoạt động tranh tụng các vụ án hình sự. Ngoài ra, với tư cách là Tổ chức xã hội - nghề nghiệp, với chức năng đại diện cho Luật sư, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Đoàn Luật sư các tỉnh, thành phố cần kịp thời kiến nghị đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sớm hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động tranh tụng của Luật sư theo tinh thần của Hiến pháp và pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự.

#### **4. Kết luận**

Trong yêu cầu về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay, quyền tư pháp đang được đặt ra với vai trò trung tâm trong thực thi quyền lực nhà nước, mục tiêu cao nhất là bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước. Một trong các giải pháp quan trọng để bảo đảm vị trí trung tâm, vai trò của quyền tư pháp là bảo đảm tính độc lập, bình đẳng và sự liêm chính của quyền tư pháp. Tòa án nhân dân với vị trí là cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp trong bộ máy nhà nước thì bảo đảm thực hiện nguyên tắc tranh tụng trọng quá trình xét xử lại là giải pháp có tính quyết định. Có nhiều chủ thể tham gia vào quá trình tố tụng với vai trò, vị trí khác nhau đều góp phần vào việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng của Tòa án. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của Luật sư trong việc thực hiện nguyên tắc này.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;
2. Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
3. Luật Luật sư sửa đổi 2012;
4. Phan Trung Hoài, *Những điểm mới về chế định bào chữa trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội (2016);
5. Võ Minh Kỳ, *Đánh giá lời khai của người bị buộc tội theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 12 (356), (2017): tr.21-26;



6. Xuân Duy, “*Nguyên phó Chánh án quận 4 giữ quyền im lặng*”, Báo điện tử Dân Trí, ngày 27/02/2020, <https://dantri.com.vn/phap-luat/nguyen-pho-chanh-an-quan-4-giu-quyen-im-lang-20200227182928220.htm>, truy cập ngày 02/03/2020.
7. Luật sư Hoàng Văn Hường (Đoàn Luật sư Hà Nội), “*Nâng cao kỹ năng tranh tụng hình sự của Luật sư*”, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, năm 2021.

## **BẢO ĐẢM QUYỀN IM LẶNG CỦA BỊ CÁO TRONG XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ**

**Đại úy Trần Văn Hùng**

*Thẩm phán Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4*

**Tóm tắt:** Tranh tụng trong tố tụng là mô hình pháp lý của nền tư pháp hiện đại. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử ở nước ta đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị và cụ thể hóa tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS) trong đó quy định “*Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình...*”. Để thực hiện nội dung nguyên tắc tranh tụng này thì việc Tòa án bảo đảm thực hiện quyền im lặng của bị cáo trong xét xử vụ án hình sự với tư cách là nội dung của nguyên tắc tranh tụng là yêu cầu quan trọng trong bối cảnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Trong phạm vi bài viết này, xin phân tích một số vấn đề đặt ra để bảo đảm quyền im lặng của bị cáo trong xét xử các vụ án hình sự và kiến nghị những giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện quyền im lặng trong thực tiễn.

**Từ khóa:** *Quyền im lặng.*

### **Đặt vấn đề**

Phòng chống oan sai trong hoạt động tư pháp, bảo vệ quyền con người, quyền công dân luôn là vấn đề quan trọng và cần thiết trong công tác cải cách tư pháp. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm bảo vệ quyền con người trên mọi phương diện trong đó bảo đảm quyền im lặng của bị cáo trong xét xử vụ án hình sự đã được BLTTHS ghi nhận là một nội dung quan trọng trong thực hiện nguyên tắc tranh tụng. Các quy định của BLTTHS ghi nhận quyền im lặng là điều kiện cần nhưng việc các cơ quan tư pháp bảo đảm quyền này thực hiện trong thực tiễn mới là điều kiện đủ.

### **1. Quy định về quyền im lặng trong pháp luật hình sự ở nước ta**

Quyền im lặng trong tố tụng hình sự là quyền quan trọng trong các quyền con người được pháp luật nhiều quốc gia trên thế giới ghi nhận trong đó có Việt Nam,

tuy nhiên, về khái niệm quyền im lặng ở các quốc gia được thể hiện bằng các nội dung khác nhau:

Tại Liên minh châu Âu, Chỉ thị 2012/13/EU của Nghị viện châu Âu ghi rõ là nhà cầm quyền phải thông báo ngay lập tức cho những người bị tình nghi, bị buộc tội, bằng lời nói hay qua giấy tờ với ngôn từ đơn giản và dễ hiểu về quyền im lặng không phải khai báo của họ. Thông báo phải xảy ra vào đúng thời điểm, để nghi phạm, hay người bị buộc tội có thể ứng dụng quyền này. Chỉ thị này phải được đưa vào luật quốc gia trong các nước Liên minh châu Âu trễ lắm là ngày 02/6/2014.

Tại nước Đức, theo Điều 136, stpo, juris và 163a, stpo, juris của luật tố tụng, trước khi hỏi cung một người bị tình nghi, về một vi phạm, hay tội phạm của người đó, thì phải loan báo là *“Theo luật anh ta được tự do trình bày hay không về những cáo buộc”* nhất là khi *“Những lời khai buộc mình có tội”* và bất cứ lúc nào, cả trước khi hỏi cung, được quyền tham khảo một Luật sư theo sự lựa chọn.

Theo Tòa án tối cao Hoa Kỳ, trước khi thẩm vấn, cảnh sát phải thông báo cho nghi phạm hình sự *“Quyền Miranda”* như sau: *“Anh có quyền giữ im lặng và từ chối trả lời câu hỏi. Bất cứ điều gì anh nói cũng sẽ được dùng để chống lại anh trước tòa. Anh có quyền có Luật sư trước khi khai báo với cảnh sát và Luật sư sẽ hiện diện khi cảnh sát thẩm vấn anh. Nếu anh không thể tìm được Luật sư, anh sẽ được cung cấp một Luật sư trước khi trả lời các câu hỏi. Anh có thể trả lời câu hỏi khi không có Luật sư, nhưng anh vẫn có quyền ngưng trả lời bất cứ lúc nào để chờ sự có mặt của Luật sư”*.

Ở Việt Nam, theo Từ điển Tiếng Việt Nhà xuất bản Lao động năm 2012, *“Im lặng là không nói, không sử dụng ngôn ngữ để thể hiện”*, như vậy im lặng đồng nghĩa với việc không sử dụng lời nói, ngôn ngữ, tuy nhiên, dưới góc độ pháp lý, quyền im lặng được hiểu dưới góc độ khác, quyền im lặng là quyền mới đã được quy định ở nhiều điều luật khác nhau của BLTTHS năm 2015 mặc dù không quy định cụ thể quyền im lặng nhưng một số quy định trong BLTTHS thể hiện rõ nội dung của quyền này, bao gồm:

1). Nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định tại Điều 13 BLTTHS *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”*.

(2) Về trách nhiệm chứng minh, xác định sự thật của vụ án được quy định tại Điều 15 BLTTHS “*Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội*”. Điều 16 quy định: “*Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa*”.

(3) “*Quyền im lặng*” đối với người bị tạm giữ được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 59 BLTTHS về quyền và nghĩa vụ của người tạm giữ: “*Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội*”.

(4) “*Quyền im lặng*” đối với bị can được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 60 BLTTHS: “*Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội*”.

(5) “*Quyền im lặng*” đối với bị cáo tại phiên tòa được quy định tại điểm h, i khoản 2 Điều 61 BLTTHS: “*Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội*”, “*Đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi những người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; tranh luận tại phiên tòa*”.

Những quy định trên của BLTTHS đã cơ bản thể hiện được nội hàm của quyền im lặng bởi vì đó là những nội dung biểu hiện của nguyên tắc “*Suy đoán vô tội*” trong Hiến pháp năm 2013. Hơn nữa, từ các quy định của BLTTHS cũng cho thấy người bị tạm giữ, bị can, bị cáo cũng có quyền biết lý do mình bị tạm giữ, quyền được biết mình bị khởi tố về tội gì và quyền trình bày lời khai. Có chăng BLTTHS chưa quy định rõ ràng quyền im lặng trong một Điều luật cụ thể.

## **2. Những vấn đề bảo đảm thực hiện quyền im lặng của bị cáo trong xét xử các vụ án hình sự**

Quyền im lặng là một quyền hợp pháp được công nhận một cách rõ ràng hoặc theo quy ước, trong nhiều hệ thống pháp luật trên thế giới. Ở nước ta hiện nay Quyền im lặng là quyền của bị can, bị cáo, người bị bắt, người bị tạm giữ có được ghi nhận ở nhiều điều luật trong BLTTHS. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây Quyền im lặng đã được các bị cáo sử dụng tại phiên tòa và để quyền này được bảo đảm khi có các yếu tố sau đây:

**Thứ nhất:** Về chủ thể đảm bảo thực hiện quyền im lặng của bị cáo.

Bản chất của hoạt động tranh tụng là sự tranh luận qua lại giữa bên buộc tội và bên bào chữa để tìm ra sự thật của vụ án. Vì vậy, Điều 26 BLTTHS cho phép các chủ thể đảm bảo thực hiện quyền im lặng của bị cáo gồm: Kiểm sát viên (KSV), người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các chủ thể gỡ tội gồm: bị cáo, người bào chữa. Còn Tòa án được trao cho nhiệm vụ là trung tâm cho việc bảo đảm quyền im lặng của bị cáo tại phiên tòa.

Ở nước ta áp dụng mô hình tố tụng thẩm vấn tức là các tài liệu, chứng cứ phải được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) đánh giá các chứng cứ, tài liệu, lời khai để quyết định bị cáo có tội hay không có tội, tội gì và áp dụng hình phạt cho phù hợp. Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Phiên tòa hình sự là một trong những điều kiện quan trọng để bị cáo thực hiện quyền im lặng và các chủ thể khác bảo đảm quyền im lặng của bị cáo. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện quyền im lặng và các thành phần tham gia tố tụng và người tham gia tố tụng khác có trách nhiệm tôn trọng quyền im lặng của bị cáo.

**Thứ hai:** Nội dung quyền im lặng của bị cáo trong xét xử vụ án hình sự.

Để bảo đảm thực hiện quyền im lặng tại các phiên tòa thì HĐXX, KSV, bị cáo, người bào chữa cần nhận thức được đầy đủ nội dung quyền im lặng, trong BLTTHS và các văn bản hướng dẫn thi hành thì chưa có quy định sự thống nhất về nội dung quyền im lặng mà bị cáo thực hiện tại phiên tòa, tuy nhiên qua thực tiễn một số vụ án mà bị cáo thực hiện quyền im lặng tiêu biểu là án Trương Hồ Phương Nga và Nguyễn Đức Thùy Dung bị truy tố về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", vụ án Hoàng Công Lương đây là hai vụ án điển hình cho việc bị cáo thực hiện quyền im lặng thì nội dung quyền im lặng của bị cáo bao gồm:

+ Tự chủ khai báo.

Tự chủ là khả năng tự bản thân mình sẽ đưa ra các quyết định sáng suốt, xuất phát từ chính bản thân mình mà không chịu sự tác động, ép buộc bởi bất cứ ai. Tự chủ được biểu thị qua hành động, qua lời nói, suy nghĩ, tâm tư hay tình cảm của chính bản thân mình trong mọi hoàn cảnh.

Khai báo là quyền và nghĩa vụ của bị cáo được ghi nhận trong BLTTHS và tồn tại dưới hai hình thức:

Một là khai báo thụ động, đây là hình thức khai báo mà bị cáo thực hiện theo các câu hỏi mà HĐXX, KSV đặt ra. Trong các quy định về quyền và nghĩa vụ của bị cáo tại Điều 61 của BLTTHS, tuy không trực tiếp ghi nhận quyền im lặng cho người bị cáo tại phiên tòa, nhưng trong thực tế tại phiên tòa khi khai báo, bị cáo có thể không trả lời một số câu hỏi mà bị cáo cho rằng chống lại họ và họ cũng không buộc phải khai nhận mình có tội. Đây có thể được coi là một nội dung của quyền im lặng, quy định này nhằm bảo đảm tính minh bạch của pháp luật, tạo sự nhận thức thống nhất trong quá trình xét hỏi tại phiên tòa.

Hai là khai báo chủ động là việc bị cáo có quyền đề nghị HĐXX xét hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa.

Tự chủ khai báo là việc bị cáo lựa chọn việc khai báo mà không phụ thuộc vào bất kỳ sự tác động từ các yếu tố khác, việc tự chủ khai báo là nội dung nhằm giúp cho các lời khai của bị cáo thống nhất. Tại phiên tòa, tự chủ khai báo bao gồm các nội dung sau: Bị cáo giữ nguyên lời khai tại các phiên tòa trước hoặc trong hồ sơ vụ án mà không khai thêm các nội dung khác; Lựa chọn lời khai phù hợp; Đề nghị nội dung hỏi và hỏi người nào.

+ Chủ động sử dụng chứng cứ.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố, vì nhiều lý do khác nhau, các chứng cứ không được thu thập đầy đủ, tại phiên tòa việc bị cáo có quyền sử dụng chứng cứ có lợi để bảo vệ mình là một nội dung của quyền im lặng và thực tiễn qua vụ án Trương Hồ Phương Nga và một số vụ án gần đây cho thấy, khi vụ án được đẩy lên cao gây bất lợi cho bị cáo thì lúc này bị cáo hoặc người tham gia tố tụng khác xuất trình chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo đã làm cho vụ án xuất hiện tình tiết mới.

+ Đề nghị người bào chữa thực hiện việc tranh tụng tại phiên tòa

Quyền nhờ người bào chữa thực hiện việc tranh tụng tại phiên tòa là một nội dung quan trọng nhằm bảo đảm quyền im lặng trong tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền tự bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nhưng do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế và những lý do, điều kiện nhất định nên không phải bị cáo nào cũng có khả năng thực hiện hiệu quả quyền im lặng. Do đó, quy định về quyền nhờ người bào chữa tham gia hỏi và trả lời là một bảo đảm quan trọng để bị cáo thực hiện các quyền im lặng.

+ Không buộc nhận mình có tội.

Trên thực tế, có thể một người đã thực hiện tội phạm, về khách quan, họ là người phạm tội, nhưng nếu không chứng minh được người đó đã thực hiện hành vi được luật hình sự coi là tội phạm, thì các cơ quan tiến hành tố tụng cũng không thể truy cứu, áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người đó. Chứng minh tội phạm là một quá trình, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, tại phiên tòa có căn cứ hay không có căn cứ để chứng minh hành vi phạm tội thì bị cáo không buộc tự nhận mình có tội, đây là một nội dung quan trọng trong quyền im lặng của bị cáo.

### **3. Thực trạng thực hiện quyền im lặng của bị cáo trong xét xử các vụ án hình sự ở nước ta hiện nay**

Thực hiện BLTTHS, trên cơ sở quán triệt Nghị quyết số 08-NQ/TW, Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị và kết luận của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương, các phiên tòa xét xử án hình sự đã được tổ chức theo tinh thần cải cách tư pháp, yêu cầu tranh tụng được chú trọng đã góp phần nâng cao chất lượng công tác xét xử và giải quyết các vụ án hình sự.

Thực tiễn thực hiện tranh tụng tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự những năm qua có thể nhận thấy việc thực hiện quyền im lặng với tư cách là một nội dung trong nguyên tắc tranh tụng có một số nội dung như sau:

**Thứ nhất:** Nhận thức về quyền im lặng.

Đối với HĐXX và KSV, trong thực tiễn khi bị cáo không khai báo hoặc chỉ khai báo một vài nội dung có lợi cho bị cáo thì một số Thẩm phán, KSV cho rằng bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và khi quyết định hình phạt vẫn đánh giá để quyết định hình phạt.

Đối với người bào chữa và bị cáo đây là hai chủ thể trực tiếp thực hiện quyền im lặng, tuy nhiên trong thực tiễn người bào chữa và bị cáo vẫn cho rằng im lặng là không thực hiện việc khai báo kể cả việc khai báo về các vấn đề có lợi cho bị cáo gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

**Thứ hai:** Các dạng vụ án bị cáo sử dụng quyền im lặng.

Thực tiễn lịch sử tố tụng hình sự Việt Nam nói chung, “*Quyền im lặng*” được bị cáo sử dụng rất ít. Qua nghiên cứu cho thấy, “*Quyền im lặng*” được các bị cáo sử dụng ở các trường hợp sau:

- Vụ án được dư luận xã hội quan tâm, các cơ quan ngôn luận đưa tin, bình luận trái chiều.

- Có quan điểm khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình xử lý vụ án (có tội, không có tội, khác nhau về tội danh, về chứng cứ...).

- Thời điểm các bị cáo sử dụng “Quyền im lặng” là lúc vụ án được đưa ra xét xử, khi biết mình bị Viện kiểm sát truy tố theo điều, khoản cụ thể của BLHS.

- Các bị can, bị cáo không nhận tội, có nhiều luật sư tham gia (bị cáo Phương Nga, Hoàng Công Lương đều cho rằng mình không phạm tội; bị cáo Nga có 3 luật sư bào chữa, Lương có 4 luật sư).

Ngày 16/5/2018, phiên tòa xét xử vụ án “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” và “*Vô ý làm chết người*” xảy ra tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình được đưa ra xét xử. Trong phần xét hỏi, khi KSV hỏi “*nhân vật chính*” trong vụ án là bị cáo Hoàng Công Lương, 32 tuổi, bác sĩ khoa Hồi sức tích cực Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình bị truy tố về Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; bị cáo Lương trả lời, do bị VKS quy kết tội nên bị cáo xin được giữ quyền im lặng. Bị cáo uỷ quyền cho luật sư chứng minh bị cáo vô tội.

Ngày 22/6/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án “*hoa hậu*” Trương Hồ Phương Nga về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (16,5 tỷ). Tại phần xét hỏi, khi trả lời câu hỏi của KSV, Phương Nga đã nói: “*Bị cáo không có nghĩa vụ phải chứng minh tội trạng của bị cáo, nghĩa vụ này là của cơ quan công tố*”, dù được Tòa giải thích nếu bị cáo từ chối việc tự bào chữa cho chính mình thì cũng là một cách tự gây thiệt hại. Tuy nhiên, trong suốt quá trình xét xử, Phương Nga vẫn kiên quyết sử dụng “*Quyền im lặng*” nhằm “*không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội*”.

**Thứ ba:** Việc giải quyết vụ án khi bị cáo thực hiện quyền im lặng tại phiên tòa.

HĐXX và KSV gặp lúng túng, bất ngờ khi bị cáo... thực hiện “*Quyền im lặng*”. Do trong BLTTHS và các văn bản dưới luật chưa có quy định cụ thể hoặc hướng dẫn; hơn thế nữa chưa có tài liệu nghiệp vụ nào quy định về cách thức, trình tự, thủ tục để các cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện khi bị cáo thực hiện “*Quyền im lặng*”. Hơn nữa, lịch sử tố tụng hình sự luôn quy định, tiến trình tố tụng đối vụ án (điều tra, truy tố, xét xử) gắn liền với lời trình bày bằng lời nói, chữ viết của bị cáo về việc “*thừa*



*nhận, không thừa nhận*” hành vi phạm tội của họ; việc “*im lặng*”, không khai báo, từ chối khai báo luôn được xem là bất hợp tác, không thành khẩn, gây bất lợi cho chính họ trong quá trình xử lý vụ án.

#### **4. Giải pháp bảo đảm quyền im lặng của bị cáo trong xét xử vụ án hình sự**

Qua nghiên cứu một số vụ án mà bị cáo sử dụng quyền im lặng tại các phiên tòa như vụ án Trương Hồ Phương Nga và Nguyễn Đức Thùy Dung bị truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, vụ án Hoàng Công Lương... Theo đó, để bảo đảm thực hiện nguyên tắc tranh tụng nói chung và bảo đảm quyền im lặng của bị cáo trong xét xử vụ án hình sự nói riêng, kiến nghị một số vấn đề sau đây:

**Thứ nhất:** Cụ thể hóa quy định về quyền im lặng trong luật, đồng thời, cơ quan tố tụng ở trung ương cần có văn bản hướng dẫn thi hành về việc bảo đảm quyền im lặng trong vụ án hình sự, là căn cứ để bảo đảm hiệu quả quyền im lặng, góp phần giải quyết vụ án khách quan, toàn diện và đầy đủ. Bổ sung trong BLTTHS Điều luật quy định quyền im lặng “*Người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam, bị can, bị cáo có quyền im lặng*”.

**Thứ hai:** HĐXX tạo điều kiện cho phép xét hỏi cả những người không được Tòa án triệu tập. Điều 287 BLTTHS về triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa quy định: “*Căn cứ vào quyết định đưa vụ án ra xét xử, yêu cầu của kiểm sát viên, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác, thẩm phán chủ tọa phiên tòa triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa*”. Như vậy, Tòa án chỉ triệu tập những người liên quan đến vụ án hoặc thực sự cần thiết để bảo đảm giải quyết vụ án khách quan, toàn diện và đầy đủ, về nguyên tắc chỉ có những người được tòa án cho phép mới được hỏi và trả lời tại phiên tòa. Tại phiên tòa, nếu bị cáo sử dụng quyền im lặng thì hội đồng xét xử có thể cho phép những người khác không được triệu tập thực hiện việc hỏi và trả lời, trên cơ sở đó hội đồng xét xử có thêm căn cứ để đánh giá toàn diện vụ án.

**Thứ ba:** Để thực hiện việc thống nhất nhận thức về phiên tòa cải cách tư pháp trong đó để thực hiện quy định nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp, thiết nghĩ Tòa án nhân dân tối cao cần xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phiên tòa mẫu.

**Thứ tư:** HĐXX cần tìm hiểu lý do, động cơ, mục đích mà bị cáo sử dụng quyền im lặng. Đây là một yêu cầu quan trọng bởi phải xác định được nội dung này để tìm

hiểu việc bị cáo sử dụng quyền im lặng là do bị ép buộc hay để cố tình làm khó các cơ quan tiến hành tố tụng, để che dấu tội phạm, người phạm tội.

**Thứ năm:** HĐXX cần giải thích cho bị cáo hiểu về quyền im lặng. Im lặng là quyền của bị cáo và lời khai của bị cáo là căn cứ để xác định hành vi có tội hay không có tội và là nội dung quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo. Không khai báo từ đầu, kể cả tình tiết pháp lý có lợi cũng như bất lợi. Trong trường hợp này, nếu cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh được hành vi cấu thành tội phạm thì vẫn xử lý theo quy định của pháp luật. Cần phải giải thích cho bị cáo biết khi nào nên im lặng, khi nào không.

**Thứ sáu:** Tăng cường công tác tập huấn, tổng kết rút kinh nghiệm xét xử, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán, Hội thẩm, KSV nhằm nâng cao nhận thức về vấn đề bảo đảm quyền im lặng trong xét xử vụ án hình sự.

**Thứ bảy:** Tăng cường hơn nữa vị trí, vai trò của đội ngũ Luật sư, trợ giúp viên pháp lý... trong việc bảo đảm quyền im lặng của người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo.

### DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật.
2. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”.
3. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”.
4. <https://thanhnien.vn/vu-hoa-hau-truong-ho-phuong-nga-lua-dao-165-ti-dong-dien-bien-bat-ngo-185812741.htm>; <https://tuoitre.vn/bac-si-hoang-cong-luong-bi-tuyen-phat-30-thang-tu-20190619083216811.htm>.

# **BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA BỊ CÁO KHI ÁP DỤNG NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ**

**TS. Hồ Thị Nga**

*Khoa Luật học, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh*

**Tóm tắt:** Tố tụng Hình sự là lĩnh vực hoạt động nhà nước nhạy cảm mà trong đó quyền con người dễ bị xâm phạm. Tranh tụng được coi là khâu đột phá trong hoạt động xét xử, chất lượng tranh tụng sẽ góp phần nâng cao chất lượng xét xử, chống oan sai và bảo vệ các quyền con người cơ bản của bị cáo. Bảo đảm quyền con người nói chung, của bị cáo nói riêng được thực hiện trong pháp luật tố tụng hình sự bằng các hình thức, biện pháp khác nhau, trong đó nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm có vai trò quan trọng.

**Từ khoá:** Bảo đảm quyền, bị cáo, tranh tụng

## **1. Khái quát về bảo đảm quyền của bị cáo khi áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử**

Để bảo vệ quyền lợi, bị cáo thực hiện các quyền của mình như tự mình bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa, được quyền trình bày quan điểm, cung cấp các tài liệu chứng cứ nhằm bào chữa cho hành vi phạm tội của mình trước Tòa án, quyền kháng cáo bản án sơ thẩm nêu những nội dung mà bị cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm mà Tòa án đã tuyên đối với bị cáo... Bảo đảm quyền của bị cáo, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân khi thực hiện nhiệm vụ xét xử phải độc lập tuân thủ các nguyên tắc trong tố tụng, xét xử độc lập chỉ tuân theo pháp luật; Tòa án ra phán quyết phải dựa trên kết quả tranh tụng giữa kiểm sát viên và bị cáo hoặc người bào chữa cho bị cáo. Bản chất của tranh tụng là quá trình xác minh, làm rõ công khai và tranh luận giữa các bên dưới sự điều khiển của Tòa án để phân tích, thẩm định, đánh giá chứng cứ nhằm mục đích xác định sự thật khách quan của vụ án, tạo cơ sở để Tòa án giải quyết vụ án khách quan, công bằng, đúng pháp luật, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng.

Bảo đảm quyền của bị cáo khi áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử là một nội dung của bảo đảm quyền con người. Bảo đảm quyền con người dưới góc độ pháp luật quốc tế có ba cấp độ.

Thứ nhất là tôn trọng quyền con người: Nhà nước không được làm trái với các cam kết với cộng đồng quốc tế về quyền con người (thụ động).

Thứ hai là bảo vệ quyền con người: Khi có vi phạm về quyền con người xảy ra, nhà nước phải bằng các biện pháp để chấm dứt vi phạm và bồi thường thiệt hại (chủ động)

Thứ ba là thực hiện quyền con người: Kể cả khi không có vi phạm quyền con người xảy ra, nhà nước phải bằng mọi nguồn lực sẵn có để thực hiện tốt nhất quyền con người ở nhà nước của mình (chủ động)

Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” (Khoản 1 Điều 14). Hiện nay, ở nước ta, có thể nhận thấy, việc bảo đảm quyền con người của bị cáo khi áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử đã được thể hiện đầy đủ các cấp độ.

## **2. Thực trạng bảo đảm quyền của bị cáo khi áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử**

### ***2.1. Tôn trọng, công nhận quyền của bị cáo***

Tôn trọng quyền con người của bị cáo trong vụ án hình sự được thể hiện bằng việc Nhà nước không làm trái với các cam kết với cộng đồng quốc tế có liên quan. Đồng thời, Nhà nước ghi nhận các quyền con người của bị cáo bằng các quy định đúng đắn, hợp lý, khả thi trong pháp luật tố tụng hình sự; quy định đầy đủ, minh bạch địa vị pháp lý (các quyền và nghĩa vụ tố tụng) của bị cáo cũng như trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tố tụng trong việc bảo đảm cho bị cáo thực hiện các quyền đó trên thực tế.

Một vấn đề cần đặc biệt lưu ý trong hoạt động lập pháp liên quan đến bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử là xem xét tiếp thu các quy định của pháp luật quốc tế về quyền bị cáo mà Việt Nam tham gia. Điều 10 Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948 quy định: mọi người đều được hưởng quyền bình đẳng hoàn toàn trong việc xem xét công khai và công bằng bởi một Tòa án “có năng lực, độc lập và không thiên vị”[1]. Khoản 1 Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 quy định: “Mọi người đều có quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án có

thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và được lập ra trên cơ sở pháp luật để quyết định về lời buộc tội người đó trong các vụ án hình sự, hoặc để xác định quyền và nghĩa vụ của người đó trong các vụ kiện dân sự”[2]. Quyền được xét xử bình đẳng, công khai được cụ thể hoá trong nhiều quy định của pháp luật Việt Nam, trong đó có nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm.

Theo xu hướng phát triển tiến bộ của pháp luật tố tụng và trên tinh thần cải cách tư pháp của Nhà nước, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp, “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” được quy định rõ trong Hiến pháp nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013. Cụ thể hóa nguyên tắc này, Điều 26 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.” Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có nhiều nội dung đổi mới, tiến bộ để bảo đảm nguyên tắc này được thực thi, tiêu biểu như:

So với Điều 50 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Điều 61 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định bị cáo có một số quyền mới như quyền được “trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá”. Quy định này có ý nghĩa giúp bị cáo cung cấp thêm những chứng cứ gỡ tội, chứng minh bị cáo không phạm tội hoặc chứng minh những tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có quyền được “trình bày lời khai,..., không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội”. Bị cáo có quyền “đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; tranh luận tại phiên tòa”. Bị cáo có quyền được “xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa”. Như vậy, Bộ luật Tố tụng hình sự đang hướng tới những quy định bảo đảm dân chủ, minh bạch, khách quan hơn trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, chống bức cung, nhục hình; bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử qua đó góp phần bảo đảm quyền được xét xử công bằng của bị cáo tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự.

Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định Tòa án chỉ có thể xét xử vắng mặt bị cáo trong các trường hợp bị cáo trốn và việc truy nã không có kết quả. Việc bị cáo có mặt tại phiên tòa xét xử đối chứng và tranh luận để làm rõ sự thật khách quan

của vụ án, cũng là để bào chữa cho mình. Việc quy định Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền của bị cáo. Trong trường hợp vụ án có nhiều bị cáo cùng phạm tội, nếu cho xét xử vắng mặt một vài bị cáo, rất có thể các bị cáo có mặt sẽ đổ hết tội cho bị cáo vắng mặt để làm giảm nhẹ tội mà không có sự đối chất và tranh luận.

Điều 309, 310, 311 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định bị cáo có quyền hỏi bị hại, nguyên đơn dân sự, người làm chứng... nếu được chủ tọa phiên tòa đồng ý. Tuy nhiên, quyền đặt câu hỏi của bị cáo vẫn bị hạn chế là phụ thuộc vào sự đề nghị hỏi của bị cáo có được chủ tọa phiên tòa đồng ý cho phép hỏi hay không.

Các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị cáo quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự thể hiện sự tôn trọng các quyền con người của bị cáo, tôn trọng các cam kết quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng để bị cáo được bảo đảm tham gia tố tụng, tham gia xét hỏi, đưa ra tài liệu, chứng cứ và các yêu cầu; bảo đảm thực hiện các quyền tố tụng của mình tại phiên tòa với tính tranh tụng ngày càng cao.

## ***2.2. Bảo vệ quyền của bị cáo***

Một trong những bảo đảm quan trọng cho việc bảo đảm các quyền con người là việc phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm các quyền đó. Trong tố tụng, các vi phạm hạn chế các quyền của bị cáo thông thường được coi là các vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và là một trong những căn cứ mà cơ quan tố tụng có thẩm quyền hủy bỏ kết quả hoạt động tố tụng trước đó để tiến hành lại hoặc buộc phải tiến hành các hoạt động tố tụng bổ sung.

Trong thực tiễn hoạt động xét xử vẫn tồn tại không ít những phiên tòa không bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử; thực hiện tranh tụng mang tính hình thức; hạn chế, cản trở việc thực hiện quyền bình đẳng trong tranh tụng, làm ảnh hưởng đến tính khách quan và đúng đắn trong quá trình giải quyết vụ án, như:

Một là, trong một số vụ án vẫn tồn tại hiện tượng cơ quan điều tra, Tòa án và Viện Kiểm sát hoặc Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên “hợp nội bộ” để thống nhất quan điểm giải quyết vụ án, định tội bị cáo trước khi xét xử. Đây là vi phạm đặc biệt nghiêm trọng về tố tụng, không những phá vỡ nguyên tắc tranh tụng trong xét xử mà còn đi ngược lại nguyên tắc xét xử độc lập, xét xử trực tiếp, nguyên tắc suy đoán vô tội và các nguyên tắc tố tụng hình sự quan trọng khác.

Hai là, trong một số phiên tòa, chủ tọa phiên tòa chưa điều hành tốt quá trình tranh tụng tại phiên tòa; hạn chế quyền hỏi của người bào chữa; chưa thực sự chú ý đến những tình tiết, chứng cứ mới của vụ án nên những vấn đề mâu thuẫn trong vụ án chưa được làm sáng tỏ; cắt ngang hoặc hạn chế quyền tranh luận, làm cho người bào chữa không thể trình bày một cách toàn diện các quan điểm bào chữa cho người bị buộc tội trong vụ án, làm mất quyền bình đẳng trong tranh tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của người bào chữa và bị cáo.

Ba là, trong một số vụ án, hội đồng xét xử không coi trọng đúng mực kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi xét hỏi, tranh luận và đối đáp đã phát sinh các chứng cứ mới nhưng bản án, quyết định của Tòa án chưa xem xét, đánh giá dẫn đến tiềm ẩn phát sinh oan, sai trong tố tụng. Những tình tiết quan trọng và chứng cứ gỡ tội đưa ra có trường hợp không được hội đồng xét xử quan tâm xem xét, chấp nhận và chưa được đề cập trong bản án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Một số bản án, quyết định của Tòa án chưa xuất phát từ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. [6]

Hiện nay, để bảo vệ quyền tranh tụng, Bộ luật tố tụng hình sự đã quy định các biện pháp liên quan đến chế độ trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong việc bảo vệ các quyền con người nói chung, của bị cáo nói riêng: Quy định cụ thể các hành vi vi phạm và chế tài đối với hành vi đó; Tổ chức xử lý các hành vi vi phạm; Tổ chức thi hành các quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền, trong đó bao gồm cả thi hành các biện pháp xử phạt được quyết định, phục hồi quyền, lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công dân và cả phục hồi các hoạt động tố tụng mà trong quá trình tố tụng, quyền con người của người tham gia tố tụng bị xâm phạm.

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, các biện pháp xử lý bao gồm: Xử lý kỷ luật đối với người tiến hành tố tụng; Bồi thường thiệt hại và phục hồi quyền, lợi ích bị xâm hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền con người được Bộ luật hình sự quy định là tội phạm; Các biện pháp tố tụng xử lý việc vi phạm quyền con người trong tố tụng hình sự như thay đổi người tiến hành tố tụng, hủy bỏ kết quả và phục hồi hoạt động tố tụng có vi phạm...

### ***2.3. Thực hiện quyền của bị cáo***

Việc pháp luật tôn trọng, ghi nhận, bảo vệ các quyền con người nói chung, quyền của bị cáo nói riêng là cần thiết nhưng chưa đủ. Để quyền của bị cáo được thực

hiện trên thực tế, pháp luật phải quy định hệ thống các bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện các quyền đó. Các bảo đảm này liên quan đến nhiều yếu tố khác nhau như nguyên tắc tố tụng trong việc bảo vệ quyền của bị cáo, căn cứ, điều kiện áp dụng các biện pháp hạn chế quyền của bị cáo, thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng, các thủ tục tố tụng liên quan đến quyền của bị cáo...

Thực tiễn cho thấy, việc thực hiện quyền của bị cáo khi áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử đã đạt được những kết quả tích cực trong các phiên tòa hình sự. Tòa án quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa trong việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa; sao chụp hồ sơ vụ án; xem xét nghiêm túc các đề nghị của người bào chữa và thực hiện tiến hành việc xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ theo quy định pháp luật để làm rõ sự thật vụ án; tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án do Luật sư cung cấp, chuyển cho Viện Kiểm sát xem xét và có đánh giá về giá trị của chứng cứ ngay tại phiên tòa.

Trong quá trình kiểm tra, đánh giá chứng cứ, nhiều hội đồng xét xử bảo đảm quyền bình đẳng của bị cáo, người bào chữa trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án, các vật chứng, tài liệu được đưa ra xem xét, đánh giá công khai tại phiên tòa. Trong giai đoạn tranh luận, nhiều hội đồng xét xử đã phổ biến những điểm quan trọng trong tranh luận tại phiên tòa theo Điều 322 Bộ luật tố tụng hình sự và tạo điều kiện cho người bào chữa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến của mình mà không hạn chế thời gian tranh luận; yêu cầu Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ tài liệu, lập luận từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa để làm sáng tỏ tình tiết vụ án. Nhiều hội đồng xét xử đã quan tâm đến việc phản ánh trung thực diễn biến tranh tụng thông qua ghi nhận tại biên bản phiên tòa. Nhiều bản án, quyết định của Tòa án đã căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, bảo đảm tính khách quan, công bằng, đúng pháp luật, bảo đảm các quyền của bị cáo; bảo đảm đã góp phần tạo thuận lợi cho bị cáo, người bào chữa tham gia sâu và rộng trong các giai đoạn tố tụng hình sự; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Đây là những điều kiện rất quan trọng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm mang tính khả thi, bảo vệ quyền lợi của bị cáo.



### **3. Một số kiến nghị, đề xuất để bảo đảm thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử**

Để góp phần nâng cao chất lượng hoạt động tranh tụng tại phiên tòa và bảo đảm quyền của bị cáo, tôi xin đưa ra một số đề xuất, kiến nghị như sau:

Một là, để nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm thì cần bảo đảm thực hiện các nguyên tắc cơ bản khác trong tố tụng hình sự, trong đó có nguyên tắc suy đoán vô tội. Với nguyên tắc này, đòi hỏi hội đồng xét xử phải coi bị cáo là người chưa có tội cho đến khi chứng minh theo trình tự tố tụng và bản án có hiệu lực pháp luật. Như vậy, hội đồng xét xử mới coi trọng quá trình xét hỏi, tranh luận và đối đáp giữa Kiểm sát viên và người bào chữa, bị cáo; xem xét, đánh giá kỹ lưỡng, khách quan, toàn diện từng chứng cứ, cả chứng cứ định tội và chứng cứ gỡ tội, chứng cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để tìm ra sự thật vụ án, phán quyết chính xác, tránh oan, sai người vô tội.

Hai là, hoàn thiện cơ sở pháp lý ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ, thực hiện quyền của bị cáo trong hoạt động tranh tụng. Cần ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể và bảo đảm thực hiện quy định bảo đảm quyền của người bào chữa trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự. Tiếp tục hoàn thiện hơn nữa các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan bổ sung quy định về quyền của người bào chữa cho bị cáo. Sửa đổi, bổ sung một số nhiệm vụ và quyền hạn của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân trong tố tụng hình sự tạo ra sự chủ động trong việc thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân trong quá trình xét xử các vụ án hình sự. Qua đó, góp phần vào việc thúc đẩy giải quyết vụ án được thuận lợi, nhanh chóng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ba là, nâng cao chất lượng đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân. Luôn đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho Thẩm phán kỹ năng điều hành tranh tụng tại phiên tòa; nâng cao trách nhiệm của chủ tọa phiên tòa trong điều hành phiên tòa theo hướng tranh tụng bảo đảm công bằng, dân chủ, khách quan. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các sai phạm của chủ tọa phiên tòa trong nhiệm vụ điều hành phiên tòa làm ảnh hưởng đến nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, ảnh hưởng quyền bình đẳng của người tham gia tố tụng. Cần có một cơ chế hữu hiệu để nhằm thu hút, tuyển chọn những người có tâm huyết, có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ

chuyên môn vững chắc vào làm việc ở tòa. Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác xét xử của Hội thẩm nhân dân hằng quý, hằng năm, qua đó Tòa án nhân dân có thể đánh giá được chất lượng công tác của Hội thẩm nhân dân, Đoàn Hội thẩm nhân dân, kịp thời phát hiện những chế nhảm khắc phục khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ của Hội thẩm nhân dân.

Bốn là, nâng cao chất lượng đội ngũ kiểm sát viên. Mở các lớp học, khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng cho kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử, nâng cao kỹ năng tranh tụng của kiểm sát viên đối với người bào chữa của bị cáo bảo đảm vụ án hình sự được giải quyết công khai, dân chủ. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho kiểm sát viên về kỹ năng xét hỏi, tranh tụng, đề cao trách nhiệm của kiểm sát viên đối với việc bảo đảm quyền bình đẳng của bị cáo tại phiên tòa; quán triệt nguyên tắc suy đoán vô tội, làm ảnh hưởng đến việc đánh giá các chứng cứ, tình tiết vụ án một cách khách quan, công tâm của kiểm sát viên.

Năm là, nâng cao chất lượng và trách nhiệm của luật sư. Tiếp tục phát triển số lượng luật sư, nâng cao chất lượng đội ngũ luật sư cả về phẩm chất và năng lực trình độ chuyên môn, thực hiện tốt quy định nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư. Liên đoàn Luật sư Việt Nam, đoàn Luật sư tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nên thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho Luật sư các nghiệp vụ và kỹ năng tranh tụng tại phiên tòa.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Liên hiệp quốc (1948), Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948
2. Liên hiệp quốc (1966), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966
3. Quốc hội (2013) Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
4. Quốc hội (2015), Bộ luật tố tụng hình sự
5. Trần Văn Độ, Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự - Khái quát các tiêu chuẩn quốc tế và pháp luật Việt Nam, trong sách “Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng”, Chủ biên Vũ Công Giao, Đinh Ngọc Thắng, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.
6. Đặng Văn Vương - Xuân Thoại (2022) Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm quy định và thực tiễn thực hiện, Tạp chí Luật sư Việt Nam.

# VAI TRÒ ĐIỀU KHIỂN HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG CỦA TÒA ÁN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

Đại tá, ThS. Đặng Văn Phụng

*Chánh án Tòa án quân sự Quân khu 4*

**Tóm tắt:** Kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa là căn cứ quan trọng để Hội đồng xét xử ra phán quyết cuối cùng về những vấn đề của vụ án. Vì vậy, để hoạt động tranh tụng tại phiên tòa có hiệu quả, chất lượng thì đòi hỏi chủ thể điều hành phiên tranh tụng phải thật sự mềm dẻo, nắm chắc hồ sơ vụ án và linh hoạt trong các tình huống. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 đã quy định nhiều vấn đề quan trọng nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng cũng như điều khiển tranh tụng. Bài viết sẽ đề cập, phân tích về vai trò, hoạt động điều khiển tranh tụng của Tòa án và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

**Từ khóa:** Điều khiển; tranh tụng; sơ thẩm

Phiên tòa xét xử vụ án hình sự là giai đoạn trung tâm của tư pháp hình sự, thể hiện rõ nét nhất bản chất của hệ thống tư pháp, mô hình tố tụng mà quốc gia theo đuổi và mục đích cuối cùng của tố tụng hình sự. Do đó, việc nâng cao chất lượng, hiệu quả xét xử nói chung, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng trên tinh thần tranh tụng luôn là mục tiêu quan trọng của đổi mới tư pháp ở nước ta. Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đang đẩy mạnh cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng tranh tụng và phán quyết của Tòa án phải dựa trên kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Để tranh tụng đạt được kết quả tốt nhất, đòi hỏi Tòa án với tư cách là chủ thể điều khiển tranh tụng phải hoạt động thực sự hiệu quả. Vì vậy, việc quy định vai trò trọng tài, điều khiển hoạt động này có ý nghĩa hết sức quan trọng.

## **1. Khái quát về vai trò của Tòa án đối với hoạt động điều khiển tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

### ***1.1. Hoạt động tranh tụng và thời điểm bắt đầu tranh tụng***

Tranh tụng là vấn đề không mới trong nghiên cứu khoa học cũng như quy định của luật thực định. Trong nghiên cứu, tranh tụng có thể được nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau, có thể xem đó là một nguyên tắc hay rộng hơn là mô hình tố tụng của một quốc gia. Tuy nhiên, xét dưới góc độ thực tiễn quy định của pháp luật, cụ thể là BLTTHS 2015 thì tranh tụng được hiểu là một hoạt động tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự.

Khi xem xét tranh tụng dưới góc độ là một hoạt động tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì có thể thấy đây là thủ tục bắt buộc, công khai gồm hai thủ tục được quy định là xét hỏi và tranh luận với sự tham gia tích cực của bên buộc tội với bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Các bên đưa ra quan điểm, lập luận, đối đáp lẫn nhau nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp mình, làm sáng tỏ sự thật vụ án[1; tr.85,86]. Tranh tụng trong Tố tụng hình sự chỉ có nghĩa đầy đủ nhất khi nó được tiến hành tại phiên tòa sơ thẩm. Tại đây với sự tham gia của tất cả các chủ thể của bên buộc tội, bên bào chữa và các chủ thể khác, cả ba chức năng buộc tội, gỡ tội, xét xử được thực hiện đồng thời [3;tr.12]. Qua đó, có thể thấy hoạt động tranh tụng thực chất là hoạt động nhằm làm sáng tỏ sự thật vụ án qua cuộc tranh luận công khai tại phiên tòa có sự chứng kiến của Hội đồng xét xử (HĐXX) giữa bên buộc tội - Viện kiểm sát (VKS) và bên gỡ tội bao gồm bị cáo, người bào chữa và các chủ thể khác có lợi ích đối lập nhau.

Như vậy, vấn đề được đặt ra là tranh tụng bắt đầu từ thời điểm nào. Hiện nay, thủ tục tranh tụng được quy định ở một mục riêng đó là mục V chương xét xử sơ thẩm trong BLTTHS 2015. Trong đó, xác định hoạt động đầu tiên mở đầu cho phần tranh tụng là việc KSV công bố cáo trạng truy tố bị cáo. Như vậy, nhà làm luật xác định hoạt động công bố cáo trạng của KSV là hoạt động mở đầu của tranh tụng. Theo tác giả, việc xác định như trên là hoàn toàn phù hợp bởi vì như đã phân tích ở trên, tranh tụng là cuộc tranh luận công khai tại phiên tòa có sự chứng kiến của HĐXX. Như vậy, để mở đầu cho hoạt động tranh luận sẽ bắt đầu bằng việc một bên đưa ra quan điểm của mình về vụ án (đây chỉ là quan điểm về vụ án chứ không phải là quan điểm về việc giải quyết vụ án) và quan điểm đó được thể hiện trong cáo trạng truy tố của VKS. Còn phần trước đó (Thủ tục bắt đầu phiên tòa) bao gồm các hoạt động như: đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử, kiểm tra sự có mặt của những người tham gia tố tụng được triệu tập, kiểm tra lý lịch, phổ biến quyền và nghĩa vụ của họ; giải quyết việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên... chỉ là những hoạt động đảm bảo cho tranh tụng được thực hiện một cách công bằng, khách quan, hiệu quả mà thôi.

### ***1.2. Vai trò điều khiển tranh tụng của Tòa án***

Tranh tụng là tranh luận làm sáng tỏ sự thật vụ án của bên buộc tội, bên gỡ tội và những chủ thể liên quan có quyền lợi trái ngược nhau và hoạt động này bao giờ cũng gắn liền với hoạt động tài phán của tòa án. Tại phiên tòa, tòa án tiến hành xác định sự

thật của vụ án bằng cách điều tra công khai, chính thức về vụ việc, nghe các bên tranh luận về giải quyết vụ án từ góc độ nội dung cũng như pháp luật áp dụng để ra phán quyết. [7, tr.45]

Tòa án không phải là chủ thể tranh tụng nhưng tranh tụng không thể tiến hành nếu như hoạt động này không có sự chứng kiến của Tòa án. Tuy không phải là chủ thể tranh tụng nhưng vai trò của Tòa án là hết sức quan trọng. Tòa án giữ vai trò là trọng tài đưa ra phán quyết cuối cùng sau khi nghe quan điểm của các bên; là cơ quan thực hiện chức năng xét xử, nhân danh Nước CHXHCN Việt Nam để ra bản án. Thông qua việc nghiên cứu hồ sơ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa; thông qua kết quả tranh tụng công khai giữa bên buộc tội và bên gỡ tội, Tòa án với vai trò là trọng tài, nghe ý kiến tranh luận của các bên, kiểm tra, thu thập và đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện để đưa ra nhận định về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà bị cáo thực hiện và qua đó quyết định việc bị cáo có tội hay không có tội; quyết định hình phạt áp dụng đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Vai trò của Tòa án đối với hoạt động tranh tụng không chỉ được thể hiện là chủ thể điều khiển tranh tụng sau khi KSV công bố cáo trạng mà trước giai đoạn đó, Tòa án đã tiến hành những hoạt động nhằm bảo đảm cho tranh tụng diễn ra khách quan, hiệu quả từ trong Thủ tục bắt đầu phiên tòa. Các hoạt động ở phần thủ tục bắt đầu phiên tòa bao gồm: Chuẩn bị khai mạc phiên tòa; Khai mạc phiên tòa (khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia tố tụng được triệu tập tham gia phiên tòa; kiểm tra lý lịch; phổ biến quyền và nghĩa vụ của họ); Giải quyết việc đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; yêu cầu người phiên dịch, người dịch thuật, người giám định, người định giá tài sản cam đoan làm tròn nhiệm vụ; yêu cầu người làm chứng cam đoan khai báo trung thực, cách ly người làm chứng (nếu thấy cần thiết); giải quyết yêu cầu về xem xét chứng cứ và hoãn phiên tòa khi có người vắng mặt. Đây đều là những hoạt động tạo ra những điều kiện cần thiết cho các bên tiến hành tranh tụng ở các thủ tục xét hỏi và tranh luận tiếp theo được thuận lợi, đúng pháp luật, đạt hiệu quả.

Sau thủ tục bắt đầu phiên tòa - là phần chỉ có hoạt động của HĐXX mà rõ nét nhất là Chủ tọa phiên tòa thì chuyển sang phần tranh tụng với mở đầu là KSV công bố cáo trạng. Ở phần này, tuy không phải là chủ thể tranh tụng nhưng với vai trò là chủ thể

điều hành phiên tranh tụng, Tòa án tạo điều kiện để các bên được bình đẳng trong việc xét hỏi, tranh luận, đưa ra các chứng cứ để lập luận, bảo vệ quan điểm của mình, đưa ra các đề nghị...

## **2. Quy định của BLTTHS về điều khiển tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự**

Từ thời điểm BLTTHS 2003 trở về trước đều quy định phiên tòa sơ thẩm gồm 4 phần bao gồm: Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa; phần xét hỏi; phần tranh luận và phần nghị án. Tuy nhiên, BLTTHS 2015 có hiệu lực đã quy định tranh tụng là một thủ tục (phần) của phiên tòa sơ thẩm trên cơ sở gộp hai phần xét hỏi và tranh luận. Đây là quy định mới nhằm cụ thể hóa chính sách hình sự được đề cập tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IV “*bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp*”. Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành thông qua hoạt động của các chủ thể thuộc hai bên buộc tội và gỡ tội với sự có mặt của HĐXX thực hiện chức năng là trọng tài.

### **2.1. Điều khiển tranh tụng trong thủ tục xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm**

Trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án; xác định rõ những vấn đề nào cần phải làm rõ đối với vụ án, những vấn đề còn có mâu thuẫn trong hồ sơ vụ án và lên kế hoạch xét hỏi một cách cụ thể, tỉ mỉ. Trên cơ sở kế hoạch xét hỏi, chủ tọa phiên tòa điều hành việc xét hỏi và quyết định thứ tự xét hỏi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 307 BLTTHS thì khi xét hỏi, HĐXX phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong từng vụ án và từng người. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý. Hiện nay có một số quan điểm cho rằng quy định này là chưa phù hợp với vị trí và vai trò của HĐXX tại phiên tòa sơ thẩm mà đáng lẽ vai trò này thuộc về KSV. Bởi lẽ, VKS là chủ thể buộc tội, truy tố các bị cáo ra trước Tòa án nên trách nhiệm chứng minh phải thuộc về VKS. Bên buộc tội muốn HĐXX ra bản án tuyên bị cáo phạm tội như cáo trạng của VKS đã truy tố thì đại diện VKS tại phiên tòa phải đưa ra chứng cứ, xét hỏi làm rõ các tình tiết để chứng minh cho HĐXX thấy cáo trạng truy tố của VKS là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, theo chúng tôi quy định này là hoàn toàn phù hợp với chức năng xét xử của Tòa án, việc HĐXX *xác định đầy đủ những tình tiết về*

*từng sự việc, từng tội trong từng vụ án và từng người* là nhằm tìm ra sự thật của vụ án, còn phương pháp để thực hiện nhiệm vụ đó là dựa trên những chứng cứ đã được thẩm định và kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa. Điều luật quy định HĐXX phải xác định đầy đủ những tình tiết... không có nghĩa là HĐXX phải thực hiện việc hỏi để làm rõ các tình tiết buộc tội, gỡ tội đối với bị cáo và các tình tiết liên quan cần thiết khác mà cần phải hiểu là HĐXX cần xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội cần phải điều tra công khai, xác minh làm rõ... để điều hành việc hỏi, quyết định hỏi ai, ai hỏi, thứ tự hỏi như thế nào để làm rõ những tình tiết đã xác định trước.

Về thứ tự xét hỏi: Theo quy định tại khoản 2 Điều 307 BLTTHS thì khi xét hỏi từng người, Chủ tọa phiên tòa là người hỏi trước sau đó quyết định để những chủ thể khác tham gia xét hỏi. Đây là điểm mới so với quy định tại khoản 2 Điều 207 BLTTHS 2003 *“Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Những người tham gia phiên tòa cũng có quyền đề nghị với chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Người giám định được hỏi về những vấn đề có liên quan đến việc giám định.”* Ở BLTTHS 2003 đã ấn định rõ thứ tự xét hỏi của những thành phần tham gia phiên tòa là Chủ tọa rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Tuy nhiên, BLTTHS 2015 đã có quy định mới xác định người xét hỏi đầu tiên là Chủ tọa phiên tòa, còn sau Chủ tọa phiên tòa, ai hỏi tiếp theo là do Chủ tọa phiên tòa quyết định. Chủ tọa phiên tòa sẽ căn cứ vào diễn biến thực tế của từng phiên tòa, từng trường hợp cụ thể để điều hành việc xét hỏi một cách linh hoạt, hợp lý hướng đến mục đích cuối cùng là làm rõ các tình tiết khách quan của vụ án. Việc xét hỏi đầu tiên của Chủ tọa phiên tòa không nhằm mục đích tìm chứng cứ buộc tội hay gỡ tội mà hỏi để quyết định thứ tự hỏi tiếp theo của các chủ thể khác. Vấn đề này được thể hiện rõ thông qua quy định của BLTTHS quy định về việc hỏi từng người tham gia tố tụng. Ví dụ, Điều 309 BLTTHS quy định về hỏi bị cáo, khoản 2 quy định: Bị cáo trình bày ý kiến về bản cáo trạng và những tình tiết của vụ án. Hội đồng xét xử hỏi thêm về những điểm mà bị cáo trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn. Kiểm sát viên hỏi bị cáo về những chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội và những tình tiết khác của vụ án. Hay như Điều 310 BLTTHS quy định về hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ thì HĐXX phải để cho họ trình bày những tình tiết của vụ án có liên quan đến họ sau đó HĐXX hỏi thêm về những điểm mà họ trình bày chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn.

Đối với bị cáo, thông thường chủ tọa phiên tòa sẽ hỏi xem bị cáo có nghe rõ và có thực hiện hành vi như cáo trạng mà VKS đã truy tố hay không. Nếu bị cáo nhận tội thì có thể chủ tọa sẽ tiếp tục hỏi để làm sáng tỏ thêm một số vấn đề nữa của vụ án. Còn nếu bị cáo trả lời là không thực hiện hành vi như cáo trạng truy tố thì Chủ tọa sẽ đề nghị đại diện VKS tham gia xét hỏi để làm rõ các nội dung mà VKS buộc tội cũng như để bảo vệ cáo trạng mà VKS đã truy tố bị can ra trước Tòa án.

HĐXX phải lắng nghe các câu trả lời của bị cáo cũng như không được quá tin tưởng vào những lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án để định tội. Mọi tình tiết khách quan của vụ án phải được làm sáng tỏ tại phiên tòa. HĐXX phải khách quan, công minh và coi trọng quyền bào chữa của bị cáo, không được bức cung, mớm cung hay có những cử chỉ, lời nói xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bị cáo. Chủ tọa phiên tòa và các thành viên khác của HĐXX không được có những câu nói răn đe hay khuyến bị cáo phải thành khẩn khai báo để được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước vì điều này sẽ tạo áp lực đối với bị cáo và có thể khiến cho bị cáo khai không đúng sự thật.

Cùng với việc trực tiếp xét hỏi, nghe KSV, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác đặt câu hỏi, HĐXX, KSV công bố lời khai của người được xét hỏi trong giai đoạn điều tra và truy tố. Trong trường hợp người được xét hỏi tham gia phiên tòa thì HĐXX, KSV không được công bố lời khai của họ ở những giai đoạn trước nếu chưa xét hỏi họ tại phiên tòa. HĐXX và KSV chỉ được công bố lời khai trong các trường hợp lời khai của những người này mâu thuẫn với lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, truy tố; người được xét hỏi không khai tại phiên tòa hoặc không nhớ những lời khai của mình trong giai đoạn điều tra, truy tố; người được xét hỏi đề nghị công bố lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, truy tố; người được xét hỏi vắng mặt hoặc đã chết.

Những người tham gia phiên tòa bao gồm bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người đại diện hợp pháp của họ không có quyền xét hỏi nhưng có quyền đề nghị Chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ của vụ án. Khi có người đề nghị về việc hỏi thêm những tình tiết cần làm sáng tỏ thì chủ tọa phiên tòa phải xem xét và quyết định. Nếu đề nghị được chấp nhận thì Chủ tọa phiên tòa có thể trực tiếp hỏi hoặc yêu cầu những thành phần có liên quan xét hỏi để làm rõ về những nội dung mà những người tham gia tố tụng khác đề nghị.



Riêng đối với bị cáo, mặc dù không phải là một quyền đương nhiên nhưng theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 61; khoản 3 Điều 309; Điều 310 và Điều 311 thì nếu được Chủ tọa phiên tòa đồng ý, bị cáo được đặt câu hỏi với bị cáo khác; có thể hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ hay hỏi người làm chứng về các vấn đề có liên quan đến bị cáo. Có thể nói đây là một nội dung rất quan trọng thể hiện việc mở rộng quyền của bị cáo với tư cách là chủ thể bị buộc tội trong tranh tụng tại phiên tòa. Việc chủ tọa phiên tòa tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện tốt quyền này trong quá trình xét hỏi sẽ góp phần nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa.

Cùng với xét hỏi, Hội đồng xét xử sẽ quyết định thời điểm để xem xét vật chứng. Khi cần thiết, HĐXX có thể cùng với KSV, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa đến xem xét tại chỗ những vật chứng không thể đưa đến phiên tòa được. KSV, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa có quyền trình bày nhận xét của mình về vật chứng. HĐXX, KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có thể hỏi thêm người tham gia phiên tòa về những vấn đề có liên quan đến vật chứng. HĐXX cũng có thể cùng với KSV, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa đến xem xét nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án. KSV, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa có quyền trình bày nhận xét của mình về nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án. HĐXX có thể hỏi thêm người tham gia phiên tòa về những vấn đề có liên quan đến nơi đó. Tính công khai, toàn diện của thủ tục xét hỏi được thể hiện qua quy định về nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; yêu cầu Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trình bày ý kiến để làm rõ những quyết định, hành vi tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử. Đây là những nội dung mới được quy định tại các Điều 313 và 317 BLTTHS. Những quy định này không chỉ đảm bảo tính khách quan, toàn diện của các chứng cứ, các tình tiết của vụ án mà còn đảm bảo tính hợp pháp của các chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, hay nói cụ thể hơn, các chứng cứ, tài liệu được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố phải theo đúng trình tự thủ tục do BLTTHS quy định. Bảo đảm cho bị can không bị bức cung, mớm cung, dùng nhục hình trong quá trình điều tra, truy tố, bảo đảm cho quyết định tố tụng, hành vi tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử phải được ban hành và thực hiện đúng pháp luật. Trong tất cả các hoạt động tố tụng này, ngoài HĐXX, KSV thì người bào chữa cũng được tham gia. Điều này

càng khẳng định sự bình đẳng, đối trọng, công bằng giữa hai bên buộc tội và gỡ tội trong tìm kiếm, thu thập thông tin để tiến hành các hoạt động tranh tụng.

Khi xét thấy những tình tiết của vụ án đã được xem xét đầy đủ thì chủ tọa phiên tòa hỏi KSV, bị cáo, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa xem họ có yêu cầu xét hỏi vấn đề gì nữa không. Nếu không có yêu cầu xét hỏi thì chủ tọa phiên tòa kết thúc việc xét hỏi; nếu có người yêu cầu và xét thấy yêu cầu đó là cần thiết thì chủ tọa phiên tòa quyết định tiếp tục việc xét hỏi. Điều này bảo đảm mọi nội dung, tình tiết liên quan đến vụ án đều được làm sáng tỏ, là căn cứ để thực hiện các hoạt động tiếp theo. [5; tr.263]

## ***2.2. Điều khiển tranh tụng trong thủ tục tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm***

Vai trò của Tòa án trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm được thể hiện rõ nét và tập trung nhất là tại phần tranh luận, được quy định tại Điều 322 BLTTHS. Trong phần này, Tòa án chủ yếu là đóng vai trò trọng tài đứng giữa, điều khiển hoạt động tranh tụng giữa các bên và căn cứ vào kết quả tranh tụng đó để ra phán quyết cuối cùng khi nghị án. Theo quy định của điều luật thì người điều khiển tranh luận là chủ tọa phiên tòa, còn Hội thẩm nhân dân mặc dù là thành viên hội đồng xét xử nhưng không trực tiếp tham gia điều khiển tranh luận mà chủ yếu chủ yếu là theo dõi, lắng nghe và ghi chép để chuẩn bị cho các hoạt động của mình ở phần nghị án tiếp theo. Bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác được trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với KSV về tất cả các vấn đề mà KSV đã trình bày; có quyền đưa ra đề nghị của mình. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho KSV, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại. Quy định này hết sức rõ ràng và cần thiết cho hoạt động tranh tụng, chỉ thông qua tranh tụng bình đẳng trước tòa, mọi nội dung của vụ án mới được làm sáng tỏ. Với vai trò là người điều khiển phiên tòa, chủ tọa phiên tòa yêu cầu KSV phải đối đáp lại những ý kiến của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác khi mà những ý kiến đó chưa được KSV tranh luận. HĐXX phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ những ý kiến của KSV, người bào chữa, bị cáo, người tham gia tranh luận tại phiên tòa để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa thì HĐXX phải nêu rõ lý do và được ghi trong bản án.

Nếu qua tranh luận mà thấy còn có tình tiết vụ án chưa được hỏi, chưa được làm sáng tỏ thì HĐXX phải quyết định trở lại việc xét hỏi. Xét hỏi xong phải tiếp tục tranh luận. Theo Điều 219 BLTTHS năm 2003 thì HĐXX “có thể” quyết định trở lại việc xét hỏi nếu thấy cần “xem xét thêm chứng cứ”, nhưng BLTTHS năm 2015 đã sửa đổi thay “có thể” bằng việc HĐXX “phải” quyết định trở lại việc xét hỏi nếu có tình tiết chưa được hỏi, chưa được làm sáng tỏ. Việc sửa đổi về mặt thuật ngữ như vậy bảo đảm tính chặt chẽ, trên cơ sở xét hỏi cụ thể, kỹ lưỡng cả bên buộc tội và gỡ tội đều có thêm những căn cứ để bảo vệ cho quan điểm của mình, Tòa án cũng có thêm căn cứ để giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện nhất.[5; tr.265]

### **3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật nâng cao chất lượng hoạt động của Tòa án trong việc điều khiển tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm**

*Thứ nhất*, hoàn thiện quy định về chức năng của Tòa án đảm bảo thực hiện hiệu quả vai trò là chủ thể điều khiển tranh tụng.

Theo quy định tại Điều 15 BLTTHS 2015 thì *“Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội*

*Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội”*.

Đây chính là nội dung của nguyên tắc xác định sự thật của vụ án.

Từ quy định trên, dẫn chiếu đến quy định tại Điều 34 BLTTHS 2015, thì cơ quan tiến hành tố tụng gồm Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Như vậy, theo quy định trên thì Tòa án cũng là cơ quan có trách nhiệm chứng minh tội phạm. Theo chúng tôi, quy định như vậy chưa thực sự đảm bảo quyền tố tụng tối đa cho người bị buộc tội và luôn đẩy người bị buộc tội vào thế yếu hơn. Bởi lẽ khi quy định Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm thì cũng gần như thừa nhận Tòa án thực hiện cả chức năng buộc tội. Chính vì vậy, nên sửa đổi quy định của BLTTHS hiện hành theo hướng để Tòa án thực hiện đúng chức năng xét xử, là “trọng tài” công minh giữa bên buộc tội và gỡ tội thì việc điều hành phiên tranh tụng mới thực sự hiệu quả và qua tranh tụng

mới có thể xác định được sự thật của vụ án để đưa ra phán quyết khách quan, đúng người, đúng tội. Có như vậy, người bị buộc tội mới có cơ hội để bảo vệ quyền lợi của mình một cách thực chất hơn, đầy đủ hơn trên cơ sở được bảo đảm quyền tranh tụng công khai, bình đẳng, khách quan tại phiên tòa trước “trọng tài” là hội đồng xét xử. Để hướng tới việc hoàn thiện quy định Tòa án chỉ thực hiện chức năng xét xử, làm tốt vai trò trọng tài điều khiển tranh tụng, không thực hiện chức năng của chủ thể buộc tội thì trước hết cần loại bỏ quy định Tòa án có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự, đồng thời bổ sung các quy định chặt chẽ, cụ thể cho phép Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội trong trường hợp chứng cứ của bên buộc tội đưa ra không đầy đủ, không chắc chắn...

*Thứ hai*, sửa đổi quy định tại Điều 307 BLTTHS về trình tự xét hỏi. Khoản 2 Điều 307 lại quy định: “*Khi xét hỏi, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để thẩm phán, hội thẩm, kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi*”; các điều 309, 310, 311 BLTTHS quy định cụ thể việc hỏi bị cáo, bị hại, đương sự hoặc người đại diện, hỏi người làm chứng đều quy định theo hướng chủ tọa phiên tòa và HĐXX hỏi trước. Mặc dù, mô hình tố tụng của nước ta vẫn mang đặc trưng của mô hình tố tụng thẩm vấn, vẫn tập trung chủ yếu vào việc xét hỏi. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa vẫn là người hỏi trước và hỏi chính, KSV và người bào chữa là người hỏi sau. Bởi vậy, thực tiễn các phiên tòa hình sự sơ thẩm hiện nay cho thấy đa phần Thẩm phán chủ tọa phiên tòa vẫn là người hỏi chính, cá biệt có những phiên tòa Thẩm phán chủ tọa còn hỏi hết cả phần của KSV nên chưa làm toát lên vai trò điều khiển tranh tụng của Tòa án. Để hoạt động của các chủ thể tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với các chức năng tố tụng của mình và phù hợp với nguyên tắc tranh tụng được bảo đảm được định trong Hiến pháp và được cụ thể hóa tại Điều 26 BLTTHS thì nên xem xét quy định để KSV phải là người xét hỏi trước và hỏi chính, HĐXX xét hỏi sau và chỉ hỏi về những tình tiết chưa được làm rõ hoặc để kiểm tra, xác minh các chứng cứ mới tại phiên tòa. [8, tr.395]

*Thứ ba*, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến quyền bào chữa của người bị buộc tội và cần có cơ chế chặt chẽ để bảo đảm cho người bị buộc tội thực hiện tốt hơn nữa quyền bào chữa của mình. Về vấn đề này, mặc dù Điều 16 BLTTHS 2015 đã ghi nhận nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, tuy nhiên, trên thực tế vì nhiều nguyên nhân khác nhau nên có rất nhiều trường hợp người bị buộc tội vẫn chưa được bảo đảm tốt quyền này hay nói cách khác là chưa được bảo đảm quyền bào

chữa một cách nhanh chóng và kịp thời. Nhất là đối với nhóm người bị buộc tội là người bị bắt, người bị tạm giữ. Ngay cả quy định của BLTTHS hiện nay về vấn đề này vẫn còn nhiều điều bất cập. Ví dụ, Điều 74 BLTTHS quy định thời điểm người bào chữa tham gia tố tụng như sau: Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trường hợp bắt, tạm giữ người thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc từ khi có quyết định tạm giữ. Tác giả cho rằng đối với trường hợp bắt thì nên quy định cho phép người bào chữa tham gia tố tụng ngay từ khi bị bắt. Trên thực tế nếu có quy định như vậy thì người bào chữa vẫn khó để có thể tham gia tố tụng ngay được, bởi lẽ theo quy định tại khoản 2 Điều 75 và khoản 4 Điều 78 BLTTHS 2015 thì nếu nhanh nhất thì cũng phải mất 36 giờ thì cơ quan tiến hành tố tụng và người bào chữa mới có thể hoàn tất các thủ tục liên quan để người bào chữa được tham gia tố tụng và thực hiện bào chữa cho người bị buộc tội. Một vấn đề khác liên quan đến quyền bào chữa của người bị buộc tội đó là hiện nay, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 58 BLTTHS thì người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp có quyền tự bào chữa, nhờ người khác bào chữa. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 BLTTHS thì người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp lại không phải là người bị buộc tội. Vậy vấn đề đặt ra ở đây là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp có được bảo đảm quyền bào chữa theo quy định tại Điều 16 hay không? Theo ý kiến của tác giả, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải được coi là người bị buộc tội để bảo đảm quyền bào chữa cho họ.

*Thứ tư*, cần bổ sung vào BLTTHS điều luật quy định căn cứ để Hội đồng xét xử ra bản án, quyết định khi xét xử tại phiên tòa hoặc bổ sung vào Điều 299 BLTTHS 2015 quy định về việc ra bản án, quyết định của tòa án với nội dung “*Hội đồng xét xử chỉ được căn cứ hoặc chủ yếu căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa xét xử để ra bản án*”. Quy định như vậy sẽ bảo đảm quyền độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm, làm cho Tòa án thực sự trở thành trọng tài điều khiển và chứng kiến việc tranh tụng của bên buộc tội và bên gỡ tội để ra bản án khách quan, đúng luật định, phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp<sup>41</sup>.

Hoạt động tranh tụng tại là nội dung quan trọng nhất của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Chính vì vậy, Tòa án với vai trò là chủ thể điều khiển tranh tụng đòi

---

<sup>41</sup> Chủ trương cải cách tư pháp đã được xác định tại Nghị quyết của Bộ chính trị số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết của Bộ chính trị số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

hỏi phải thật linh hoạt, mềm dẻo để chất lượng tranh tụng đạt kết quả cao nhất làm cơ sở cho việc ra phán quyết về các vấn đề của vụ án. Tuy nhiên, hiện nay quy định về hoạt động điều khiển tranh tụng vẫn còn nhiều điểm bất cập khiến cho Tòa án vẫn chưa thực sự thực hiện đúng chức năng xét xử của mình. Do vậy, BLTTHS cần phải tiếp tục được hoàn thiện để tranh tụng tại phiên tòa đúng thực chất, hiệu quả góp phần đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Ngọc Kiên “*Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm*” nxb Tư pháp
2. Phạm Mạnh Hùng (Chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, nxb Lao động, năm 2018
3. Nguyễn Đức Mai “*Tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” Tạp chí Tòa án nhân dân số số 9 năm 2007
4. Phạm Minh Tuyên, “*Tư duy về xét xử -Thực trạng và một số yêu cầu tiếp tục đổi mới*”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 14/2019
5. Nguyễn Thị Mai, “*Chủ thể tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*” - Trường Đại học Luật Hà Nội
6. Nguyễn Hải Ninh, “*Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tranh tụng và giải pháp hoàn thiện*”, tạp chí Luật học số 2/2020.
7. Trần Văn Độ “*Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa*”, Tạp chí khoa học pháp lý số 12/2004.
8. Lê Hữu Thế, Đỗ Văn Đương, Nguyễn Thị Thủy (đồng chủ biên), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, NXB Chính trị quốc gia.

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRANH TỤNG CỦA NGƯỜI BÀO CHỮA TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt, ThS. Tăng Nữ Tiểu Trang

*Khoa LLCT- Luật, Trường Đại học Hồng Đức*

**Tóm tắt:** Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 được đánh giá là Bộ luật có nhiều điểm tiến bộ thể hiện trong việc sửa đổi, bổ sung các quy định theo hướng dân chủ hóa hoạt động tố tụng. Đặc biệt, Bộ luật này đã khẳng định nguyên tắc tranh tụng phải được bảo đảm và ghi nhận tranh tụng là một nguyên tắc cơ bản trong hoạt động tố tụng hình sự. Song song với việc bảo đảm nguyên tắc tranh tụng của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại thì vai trò, vị trí của người bào chữa khi tham gia tố tụng cũng được đề cao. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích thực trạng việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự của người bào chữa và kiến nghị một số yêu cầu cơ bản nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng của người bào chữa trong xét xử vụ án hình sự.

**Từ khóa:** Xét xử vụ án hình sự, tranh tụng, người bào chữa

## 1. Đặt vấn đề

Trong vụ án hình sự, tranh tụng đòi hỏi hình thành các bên buộc tội và gỡ tội, các bên này có địa vị bình đẳng trong việc thu thập chứng cứ, đưa ra lý lẽ lập luận chứng minh tội phạm và các vấn đề liên quan đến vụ án. Nói cách khác tranh tụng trong tố tụng hình sự là phương thức giải quyết vụ án đề cao sự bình đẳng giữa các bên buộc tội và gỡ tội, họ có địa vị pháp lý ngang nhau trong quá trình xác định sự thật khách quan của vụ án và Tòa án sẽ ra phán quyết dựa trên kết quả tranh tụng giữa các bên tại phiên tòa.

Hiến pháp năm 2013 được ban hành, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp, nguyên tắc tranh tụng được thừa nhận. Khoản 5 Điều 103 Hiến pháp 2013 quy định: “*Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*”. Đây là định hướng chỉ đạo cho việc quy định nguyên tắc tranh tụng trong BLTTHS. Nguyên tắc tranh tụng đã được BLTTHS hiện hành quy định tại Điều 26 BLTTHS 2015, nguyên tắc này có ý nghĩa bảo đảm quyền con người, đảm bảo hoạt động tố tụng được diễn ra khách quan, dân chủ, công bằng, phán quyết, quyết định của Tòa án được đưa ra trên cơ sở những chứng cứ, sự việc có thật đã được làm rõ tại phiên tòa; bảo đảm quyền và lợi ích của các bên, quyền

bình đẳng của những người tham gia tố tụng với nhau và với cơ quan nhà nước trong tranh tụng. Và theo đó hoạt động bào chữa được nâng cao thể hiện ở việc BLTTHS 2015 lần đầu tiên dành một chương riêng quy định về bào chữa (chương V)

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### ***2.1. Thực trạng về việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự của người bào chữa ở Việt Nam***

Người bào chữa là một trong những chủ thể chính trong tranh tụng. Khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Người bào chữa là người được người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào chữa”. Theo quy định của điều luật này, muốn trở thành người bào chữa trong tố tụng hình sự, cần phải thỏa mãn hai điều kiện: được người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào chữa.

Khi tranh tụng, người bào chữa xuất phát điểm là nhằm bảo vệ quyền con người của người bị buộc tội bởi “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật” [1]. Sự tham gia của người bào chữa trong tố tụng hình sự nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho thân chủ của mình; giúp cho người bị buộc tội nắm được các quy định của pháp luật liên quan đến tội danh bị truy cứu trách nhiệm hình sự, các quy trình tố tụng, thời gian tố tụng, quá trình giải quyết vụ án.

Hoạt động tranh tụng của người bào chữa chủ yếu thực hiện tại phiên tòa, tập trung ở giai đoạn tranh luận. Thực tiễn cho thấy, việc thực hiện nguyên tắc này đã đạt được những kết quả tích cực trong các phiên tòa hình sự. Nhiều Tòa án quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho người bào chữa trong việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa; sao chụp hồ sơ vụ án; xem xét nghiêm túc các đề nghị của người bào chữa và thực hiện tiến hành việc xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ theo quy định pháp luật để làm rõ sự thật vụ án; tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án do người bào chữa cung cấp, chuyển cho Viện Kiểm sát xem xét và có đánh giá về giá trị của chứng cứ ngay tại phiên tòa. Trong quá trình xét hỏi, hội đồng xét xử tôn trọng và bảo đảm quyền được hỏi của người bào chữa để làm rõ những tình tiết liên quan đến việc bào chữa. Trong quá trình kiểm tra, đánh giá chứng cứ, hội đồng xét xử bảo đảm quyền bình đẳng



của người bào chữa trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án, các vật chứng, tài liệu được đưa ra xem xét, đánh giá công khai tại phiên tòa. Trong giai đoạn tranh luận, hội đồng xét xử đã phổ biến những điểm quan trọng trong tranh luận tại phiên tòa theo Điều 322 BLTTHS và tạo điều kiện cho người bào chữa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến của mình mà không hạn chế thời gian tranh luận; yêu cầu Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ tài liệu, lập luận từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa để làm sáng tỏ tình tiết vụ án. Hội đồng xét xử cũng đã quan tâm đến việc phản ánh trung thực diễn biến tranh tụng thông qua ghi nhận tại biên bản phiên tòa. Nhiều bản án, quyết định của Tòa án đã căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, bảo đảm tính khách quan, công bằng, đúng pháp luật, bảo đảm các quyền của bị cáo.

Bên cạnh đó, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm đã góp phần tạo thuận lợi cho người bào chữa tham gia sâu và rộng trong các giai đoạn tố tụng hình sự. Việc ghi nhận quyền bào chữa và nguyên tắc tranh tụng trong Hiến pháp năm 2013 và BLTTHS 2015 đã tạo điều kiện cho sự phát triển ngày càng tăng về số lượng và chất lượng tham gia bào chữa tại các phiên tòa hình sự. Đặc biệt là sự phát triển của đội ngũ Luật sư với hơn 13.770 Luật sư đang hành nghề và hơn 5.000 Luật sư tập sự đang thực tập trên cả nước, trung bình mỗi năm tăng gần 1.000 Luật sư [2]. Số lượng người bào chữa tham gia tranh tụng trong vụ án hình sự cũng tăng qua các năm. Điều này vừa khẳng định vai trò của người bào chữa là không thể thiếu trong các phiên tòa hình sự, vừa là biểu hiện của nền tư pháp dân chủ, công bằng, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Tuy nhiên, thực hiện việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự của người bào chữa vẫn còn nhiều bất cập, đó là:

Thứ nhất, quy định về sự có mặt của người bào chữa. Về nguyên tắc tranh tụng, bên buộc tội (Kiểm sát viên) thực hiện tranh tụng bình đẳng với bên bào chữa, nhưng tại Điều 289 BLTTHS 2015 quy định về sự có mặt của Kiểm sát viên, đó là trường hợp không có mặt của Kiểm sát viên thì phải hoãn phiên tòa, trong khi đó nếu người bào chữa vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan hoặc được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử. Như vậy, nguyên nhân đến từ việc pháp luật còn quy định chưa cụ thể, vô hình chung ta

thấy sự vắng mặt của người bào chữa tại phiên tòa sẽ làm cho quá trình tranh tụng mất đi ý nghĩa bởi thiếu một bên tham gia tranh tụng thì sẽ mất đi chức năng gỡ tội, những phiên tòa không có người bào chữa thì việc tranh tụng diễn ra một chiều, gây bất lợi cho bị cáo.

Thứ hai, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử chưa thực sự được bảo đảm vì hoạt động tham gia tranh tụng của người bào chữa trong phần xét hỏi và tranh luận vẫn còn bị hạn chế. Nhiều trường hợp, khi mới bắt đầu tranh luận, thì Thẩm phán yêu cầu Người bào chữa phát biểu ngắn gọn hoặc đang tranh luận thì bị ngắt lời, mặc dù phần tranh luận có tầm quan trọng ảnh hưởng đến lợi ích của bị cáo. Hay việc Hội đồng xét xử thường chỉ dựa trên hồ sơ của Cơ điều tra và bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nên tội danh cùng mức hình phạt đã được định hướng từ trước, trong khi pháp luật tố tụng hình sự quy định tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phải căn cứ lời khai, chứng cứ trong quá trình xét xử để đưa ra phán quyết nên nội dung diễn biến tranh luận thực tế tại phiên tòa. Điều này dẫn đến việc thực hiện tranh tụng dân chủ nhưng vẫn mang tính hình thức.

Hơn nữa, trên thực tế nhiều vấn đề người bào chữa đưa ra nhưng chưa được đại diện Viện kiểm sát tranh luận hoặc tranh luận chưa đầy đủ, chưa thật sự chú ý coi trọng lời bào chữa của Luật sư, chưa đánh giá đúng các tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa, dẫn đến việc bảo lưu quan điểm luận tội. Việc kiểm sát viên không tranh luận từng vấn đề mà người bào chữa đưa ra hoặc nếu bỏ qua thì nói là tôi giữ nguyên quan điểm như cáo trạng. Viện kiểm sát giữ quyền công tố cần tranh luận từng vấn đề, trả lời các câu hỏi mà luật sư đưa ra, có như vậy mới làm rõ được bị cáo có tội hoặc không có tội, có tội thì ở mức độ nào...

Nguyên nhân của bất cập nêu trên chủ yếu là do phần nhỏ người tiến hành tố tụng chưa nhận thức một cách đầy đủ các yêu cầu của cải cách tư pháp và các quy định mới của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát, xét xử vụ án hình sự. Còn có biểu hiện chủ quan, chưa quan tâm nghiên cứu, học tập nâng cao về trình độ, năng lực, rèn luyện kỹ năng tranh tụng có hiệu quả.

Thứ ba, về những trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa. Khoản 2 Điều 57 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định trong những trường hợp bị can, bị cáo về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình được quy định tại Bộ luật hình sự; Bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất thì

CQTHTT sẽ phải yêu cầu đoàn luật sư phân công văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình. Tuy nhiên, qua thực tiễn cho thấy chất lượng tranh tụng của người bào chữa ở những án chỉ định rất thấp, hầu như chỉ về mặt hình thức thủ tục là nhiều, chỉ tham gia tố tụng cho có, ra tòa thì ít hỏi, không tranh luận, chỉ làm động thái đơn giản là tìm một vài tình tiết giảm nhẹ của bị cáo để đề nghị tòa xem xét khi lượng hình. Nguyên nhân do chi phí thanh toán của CQTHTT quá thấp, thủ tục thanh toán lại rườm rà. Do đó, một số người không chịu đầu tư công sức, thời gian, chi phí để nghiên cứu bút lục, tiếp xúc nghi can, đào sâu tìm hiểu các góc ngách của vụ án. Ngoài ra nhiều vụ án, người bào chữa chỉ được mời trước khi tòa mở phiên xử vài ngày, vài giờ, thậm chí... vài phút. Thời gian eo hẹp quá khiến người bào chữa không thể kịp gấp gờ thân chủ hay nghiên cứu kỹ hồ sơ để khi tranh tụng bảo đảm cho chất lượng tranh tụng một cách tốt nhất.

## ***2.2. Một số yêu cầu cơ bản để nâng cao chất lượng tranh tụng của người bào chữa trong giải quyết vụ án hình sự***

Trên cơ sở đánh giá những bất cập và nguyên nhân của hoạt động tranh tụng của người bào chữa trong xét xử vụ án hình sự, cho thấy cần đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây để có thể nâng cao chất lượng bào chữa hoạt động tranh tụng:

Thứ nhất, cần xem xét quy định về sự có mặt của người bào chữa. Chính sự có mặt của người bào chữa là điều kiện để thực hiện việc tranh tụng một cách công bằng và có sự đối trọng. Vì vậy, cần bổ sung trường hợp luật sư vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, như tai nạn, ốm đau... không phụ thuộc vắng mặt lần thứ nhất hay thứ hai thì Tòa án phải hoãn phiên tòa. Trong trường hợp đó bị cáo có thể mời luật sư khác để bào chữa cho mình. Nếu Tòa án đã hoãn phiên tòa theo thời hạn luật định mà luật sư vẫn không thể có mặt được và bị cáo không mời luật sư khác thì Tòa án sẽ tiến hành xét xử. Như vậy mới đảm bảo quyền bào chữa, quyền được bào chữa của người bị buộc tội, tạo thế cân bằng, khách quan cho quá trình tranh tụng tại phiên tòa.

Thứ hai, bổ sung quy định tranh tụng theo hướng người bào chữa và Viện kiểm sát tại phiên tòa hỏi là chính và Hội đồng xét xử cần đóng vai trò trọng tài, phân xử sau khi đã nghe hai bên tranh luận với nhau. Bởi chứng minh tội phạm là trách nhiệm của bên buộc tội và chứng minh không phải tội phạm là trách nhiệm của bên gỡ tội nên Tòa án phải giữ vai trò là trọng tài vô tư khách quan, điều khiển phiên tòa và đưa ra phán

quyết trên cơ sở kết quả tranh tụng. Vậy, cần phải tăng thời lượng tranh luận của Người bào chữa với Kiểm sát viên lên nhiều hơn nữa, khẳng định tranh tụng tại phiên tòa là một nguyên tắc bắt buộc cần được bảo đảm; kết quả tranh tụng cần được Hội đồng xét xử tôn trọng và sử dụng làm căn cứ quan trọng nhất khi đưa ra phán quyết để đảm bảo quyền bào chữa được thể hiện một cách thực chất. Cùng với đó, NTHTT phải không ngừng trau dồi các thao tác, kỹ năng nghiệp vụ tranh tụng của mình, nhất là văn hóa pháp lý trong tranh luận, đối đáp. Tránh tình trạng nóng vội, phản ứng gay gắt hoặc đưa ra những phản biện mà văn phong không rõ ràng gây hiểu lầm... làm cho hoạt động tranh luận, đối đáp không đạt được kết quả đã vạch ra.

Thứ ba, cần có sự thay đổi về nhận thức của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng về vai trò của người bào chữa theo chỉ định. Việc người bào chữa tham gia bào chữa cho bị can, bị cáo nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của bị can, bị cáo; bảo đảm tính độc lập, khách quan của tố tụng hình sự; góp phần giúp cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án một khách quan, toàn diện. Cần ban hành quy chế phối hợp giữa cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án trong chỉ định người bào chữa để việc thực hiện được rõ ràng, người bào chữa không bị động về thời gian khi tham gia vụ án bào chữa theo chỉ định. Giúp cho người bào chữa có thời gian nghiên cứu hồ sơ, lấy lời khai, sao chụp chứng cứ, chuẩn bị luận cứ để đưa ra quan điểm bào chữa. Ngoài ra, cũng cần tăng mức thù lao của Luật sư tham gia bào chữa khi được chỉ định. Theo quy định hiện hành, mức thù lao chi trả cho 01 ngày làm việc của Luật sư tham gia tố tụng trong vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu là 0,4 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định (còn khá thấp so với điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại). Thù lao của Luật sư tham gia bào chữa sẽ do tòa án thanh toán một lần, tạo điều kiện thuận lợi cho Luật sư khi làm các thủ tục thanh toán.

Tóm lại, quá trình xét xử vụ án hình sự tranh tụng có vai trò rất quan trọng, không chỉ đánh giá một cách công khai, dân chủ các giai đoạn tố tụng trước đó (khởi tố, điều tra, truy tố) mà còn có ý nghĩa rất quan trọng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, bị hại, các chủ thể khác tham gia tố tụng. Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có như vậy mới đảm bảo khách quan, minh bạch, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội, đáp ứng được yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp đặt ra hiện nay.

### **3. Kết luận**

Tổ tụng hình sự có ba chức năng cơ bản là: chức năng buộc tội, chức năng bào chữa và chức năng xét xử. Ba chức năng này vừa tồn tại độc lập nhưng vừa có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung và hỗ trợ cho nhau trong hoạt động tố tụng hình sự. Nói đến chức năng bào chữa, chúng ta không thể không nhắc đến người bào chữa, quyền bào chữa của người bị buộc tội, bởi vì người bào chữa chính là chủ thể trực tiếp thực hiện chức năng bào chữa của tố tụng hình sự nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo. Chính vì thế, pháp luật tố tụng hình sự cần phải có những quy định rõ ràng, cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa, bảo đảm cho chủ thể này thực hiện đúng chức năng, vai trò của mình.

Việc pháp luật tố tụng hình sự quy định địa vị pháp lý của người bào chữa không chỉ thể hiện tính nhân văn, tôn trọng quyền cơ bản của con người mà còn thể hiện tính dân chủ, khách quan của pháp luật Việt Nam; bảo đảm thực hiện quyền tự do, dân chủ của công dân. Hơn nữa, khi tham gia vào tố tụng hình sự, người bào chữa còn góp phần tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự công minh của pháp luật.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Khoản 1, điều 31 Hiến pháp 2013 của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Phan Trung Hoài, Nâng cao hiệu quả hoạt động luật sư, <https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/nang-cao-hieu-qua-hoat-dong-luat-su-472901/>, truy cập ngày 08/08/2021.

# VAI TRÒ CỦA HỘI THẨM TRONG THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA

TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân

*Trường Đại học Hà Tĩnh*

## **Đặt vấn đề**

Tại Hội nghị học tập của ngành cán bộ Tư pháp năm 1950 Chủ tịch Hồ Chí Minh, ân cần nhắc nhở: “Trong công tác xử án phải công bằng, liêm khiết, trong sạch. Như thế cũng chưa đủ. Không chỉ giới hạn hoạt động của mình trong khung Tòa án mà phải gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân...”.

Tại Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định: “1. Việc xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân có Hội thẩm tham gia, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn. 2. Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm...4. Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số...”. Thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia, Điều 8 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật TCTAND), quy định: “Việc xét xử sơ thẩm của Tòa án có Hội thẩm tham gia theo quy định của luật tố tụng, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn.” Và khoản 1 Điều 9 của Luật này quy định: “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào.”

Như vậy theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, Hội thẩm nhân dân (HTND) ở Việt Nam là một chức danh tư pháp, đại diện cho nhân dân trong hoạt động tố tụng. Theo đó, HTND do hội đồng nhân dân địa phương bầu ra theo nhiệm kỳ để tham gia xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, dân sự, hành chính theo quy định của pháp luật. Hội thẩm cùng với thẩm phán trực tiếp xét xử, đưa ra các phán quyết của tòa án theo nguyên tắc bình đẳng, quyết định theo đa số. HTND còn là người thường xuyên gần bó với nhân dân, tham gia giám sát hoạt động tư pháp, góp phần tuyên truyền pháp luật và là nhịp cầu nối giữa tòa án và người dân.

## **1. Nguyên tắc tranh tụng theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành**

Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS 2015) của Việt Nam lần đầu tiên quy định nguyên tắc tranh tụng trong xét xử. tại khoản 5 Điều

103 Hiến pháp 2013 quy định: “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”. Đây là định hướng chỉ đạo cho việc tiếp tục quy định nguyên tắc tranh tụng trong BLTTHS. Thể chế hóa quy định của Hiến pháp, Điều 26 BLTTHS 2015 đã quy định nguyên tắc tranh tụng trong xét xử khá cụ thể, theo đó nội dung của nguyên tắc tranh tụng thể hiện ở các khía cạnh sau:

#### *Về phạm vi, chủ thể tranh tụng*

Phạm vi của việc tranh tụng được xác định cả trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Tuy nhiên, trong các giai đoạn tố tụng tiền xét xử, nguyên tắc tranh tụng không được thể hiện rõ nét mà chỉ được thực hiện rõ nét nhất trong giai đoạn xét xử tại tòa án. Do đó, Điều 26 BLTTHS 2015 đã lấy quá trình xét xử để đặt tên cho nguyên tắc tranh tụng nhưng nội hàm thực hiện lại quy định cho toàn bộ quy trình tố tụng.

#### *Về bản chất của tranh tụng*

Bản chất của hoạt động tranh tụng là sự tranh luận qua lại giữa bên buộc tội và bên bào chữa để tìm ra sự thật của vụ án. Vì vậy, Điều 26 BLTTHS 2015 cho phép các chủ thể buộc tội gồm: Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các chủ thể gỡ tội gồm: người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều được quyền tham gia vào quá trình tranh tụng. Còn Tòa án được trao cho nhiệm vụ là trọng tài xác định việc đánh giá chứng cứ của cả hai bên buộc tội và gỡ tội.

Các bên tham gia tranh tụng đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Đây cũng là lần đầu tiên pháp luật quy định bị can, bị cáo, người bào chữa có quyền đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ do cơ quan tố tụng thu thập hoặc yêu cầu Tòa án thu thập. Quy định này bảo đảm cho quá trình tranh tụng được bình đẳng và hiệu quả cao hơn so với trước đây, việc thu thập chứng cứ chủ yếu do các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện như Cơ quan điều tra hay Viện kiểm sát.

#### *Về yêu cầu của hoạt động tranh tụng*

“Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ

những người theo quy định của pháp luật, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do pháp luật quy định”.

“Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án”. Nghĩa vụ chứng minh giữa việc có tội hay không có tội là nhiệm vụ của hai bên buộc tội và gỡ tội. Tòa án chỉ là trọng tài có nhiệm vụ chính là “tạo điều kiện” bảo đảm cho hai bên thực hiện chức năng của mình, Tòa án không có nghĩa vụ chứng minh tội phạm mà chứng minh tội phạm là việc của bên buộc tội. Yêu cầu của nguyên tắc tranh tụng phải được hiểu như vậy.

Bên cạnh việc quy định quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ của các bên trong quan hệ tranh tụng, Điều 26 còn quy định: “Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa”. Bản chất của quá trình tranh tụng là mọi chứng cứ buộc tội và gỡ tội đều phải được đưa ra và tranh luận tại tòa. Do đó, tại phiên tòa là điều kiện tốt để quá trình tranh tụng được biểu hiện rõ nét nhất ở đó thể hiện sự tập trung nhất, cơ bản nhất của nguyên tắc tranh tụng.

Ngoài ra, nguyên tắc tranh tụng tại Điều 26 BLTTHS còn có nội dung rất quan trọng khác, đó là “Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa”. Điều này có thể hiểu là kết quả tranh luận sẽ là căn cứ cho phán quyết của Tòa án. Việc tranh tụng chỉ là hình thức nếu kết quả tranh tụng không được thể hiện trong bản án, quyết định của Tòa án.

## **2. Vai trò của Hội thẩm nhân dân trong thực hiện nguyên tắc tranh tụng**

Vai trò của HTND được xác định như thế nào khi thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử là vấn đề cần được quan tâm. Thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, Tòa án mà cụ thể là Hội đồng xét xử bao gồm các Thẩm phán và HTND đóng vai trò là trọng tài xác định việc đánh giá chứng cứ của cả hai bên buộc tội và gỡ tội. Theo đó, Hội đồng xét xử “tạo điều kiện” bảo đảm cho hai bên buộc tội và gỡ tội thực hiện chức năng của mình, Tòa án không có nghĩa vụ chứng minh tội phạm mà chứng minh tội phạm là việc của bên buộc tội.



Theo quy định hiện hành thì Hội thẩm tham gia tiến hành tố tụng, thay vì chỉ tham gia xét xử, nghĩa là Hội thẩm cũng thực hiện nguyên tắc tranh tụng ở tất cả các giai đoạn tố tụng. Nhưng vai trò của Hội thẩm ở các hoạt động tố tụng khác ngoài xét xử vẫn chưa được làm rõ. Thậm chí, ngay trong quá trình xét xử, có khi nguyên tắc “độc lập xét xử” của Tòa án còn bị vi phạm, bị can thiệp sâu sắc từ bên ngoài khiến Thẩm phán và Hội thẩm xét xử không khách quan, ra bản án không phù hợp với quy định của pháp luật, gây tác động xấu đến xã hội. Trong thực tế vẫn xảy ra tình trạng “trao đổi đường lối xét xử”, “báo cáo án”, “thỉnh thị án”; Hội thẩm không thực sự chú tâm đến quá trình nghiên cứu hồ sơ, xét xử, “trông chờ” theo ý kiến của Thẩm phán trong quá trình xét xử vẫn diễn ra. Tuy pháp luật đã có những quy định nhằm hạn chế sự “dẫn dắt”, “áp đặt” của thẩm phán, nhưng thực tế hầu hết trong các vụ án hình sự, hội thẩm gần như “phó thác” trách nhiệm cho thẩm phán. Khi tham gia xét xử, vai trò của không ít hội thẩm chưa được thể hiện rõ nét và đúng nghĩa là người đại diện của quần chúng nhân dân. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, có thể kể đến các nguyên nhân sau: Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện trở thành HTND chưa rõ ràng; công tác quản lý, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn chưa được chú trọng; trách nhiệm pháp lý đối với hội thẩm hiện vẫn còn chung chung, chưa đầy đủ, rõ ràng. Bên cạnh đó, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ xét xử của Hội thẩm có nhiều khác biệt so với Thẩm phán. Pháp luật không quy định cụ thể về thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ án, trách nhiệm của Hội thẩm trong việc tuân thủ quy định này. Hội thẩm tham gia vào hoạt động xét xử của tòa án nói chung phần lớn trong số họ chưa thể hiện được trách nhiệm nặng nề mà người dân trao cho. Chế tài pháp lý áp dụng đối với Hội thẩm trong thực hiện chức năng xét xử cũng chưa rõ ràng và khó áp dụng trong thực tiễn.

Do những hạn chế nêu trên nên khi tham gia xét xử, vai trò của hội thẩm chưa được thể hiện rõ và đúng nghĩa đại diện của các giới, các ngành, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp để phản ánh một cách khách quan suy nghĩ, tâm tư của quần chúng nhân dân. Nói cách khác, HTND chưa thể hiện được vai trò của mình trong hoạt động xét xử nói chung cũng như trong thực hiện nguyên tắc tranh tụng. Trong thực tế, để thực hiện tốt vai trò trung gian, đảm bảo cho hoạt động tranh tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội thì HĐXX phải nắm rõ bản chất của vụ án, có khả năng phân tích, đánh giá các chứng cứ cũng như các luận cứ của các bên tranh tụng. Bên cạnh đó, HĐXX cũng phải đưa ra các thẩm vấn khi cần thiết để đánh giá các chứng cứ, luận cứ một cách khoa học, chức

năng này không chỉ được thực hiện bởi Thẩm phán mà còn phải được thực hiện bởi các Hội thẩm. Tuy nhiên, không phải người Hội thẩm nào cũng có đủ năng lực để thực hiện chức năng này.

Để phát huy vai trò của Hội thẩm nhân dân trong hoạt động tố tụng hình sự nói chung cũng như trong hoạt động xét xử và thực hiện nguyên tắc tranh tụng, cần chú trọng một số vấn đề sau:

Thứ nhất, pháp luật cần có quy định cụ thể hơn về tiêu chuẩn, điều kiện của Hội thẩm nhân dân, đồng thời cũng cần có các quy định rõ ràng về trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân trong thực hiện hoạt động tố tụng, có cơ chế cụ thể trong việc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với Hội thẩm nhân dân khi họ có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng.

Thứ hai, pháp luật cần có quy định cụ thể về việc tham gia của Hội thẩm nhân dân vào các giai đoạn của quá trình tố tụng, đặc biệt là thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ án đủ để Hội thẩm nắm rõ nội dung vụ án.

Thứ ba, cần tham khảo chế định Bồi thẩm đoàn của một số nước trên thế giới, theo đó Hội thẩm chỉ tham gia xem xét, biểu quyết những vấn đề cơ bản của vụ án, còn việc áp dụng điều luật, khung hình phạt do Thẩm phán chuyên nghiệp thực hiện.

Thứ tư, muốn thực hiện được các yêu cầu trên, vấn đề quan trọng nhất phải có chế độ đãi ngộ phù hợp và cơ chế bảo vệ an toàn cho Hội thẩm trong thực hiện hoạt động tố tụng.

### **Kết luận**

Hiện nay, nhiều quan điểm cho rằng, mô hình tố tụng hình sự của nước ta sau khi có Nghị quyết số 49/2005-NQ-TW của Bộ Chính trị và sự ra đời của Hiến pháp năm 2013 cùng với các quy định của BLTTHS 2015 đã có sự chuyển biến rõ từ mô hình thẩm vấn sang kết hợp mô hình tố tụng tranh tụng. Tuy nhiên, theo nhiều quan điểm của các nhà nghiên cứu thì mô hình tố tụng Việt Nam hiện hành chưa hẳn là mô hình tố tụng tranh tụng hoàn toàn mà là mô hình tố tụng hỗn hợp có sự đan xen giữa mô hình tố tụng thẩm vấn và mô hình tố tụng tranh tụng. Do đó, thực tiễn xét xử thì phán quyết của tòa án phải dựa trên cả hai yếu tố đó là *kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa*, chứ không hoàn toàn dựa vào kết quả tranh tụng như mô hình tố tụng tranh tụng.

Từ thực tiễn mô hình tổ chức xét xử và kết quả hoạt động tư pháp ở nước ta vừa qua và trong bối cảnh hội nhập như hiện nay đang đặt ra những yêu cầu mới, đòi hỏi cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện về lĩnh vực tư pháp nói chung và công tác của tòa án nói riêng. Trong đó, cần nghiêm túc đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ về lý luận và thực tiễn đối với chế định hội thẩm nhân dân. Đồng thời tập trung nghiên cứu, sửa đổi các quy định của pháp luật để vai trò đại diện nhân dân trong hoạt động tố tụng thực sự phát huy hiệu quả, đáp ứng được các yêu cầu đặt ra trong công tác xét xử, bảo đảm dân chủ, công bằng và công lý.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Tiến Đại, *Bàn về nguyên tắc tranh tụng trong BLTTHS năm 2015*, <https://tapchitoaan.vn/public/index.php>, ngày 18 tháng 6 năm 2019.
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Luật hiến pháp.
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Bộ luật tố tụng hình sự
4. Lê Văn Sua, *Chế định về Hội thẩm, vai trò của Hội thẩm khi tham gia xét xử - Một số kiến nghị hoàn thiện*, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc>, ngày 20 tháng 10 năm 2015.
5. Đinh Ngọc Thắng, *Một vài trao đổi về nguyên tắc tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự*, Hội thảo Khoa học: Quyền con người qua 5 năm thực hiện Hiến pháp năm 2013, Đại học Vinh, năm 2019, tr.69.

## **ĐẢM BẢO NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG - THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRONG XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ**

**TS. Nguyễn Văn Dũng<sup>1</sup>**

**ThS.LS. Nguyễn Văn Đức<sup>2</sup>**

**Tóm tắt:** Tranh tụng trong hoạt động xét xử án hình sự là một nguyên tắc trụ cột, có ý nghĩa quyết định đến kết quả giải quyết vụ án hình sự. Người bị buộc tội bị kết án về một tội danh/nhiều tội danh và phải chịu một mức hình phạt được quy định trong Bộ luật Hình sự (BLHS) hay không phụ thuộc vào việc chứng minh tội phạm thông qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Thông qua phiên tòa hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng (THTT) thực hiện công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đồng thời thực thi cơ chế bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Với tầm quan trọng đó, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết về cải cách tư pháp, trong đó chú trọng đến nguyên tắc tranh tụng. Hiến pháp 2013, Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) đã thể chế hóa đường lối của Đảng thông qua quy định “*nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo*”. Tuy nhiên, trên thực tế, việc thực hiện nguyên tắc này còn gặp nhiều trở ngại từ phía cơ quan và người THTT, người tham gia tố tụng (TGTT).

Vấn đề đặt ra, vì sao một nguyên tắc tiên bộ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân nhưng lại chưa được thực thi nghiêm túc, hiệu quả? Các giải pháp nào cần đặt ra đối với việc thực thi nguyên tắc này?

**Từ khóa:** Nguyên tắc tranh tụng; Tố tụng hình sự”; Quyền bào chữa.

### **1. Đặt vấn đề**

Nguyên tắc “Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” được ghi nhận trong Hiến pháp 2013 và BLTTHS 2015. Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành trung ương (BCHTW) Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới, tiếp tục khẳng định quan điểm xuyên suốt, nhất quán của Đảng, Nhà nước về nguyên tắc tranh tụng.

Từ khi Hiến pháp 2013 và BLTTHS có hiệu lực thi hành, các chủ thể THTT, TGTT trong vụ án hình sự (VAHS) đã phát huy quyền tranh tụng của mình được pháp luật cho phép trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ quyền, lợi ích hợp

---

<sup>1</sup> TS. Nguyễn Văn Dũng - Giảng viên khoa Luật học - Trường KHXH&NV - Trường Đại học Vinh

<sup>2</sup> ThS.LS. Nguyễn Văn Đức - Đoàn Luật sư TP. Hồ Chí Minh

pháp của công dân. Hầu hết, bản án của Tòa án được tuyên dựa trên kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tình hình án oan, sai trong tố tụng hình sự đã được khắc phục cơ bản. Theo các Báo cáo tổng kết của Tòa án nhân dân tối cao, từ năm 2016 đến 2022, Tòa án nhân dân các cấp không để xảy ra án oan sai. Đồng thời, “Tòa án các cấp tiếp tục chú trọng việc tranh tụng tại phiên tòa theo hướng thực chất, hiệu quả, tạo điều kiện và bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật”.

Nhìn chung, từ khi có Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị BCHTW đến nay, hoạt động xét xử của Tòa án các cấp đã có sự chuyển biến rõ nét. Khái niệm tòa án xét xử theo kiểu “án bỏ túi”, “án tại hồ sơ” đã dần dần được thay thế bằng những phiên tòa “tranh tụng thực chất”. Khái niệm “phiên tòa tranh tụng” ngày càng xuất hiện nhiều hơn không chỉ trên các phương tiện thông tin đại chúng mà tại các phiên tòa. Người bào chữa nói riêng, người tham gia tố tụng nói chung được Hội đồng xét xử (HĐXX) dành thời gian thích hợp để tranh luận, đối đáp với đại diện cơ quan công tố (VKSND các cấp). Vai trò, vị thế của Người bào chữa (trụ cột là luật sư) trong các phiên tòa hình sự nhờ đó cũng được nâng tầm và có hiệu quả thật sự trong việc bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị buộc tội.

Bên cạnh những mặt tích cực nêu trên, thực tiễn hoạt động xét xử còn nhiều bất cập, trong đó nguyên tắc tranh tụng trong nhiều trường hợp đã không được áp dụng một cách thực chất, hiệu quả. Nhiều bản án không phải là kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trong một số trường hợp, HĐXX trở thành cơ quan buộc tội thứ ba (sau CQĐT, VKS); là người “chỉ đường dẫn lối” cho CQĐT, VKS bịt các lỗ hổng về tố tụng hoặc định hướng buộc tội bị cáo thông qua các quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung. Bản chất của hoạt động xét xử là xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ buộc tội, chứng cứ vô tội chứ không phải chỉ xem xét chứng cứ buộc tội. Vì vậy, việc Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung để CQĐT, VKS tìm thêm chứng cứ buộc tội hoặc khắc phục các sai phạm về tố tụng, về bản chất là đi ngược lại các nguyên tắc cơ bản của BLTTHS: Nguyên tắc suy đoán vô tội; nguyên tắc thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo. Để nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được đảm bảo”, cần chấm dứt tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung hoặc xem nhẹ vi phạm tố tụng của CQĐT, VKS và chấm dứt tình trạng “báo cáo án”, “thỉnh thị án” mà thực tế vẫn đang diễn ra ở một số vụ án, một số tòa án.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Cơ sở pháp lý**

Là những người tham gia giảng dạy, nghiên cứu cũng như trực tiếp tham gia nhiều vụ án hình sự, cơ quan thường xuyên về hoạt động tham gia tố tụng với các cơ quan THTT, các tác giả đánh giá cao nỗ lực của hệ thống các cơ quan THTT trong việc tuân thủ Nghị quyết của Đảng, Hiến pháp, BLTTHS của Nhà nước về nguyên tắc tranh tụng. Tuy nhiên, như đã nói, vẫn còn không ít trường hợp, cơ quan và người THTT hiểu không đúng về nguyên tắc tranh tụng, cố tình gây khó khăn cho các chủ thể TGTT, dẫn đến việc thực thi, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong chừng mực nào đó bị ảnh hưởng.

Do đó, để thực thi đầy đủ quyền con người, quyền công dân đã được Hiến định theo Hiến pháp 2013, các tác giả cho rằng cần nhận thức đúng, đầy đủ về nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được đảm bảo”.

Hiện nay, theo các tác giả, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được đảm bảo” đều được quy định khá đầy đủ. Cụ thể:

Hiến pháp 2013, tại khoản 5 điều 103 Hiến định: “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”

Điều 26 BLTTHS 2015 quy định: “Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án.

Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.

Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.”

Gần đây, Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của BCHTW Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới, đã kế thừa và phát triển quan điểm về xây dựng nhà nước pháp quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Tại mục 7, phần IV Nghị quyết nêu:

“- Hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến tư pháp, bảo đảm tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý mọi hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động tư pháp; bảo đảm tính độc lập của tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

- Xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân...

- Hoàn thiện cơ chế để khắc phục tình trạng quan hệ giữa các cấp tòa án là quan hệ hành chính, bảo đảm độc lập giữa các cấp xét xử và độc lập của thẩm phán, hội thẩm khi xét xử. Phân định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm;..”

## ***2.2. Thực tiễn áp dụng***

Cho đến thời điểm này, ba văn bản trên là cơ sở pháp lý quan trọng để vận hành nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được đảm bảo”. Tinh thần của ba văn bản này thể hiện việc tranh tụng không chỉ diễn ra ở giai đoạn xét xử hay tại phiên tòa mà quá trình tranh tụng diễn ra từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Đồng thời, chủ thể tranh tụng theo các quy định này cũng rõ nét hơn: Bên buộc tội (Cơ quan điều tra; Viện KSND); bên gỡ tội (Người bào chữa, người bị buộc tội); bên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự trong vụ án hình sự (người bảo vệ quyền lợi đương sự là bị hại, nguyên đơn

dân sự, bị đơn dân sự...); các chủ thể khác tham gia tố tụng được quy định tại chương IV BLTTHS... Với quy định này, có thể khẳng định: phạm vi, không gian, thời gian và chủ thể tranh tụng được mở rộng biên độ đến mức tối đa có thể.

Tuy nhiên, trên thực tế việc tranh tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố còn rất nhiều hạn chế. Do giới hạn của bài tham luận, các tác giả xin tập trung phân tích thực tiễn áp dụng nguyên tắc tranh tụng của người bị buộc tội và người bào chữa. Đây là hai chủ thể chịu tác động mạnh nhất của hoạt động tố tụng hình sự.

Đối với hoạt động tranh tụng tại phiên tòa, tuy vẫn còn một số vướng mắc nhưng so với các giai đoạn trước đó (điều tra, truy tố) thì việc tranh tụng ở giai đoạn xét xử có phần cởi mở hơn và tính dân chủ được phát huy cao hơn. Ở giai đoạn điều tra, hoạt động tranh tụng của người bị buộc tội, người bào chữa rất khó thực hiện. Điều này xuất phát từ đặc thù hoạt động điều tra, truy tố của cơ quan tHHTT và quy định về quyền của người TGTT, quyền của người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi đương sự được quy định tại chương IV, V của BLTTHS về “người tham gia tố tụng”, “người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự”.

*Về quyền tranh tụng của người bị buộc tội, chủ yếu là bị can, bị cáo*

Về quy định pháp luật của hai chương IV, V BLTTHS, theo tác giả là khá đầy đủ. Tuy nhiên, thực tế thực thi quyền, bao gồm cả quyền của người bào chữa ở giai đoạn điều tra, truy tố có rất nhiều bất cập. Đơn cử, tại điều 60 BLTTHS quy định về “bị can”, tại khoản 2 liệt kê bị can có rất nhiều quyền, trong đó có quyền rất quan trọng: “Đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu;” (điểm i, khoản 2). Thế nhưng, đa số bị can rất khó, nói không quá là “không thể thực hiện” quyền này. Lý do: Theo quy định tại điều 232, trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày kết thúc điều tra vụ án, cơ quan điều tra phải chuyển hồ sơ vụ án cho Viện KSND cùng cấp. Trong 02 ngày này, bị can có muốn đọc, ghi chép bản sao tài liệu cũng không thể thực hiện được. Do đó, dù quy định này rất hay, tiến bộ, nhưng trên thực tế không khả thi.

Cũng tại điều 60, bị can được quyền trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội (điểm d, khoản 2). Xét ở khía cạnh tích cực, đây được hiểu là “quyền im lặng” của bị can trong giai đoạn điều tra. Thế nhưng, thực tế có bao nhiêu bị can dám áp dụng quyền này



trong giai đoạn điều tra, nhất là bị can đang bị tạm giam? Ở giai đoạn điều tra, một bên là Cơ quan điều tra với đầy đủ quyền lực của mình, một bên là bị can đang bị áp dụng các biện pháp hạn chế quyền tự do (hoặc nguy cơ bị áp dụng biện pháp hạn chế nếu không “hợp tác” với cơ quan điều tra?) Trong nhiều vụ án, bị can khai báo không đúng ý chí/định hướng của Điều tra viên thì bị xem là thiếu thành khẩn, không ăn năn hối cải và sẽ bị đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p, khoản 1, điều 51 BLTTHS “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Thậm chí, nếu bị can đang tại ngoại nhưng khai báo không phù hợp định hướng điều tra có thể bị quy là không hợp tác và sẽ bị áp dụng biện pháp chế tài nghiêm khắc là bắt tạm giam.

Ở giai đoạn này, bị can khi làm việc với điều tra viên với thái độ hết sức e dè, lo sợ. Vì vậy, họ không thể và không dám thực hiện quyền tranh tụng được luật cho phép với điều tra viên/ kiểm sát viên. Hơn nữa, quá trình hỏi cung bị can, điều tra viên bao giờ cũng yêu cầu bị can trình bày “trọng tâm” các câu hỏi, nội dung mà CQĐT đặt ra, không được trình bày ngoài nội dung câu hỏi. Thực tế, có không ít trường hợp điều tra viên đặt câu hỏi đóng (có/không?) mang tính định hướng buộc tội. Nếu câu trả lời của bị can không kèm nội dung giải thích (để đi đến cái kết là có hay không) thì không thể làm rõ được bản chất thật của vụ án hoặc không lý giải được nguyên nhân, động cơ thực hiện hành vi. Nhưng bị can giải thích thì không được điều tra viên chấp nhận/ghi vào biên bản. Khi ra Tòa, bị cáo khai rằng bị ép cung, mớm cung... nhưng không thể chứng minh được việc mớm cung, ép cung. Sự bất lợi này của các bị can bị tạm giam trong quá trình hỏi cung bị can vẫn chưa thể khắc phục được. Quốc hội cũng đã dự liệu tình huống này nên tại Điều 183 BLTTHS quy định: Việc hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh. Việc hỏi cung bị can tại địa điểm khác được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo yêu cầu của bị can hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Việc ghi âm, ghi hình có âm thanh, đến nay, vẫn chưa tiến hành đầy đủ. Việc ghi âm, ghi hình có âm thanh trong quá trình hỏi cung bị can trong một số vụ án trọng điểm mới được thực hiện. Lý do việc lắp đặt trang thiết bị phục vụ ghi âm, ghi hình chưa được triển khai đồng bộ do thiếu kinh phí.

Cũng tại khoản 2 điều 60, bị can còn một quyền rất quan trọng là được đưa ra chứng cứ, tài liệu đồ vật; trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá. Luật cho bị can quyền

chủ động trong việc tranh tụng ngay từ giai đoạn điều tra. Thực hiện tốt quyền này, bị can sẽ tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình ngay trong giai đoạn điều tra. Thực tế tham gia nhiều vụ án, tác giả nhận thấy: Bị can chỉ có thể thực hiện quyền nếu đang được tại ngoại điều tra; trường hợp đã bị bắt tạm giam thì gần như không có cơ hội để thực hiện quyền này để tự bảo vệ cho mình. Mặt khác, quá trình điều tra, bị can rất khó tiếp cận được chứng cứ do CQĐT thu thập vì tài liệu được thu thập trong giai đoạn điều tra được quy định là tài liệu không được tiết lộ. Một khi không có, không biết CQĐT thu thập tài liệu nào, có lợi hay bất lợi cho mình thì bị can không thể tranh tụng với CQĐT. Sự bất cập này tác động không nhỏ đến tâm lý, lời khai của bị can khi đối diện với điều tra viên, kiểm sát viên.

Khoản 2, Điều 61 BLTTHS quy định về quyền của bị cáo (khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử), ngoài các quyền giống như bị can, còn được quy định thêm một số quyền như: i) Đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; tranh luận tại phiên tòa; l) Xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa;

Thực tế không có bị cáo nào ra tòa được thực hiện quyền tự mình hỏi người tham gia phiên tòa hoặc được xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi bổ sung biên bản phiên tòa. Đối với quyền “tranh luận tại phiên tòa” (điểm i, khoản 2 điều 61 BLTTHS), hiện nay hầu hết các bị cáo đều được thực hiện quyền này nhưng hiệu quả ra sao thì còn nhiều vấn đề phải bàn. Đối với bị cáo tại ngoại hoặc bị cáo có người bào chữa thì việc chuẩn bị quan điểm tranh luận với VKS hoặc người TGTT khác (bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự...) tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, đối với bị cáo bị tạm giam, khi ra tòa gần như không được mang theo bất cứ tài liệu gì ngoài kết luận điều tra, cáo trạng. Tùy theo từng cơ sở giam giữ mà việc xin giấy, viết để viết đơn, nội dung chuẩn bị cho ngày ra phiên tòa không giống nhau: Có nơi sẵn sàng hỗ trợ bị can/bị cáo, nhưng cũng có nơi hạn chế việc cung cấp giấy, bút. Do đó, bị cáo khi ra tòa phải chuẩn bị những nội dung trình bày ở trong đầu là chính. Một bên được chuẩn bị đầy đủ tài liệu, chứng cứ, văn bản luật và được hỗ trợ từ bộ phận giúp việc; một bên ra tòa với hai tay trắng và một chiếc còng, đã cho thấy sự bất bình đẳng trong hoạt động tranh tụng giữa bên buộc tội và bên bị buộc tội.

#### *Về quyền tranh tụng của người bào chữa*

Theo Điều 72 BLTTHS 2015, người bào chữa gồm: Luật sư; người đại diện của người bị buộc tội; bào chữa viên nhân dân; trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp

người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý. Quyền của người bào chữa (bao gồm người bào chữa do bị can, người thân thích mời hoặc cơ quan tố tụng chỉ định trong trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa) theo quy định tại khoản 2, điều 73 BLTTHS, được mở rộng hơn so với BLTTHS 2003. Cụ thể: Người bào chữa được tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc từ khi có quyết định tạm giữ; Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can; (điểm b); Thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu (điểm h); kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá (điểm i).

Sự tham gia của người bào chữa từ giai đoạn điều tra, phần nào có tác động tích cực đối với hoạt động điều tra, hỏi cung bị can. Sự có mặt của người bào chữa, giúp bị can tự tin hơn trong quá trình làm việc với điều tra viên; hạn chế việc ép cung, mớm cung, dùng nhục hình của điều tra viên. Tuy nhiên, vai trò của người bào chữa (kể cả người bào chữa do bị can, người thân thích mời) trong giai đoạn điều tra cũng có những hạn chế nhất định. Hầu hết người bào chữa dự cung cũng chỉ chứng kiến quá trình hỏi cung bị can có bị mớm cung, ép cung hay dùng nhục hình hay không. Mặc dù đoạn 2, điểm b, khoản 2 điều 73 BLTTHS cho phép người bào chữa được quyền đặt câu hỏi với người bị tạm giữ, người bị bắt, bị can sau mỗi buổi lấy lời khai, hỏi cung. Tuy nhiên, trên thực tế, việc hỏi của người bào chữa phải được sự đồng ý của điều tra viên. Nếu điều tra viên không cho đặt câu hỏi để làm rõ thêm nội dung hỏi cung thì người bào chữa cũng không thực hiện được và cũng không thể hiện trong các biên bản lấy lời khai, hỏi cung người bị buộc tội.

Điểm d, khoản 2, điều 73 BLTTHS, người bào chữa “được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này”. Khoản 1, điều 11, Thông tư 46/2019/TT-BCA ngày 10/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thời gian có mặt của người bào chữa như sau: Cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc phải báo trước về thời gian, địa điểm tiến hành tố tụng mà người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố có quyền tham gia tối thiểu 24 giờ đối với trường hợp người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cư trú cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương với cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc, 48 giờ đối với trường hợp người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cư trú khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc trước ngày tiến hành hoạt động tố tụng. Trường hợp người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nhất trí với Điều tra viên, Cán bộ điều tra thời hạn sớm hơn thì việc thực hiện các hoạt động tố tụng được thực hiện theo thỏa thuận đó.” Trên thực tế, điều tra viên, cán bộ điều tra thông báo cho người bào chữa thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra không đảm bảo thời gian theo quy định và hầu hết thông báo bằng điện thoại. Do vậy, người bào chữa rất bị động, lúng túng trong việc sắp xếp thời gian để tham dự các buổi hỏi cung. Tác giả từng nhận được điện thoại lúc 10g00 của điều tra viên, đề nghị có mặt tại Hà Nội lúc 14 giờ cùng ngày để tham dự buổi hỏi cung. Với khoản thời gian 4 giờ đồng hồ cho quãng đường di chuyển hơn 1700km (SG-HN) và làm thủ tục lên tàu bay, mua vé, di chuyển đến sân bay... người bào chữa không thể nào có mặt theo yêu cầu, đành phải từ chối dự cung. Theo quy định, CQĐT vẫn tiến hành hỏi cung bị can mà không có mặt người bào chữa. Thực tế này đặt ra rất nhiều thách thức cho người bào chữa trong các vụ án mà khoảng cách địa lý giữa CQĐT và người bào chữa ngoài phạm vi một tỉnh, thành phố.

Điều 73, điều 80 BLTTHS 2015; điều 12 Thông tư 46/2019/TT-BCA ngày 10/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an cho phép người bào chữa “được gặp người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam”. Tổ chức, người có thẩm quyền tạo điều kiện cho người bào chữa gặp người bị giữ trong trường trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bị tạm giam nhưng thực tế quyền này của người bào chữa gần như không thực hiện được. Bởi lẽ, khi người bào chữa đề nghị được gặp riêng bị can đang bị tạm giam trong giai đoạn điều tra phải gửi bản kế hoạch, nội dung dự kiến làm việc với bị can cho CQĐT và VKS. Nội dung làm việc phải được hai cơ quan này đồng ý thì mới được gặp. Như vậy, cuộc gặp, làm việc có tính chất riêng tư giữa người bào chữa và bị can không còn là sự riêng tư mà bị can thiếp, kiểm soát. Chưa hết, khi người bào chữa được đồng ý cho gặp bị can thì cũng bị cán bộ trại giam giám sát, thậm chí ngồi bên cạnh để nghe cuộc trao đổi giữa người bào chữa và bị can. Cá biệt, có trường hợp, hồ sơ vụ án đã sang tòa án thụ lý, chuẩn bị đưa ra xét xử, khi người bào chữa đăng ký gặp bị can trong trại giam thì không được giải quyết. Tòa án cho rằng người bào chữa muốn gặp bị can phải có thẩm phán, thư ký tòa án cùng dự các buổi làm việc này. Tòa án căn cứ vào khoản 3, điều 10, Thông tư liên

tịch 01/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 23/01/2018 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao để giám sát hoạt động bào chữa của người bào chữa: “Trường hợp cần phải giám sát cuộc gặp thì Thủ trưởng, người có thẩm quyền của cơ quan đang thụ lý vụ án phối hợp với cơ sở giam giữ tổ chức giám sát”. Việc cán bộ trại giam, thẩm phán, thư ký giám sát trong quá trình người bào chữa làm việc với bị can nếu cho là cần thiết nhưng phải đảm bảo nguyên tắc “trong tầm nhìn, ngoài tầm nghe” thì mới đảm bảo quyền tiếp xúc riêng tư của người bào chữa. Đây là vấn đề mà thời gian qua, nhiều luật sư tham gia bào chữa các vụ án hình sự than phiền.

Điểm h, điểm i, khoản 2 điều 73 BLTTHS 2015 quy định người bào chữa có quyền: Thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu (điểm h); kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá (điểm i) Đây là một quy định hoàn toàn mới của BLTTHS 2015 về quyền của người bào chữa. Như vậy, ngoài các cơ quan THTT thì người bào chữa cũng là chủ thể được quyền thu thập chứng cứ. Để thu thập chứng cứ, tại khoản 2 Điều 88 BLTTHS 2015 quy định: Để thu thập chứng cứ, người bào chữa có quyền gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa. Khoản 4 Điều 88 BLTTHS 2015 quy định: Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm tiếp nhận, lập biên bản giao nhận, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến vụ án do người có thẩm quyền thu thập chứng cứ (trong đó có người bào chữa) cung cấp.

Quy định như vậy bảo đảm cho quá trình tranh tụng được bình đẳng và hiệu quả cao hơn. Thế nhưng cơ chế để người bị buộc tội, người bào chữa thu thập chứng, đánh giá chứng cứ và đưa ra yêu cầu chưa được rõ ràng. Không có chế tài cụ thể khi người tiến hành tố tụng từ chối tiếp nhận hoặc đánh giá chứng cứ do người bị buộc tội, người bào chữa cung cấp, giao nộp và đưa vào hồ sơ vụ án. Vì vậy, thời gian qua đã xảy ra tình trạng, cơ quan THTT thu thập chứng cứ theo hướng buộc tội; người bị buộc tội, người bào chữa thu thập giao nộp chứng cứ chứng minh vô tội. Với hai nguồn chứng cứ này, Tòa án sử dụng chứng cứ của CQĐT, VKS để làm căn cứ giải quyết vụ án mà không sử dụng, đánh giá chứng cứ do người bị buộc tội, người bào chữa cung cấp. Việc không sử dụng này cũng không đưa ra lời giải thích.

Ngoài những bấp cập nói trên, việc tranh tụng tại phiên tòa nhiều khi vẫn còn mang nặng tính hình thức, không thực chất, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Những vi phạm thường thấy đó là có sự “hợp nội bộ” giữa các cơ quan THTT trước khi xét xử. So với trước đây, việc “hợp nội bộ” này, hiện nay đã giảm đi rất nhiều, nhưng thỉnh thoảng vẫn xảy ra. Nhiều phiên tòa, KSV không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối đáp, tranh luận đến cùng với người bào chữa để làm rõ sự thật khách quan của vụ án, thậm chí né tránh bằng cách đối đáp “bảo lưu quan điểm luận tội”, dù quan điểm đó không phù hợp với hồ sơ vụ án và quy định pháp luật. Vì vậy, chất lượng và kết quả tranh tụng trong một chừng mực bị hạn chế. Một số phiên tòa, chủ tọa phiên tòa hạn chế quyền hỏi, tranh tụng của người bào chữa; chưa thực sự quan tâm đến tình tiết, chứng cứ mới của vụ án mà người bào chữa đưa ra. Trong một số trường hợp, tại phiên tòa, nội dung tranh tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội, phát sinh nhiều tình tiết mới nhưng bản án không được ghi nhận, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội. Một số bản án, quyết định của Tòa án chưa xuất phát từ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **3. Kết luận và đề xuất, kiến nghị**

BLTTHS 2015 đã khắc phục khiếm khuyết của mô hình tố tụng thẩm vấn truyền thống, tăng cường việc tranh tụng công khai, phiên tòa trở nên công bằng hơn, nhưng vẫn chưa làm thay đổi cách thức vận hành của cả hệ thống tố tụng. Vì vậy, để nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được đảm bảo”, các tác giả xin đề xuất một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, bắt buộc phải ghi âm, ghi hình có âm thanh trong tất cả các buổi lấy lời khai, hỏi cung bị can (kể cả có mặt hoặc không có mặt người bào chữa). Biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung không có ghi âm, ghi hình có âm thanh đương nhiên là vi phạm trình tự, thủ tục tố tụng và không có giá trị pháp lý, không dùng làm chứng cứ buộc tội. Đối với mọi hoạt động điều tra, truy tố, xét xử nếu xác định có vi phạm tố tụng thì tất cả những tài liệu, chứng cứ thu thập được từ hoạt động này không có giá trị. Chấm dứt ngay tình trạng “tuy có vi phạm tố tụng, nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án”. Đã vi phạm tố tụng thì không có giá trị chứng minh tội phạm.

*Thứ hai*, đảm bảo cho bị can được quyền đọc, ghi chép tài liệu bản sao sau khi kết thúc điều tra. Trách nhiệm cơ quan THTT là tạo điều kiện tốt nhất để cho bị can được tiếp cận hồ sơ vụ án. Nếu bị can chưa được đọc, ghi chép hồ sơ vụ án sau khi kết

thúc điều tra thì hồ sơ không được chuyển sang VKS để làm thủ tục truy tố. Tất cả những tài liệu, chứng cứ mà cơ quan THPT thu thập được trong giai đoạn điều tra đều phải công khai cho người bị buộc tội và người bào chữa, người tham gia tố tụng khác biết trong quá trình điều tra chứ không phải đến khi kết thúc điều tra như quy định hiện nay.

*Thứ ba*, bị can, bị cáo không nhờ người bào chữa và không thuộc trường hợp chỉ định người bào chữa, cơ quan THPT, nhất là Tòa án, phải đảm bảo bị cáo đã được tiếp cận đầy đủ chứng cứ buộc tội, vô tội trước khi mở phiên tòa.

*Thứ tư*, xây dựng cơ chế về quyền, nghĩa vụ của cơ quan THPT, người THPT trong việc tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do người bị buộc tội, người bào chữa thu thập, giao nộp và có chế tài cụ thể khi người THPT từ chối tiếp nhận hoặc đánh giá chứng cứ do người bị buộc tội, người bào chữa cung cấp, giao nộp, đưa vào hồ sơ vụ án.

*Thứ năm*, xây dựng cơ chế đảm bảo cho người bào chữa được thực hiện đầy đủ các quyền được quy định tại điều 73 BLTTHS và có chế tài đối với những trường hợp cản trở hoạt động của người bào chữa.

*Thứ sáu*, bản án phải ghi nhận đầy đủ ý kiến tranh tụng, đối đáp của KSV, người bào chữa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác. Bổ sung quyền của người bào chữa: Có quyền khiếu nại bản án của TAND có thẩm quyền nếu không ghi nhận đầy đủ ý kiến của người bào chữa, bị cáo...

*Thứ bảy*, cần có chế tài đối với KSV từ chối tranh luận, đối đáp với các ý kiến của người bào chữa, bị cáo đặt ra trong việc làm rõ bản chất vụ án, các tình tiết buộc tội, vô tội. Trường hợp tại phiên tòa, KSV từ chối tranh luận với người bào chữa thì những ý kiến, quan điểm của người bào chữa, bị cáo đưa ra được xem là có căn cứ. HĐXX phải căn cứ vào đó để chấp nhận ý kiến của người bào chữa, bị cáo và đưa vào bản án.

*Thứ tám*, chấm dứt tình trạng Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung để CQĐT, VKS thu thập thêm chứng cứ hoặc khắc phục tình trạng vi phạm tố tụng. Tòa án chỉ thực hiện chức năng xét xử, Hội đồng xét xử giữ đúng vai trò của cơ quan xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, đánh giá khách quan chứng cứ buộc tội, gỡ tội.

Trên đây là một số nội dung mà các tác giả đã có điều kiện trải nghiệm thông qua hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và hoạt động thực tế trong quá trình hành nghề luật sư, đúc rút kinh nghiệm bản thân và mong muốn có tiếng nói, góp một phần vào

việc xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN. Quan điểm của các tác giả mang tính cá nhân chắc chắn không khỏi thiếu sót, các tác giả rất mong nhận được sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà khoa học tham gia Hội thảo do Trường Đại học Vinh và Tòa án quân sự Quân khu 4 tổ chức.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Hiến pháp 2013.
2. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới.
3. Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
4. Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới.
5. Bộ luật Tố tụng hình sự 1988, 2003, 2015.
6. Thông tư liên tịch 01/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 23/01/2018 quy định về quan hệ phối hợp giữa cơ sở giam giữ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và Viện kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát, quản lý thi hành tạm giữ, tạm giam.
7. Thông tư 46/2019/TT-BCA ngày 10/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định trách nhiệm của lực lượng công an nhân dân trong việc thực hiện các quy định Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.
8. Báo cáo tổng kết của Tòa án nhân dân tối cao các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022.



## **VAI TRÒ TRANH TỤNG CỦA LUẬT SƯ CHỈ ĐỊNH TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG**

**ThS.LS. Nguyễn Hoàng**

**Tóm tắt:** Tranh tụng trong tố tụng hình sự là hoạt động pháp lý mang tính tư duy tổng hợp cao là giai đoạn quyết định kết quả của cả quá trình hoạt động của luật sư trong quá trình tham gia bào chữa vụ án Hình sự. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử lần đầu được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, bộ luật tố tụng hình sự 2015 và các văn bản pháp luật liên quan khác. Trong phạm vi bài viết tác giả chỉ giới hạn trong phạm vi hoạt động tranh tụng của luật sư chỉ định trong các vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.

**Từ khóa:** Tranh tụng, xét xử của Tòa án, tố tụng hình sự, luật sư

Tố tụng tranh tụng là mô hình tố tụng ở những quốc gia theo truyền thống common law như: Anh, Mỹ... Mô hình này dựa trên nguyên tắc “các bên trình bày”. Điều đó có nghĩa là, hai bên trong vụ án hình sự và dân sự sẽ quyết định phạm vi những vấn đề đưa ra cho Thẩm phán xem xét, quyết định. Thẩm phán chỉ thực hiện việc xét xử, đóng vai trò là người trọng tài trung lập xem xét các vấn đề các bên trình bày. Theo đó, hai bên trong vụ án có trách nhiệm đưa ra tài liệu, chứng cứ để bảo vệ cho quan điểm của họ. Tại mô hình này vai trò của Luật sư tham gia có ý nghĩa rất lớn khi tham gia trực tiếp tranh tụng. Thẩm phán phải bảo đảm cho hai bên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong việc làm sáng tỏ các tình tiết vụ án và những quan điểm của các bên trong vụ án. Còn các nước theo hệ thống Civil Law thường áp dụng kiểu loại tố tụng thẩm vấn. Nét đặc trưng nhất của mô hình tố tụng thẩm vấn là nó đề cao vai trò chủ động của thẩm phán. Thẩm phán là người đưa ra quyết định điều tra khi xảy ra một vụ án nào đó. Thẩm phán cũng là người có trách nhiệm tìm ra sự thật trên cơ sở các sự việc, chứng cứ. Cũng chính thẩm phán là người chỉ đạo toàn bộ quá trình tố tụng, kể cả giai đoạn điều tra.

### **1. Những vấn đề chung về Tranh tụng trong vụ án hình sự**

Về thuật ngữ tranh tụng thì ý tưởng “đối thoại trực tiếp để tìm ra sự thật của vấn đề” của nhà triết học cổ đại người Hy Lạp Platon vào đầu những năm 400 trước Công Nguyên (428-347 B.C.) là nền tảng của hệ thống tố tụng tranh tụng ngày nay. Ý tưởng

này của Plato được các luật gia Hy Lạp cổ đại phát triển và xây dựng thành một trong những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự của nhà nước Hy Lạp cổ đại. Sau đó, những nguyên tắc này được áp dụng trong hệ thống pháp luật của La Mã và các quốc gia cổ đại khác ở Châu Âu với tên gọi “thủ tục hỏi đáp liên tục” hay “thủ tục tố tụng tranh tụng”.

Theo Từ điển Luật học - NXB Từ điển bách khoa - NXB Tư pháp năm 2006, khái niệm “tranh tụng” là các hoạt động tố tụng được thực hiện bởi các bên tham gia tố tụng (bên buộc tội và bên bị buộc tội trong các vụ án hình sự; bên nguyên đơn và bên bị đơn trong các vụ án dân sự...).

Khái niệm tranh tụng lần đầu tiên được đưa vào hiến pháp năm 2013 tại Khoản 5 Điều 103 Hiến pháp 2013: “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” và được quy định cụ thể tại Điều 26, mục V phần Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa... Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Từ những cách hiểu trên về tranh tụng thì ta có thể thấy rằng, tranh tụng là một quá trình hoạt động, phân tích, tổng hợp và tư duy nhằm tìm kiếm sự thật khách quan có lợi cho quan điểm của mình giữa cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng cụ thể là bên có chức năng buộc tội và bên có chức năng gỡ tội (Bào chữa). “Tranh tụng” được hiểu theo hai khía cạnh: Một là, tranh tụng được hiểu với nghĩa rộng như một mô hình tố tụng hình sự. Tức là một quá trình diễn ra trong suốt quá trình tố tụng hình sự từ giai đoạn điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử sơ thẩm, xét xử sơ thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm. Hai là, tranh tụng được hiểu theo nghĩa hẹp như một nguyên tắc trong tố tụng hình sự. Tức là chỉ là một giai đoạn trong quá trình xét xử vụ án hình sự sơ thẩm, phúc thẩm tại phiên tòa được thực hiện bởi hai bên buộc tội và gỡ tội.

Như vậy hai hoạt động này song song và đối lập nhau giữa việc buộc tội, chứng minh hành vi phạm tội của cơ quan tiến hành tố tụng và hoạt động gỡ tội (Bào chữa) của Luật sư. Dù là trong cả quá trình tố tụng hình sự hay tại phiên tòa thì hoạt động tranh tụng đều có vai trò hết sức quan trọng. Thông qua hoạt động tranh tụng luật sư có quyền tự do bày tỏ ý kiến, bằng lập luận và tư duy của mình, chủ động thu thập và giao nộp chứng cứ để bảo vệ quan điểm mình đưa ra. Về mặt hình thức thì chúng ta có thể thấy được sự tự do, công bằng và vị trí bình đẳng giữa bên buộc tội và gỡ tội trong tố tụng hình sự. Và mục đích cuối cùng là tìm sự thật khách quan của vụ án, áp dụng tối đa

những tình tiết có lợi cho người được bào chữa cùng với việc áp dụng đúng các quy định pháp luật tương xứng với hành vi phạm tội trên cơ sở các quy định pháp luật.

## **2. Tranh tụng của luật sư chỉ định theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng tại các vụ án hình sự.**

### ***2.1. Quy định pháp luật về luật sư chỉ định theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng***

Với đặc thù của án chỉ định tức là những vụ án có sự tham gia bào chữa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng mà không phải theo yêu cầu của thân nhân bị can, bị cáo hay bản thân bị can, bị cáo. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 76 bộ luật TTHS 2015 quy định những trường hợp chỉ định người bào chữa bao gồm: Bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình; Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi. Quy định mở rộng phạm vi tham gia của luật sư chỉ định so với bộ luật tố tụng hình sự 2003. Tại bộ luật Tố tụng hình sự 2003 việc tham gia luật sư chỉ định theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng chỉ giới hạn ở trường hợp bị can, bị cáo bị khởi tố về tội có mức hình phạt cao nhất là tử hình. Do đặc thù của án chỉ định luật sư là những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, mức án áp dụng đối với bị can là mức án cao nên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử cần phải cẩn trọng trong công tác buộc tội cũng như bảo đảm tính khách quan, đúng pháp luật thì cần phải có luật sư tham gia bào chữa chỉ định dù người nhà hay bản thân bị cáo không yêu cầu hay không phải bỏ chi phí ra để thuê luật sư bào chữa.

Với tính chất đặc thù của vụ án hình sự với mức hình phạt áp dụng có thể cao nhất đối với người bị buộc tội thì vai trò của luật sư khi tham gia các vụ án chỉ định tùy theo cách gọi từng quốc gia sẽ thiết lập hệ thống luật sư công khác nhau để tham gia những vụ án hình sự có tính chất như trên.

Như ở nước Mỹ thì hệ thống luật sư công đã tồn tại lâu đời. Theo quy định tại Hiến pháp quốc gia, quyền có luật sư, sử dụng luật sư công ở Mỹ đã có hơn 60 năm, theo quyết định của Tòa án tối cao năm 1963, quyền có luật sư được quy định trên toàn liên bang nhưng việc thực hiện là do các bang và chính quyền cơ sở. Tại Bang Florida Nhiệm vụ của Luật sư Nhà nước là bảo vệ quyền lợi của tất cả các công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật thông qua đại diện hợp pháp do Tòa án chỉ định cho các khách hàng. Mỗi Toà án ở Bang sẽ có một Luật sư Nhà nước (bang có 20 Toà án),

Luật sư này phải có kinh nghiệm 5 năm công tác, là thành viên tốt (có vị trí công tác tốt) của Đoàn luật sư Florida. Luật sư Nhà nước sẽ được tuyển chọn thông qua một kỳ thi 4 năm tổ chức một lần, ban giám khảo gồm những thành viên có uy tín của Toà án. Luật sư Nhà nước được chính quyền bang tuyển chọn (bầu) và sẽ làm việc ở nơi có Toà án mà người đó cư trú và làm việc (theo luật của Florida số 27.50).

Tại Lit Va bắt đầu thí điểm mô hình Luật sư Nhà nước vào năm 1999, mô hình đã thể hiện được những tính ưu việt nhất định và góp phần khắc phục những hạn chế của hệ thống Tư pháp hiện tại. Mô hình này được bắt đầu với dự án thành lập thí điểm một Văn phòng Luật sư Nhà nước, tuyển dụng những luật sư làm việc thường xuyên để bào chữa trong những vụ án bắt buộc phải có luật sư.

Ở Israel, Dự án thành lập Văn phòng Luật sư Nhà nước bắt đầu với một số hoạt động vào đầu những năm 1980 và có ảnh hưởng sâu rộng vào đầu những năm 1990. Văn phòng Luật sư Nhà nước được chính thức thành lập vào năm 1995 theo Luật về luật sư Nhà nước. Việc thành lập Văn phòng Luật sư Nhà nước là đỉnh cao của sự cố gắng của các nhân viên bộ máy Tư pháp và Nghị viện cùng các thành viên của tổ chức trợ giúp pháp lý và cơ sở đào tạo. Trước khi thành lập Văn phòng luật sư Nhà nước, dưới 20% người bị giam giữ trước khi xét xử và khoảng 30% bị cáo trước Toà có luật sư đại diện. Ngày nay, trung bình có 70% người bị giam giữ trước khi xét xử và gần 60% bị cáo trong tố tụng hình sự được luật sư đại diện.

Tại Việt Nam hiện nay hiện không có quy định về luật sư công. Việc hỗ trợ pháp lý đối với người dân trong các vụ án hình sự thường thông qua trung tâm trợ giúp pháp lý theo luật trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20/6/2017 và các văn bản liên quan, phạm vi hoạt động động của Trung tâm trợ giúp pháp lý bị giới hạn bởi đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí như: người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người bị buộc tội từ đủ 16t đến dưới 18t... mà lực lượng chủ yếu tham gia trợ giúp pháp lý là trợ giúp viên pháp lý còn luật sư nếu tham gia chỉ là cộng tác viên, về bản chất những luật sư này vẫn là luật sư thuộc các văn phòng luật sư, công ty luật thuộc đoàn luật sư chỉ tham gia cộng tác trong các vụ việc cụ thể và không thuộc lực lượng luật sư do sự quản lý của nhà nước về mặt công việc và chuyên môn cũng như trả lương theo biên chế.

Đối với các vụ án chỉ định thì hiện nay theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì trong quá trình điều tra vụ án hình sự nếu xét thấy vụ án thuộc các trường hợp

đặc biệt nghiêm trọng thì cơ quan tiến hành tố tụng phải đề nghị các cơ quan như: Đoàn Luật sư, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, UBMT tổ quốc VN và các tổ chức thành viên cử luật sư, trợ giúp viên pháp lý... tham gia để bào chữa từ giai đoạn điều tra. Việc đưa vào quy định này bước đột phá trong việc coi trọng sự tham gia của đội ngũ luật sư trong các vụ án hình sự mà phạm vi là các vụ án đặc biệt nghiêm trọng. Cũng như ghi nhận nguyên tắc bảo đảm quyền tranh tụng trong các vụ án hình sự dưới góc độ bắt buộc của cơ quan tiến hành tố tụng nhằm bảo đảm tính khách quan, tự do và tranh tụng công bằng từ giai đoạn điều tra cho đến xét xử trong tố tụng hình sự nhất là các vụ án phức tạp mà mức hình phạt áp dụng đối với bị can trong trường hợp này có thể lên đến 20 năm, chung thân, tử hình.

Đây là điểm mới so với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Với những nội dung trên thì việc bào chữa chỉ định có những đặc điểm như sau:

Thứ nhất: đối tượng được bào chữa chỉ định là Bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình;

Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi. Về quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể với những trường hợp thế nào là nhược điểm về thể chất và tâm thần.

Thứ hai: chủ thể yêu cầu luật sư chỉ định thường là Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát. Trong quá trình điều tra, truy tố cơ quan tiến hành tố tụng nhận thấy bị can, bị cáo là đối tượng tham gia tố tụng có những dấu hiệu thuộc người được chỉ định luật sư bào chữa bắt buộc thì phải làm thủ tục chỉ định luật sư mới tiếp tục quá trình điều tra, truy tố.

Thứ ba: Cơ quan có thẩm quyền cử Người tham gia bào chữa chỉ định là Đoàn luật sư phân công tổ chức hành nghề cử người bào chữa, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử Trợ giúp viên pháp lý, luật sư bào chữa cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cử bào chữa viên nhân dân bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình.

## ***2.2. Vai trò tranh tụng của luật sư chỉ định khi tham gia các vụ án theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng dựa theo nguyên tắc tranh tụng***

Theo tinh thần của nguyên tắc tranh tụng thì việc tranh tụng không chỉ gói gọn tại phiên tòa mà có thể cả quá trình tố tụng hình sự, bao gồm cả từ giai đoạn điều tra,

truy tố. Tại phiên tòa chỉ là một giai đoạn trong quá trình tố tụng. Việc luật sư tham gia từ quá trình điều tra đã thể hiện được việc mở rộng quá trình tranh tụng đối với luật sư khi tham gia tố tụng hình sự giúp cho luật sư thuận lợi hơn trong quá trình gỡ tội của mình.

Đối với các vụ án phải có luật sư chỉ định tham gia thì luật sư thường tham gia bào chữa từ sớm, bắt đầu tham gia từ giai đoạn điều tra vụ án. Khi cơ quan điều tra, viện kiểm sát đã tham gia một số hoạt động điều tra khi nhận thấy bị can, bị cáo thuộc đối tượng phải có luật sư chỉ định thì phải làm hồ sơ yêu cầu cử luật sư tham gia bào chữa, đây là thủ tục bắt buộc trong tố tụng hình sự. Cho nên vai trò tranh tụng của luật sư trong các vụ án chỉ định được thể hiện từ sớm từ việc tham gia các hoạt động điều tra như: Tham gia hỏi cung, thực nghiệm điều tra, đối chất... Ngoài ra trong phạm vi thẩm quyền của mình luật sư có thể chủ động thu thập chứng cứ, tài liệu hướng dẫn cho bị can, bị cáo cũng như thân nhân của họ thu thập, giao nộp hợp pháp các chứng cứ có lợi cho mình trong quá trình điều tra. Với vai trò là người bào chữa cho bị can, bị cáo thì khi luật sư được cấp giấy chứng nhận bào chữa thì lợi ích của bị can, bị cáo và luật sư là về một phía đối gỡ tội với bên buộc tội là cơ quan tiến hành tố tụng.

Việc tham gia từ giai đoạn điều tra giúp luật sư tiếp xúc được nhiều với bị can, bị cáo cũng như nắm rõ quá trình điều tra, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động điều tra khác một cách tường tận và rõ ràng hơn thay vì đọc hồ sơ vụ án. Cùng với việc tiếp xúc thường xuyên với bị can, bị cáo luật sư sẽ hiểu rõ hơn về tâm tư, tình cảm và các tình tiết cần phải làm rõ của vụ án mà không thể hiện trong hồ sơ qua đó góp phần củng cố hồ sơ, lập luận để phục vụ công tác bào chữa cho bị can, bị cáo. Bản thân bị can, bị cáo khi có luật sư là người bào chữa cho mình tham gia gỡ tội cho thì tâm lý khi làm việc với cơ quan tiến hành tố tụng cũng tự tin, ổn định hơn thay vì một mình phải làm việc thì có người đồng hành cùng mình để làm việc với cơ quan tiến hành tố tụng, bản thân sẽ được giải thích pháp luật, hiểu rõ được hành vi vi phạm thì có thể thành khẩn hợp tác hơn với cơ quan điều tra thay vì ngoan cố không hợp tác khi tham gia làm việc với cơ quan tiến hành tố tụng. Thông qua luật sư là cầu nối giữa bị can, bị cáo với người thân nhân họ để họ yên tâm hơn khi tiếp nhận các thông tin từ cơ quan tiến hành tố tụng cũng như tình hình sức khỏe, tình hình điều tra khi bị can, bị cáo đang bị tạm giam.

Hoạt động tranh tụng ở giai đoạn điều tra với sự tham gia luật sư thì việc chứng minh tội phạm không phải đơn phương từ cơ quan điều tra, viện kiểm sát như trước đây

mà khi có sự tham gia của luật sư thì với những hoạt động của luật sư trong quá trình điều tra vừa giúp gỡ tội cho bị can, bị cáo, vừa giúp làm sáng tỏ sự thật của vụ án một cách khách quan, vừa giám sát quá trình điều tra song song với Viện kiểm sát bảo đảm và hạn chế việc vi phạm tố tụng trong quá trình điều tra. Và không chỉ là hoạt động gỡ tội mà đôi khi luật sư với vai trò cầu nối giữa bị can, bị cáo với điều tra viên để hai bên có thể thông qua đó bị can, bị cáo hợp tác hơn trong quá trình điều tra.

Hoạt động tranh tụng tại tòa án thì không chỉ gói gọn tại phiên tòa mà tại giai đoạn quan trọng là giai đoạn chuẩn bị xét xử với vai trò luật sư bào chữa, bản thân luật sư bằng nghiệp vụ của mình có thể thu thập chứng cứ, tài liệu cũng như có đề xuất bằng văn bản cụ thể về quan điểm giải quyết vụ án đến thẩm phán được phân công là chủ tọa phiên tòa giải quyết vụ án. Còn việc tranh tụng của luật sư tại phiên tòa chỉ là kết quả của cả quá trình của luật sư trong các giai đoạn tố tụng trước đó được bộc lộ ra bên ngoài để thể hiện cho Hội đồng xét xử, đại diện Viện kiểm sát xem xét rõ hơn các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về cấu thành tội phạm để xác định tội danh, quyết định hình phạt, trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa một cách công khai.

#### Ưu điểm

Việc ghi nhận sự tham gia của luật sư chỉ định là điều kiện bắt buộc trong tố tụng hình sự là một bước tiến quan trọng, thể hiện sự coi trọng vai trò của luật sư trong tham gia tranh tụng trong tố tụng hình sự. Với việc từng bước khẳng định được chất lượng về chuyên môn cũng như về kỹ năng hành nghề của mình, với lực lượng luật sư ngày càng phát triển theo thời gian về số lượng và chất lượng thì việc từng bước đưa đội ngũ luật sư vào tham gia tố tụng một cách bắt buộc trong vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng là sự ghi nhận không nhỏ của nhà nước đối với luật sư tham gia tố tụng.

Hạn chế được việc vi phạm tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, với việc tham gia với vai trò gỡ tội ngoài việc tìm các chứng cứ gỡ tội thì việc giám sát hoạt động tố tụng của luật sư góp phần không nhỏ vào việc bảo đảm việc tuân thủ pháp luật của điều tra viên, kiểm sát viên góp phần không nhỏ vào việc bảo đảm việc tuân thủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Góp phần thúc đẩy việc thực thi nguyên tắc tranh tụng được bảo đảm một cách thực tế theo quy định pháp luật được ghi nhận tại Khoản 5 điều 103 Hiến pháp 2013 và luật tố tụng hình sự 2015 và các quy định liên quan.

Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự đặc biệt là quyền được bảo đảm nguyên tắc tranh tụng. Bản thân bị can, bị cáo có thể tự mình tranh tụng với cơ quan tiến hành tố tụng nhưng vì bản thân có thể bị áp dụng một số biện pháp khẩn cấp tạm thời như bị tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú...hoặc không được trang bị kỹ năng và kiến thức pháp luật hạn chế thì cần có những chuyên gia hiểu rõ về pháp luật cũng như kỹ năng khi tham gia tố tụng thì việc ủy quyền cho luật sư tham gia bào chữa là một giải pháp tốt để bảo đảm được tối ưu quyền tranh tụng của mình.

#### Hạn chế và giải pháp

Mặc dù việc mở rộng giới hạn việc tham gia các vụ án chỉ định là các vụ án đặc biệt nghiêm trọng so với luật cũ nhưng hiện nay luật sư chỉ định chỉ tham gia tố tụng hình sự vẫn chưa nhiều. Ví dụ ở Tỉnh Hà Tĩnh thì số án có luật sư chỉ định theo báo cáo cuối năm của Đoàn luật sư Hà Tĩnh như sau: Năm 2019: 78 vụ, 2020: 80 vụ, 2021: 72 vụ, 2022: 91 vụ. Vì vậy cần thiết mở rộng hơn việc tham gia bắt buộc của luật sư ngoài các vụ án đặc biệt nghiêm trọng thì cần thiết phải mở rộng thêm trong các vụ án mang tính chất nghiêm trọng để luật sư tham gia nhiều hơn nhằm nâng cao thêm chất lượng tranh tụng trong các vụ án hình sự.

Về thù lao trả cho luật sư không phải do bị can, bị cáo hay người nhà của bị can, bị cáo thanh toán mà do cơ quan tiến hành tố tụng thanh toán theo từng giai đoạn. Mặc dù là luật sư gỡ tội theo quan điểm làm việc nhưng thực tế việc thanh toán chi phí luật sư không phải do cơ quan nhà nước hay tổ chức độc lập thanh toán mà chính cơ quan tiến hành tố tụng trực tiếp thực hiện các hoạt động điều tra, truy tố và xét xử thanh toán. Việc đầu mỗi thanh toán chi phí luật sư như nêu ở trên ảnh hưởng ít nhiều đến tâm lý luật sư khi thực hiện cách hoạt động tranh tụng tại giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử. Vì vậy cần phải có đơn vị trung gian độc lập khác để thực hiện các thủ tục thanh toán này để bảo đảm sự khách quan trong quá trình hành nghề của luật sư.

Mức thù lao hiện nay thanh toán cho luật sư tham gia chỉ định chưa tương xứng với thời gian và công sức luật sư bỏ ra khi tham gia tố tụng. Hiện nay việc thanh toán các vụ án chỉ định theo quy định tại Điều 2 thông tư liên tịch 191/20214/TTLT - BTC - BTP và Điều 18, 19 nghị định số 123/2013/NĐ - CP. Cụ thể Mức thù lao chi trả cho 01 ngày làm việc của luật sư tham gia tố tụng trong vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu là 0,4 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định. Ngày làm việc của luật sư được tính trên cơ sở 08 giờ làm việc. Nếu số giờ làm việc lẻ không đủ 06 giờ thì tính thành ½ ngày làm



việc. Như vậy căn cứ theo mức thù lao chi trả hiện nay là: 720.000 VNĐ/ Ngày. Thường làm việc đối với những buổi hỏi cung là nửa ngày thì mức trả cho luật sư 1 buổi hỏi cung là: 360.000 VNĐ. Và việc tham gia phiên tòa thì thường những vụ không quá phức tạp chỉ diễn ra trong ½ ngày làm việc thì thù lao chi trả thường là 360.000 VNĐ/ 1 Phiên tòa. Nên có cách tính khác phù hợp và tương xứng với các hoạt động của luật sư để nâng cao trách nhiệm cũng như công sức bỏ ra theo từng vụ việc cụ thể.

Một số luật sư tham gia các vụ án chỉ định mang tính chất thủ tục, tinh thần trách nhiệm chưa cao về nghiệp vụ và kỹ năng hành nghề. Xuất phát từ tính chất chỉ định không phải từ yêu cầu từ phía khách hàng khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý cũng như bị ràng buộc về trách nhiệm cũng như kết quả thì việc tham gia mang tính thủ tục cũng ảnh hưởng phần nào chất lượng tranh tụng trong các vụ án hình sự. Vì vậy cần phải từng bước chuyên nghiệp, nâng cao trình độ đội ngũ luật sư nhất là ấn định những luật sư có trình độ chuyên môn cao, trách nhiệm trong công việc sẽ là ưu tiên lựa chọn cho các vụ án chỉ định còn những luật sư còn hời hợt, không chú tâm và trách nhiệm trong việc thực hiện công việc thì cần phải xem xét khi đề xuất tham gia bào chữa những vụ án hình sự có tính chất đặc biệt.

Luật sư tham gia tố tụng cần cho phép tham gia sớm hơn trong giai đoạn tố tụng. Hiện nay luật sư tham gia bào chữa về cơ bản đã được mở rộng và tham gia sớm từ giai đoạn khởi tố bị can, trong trường hợp bắt người theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Bộ luật TTHS 2015 thì luật sư tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ. Nhưng trong tương lai quy định của BLTT hình sự cần phải cho phép luật sư tham gia tố tụng từ giai đoạn bắt đầu làm việc với cơ quan tiến hành tố tụng trong một số hoạt động như: Lấy lời khai ban đầu, bắt giữ, khám xét...

### **3. Kết luận**

Dù theo hình thức tranh tụng hay thẩm vấn thì mỗi phương pháp đều có ưu điểm và nhược điểm riêng. Việc Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam từng bước đưa vào các quy định về các nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự là một bước tiến lớn trong tố tụng hình sự thể hiện sự hội nhập và đổi mới cơ chế từ thẩm vấn sang tranh tụng có chọn lọc đối với thủ tục tố tụng hình sự góp phần trong cải cách tư pháp nước nhà. Với việc bảo đảm nguyên tắc tranh tụng góp phần cho đội ngũ luật sư hoạt động ngày càng tốt hơn, thuận lợi hơn trong khi hành nghề đặc biệt là luật sư chỉ định tham gia theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, thông qua các hoạt động đó nhằm bảo vệ quyền và

lợi ích chính đáng của người dân, ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Bộ tài chính, bộ tư pháp (2014), 2 thông tư liên tịch 191/2014/TTLT-BTC-BTP hướng dẫn về thù lao và chi phí cho luật sư.
2. Chính phủ (2013), Nghị định số 123/2013/NĐ-CP Quy định một số điều về thi hành luật luật sư
3. Đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh (2019, 2020, 2021, 2022), báo cáo tổng kết cuối năm đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh.
4. Ngô Huy Cương (2002), Xét xử hình sự theo tố tụng tranh tụng - Kinh nghiệm nước ngoài và định hướng Việt Nam, Tạp chí khoa học ĐHQGHN Kinh tế - Luật
5. Ngô Cường (2018), Tố tụng tranh tụng và tố tụng xét hỏi, Tạp chí tòa án
6. Luật sư Đặng Văn Vương & Xuân Thoại (2022), Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm quy định và thực tiễn thực hiện. <https://lsvn.vn/nguyen-tac-tranh-tung-trong-xet-xu-duoc-bao-dam-quy-dinh-va-thuc-tien-thuc-hien1650638840.html>, ngày 22/4/2022
7. Lê Đình Nghĩa (2021), Một số bất cập thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong BLTTHS 2015, tạp chí tòa án.
8. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Luật hiến pháp.
9. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Bộ luật tố tụng hình sự.
10. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006. Sửa đổi 2012), Luật luật sư.

## TRANH TỤNG TRONG THỰC HIỆN “QUYỀN IM LẶNG”

TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc

*Khoa Luật học, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh*

**Tóm tắt:** Tranh tụng là hình thức tố tụng trong giải quyết các vụ án. Thực hiện việc tranh tụng tại phiên tòa và tòa án ra phán quyết trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa là đảm bảo quan trọng cho việc xác định sự thật khách quan của vụ án, giải quyết vụ án đúng đắn, khách quan. Đặc biệt, khi “Quyền im lặng” được thực hiện trên thực tế của quá trình tranh tụng càng khẳng định tính khách quan và công bằng, đúng pháp luật trong giải quyết vụ án hình sự của Tòa án nhân dân. Trên cơ sở đó bài viết đưa ra một số giải pháp tăng cường bảo đảm tranh tụng trong quá trình thực hiện quyền im lặng và chứng minh thực hiện Quyền im lặng trong hoạt động tranh tụng các vụ án không làm ảnh hưởng tới chất lượng tranh tụng.

**Từ khóa:** Tranh tụng, tố tụng, quyền im lặng, tố tụng hình sự

### 1. Đặt vấn đề

Tranh tụng là hoạt động tố tụng được thực hiện bởi các bên tham gia tố tụng, các bên có quyền bình đẳng với nhau trong việc đưa ra chứng cứ để bảo vệ quan điểm và lợi ích của mình, đồng thời phản bác lại quan điểm và lợi ích của phía đối lập. Bản chất của tranh tụng là quá trình xác minh, làm rõ công khai và tranh luận giữa các bên dưới sự điều khiển của Tòa án để phân tích, thẩm định, đánh giá chứng cứ nhằm mục đích xác định sự thật khách quan của vụ án, tạo cơ sở để Tòa án giải quyết vụ án khách quan, công bằng, đúng pháp luật, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng.

Tuy nhiên với việc ghi nhận gián tiếp quyền im lặng trong Hiến pháp 2013 và văn bản như Luật tố tụng hình sự, đã đặt ra vấn đề trong quá trình thực hiện quyền im lặng phải thống nhất với nguyên tắc tranh tụng, không làm hạn chế hiệu quả của hoạt động tranh tụng mà ngược lại, cùng với nguyên tắc và hoạt động tranh tụng sẽ giúp người vô tội không bị hàm oan, người vi phạm sẽ phải gánh chịu các hậu quả pháp lý

bất lợi mang lại một cách thuyết phục nhất.

## **2. Tranh tụng và “Quyền im lặng” trong xét xử các vụ án của tòa án nhân dân**

### *Tranh tụng*

Từ điển khoa học pháp lý, tranh tụng có nghĩa là kiện cáo lẫn nhau [3]. Còn theo nghĩa Hán Việt thì thuật ngữ tranh tụng được ghép từ hai từ “tranh luận” và “tổ tụng”. Tranh tụng là tranh luận trong tố tụng. Trong tố tụng bao giờ cũng có sự tham gia của các bên có quyền và (hoặc) lợi ích trái ngược nhau yêu cầu tòa án phân xử. Để có cơ sở cho tòa án có thể phân xử, pháp luật quy định cho các bên tham gia tố tụng quyền khởi kiện vụ việc ra trước tòa án, chứng minh và tranh luận để bảo vệ yêu cầu của mình.

Tại khoản 5, điều 163 Hiến pháp năm 2013 quy định “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo”, được cụ thể hóa tại:

Điều 18, Luật tố tụng hành chính: 1. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của Luật này; 2. Đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền thu thập, giao nộp, cung cấp tài liệu, chứng cứ kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án hành chính và có nghĩa vụ thông báo cho nhau các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp; trình bày, đối đáp, phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng để bảo vệ yêu cầu, quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc bác bỏ yêu cầu của người khác theo quy định của Luật này; 3. Trong quá trình xét xử, mọi tài liệu, chứng cứ phải được xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, công khai, trừ trường hợp không được công khai theo quy định của Luật này. Tòa án điều hành việc tranh tụng, hỏi những vấn đề chưa rõ và căn cứ vào kết quả tranh tụng để ra bản án, quyết định”.

Điều 24 BLTTDS năm 2015 quy định về nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử như sau: *Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của Bộ luật này; Đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án dân sự và có nghĩa vụ thông báo cho nhau các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp; trình bày, đối đáp, phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng để bảo vệ yêu cầu, quyền, lợi ích hợp pháp của mình*

*hoặc bác bỏ yêu cầu của người khác theo quy định của Bộ luật này; Trong quá trình xét xử, mọi tài liệu, chứng cứ phải được xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, công khai, trừ trường hợp không được công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 109 của Bộ luật này. Tòa án điều hành việc tranh tụng, hỏi những vấn đề chưa rõ và căn cứ vào kết quả tranh tụng để ra bản án, quyết định.”*

Điều 26 Bộ luật TTHS quy định cụ thể như sau: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bị buộc tội, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án hình sự do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ trước Tòa án. Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và các tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa. Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Những quy định trên đều nhằm mục đích tăng cường tranh tụng trong tố tụng hành chính, tố tụng dân sự và tố tụng hình sự, bảo đảm quyền con người, chống oan sai, nhanh chóng xác định sự thật khách quan của vụ án.

Nội dung tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện cả trong giai đoạn bắt đầu, trong xét hỏi và trong tranh luận. Tùy theo địa vị tố tụng mà người tham gia tố tụng thực hiện nội dung tranh luận khác nhau.

### *Quyền im lặng*

Quyền im lặng là quyền con người được thừa nhận trong pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong pháp luật của nước Mỹ, án lệ nổi tiếng từ vụ án Miranda v. Arizona năm 1966 đã thiết lập quyền của người bị buộc tội có quyền im lặng, với nguyên tắc “Không người nào bị bắt buộc phải làm chứng chống lại mình”. Theo đó,

người bị bắt giữ, trước khi bị thẩm vấn, biết rõ họ có quyền giữ im lặng; bất cứ điều gì người ấy khai báo sẽ được dùng làm chứng cứ để chống lại họ ở Tòa án. Người bị buộc tội chỉ có thể khai báo khi có mặt luật sư. Quyền có được bào chữa và quyền im lặng là 2 trong số các quyền cơ bản được luật pháp nước Mỹ quy định [1] [2].

Ở nước ta, “Quyền im lặng” không được quy định cụ thể trong luật; BLTTHS năm 2015 không nêu khái niệm về “Quyền im lặng”, nhưng đã cụ thể hóa một số nguyên tắc cơ bản về quyền con người, quyền công dân của Hiến pháp năm 2013 như: Nguyên tắc “Suy đoán vô tội” (Điều 13); “Xác định sự thật của vụ án” (Điều 15); “Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự” (Điều 16); “Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” (Điều 26). Điều 59 đến Điều 62 BLTTHS năm 2015 quy định quyền của người bị buộc tội (gồm: Người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo) được “Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội”. Quyền này được thể hiện xuyên suốt từ khi bị bắt, bị khởi tố cho đến xét xử. Các quy định này nhằm bảo đảm tính minh bạch của pháp luật, được xem là quy định tiến bộ vượt bậc, bảo vệ quyền công dân, giải quyết được nhiều bất cập trong các vụ án mà các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng lời khai bất lợi cho bị can, bị cáo hoặc chỉ sử dụng duy nhất lời nhận tội của họ để kết tội họ khi đưa ra truy tố, xét xử.

Thực tế ở nước ta, “quyền im lặng” được các bị cáo sử dụng ở các trường hợp như vụ án được dư luận xã hội quan tâm, các cơ quan ngôn luận đưa tin, bình luận trái chiều. Có quan điểm khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình xử lý vụ án (có tội, không có tội, khác nhau về tội danh, về chứng cứ...). Các bị can, bị cáo không nhận tội, có nhiều luật sư tham gia. Thời điểm các bị cáo sử dụng “Quyền im lặng” là lúc vụ án được đưa ra xét xử, khi biết mình bị Viện kiểm sát (VKS) truy tố theo điều, khoản cụ thể của Bộ luật Hình sự. Ở đó bị cáo, luật sư sử dụng “Quyền im lặng” nhằm chống lại cáo buộc của VKS.

“Quyền im lặng” là quyền gắn liền với quyền con người và là một trong những yếu tố nhằm giảm án oan sai, tránh bức cung, nhục hình.

Không nên hiểu quyền im lặng của bị cáo một cách tuyệt đối, cứng nhắc là bị cáo có quyền không trả lời câu hỏi của người tiến hành tố tụng mà bị cáo thực hiện quyền im lặng có thể với một hoặc nhiều chủ thể bằng việc từ chối trả lời, từ chối đưa ra lời khai nếu lời khai có chứa đựng thông tin chống lại họ hoặc buộc họ phải nhận mình

có tội. Ngược lại, đối với các câu hỏi khác không chứa đựng thông tin chống lại hoặc buộc bị cáo phải nhận mình có tội thì bị cáo không cần thực hiện quyền im lặng. Điều đó có nghĩa là quyền im lặng không mâu thuẫn với quyền khai báo hay loại trừ quyền khai báo mà tại phiên tòa bị cáo có quyền khai báo. Pháp luật quy định việc nhận tội của bị cáo luôn được xem là tình tiết giảm nhẹ trong quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do vậy, không nên hiểu một cách cứng nhắc rằng, tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự bị cáo thực hiện quyền im lặng là không khai báo, bất hợp tác, vi phạm nguyên tắc tranh tụng. Ngược lại, quyền im lặng rộng hơn việc không khai báo và hoàn toàn thống nhất nguyên tắc tranh tụng nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị buộc tội.

Vì vậy, Quyền im lặng trong pháp luật ở nước ta không nên chỉ hiểu đơn thuần theo quyền mà pháp luật trao cho người bị buộc tội quyền giữ im lặng với tư cách là người tham gia tố tụng. Quyền im lặng của người bị buộc tội là tổng hợp các quyền được bảo đảm bởi pháp luật gồm: quyền được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ của người bị buộc tội, quyền được trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội, quyền tự bào chữa, hoặc nhờ người khác bào chữa và quyền của người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Nghĩa vụ chứng minh trong tố tụng hình sự thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng. Chính điều này đã thực sự làm cho hoạt động tranh tụng vừa bảo đảm xét xử đúng người đúng tội, tránh bỏ lọt tội phạm nhưng đồng thời cũng bảo đảm hạn chế thấp nhất tình trạng oan sai của bị can, bị cáo hoặc lạm quyền của chủ thể tiến hành tố tụng.

## ***2.2. Thực hiện Quyền im lặng trong hoạt động tranh tụng các vụ án không làm ảnh hưởng tới chất lượng tranh tụng***

Có một số ý kiến cho rằng hoạt động xét xử các vụ án của tòa án nhân dân sẽ hiệu quả hơn nếu không có quyền im lặng, và việc ghi nhận quyền này sẽ gây sức ép cho hoạt động điều tra và cơ quan xét xử. Nhưng thực tế, nếu xét tới việc cơ quan điều tra, xét xử đại diện cho quyền lực nhà nước, nếu cơ quan này có thể sử dụng mọi quyền hạn, tận dụng mọi nguồn lực của nhà nước để chống lại một cá nhân ở thế yếu thì quyền lợi của cá nhân đó rất có khả năng sẽ bị xâm hại. Quyền im lặng không giúp kẻ thù ác thoát tội, trái lại, nó giúp người vô tội không bị hàm oan.

Đối với việc nếu bị can, bị cáo sử dụng "quyền im lặng", Theo quy định Bộ luật tố tụng hình sự 2015, tòa án hoàn toàn có thể tuyên một bản án buộc tội bị cáo, nếu có

đủ chứng cứ buộc tội bị cáo. Cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền chứng minh mình vô tội, nhưng cũng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.

Để chứng minh bị cáo có tội hay không có tội, các cơ quan tiến hành tố tụng không chỉ dựa vào lời khai của bị can, bị cáo mà phải xem xét tất cả chứng cứ, tài liệu có liên quan một cách khách quan, toàn diện.

Trách nhiệm chứng minh tội phạm, xác định sự thật khách quan của vụ án thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng theo điều khoản 15 BLTTHS 2015, quy định về nguyên tắc xác định sự thật khách quan của vụ án: *"Cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội"*.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng không chỉ làm rõ chứng cứ có tội mà còn phải có trách nhiệm làm rõ những chứng cứ xác định bị can, bị cáo vô tội. Để chứng minh bị cáo có tội hay không có tội, các cơ quan tiến hành tố tụng không chỉ dựa vào lời khai của bị can, bị cáo mà phải xem xét tất cả chứng cứ, tài liệu có liên quan một cách khách quan, toàn diện.

Thực tiễn hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự những năm gần đây cho thấy, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện để bị cáo thực hiện quyền im lặng của mình tại phiên tòa. Tình trạng mớm cung, ép cung, bức cung được hạn chế ở mức thấp nhất.. Những vụ án lớn, nghiêm trọng được dư luận xã hội quan tâm, được đưa ra xét xử kịp thời, đúng pháp luật. Phần lớn ở các phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng đắn nhiệm vụ của mình, thể hiện được vị trí, vai trò trung tâm trong hoạt động tranh luận tại phiên tòa, không có những biểu hiện hạn chế thời gian tranh luận, hay định hướng việc tranh luận giữa các bên theo đề cương xét xử đã chuẩn bị trước. Hội đồng xét xử đã xác định lời khai của bị cáo tại tòa không phải căn cứ duy nhất để định tội mà phải xem xét



thấu đáo, khách quan, toàn diện tại phiên tòa các chứng cứ, tài liệu buộc tội, gỡ tội trên nguyên tắc tôn trọng sự thật khách quan; tranh tụng; suy đoán vô tội; độc lập trong xét xử. Bản án của Tòa án tuyên đều dựa trên kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Ở nhiều phiên tòa, bị cáo sử dụng quyền im lặng bằng cách không khai báo, không trả lời câu hỏi của Hội đồng xét xử, KSV “nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn xác định được sự thật vụ án để buộc tội các bị cáo theo đúng sự thật khách quan.

Để bảo đảm quyền im lặng của bị cáo trong hoạt động xét xử các vụ án hình sự thống nhất với hoạt động tranh tụng cần:

Ban hành văn bản liên tịch giải thích nội hàm quyền im lặng của người bị buộc tội, hướng trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền im lặng của bị cáo trong hoạt động xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho thẩm phán, hội thẩm nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò của việc bảo đảm thực hiện quyền im lặng của bị cáo: im lặng là quyền của bị cáo, những lời khai của bị cáo tại tòa không phải là chứng cứ duy nhất để buộc tội bị cáo; bảo đảm quyền im lặng phải được thực hiện đồng thời với thực hiện nguyên tắc “trách nhiệm chứng minh”, “suy đoán vô tội”, “đảm bảo quyền bào chữa”... Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho thẩm phán, hội thẩm nhân dân khi có hướng dẫn về trình tự, thủ tục bảo đảm quyền im lặng của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm các vụ án hình sự.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho KSV; Nâng cao nhận thức, kỹ năng và trách nhiệm của KSV trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử để góp phần bảo đảm quyền im lặng của bị cáo tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. KSV phải nắm chắc toàn bộ tiến trình điều tra vụ án, nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, chuẩn bị tốt cho việc tranh tụng tại phiên tòa. Khi bị cáo sử dụng quyền im lặng, KSV chỉ công bố các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố kết hợp với xét hỏi các bị cáo khác, bị hại, người làm chứng... tại phiên tòa. Khi có những tình tiết mới phát sinh chưa được kiểm tra làm rõ thì KSV đề nghị ngay với Chủ tọa cho dừng phiên tòa, trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

KSV cần nắm chắc, sử dụng linh hoạt, hiệu quả các chứng cứ được sử dụng để buộc tội. Do bị cáo sử dụng “Quyền im lặng”, nên KSV chỉ công bố các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố kết hợp với xét hỏi các bị cáo khác, bị hại,

người làm chứng... tại phiên tòa. Có đề cương, kế hoạch xét hỏi chính xác, khoa học, đúng trọng tâm; trong đó cần chuẩn bị những tài liệu, chứng cứ khoa học để kịp thời lập luận, bác bỏ các tài liệu, lời khai nại của bị cáo (nếu có) và Luật sư đưa ra. Lưu ý ở trường hợp này, do bị cáo ủy quyền cho các luật sư bào chữa cho mình, nên KSV còn tập trung “đấu” với các Luật sư. Vì vậy, cần tập trung vào nội dung chính, không được sa đà, hoặc bị dẫn dụ vào những nội dung không cần thiết, theo ý đồ sắp đặt sẵn của người bào chữa. Có kế hoạch dự phòng ở trường hợp xấu nhất sẽ diễn ra. Có kế hoạch về sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo về những vấn đề phát sinh tại phiên tòa; sự hỗ trợ về nghiệp vụ đơn vị, cơ quan đề cung cấp kịp thời các tài liệu cần thiết do bị cáo, Luật sư đưa ra.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ luật sư bảo vệ bị cáo. Để nắm được các tình tiết của vụ án, bảo vệ tốt các quyền của bị cáo, luật sư phải theo dõi mọi diễn biến tại phiên tòa, lắng nghe các câu hỏi của Hội đồng xét xử, KSV, người bào chữa và các câu trả lời của những người bị hỏi. Khi được hỏi, luật sư phải đặt những câu hỏi sắc bén, ngắn gọn, tập trung vào những vấn đề quan trọng của vụ án nhưng chưa được làm sáng tỏ và có lợi nhất cho người mà mình bảo vệ. Luật sư không nên cố sù, hướng dẫn bị cáo sử dụng quyền im lặng một cách thụ động mà gây khó khăn cho các chủ thể khác.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quyền im lặng cho bị cáo tại phiên tòa hình sự để họ hiểu và sử dụng đúng quyền của mình. Tại phiên tòa, chủ tọa cần giải thích rõ quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội cho bị cáo. Chủ tọa phải giải thích để bị cáo hiểu rõ khi nào nên sử dụng quyền im lặng và sử dụng như thế nào giúp bị cáo ăn năn hối cải mà thành thật khai báo để hưởng sự giảm nhẹ, khoan hồng của pháp luật.

### **3. Kết luận**

Tranh tụng là một trong những nguyên tắc quan trọng trong tố tụng nói chung và xét xử nói riêng, là dấu hiệu đặc trưng của nền tư pháp dân chủ, bình đẳng, công bằng và minh bạch. Song song với đó cần bảo đảm quyền im lặng như một yêu cầu cấp thiết nhằm thực hiện đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Để bảo đảm quyền im lặng thống nhất với hoạt động tranh tụng thì việc hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự phải được

thực hiện theo hướng mở rộng và bảo đảm quyền con người trong quá trình giải quyết vụ án; bảo đảm quyền được bào chữa của người bị buộc tội; kiểm soát nghiêm ngặt việc hạn chế quyền con người trong quá trình giải quyết vụ án; bảo đảm những bản án kết tội không bỏ lọt tội phạm, tránh oan, sai; có biện pháp xử lý nghiêm minh các vi phạm quyền con người đã được Hiến pháp và Pháp luật quy định.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Võ Văn Tài, Trịnh Tuấn Anh (2015), *Một số vấn đề lý luận về quyền im lặng trong TTHS*, Tạp chí phát triển KH&CN, tập 19, quyển 3, 2016, tr.90.
2. Vũ Công Giao, Nguyễn Minh Tâm (2017), *Quyền im lặng trên thế giới và gợi mở cho việc bảo đảm quyền con người trong TTHS theo Hiến pháp năm 2013*, trong Sách “*Thực hiện các quyền hiến định trong Hiến pháp năm 2013*”, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 307.
3. Viện Khoa học pháp lý - Bộ tư pháp, *Từ điển Luật học*, 2006, tr.807 - 809.



# MỘT SỐ YÊU CẦU NHẪM BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ

**TS. Đặng Thị Phương Linh**

*Khoa Luật học, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh*

**Tóm tắt:** Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung một số quy định nhằm cụ thể hóa định hướng “*Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*” theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Theo đó, các quy định đã hình thành cơ chế tranh tụng với quyền hạn, trách nhiệm; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể buộc tội, chủ thể gỡ tội và Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, đặc biệt trong giai đoạn xét xử. Chính vì vậy đòi hỏi mỗi chủ thể đều phải đáp ứng các yêu cầu về đạo đức, trình độ chuyên môn cũng như các kỹ năng cần thiết để tham gia tranh tụng hiệu quả. Bài viết phân tích một số yêu cầu về nhận thức nguyên tắc tranh tụng được bảo đảm trong xét xử vụ án hình sự và một số yêu cầu thực hiện nguyên tắc này đối với các chủ thể tham gia tranh tụng như Kiểm sát viên, Luật sư, Thẩm phán nhằm đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự.

**Từ khóa:** Nguyên tắc tranh tụng, xét xử, vụ án hình sự, cải cách tư pháp.

## 1. Đặt vấn đề

“Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 02/01/2002 và Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm của cải cách tư pháp, trong đó nhấn mạnh việc tranh tụng trong xét xử là khâu đột phá bảo đảm để quá trình tố tụng hình sự khách quan, dân chủ, bình đẳng, giữa các bên buộc tội, gỡ tội và những người tham gia tố tụng khác. Định hướng này được thể hiện trong các quy định của Hiến pháp năm 2013, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và những văn bản pháp luật khác có liên quan”.<sup>44</sup> Cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo này, tranh tụng đã trở thành nguyên tắc được hiến định. Điểm đáng chú ý ở đây không phải nguyên tắc tranh tụng mà là “*nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo*”. Đây thực sự là vấn đề lý thú đối với khoa học và vấn đề phức tạp trong thực tiễn. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đề cập đến một số yêu cầu nhằm bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự.

## 2. Nội dung nghiên cứu

---

<sup>44</sup> Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên), *Cẩm nang hướng dẫn thực hành đại diện tranh tụng*, Nxb Hồng Đức, 2021, tr.7.

## ***2.1. Yêu cầu nhận thức đúng về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự***

Theo quan niệm chung, nguyên tắc của tố tụng hình sự là những tư tưởng chỉ đạo đối với toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự hoặc đối với một loại hoạt động nhất định là những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt toàn bộ các chế định pháp luật, các quy phạm pháp luật cụ thể về tố tụng hình sự; hoặc đó là những phương châm, định hướng chi phối toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự và được các văn bản pháp luật tố tụng hình sự ghi nhận. Nguyên tắc tranh tụng thể hiện tính dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, bình đẳng trong tố tụng hình sự, đặc biệt là trong phiên tòa xét xử vụ án hình sự. Tranh tụng tạo điều kiện tối đa cho các bên tham gia tố tụng sử dụng các phương pháp để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Nguyên tắc tranh tụng đề cao vai trò của Luật sư, của cá nhân và đề cao các quyền cơ bản của con người. Thẩm phán chỉ đóng vai trò trọng tài khách quan và công minh, ra phán quyết trên cơ sở chứng cứ mà các bên chứng minh tại phiên tòa.<sup>45</sup>

Thực hiện chỉ đạo của Nghị quyết 49-NQ/TW về tranh tụng tại phiên tòa, nhiều nghiên cứu đã tập trung nghiên cứu mô hình tố tụng tranh tụng. Qua đó, cho thấy, những ưu điểm của mô hình là khắc phục được các hạn chế của mô hình thẩm vấn, quan trọng nhất là đảm bảo được mục đích của tố tụng hình sự trong nhà nước pháp quyền không chỉ phát hiện, xử lý tội phạm mà còn bảo vệ được quyền con người. Tuy nhiên, qua các nghiên cứu cho thấy, mô hình tố tụng tranh tụng cũng có những hạn chế của nó đó là dễ bỏ lọt tội phạm, quy trình kéo dài, chi phí lớn và đặc biệt để có mô hình tố tụng tranh tụng cần có sự chuẩn bị các điều kiện từ cơ sở Hiến pháp đến bổ sung các nguyên tắc, các quy định của luật tố tụng hình sự cũng như các điều kiện vật chất đặc biệt là đội ngũ luật sư. Kết quả nghiên cứu đó đưa đến cách lựa chọn phù hợp được thể hiện rõ trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 là không giữ nguyên mô hình tố tụng xét hỏi nhưng không chuyển hẳn sang mô hình tranh tụng gọi là mô hình thẩm vấn “có cài đặt các yếu tố tranh tụng”<sup>46</sup>.

Nội dung của đảm bảo nguyên tắc tranh tụng được quy định tại Điều 26 Bộ luật

---

<sup>45</sup> Hoàng Thị Quỳnh Chi, “Bàn về tranh tụng trong tố tụng hình sự” đăng trên <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/ban-ve-tranh-tung-trong-to-tung-hinh-su-d10-t2851.html> truy cập ngày 20/10/2023.

<sup>46</sup> Đinh Thế Hưng, “Một số thành tựu trong nghiên cứu lý luận và đề xuất hướng nghiên cứu lý luận về cải cách tư pháp hình sự trong thời gian tới”, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Cải cách tư pháp trong lĩnh vực hình sự, 2020, tr.25.

tố tụng hình sự năm 2015. Cụ thể:

- *Thứ nhất*, khi tiến hành giải quyết vụ án phải đảm bảo quyền bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tố tụng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ và đưa ra các yêu cầu để làm rõ sự thật một cách khách quan.

- *Thứ hai*, pháp luật tố tụng hình sự quy định các điều kiện để tiến hành hoạt động tranh tụng như đảm bảo các điều kiện tiến hành hoạt động tranh tụng trong xét xử phải đầy đủ, hợp pháp, đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các thành phần tham dự phiên tòa trừ các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho quá trình tranh tụng diễn ra dân chủ và công bằng nhất.

- *Thứ ba*, các chứng cứ, điều, khoản áp dụng để giải quyết vụ án hình sự phải được đưa ra xem xét, công khai, minh bạch và làm rõ tại phiên tòa.

- *Thứ tư*, kết quả tranh tụng là cơ sở và căn cứ để Tòa án đưa ra bản án, quyết định của mình: “Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa”.

Với những nội dung cơ bản trên của nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được đảm bảo”, Bộ luật tố tụng hình sự lần đầu tiên đã khẳng định tranh tụng là một phương thức quan trọng trong việc xác định sự thật khách quan của quá trình xét xử một vụ án hình sự, thể hiện tính dân chủ, công bằng, tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người. Mặc dù Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 chưa chuyển đổi hoàn toàn sang mô hình tranh tụng nhưng nguyên tắc tranh tụng đã có những tác động tích cực đến toàn bộ quá trình xét xử vụ án.

Phạm vi của việc tranh tụng được xác định cả trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Tuy nhiên, trong các giai đoạn tố tụng tiền xét xử, nguyên tắc tranh tụng không được thể hiện rõ nét mà chỉ được thực hiện rõ nét nhất trong giai đoạn xét xử tại tòa án. Hoạt động tranh tụng trước giai đoạn xét xử còn tương đối mờ nhạt. Do đó, Điều 26 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã lấy quá trình xét xử để đặt tên cho nguyên tắc tranh tụng nhưng nội hàm thực hiện lại quy định cho toàn bộ quy trình tố tụng. Hoạt động xét xử tại phiên tòa được xem là hoạt động quan trọng nhất trong hoạt động tố tụng nói chung và tố tụng hình sự nói riêng. Thông qua phiên tòa, các chức năng cơ bản của tố tụng được bảo đảm thực hiện một cách công khai, dân chủ và bình đẳng. Hoạt động xét xử cũng chính là việc kiểm tra công khai tính đúng đắn của các hoạt động tố

tụng trước đó của cơ quan điều tra, viện kiểm sát mà ở đó mọi tài liệu chứng cứ của vụ án được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố đều được xem xét một cách công khai tại phiên tòa.

Bản chất của hoạt động tranh tụng là sự tranh luận qua lại giữa bên buộc tội và bên bào chữa để tìm ra sự thật của vụ án. Vì vậy, Điều 26 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cho phép các chủ thể buộc tội gồm: Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các chủ thể gỡ tội gồm: người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều được quyền tham gia vào quá trình tranh tụng. Còn Tòa án được trao cho nhiệm vụ là trọng tài xác định việc đánh giá chứng cứ của cả hai bên buộc tội và gỡ tội. Chủ thể thực hiện các chức năng tố tụng này được tạo điều kiện “bình đẳng” với nhau trong việc bày tỏ ý kiến và bảo vệ ý kiến của mình trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà đỉnh điểm của quá trình này diễn ra tại phiên tòa sơ thẩm. Do tranh tụng tập trung nhất ở giai đoạn xét xử, nhất là giai đoạn tranh luận tại phiên tòa nên nhiều ý kiến đã đồng nhất “tranh tụng” và “tranh tụng” tại phiên tòa là một. Thực chất tranh luận chỉ là một thủ tục tại phiên tòa còn tranh tụng tồn tại trong suốt quá trình tố tụng. Thời điểm xuất hiện tranh tụng là thời điểm xuất hiện chức năng buộc tội, chức năng gỡ tội, tức là khi có các hành vi tố tụng như bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố bị can... Thời điểm kết thúc tranh tụng là thời điểm kết thúc chức năng buộc tội cũng như chức năng gỡ tội, tức là khi Tòa án đã ra bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Có thể nói, bảo đảm tranh tụng trong xét xử nói chung và trong xét xử vụ án hình sự nói riêng là trách nhiệm của tòa án, của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và của chính các luật sư tranh tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

## ***2.2. Yêu cầu thực hiện đúng nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự***

### ***2.2.1. Yêu cầu đối với Kiểm sát viên***

Kiểm sát viên là chủ thể chính của tranh tụng. Tranh tụng vừa là quyền, vừa là trách nhiệm của Kiểm sát viên. Hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên chủ yếu thực hiện tại phiên tòa, tập trung ở giai đoạn tranh luận. Tuy nhiên để tranh tụng tốt thì Kiểm sát viên phải thực hiện đầy đủ và có chất lượng việc xét hỏi, vì xét hỏi chính là để làm rõ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, làm rõ cơ sở để bảo vệ quan điểm truy tố hoặc bảo vệ tính đúng đắn của bản án sơ thẩm trước quan điểm kháng cáo (bản án sơ thẩm



này phù hợp với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát). Nhìn chung, để đảm bảo tranh tụng có chất lượng tốt thì Kiểm sát viên phải đáp ứng được các điều kiện bắt buộc để tranh tụng, phải thực hiện tốt nhiều hoạt động mang tính chất chuẩn bị trước khi tham gia phiên tòa, phải có các kỹ năng nghiệp vụ khi tham gia tranh tụng, có tinh thần trách nhiệm, có lương tâm và danh dự nghề nghiệp.

Một trong những kỹ năng hết sức quan trọng đó là kỹ năng giao tiếp trong tranh tụng tại phiên tòa với những người tiến hành tố tụng (như thẩm phán, hội thẩm nhân dân...); kỹ năng giao tiếp, tiếp xúc với những người tham gia tố tụng (như: người bị hại, bị cáo, người bào chữa...). Kỹ năng giao tiếp của kiểm sát viên trong tranh tụng tại phiên tòa hình sự thể hiện khả năng Kiểm sát viên sử dụng những tri thức của bản thân một cách nhuần nhuyễn, có hiệu quả vào hoạt động tranh tụng tại phiên tòa trên nền những kỹ năng giao tiếp cơ bản nhất định trong hoạt động tranh tụng như: kỹ năng lắng nghe; kỹ năng quan sát; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ; kỹ năng đặt câu hỏi; kỹ năng đối đáp, phản bác các quan điểm sai trái; kỹ năng thuyết phục; kỹ năng xử lý đối với các tình huống đột xuất, bất thường; kỹ năng sử dụng các công cụ, phương tiện kỹ thuật hỗ trợ...

Trong suốt quá trình tranh luận, đối đáp, Kiểm sát viên phải có trách nhiệm bảo vệ quan điểm buộc tội của mình, bảo vệ cáo trạng của viện kiểm sát đã truy tố bị cáo tại phiên tòa. Kiểm sát viên cần chú ý những mâu thuẫn trong tranh luận của người bào chữa và giữa những người bào chữa với nhau, giữa người bào chữa với người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại, đương sự để đối đáp, phản bác lại. Kiểm sát viên cần đi thẳng vào trọng tâm, nội dung của vấn đề cần tranh luận, đối đáp. Kiểm sát viên không được né tránh những vấn đề khó mà cần bình tĩnh từng bước tranh luận, đối đáp đến cùng với từng ý kiến để khẳng định vấn đề. Kiểm sát viên cần bình tĩnh, linh hoạt, sử dụng văn phong, ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, ngắn gọn, những khẳng định, phản bác phải có căn cứ, có tính thuyết phục cao trên cơ sở tôn trọng sự thật khách quan của vụ án. Bên cạnh đó, kiểm sát viên phải tôn trọng quyền bào chữa của bị cáo, quyền của những người tham gia tố tụng khác, tránh thái độ định kiến, bảo thủ, ghi nhận ý kiến đúng đắn của họ. Trong trường hợp cần thiết, để phục vụ việc tranh luận, đối đáp, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử cho trở lại phần xét hỏi để tiếp tục xét hỏi, làm rõ sự thật của vụ án, sau khi kết thúc việc xét hỏi thì Kiểm sát viên tiếp tục tranh luận. Kiểm sát viên chỉ kết thúc tranh luận khi không còn ý kiến đề nghị tranh luận của các bên

tham gia tố tụng hoặc những vấn đề yêu cầu tranh luận đã được Kiểm sát viên tranh luận, kết luận.

### 2.2.2. Yêu cầu đối với Luật sư

Luật sư tham gia vào vụ án hình sự có thể do người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận bằng việc đăng ký bào chữa. Khi tham gia tố tụng, dù ở bất cứ giai đoạn nào thì Luật sư đều có vai trò của một chủ thể gắn với quyền và lợi ích hợp pháp của thân chủ. Chính việc thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ đó là Luật sư đã góp phần làm cho nguyên tắc tranh tụng trong xét xử các vụ án hình sự được bảo đảm.

Nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người trong quá trình cải cách tư pháp, Liên đoàn Luật sư Việt Nam đã ban hành Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam kèm theo Quyết định số 201/QĐ-HĐLĐLS ngày 13/12/2019 của Hội đồng Luật sư toàn quốc. Theo đó: *“Luật sư có sứ mệnh bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức, cơ quan, bảo vệ sự độc lập của tư pháp, góp phần bảo vệ công lý, công bằng, phát triển kinh tế- xã hội và xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa”*. (Quy tắc 1). Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư đòi hỏi mỗi luật sư phải tự rèn luyện đạo đức nghề nghiệp và *“phải lấy Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư làm khuôn mẫu cho sự tu dưỡng, rèn luyện để giữ gìn uy tín nghề nghiệp, thanh danh của luật sư, xứng đáng với sự tôn vinh của xã hội”*.

Luật sư khi tham gia tranh tụng phải nắm vững các quy định của pháp luật, bao gồm các quy định của bộ luật hình sự, bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản khác có liên quan. Luật sư phải bản lĩnh kiên định, vững vàng, không e sợ khi có quan điểm bất đồng với kiểm sát viên, kiên quyết đấu tranh để bảo vệ công lý và bảo vệ thân chủ. Luật sư cần thường xuyên nâng cao kiến thức, kỹ năng hành nghề để trang bị cho mình những kiến thức và kỹ năng phục vụ hoạt động tranh tụng như kỹ năng trao đổi với khách hàng, thân chủ; kỹ năng thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ; kỹ năng tham gia các hoạt động điều tra và làm việc với người tiến hành tố tụng; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ; kỹ năng tranh tụng tại phiên tòa...

### 2.2.3. Yêu cầu đối với Thẩm phán

Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán đã được ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-HĐTP ngày 04/07/2018 của Hội đồng tuyển chọn giám sát thẩm phán quốc gia nhằm xây dựng những chuẩn mực đạo đức cho đội ngũ Thẩm phán phán đẩu, rèn luyện và thực hiện trên cơ sở các quy định của Hiến pháp, pháp luật. Theo đó, những chuẩn mực đạo đức của Thẩm phán là tính độc lập; sự liêm chính; sự vô tư, khách quan; sự công bằng, bình đẳng; sự đúng mực; sự tận tụy và không chậm trễ; năng lực và sự chuyên cần. Những quy tắc ứng xử của thẩm phán bao gồm quy tắc ứng xử khi thực hiện nhiệm vụ (những việc Thẩm phán phải làm và những việc Thẩm phán không được làm); ứng xử với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác... là những quy tắc ảnh hưởng đến hoạt động của Thẩm phán khi thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự.

Tại phiên tòa hình sự, kỹ năng điều hành các hoạt động của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đóng vai trò quan trọng, quyết định thành công của phiên tòa. Do vậy, đòi hỏi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải nắm chắc các kỹ năng cơ bản, tập trung trí tuệ, xử lý các tình huống một cách mau lẹ, chính xác, có sức thuyết phục, đồng thời phải đúng quy định của pháp luật.

Xét hỏi tại phiên tòa được coi là giai đoạn trung tâm của hoạt động xét xử và cũng là giai đoạn quan trọng nhất của phiên tòa dưới sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác kiểm tra các chứng cứ, kết luận điều tra, bản cáo trạng một cách công khai về những tình tiết của vụ án thông qua các câu hỏi và những câu trả lời tại phiên tòa. Hội đồng xét xử, nhất là Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không được chủ quan lệ thuộc và các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra, viện kiểm sát thu thập trong quá trình điều tra, truy tố mà phải xác định và làm rõ tính có căn cứ của các tài liệu, chứng cứ này thông qua việc xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa để hội đồng xét xử đánh giá, kết luận về các tình tiết, chứng cứ của vụ án một cách khách quan và toàn diện. Trong phần đối đáp, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cần chú ý đến phần đối đáp của Kiểm sát viên và người bào chữa.

Thực tế cho thấy, trong nhiều vụ án, phần tranh luận của Luật sư chiếm ưu thế so với phần tranh luận của Kiểm sát viên nên Kiểm sát viên không tiếp tục tranh luận mà bảo lưu quan điểm buộc tội. Hay nói cách khác, “Kiểm sát viên ngại tranh luận với

Luật sư”<sup>47</sup>. Theo quy định, khi đối đáp mà những người tham gia tố tụng có ý kiến khác với Kiểm sát viên thì Kiểm sát viên phải đưa ra những lập luận, chứng cứ, tài liệu để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Trường hợp người bào chữa đưa ra những ý kiến đề nghị Kiểm sát viên tranh luận nhưng Kiểm sát viên không tranh luận thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải yêu cầu Kiểm sát viên đối đáp lại toàn bộ những ý kiến của người bào chữa. Nếu Kiểm sát viên không đối đáp thì yêu cầu Kiểm sát viên nói rõ lý do và việc này phải ghi vào biên bản phiên tòa.

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải tạo điều kiện để những người tham gia phiên tòa thực hiện đối đáp lại những ý kiến của người khác. Trong quá trình tranh luận, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không được có ý kiến mang tính kết luận, bình luận, nhận định những luận điểm của bên đối đáp hay có tính chất bênh vực Kiểm sát viên hay người tham gia tranh luận với Kiểm sát viên mà phải luôn giữ thái độ khách quan, công bằng trong điều hành các bên khi tranh luận.

Thực tế cho thấy một số “Hội đồng xét xử thay vì phải là trọng tài vô tư khách quan tại phiên tòa thì vẫn tiếp tục là người “dồn ép” bị cáo theo hướng kết tội như một công tố viên thứ hai. Tòa án xét hỏi bị cáo mà không khác gì đang buộc tội bị cáo”<sup>48</sup>. Thẩm phán phải vô tư, khách quan, không thiên vị trong hoạt động xét xử. Để Thẩm phán yên tâm công tác, thực hiện “xét xử độc lập” là hết sức cấp thiết, là một trong những điều kiện không thể thiếu để đạt được những phán quyết công bằng đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, trên thực tế các lợi ích, chế độ đãi ngộ đối với Thẩm phán tại Việt Nam khá thấp so với chuẩn chung của nhiều quốc gia trên thế giới, đây có thể là một trong những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến sự vô tư, khách quan của Thẩm phán. Bên cạnh đó, sự độc lập của Thẩm phán trong hoạt động xét xử nói chung, xét xử vụ án hình sự nói riêng mang tính tương đối và chịu ảnh hưởng rất lớn bởi các yếu tố chủ quan gắn liền với Thẩm phán, đặc biệt là yêu cầu về nhận thức, năng lực chuyên môn của Thẩm phán. Do đó, đòi hỏi Thẩm phán cũng phải thường xuyên trau dồi về chuyên môn nghiệp vụ.

---

<sup>47</sup> Nguyễn Đức Mai, “*Bàn về tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự*”, Tạp chí Kiểm sát, số 17, 2007, tr.28.

<sup>48</sup> Nguyễn Thái Phúc, “*Vấn đề tranh tụng và tăng cường tranh tụng trong tố tụng hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 08, 2008, tr.65.

Để góp phần đáp ứng các yêu cầu nhằm đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự bằng việc khẳng định hoạt động tố tụng được tiến hành trên cơ sở tranh tụng giữa các bên. Như trên đã nói, chúng ta đã thận trọng khi chưa chuyển hẳn sang mô hình tố tụng tranh tụng nhưng trong mô hình tố tụng thẩm vấn hiện nay cần ghi nhận nguyên tắc tranh tụng. Nói cách khác là đưa các yếu tố tranh tụng vào mô hình tố tụng hiện hành. Tuy nhiên, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 mới chỉ dừng ở việc ghi nhận: Bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa theo tôi là còn dè dặt và thận trọng. Trong bối cảnh hiện nay, chưa cho phép chúng ta áp dụng mô hình tranh tụng triệt để bởi nhiều lý do. Tuy nhiên, trong thời gian tới luật tố tụng hình sự cần đẩy thêm một bước nữa bằng việc quy định nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong tố tụng hình sự chứ chỉ dừng ở tranh tụng trong khi xét xử như hiện nay. Bởi lẽ, tranh tụng cần phải được hiểu là một quá trình.

Hai là, để nâng cao vai trò tranh tụng của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa hình sự cần xây dựng chế độ trách nhiệm buộc tội, chế độ trách nhiệm trong việc tranh luận, chứng minh tội phạm của Kiểm sát viên tại phiên tòa..., góp phần giải quyết tốt các yêu cầu bức xúc do thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, đồng thời tránh oan, sai trong quá trình tiến hành tố tụng.

Ba là, giao trách nhiệm xét hỏi để chứng minh cho Kiểm sát viên và Luật sư, thay cho Hội đồng xét xử, Hội đồng xét xử chỉ hỏi bổ sung nếu thấy cần thiết. Đây là thủ tục rất quan trọng cho thấy sự đổi mới thủ tục xét xử, bảo đảm nguyên tắc tranh tụng, tránh cho tòa án cùng với viện kiểm sát tham gia chứng minh buộc tội, đẩy bị cáo về một phía đối trọng, bất lợi và làm phương hại đến quyền bào chữa; cũng như thiếu sự phân biệt, bình đẳng giữa các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự.

Bốn là, tăng cường tập huấn chuyên sâu về kỹ năng điều khiển tranh tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và kỹ năng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ luật sư về nghiệp vụ, kỹ năng tham gia tranh tụng tại phiên tòa tạo sự chuyển biến mới về chất, nâng cao ý thức, trách nhiệm của Luật sư.

### **3. Kết luận**

Tranh tụng tại phiên tòa hình sự là một trong những nội dung có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động tố tụng hình sự, là yêu cầu cấp bách trong việc đảm bảo tính công

bằng dân chủ giữa người tham gia tố tụng với Viện kiểm sát, là căn cứ để xác định sự thật vụ án và là cơ sở để Hội đồng xét xử ra bản án đúng đắn, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nội dung tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện cả trong giai đoạn bắt đầu, trong xét hỏi và trong tranh luận. Nhằm thực hiện hoạt động tranh tụng, bên cạnh yêu cầu nhận thức đúng về đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự, yêu cầu về đạo đức, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp... đối với các chủ thể tranh tụng, cần thiết phải có một hệ thống đảm bảo về mặt pháp lý, về mặt tổ chức phù hợp, có tính khả thi trong điều kiện kinh tế, xã hội ở Việt Nam hiện nay. Các quy định tranh tụng, cần đảm bảo sự bình đẳng của các bên tham gia tố tụng trước Tòa án là nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự.

### DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên), *Cẩm nang hướng dẫn thực hành đại diện tranh tụng*, Nxb Hồng Đức, 2021, tr.7.
2. Hoàng Thị Quỳnh Chi, “*Bàn về tranh tụng trong tố tụng hình sự*” đăng trên <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/ban-ve-tranh-tung-trong-to-tung-hinh-su-d10-t2851.html> truy cập ngày 20/10/2023.
3. Đinh Thế Hùng, “*Một số thành tựu trong nghiên cứu lý luận và đề xuất hướng nghiên cứu lý luận về cải cách tư pháp hình sự trong thời gian tới*”, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia Cải cách tư pháp trong lĩnh vực hình sự, 2020, tr.25.
4. Nguyễn Đức Mai, “*Bàn về tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự*”, Tạp chí Kiểm sát, số 17, 2007, tr.28.
5. Nguyễn Thái Phúc, “*Vấn đề tranh tụng và tăng cường tranh tụng trong tố tụng hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 08, 2008, tr.65.

# **BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG - MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TIỄN TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ**

**TS.LS. Nguyễn Trọng Hải**

*Công ty luật Trọng Hải & Cộng sự*

**Tóm tắt:** Hiến pháp năm 2013 khi ghi nhận nguyên tắc tranh tụng đã đề cao trọng tâm của cải cách tư pháp là cải cách hệ thống Toà án, tăng cường tranh tụng trước Toà, góp phần quan trọng để toà án có thể thực hiện quyền tư pháp. Nguyên tắc này cũng đề cao quá trình dân chủ hoá hoạt động tố tụng và sự bình đẳng trong quá trình giải quyết vụ án của các chủ thể thực hiện chức năng cơ bản của tố tụng hình sự. Đó cũng là cơ sở nâng cao năng lực, trình độ, trách nhiệm, bản lĩnh nghề nghiệp của từng chủ thể, đáp ứng những đòi hỏi mới của quá trình cải cách tư pháp.

**Từ khoá:** Nguyên tắc tranh tụng, Tố tụng hình sự, quyền im lặng, người bào chữa, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

## **1. Đặt vấn đề**

Trong tố tụng hình sự, tranh tụng có vai trò quan trọng trong xác định sự thật khách quan, góp phần giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Tranh tụng thực chất là hình thức tố tụng mà trong đó các bên tham gia tố tụng thực hiện việc chứng minh các tình tiết của vụ án. Chỉ trên cơ sở nghe và đánh giá kết quả chứng minh, Toà án mới mới có thể nhận thức một cách đầy đủ, chính xác, khách quan sự thật về vụ án.

Mặt khác, tranh tụng có vai trò quan trọng góp phần giải quyết toàn diện, khách quan vụ án. Tại phiên toà, các chứng cứ được xem xét công khai bằng thủ tục xét hỏi, các bên tranh luận, đưa ra quan điểm của mình về đánh giá chứng cứ được xem xét, về các điều khoản pháp luật cần áp dụng để giải quyết vụ án và đề xuất các biện pháp cụ thể cho việc giải quyết vụ án. Tranh tụng có ý nghĩa quan trọng trong bảo vệ quyền của người tham gia tố tụng. Tranh tụng là một trong những bảo đảm pháp lý để người tham gia tố tụng thực hiện quyền tố tụng của mình [3]. Chỉ trong quá trình tố tụng có sự tranh tụng, người tham gia tố tụng mới có các điều kiện pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của liên quan đến vụ án.

## **2. Những điểm mới về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử (Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015)**

“Điều 26, Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án.

Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.

Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa” [1].

Cần phải khẳng định hiện nay trong khoa học pháp lý truyền thống và hiện đại có nhiều quan niệm khác nhau về nguyên tắc tranh tụng: “Tranh tụng là sự đối tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội”. Bên cạnh đó, có sự khác biệt giữa cách hiểu về nguyên tắc tranh tụng trong mô hình tố tụng của nhiều quốc gia [3]. Ở mô hình tố tụng hình sự kiểu Anh - Mỹ thì không chỉ đòi hỏi một sự thay đổi toàn diện về thur tục mà còn đòi hỏi những sự thay đổi lớn về kỹ năng đối với những người tham gia quá trình tố tụng. Các luật sư sẽ phải xuất hiện ở cả hai bên trong vụ án và họ sẽ phải có kỹ năng tổ chức, đưa ra, sử dụng, đánh giá chứng cứ. Vai trò của các Thẩm phán sẽ trở nên thụ động và nhường chỗ cho các Luật sư của các bên đưa ra chứng cứ. Nếu chấp nhận theo mô hình pha trộn hỗn hợp như ở Liên bang Nga trong điều kiện các thành phần tham gia quá



trình tố tụng: Công tố viên- Luật sư và Thẩm phán chưa có đầy đủ kỹ năng và linh hoạt để đáp ứng yêu cầu trong vai trò mới thì kết quả nhiều phiên toà sẽ giống các phiên toà trước cải cách tư pháp, với vai trò tích cực của thẩm phán trong việc buộc tội, xét hỏi phần lớn thời gian và chỉ đạo tiến trình phiên toà.

Có một điểm chung là các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đều thống nhất ở một điểm chung là về bản chất tranh tụng trong tố tụng hình sự về bản chất là quá trình tồn tại, vận động, đấu tranh giữa hai chức năng cơ bản trong tố tụng hình sự: chức năng buộc tội và chức năng gỡ tội- hai chức năng có định hướng ngược chiều, đối trọng nhau, tạo thành bản chất dân chủ trong hoạt động tố tụng.

Các chủ thể thực hiện các chức năng tố tụng này cần được tạo điều kiện bình đẳng với nhau trong việc bày tỏ và bảo vệ ý kiến của mình trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tăng cường tranh tụng trong tố tụng hình sự có ý nghĩa quan trọng với việc đẩy mạnh dân chủ, công bằng trong quá trình giải quyết vụ án, bởi lẽ, một trong những quyền của người bị buộc tội được quy định tại khoản 2, Điều 31 Hiến pháp năm 2013 là quyền được Toà án xét xử công bằng [4].

Liên quan đến nguyên tắc tranh tụng được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, có thể nói:

*Thứ nhất*, mặc dù tên gọi của nguyên tắc này là “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” nhưng có thể nói mức độ và những vấn đề tranh tụng được mở rộng từ khi vụ án được khởi tố chứ không chỉ diễn ra tại phiên toà xét xử công khai. Nội dung của nguyên tắc này quy định: “Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án”.

*Thứ hai*, để bảo đảm nguyên tắc tranh tụng đòi hỏi: “Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên toà xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án”. Đây là một nội dung rất quan trọng khác của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm.

Mặc dù điều luật xác định những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án, nhưng nó chứa đựng trong đó bao gồm tất cả những tài liệu, chứng cứ do người bào chữa, người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng khác thu thập và đưa ra theo cách thức được Bộ luật tố tụng hình sự quy định là hợp pháp.

*Thứ ba*, để bảo mọi chđảm nguyên tắc tranh tụng, Bộ luật tố tụng hình sự quy định mọi chứng cứ giữa hai bên buộc tội và gỡ tội đưa ra đều phải được trình bày, tranh luận và làm rõ tại phiên toà: “Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên toà”.

*Thứ tư*, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm có quy định mới, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng: “Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên toà”. Đây là nội dung nhằm thể chế hoá Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02 -01-2022 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp.

### **3. Một số kiến nghị, đề xuất**

Nhìn từ góc độ là chủ thể thực hiện chức năng gỡ tội, chúng tôi quan niệm nội dung ghi nhận tại Điều 26 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 là rất quan trọng, lột tả một cách đầy đủ bản chất, đồng thời là kết quả trực tiếp của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm. Vì suy cho cùng, ở mô hình tố tụng nào thì phán quyết của Tòa án- biểu tượng của quyền tư pháp- phải là nơi hội tụ niềm tin vào công lý của các chủ thể xã hội. là địa chỉ tin cậy bảo vệ các quyền cơ bản của con người, trật tự an toà xã hội và thúc đẩy sự mở rộng, phát huy dân chủ và tiến bộ xã hội. Muốn đạt được những yêu cầu quan trọng, có ý nghĩa trong việc thúc đẩy nền tư pháp nước nhà được vận hành thông suốt và xứng tầm với chiến lược xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, tạo lập công lý thì điều kiện tiên quyết phải là bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự.

Thông quan thực tiễn gần tám năm thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, dưới góc độ là người hành nghề luật sư, thường xuyên đứng ở vai trò của bên gỡ tội, chúng tôi có một số trao đổi có tính đề xuất, kiến nghị như sau:

*Thứ nhất*, mặc dù không đặt chính danh là “quyền im lặng” nhưng việc luật hoá bảo đảm cho người bị buộc tội thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, trong đó có quyền không buộc chứng minh là mình vô tội, được trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại mình hoặc buộc phải nhận mình có tội. Tự bào chữa, nhờ người khác bào chữa đã được thể hiện trong nhiều quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 với những nội dung cơ bản sau: Theo quy định tại Điều 15 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về nguyên tắc xác định sự thật của vụ án, người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc chứng minh là mình vô tội. Điều này hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc suy đoán vô tội đã được quy định tại Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 58 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt : Được nghe, nhận lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, được biết lý do mình bị giữ, bị bắt, được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ, trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu, tự bào chữa, nhờ người bào chữa. Quan trọng hơn, Điều 98 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định rõ về lời khai của bị can, bị cáo: Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án. Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội. Nội hàm của quyền im lặng còn là nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng tho quy định của Bộ luật Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 183 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trước khi tiến hành hỏi cung lần đầu, Điều tra viên phải giải thích cho bị can biết rõ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật này. Việc này phải ghi vào biên bản. Những quy định nêu trên là rất rõ ràng và là những điểm mới rất có giá trị về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng. Tuy nhiên trong thực tế “ quyền im lặng” của người bị bắt, bị can, bị cáo chưa được tôn trọng một cách đúng nghĩa. Đặc biệt là trong giai đoạn điều tra, khi bị bắt, người bị bắt thường sẽ phải viết bản khai về hành vi của mình và ở giai đoạn này gần như chưa có sự xuất hiện của Luật sư. Bên cạnh đó, việc giải thích quyền và nghĩa vụ của người bị bắt, người bị tạm giữ đâu đó còn chưa được thực hiện nghiêm túc, phải đến khi bị can thắc mắc hoặc người bào chữa nhắc nhở thì Điều tra viên mới thực hiện.

*Thứ hai*, Mặc dù về cơ bản Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã ghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm và thực sự bước chuyển này có ý nghĩa rất quan trọng trên nhiều phương diện, vì trong nhận thức và thực tiễn, với đặc trưng của mô hình tố tụng thẩm vấn, khả năng của người bị buộc tội, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có cơ hội được đưa ra chứng cứ và yêu cầu nhằm làm rõ sự thật khách quan thật sự khó khăn, thậm chí gặp nhiều trở ngại, chưa nói đến việc bình đẳng trong việc đánh giá chứng cứ. Với việc quy định nội dung cụ thể về cách thức và phạm vi mà người người tiến hành và tham gia tố tụng được bình đẳng trong việc đưa ra và đánh giá chứng cứ. Để thực hiện yêu cầu nói trên, Bộ luật tố tụng hình sự có nhiệm vụ chi tiết hoá nội hàm của nguyên tắc tranh tụng trên thực tế.

*Thứ ba*, Bộ luật tố tụng hình sự quy định: Để đảm bảo nguyên tắc tranh tụng, mọi chứng cứ giữa hai bên buộc tội và gỡ tội đưa ra đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên toà. Trên thực tế, quy định này cần được thực hiện một cách thực chất hơn để tạo ra bước tiến trong cách tiếp cận và đánh giá chứng cứ buộc tội và gỡ tội. Đề cao trách nhiệm của Viện kiểm sát khi quyết định truy tố người bị buộc tội ra trước Toà án phải thận trọng trong việc xác định các chứng cứ có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, căn cứ quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng và những tình khác có ý nghĩa trong giải quyết vụ án.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2017.
2. Dương Thanh Biểu: *Tranh luận tại phiên toà sơ thẩm*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2007.
3. Trần Văn Độ: *Hoàn thiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tài liệu hội thảo quốc tế “ Quyền con người trong tố tụng hình sự do Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
4. Phan Trung Hoài: *Hành nghề luật sư trong vụ án hình sự*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2007 (tái bản lần thứ hai năm 2012).
5. Trần Thị Thu Hiền: *Bảo đảm quyền của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2021.
6. Liên đoàn luật sư Việt Nam: *Hội thảo quyền im lặng trong tố tụng hình sự và các quy định về bào chữa trong dự thảo Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội, 2014.

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN

Hồ Nguyễn Quân

*Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4*

**Tóm tắt:** Nguyên tắc tranh tụng đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 và các luật chuyên ngành của Nhà nước ta. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích cơ sở, thực trạng việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong hoạt động xét xử và kiến nghị những giải pháp nhằm hoàn thiện nâng cao chất lượng tranh tụng trong hoạt động xét xử của Tòa án.

**Từ khóa:** Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, xét xử của Tòa án, tố tụng hình sự.

## 1. Đặt vấn đề

Cải cách tư pháp được Đảng ta xác định là một nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, trong đó “Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm” [1]. Tuy nhiên, trong thời gian qua việc thực hiện chủ trương này còn hạn chế do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do những quy định của BLTTHS còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết như tình trạng phân định các chức năng tố tụng không rõ ràng, chồng chéo; việc vi phạm các nguyên tắc cơ bản của BLTTHS như nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án, nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc tranh tụng và nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa vẫn xảy ra... đã làm mất đi sự đối trọng cần thiết giữa chức năng “buộc tội” và chức năng “gỡ tội” - yếu tố quan trọng góp phần xác định sự thật khách quan của vụ án. Chính vì vậy, đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, là một biện pháp hữu hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị can bị cáo, góp phần cho HĐXX ra những bản án khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tiến tới không còn án oan, sai.

Để làm rõ cơ sở của việc ghi nhận “nguyên tắc tranh tụng” và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn xét xử trong giai đoạn hiện nay, hướng tới việc tăng cường, nâng cao chất lượng xét xử cũng như chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, chúng tôi đã lựa chọn chủ đề: “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử” làm đề tài tham luận.

### 1.1. Cơ sở của việc ghi nhận nguyên tắc tranh tụng

Tranh tụng trong TTHS là một khái niệm quen thuộc và là một trong những nguyên tắc cơ bản đã được áp dụng phổ biến ở các nước thuộc hệ thống pháp luật Anh -

Mỹ cũng như châu Âu lục địa. Ở nước ta, kể từ BLTTHS 2003 trở về trước, chưa quy định tranh tụng là một nguyên tắc trong TTHS mà các yếu tố của tranh tụng được quy định lồng ghép trong các nguyên tắc khác của BLTTHS.

Xuất phát từ chủ trương của Đảng ta về công tác tư pháp được quy định tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới xác định: “Khi xét xử, các Tòa án phải bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan; Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa” [2] Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 Đảng ta đã xác định: “...bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp”. [3]. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng xác định: “nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp” [1]. Trong quân đội ngày 08/3/2007, Đảng ủy quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương) cũng đã ban hành Nghị quyết số 67/NQ- ĐUQSTU về việc lãnh đạo thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp trong Quân đội đến năm 2020.

Trước yêu cầu cải cách tư pháp cần bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong TTHS, Hiến pháp năm 2013 đã quy định cụ thể, rõ ràng “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” (Khoản 5, Điều 103). Đây là lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, tranh tụng được ghi nhận là một nguyên tắc. Để cụ thể hóa nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” (Điều 26), Bộ luật TTHS đã quy định chế định tranh tụng tại Mục V (Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa) chương XXI (Xét xử sơ thẩm) (từ Điều 306 đến 325).

### *1.1.1. Phạm vi của nguyên tắc tranh tụng*

Theo Điều 26 BLTTHS, phạm vi của việc tranh tụng được xác định cả trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Tuy nhiên, chỉ được thực hiện rõ nét nhất trong giai đoạn xét xử tại tòa án trong đó tập trung tại phần tranh luận. Do đó, Điều 26 BLTTHS đã lấy quá trình xét xử để đặt tên cho nguyên tắc tranh tụng nhưng nội hàm thực hiện lại quy định cho toàn bộ quy trình tố tụng.

### *1.1.2. Chủ thể tranh tụng*

Bản chất của hoạt động tranh tụng là sự tranh luận qua lại giữa bên buộc tội và bên gỡ tội để tìm ra sự thật của vụ án. Vì vậy, Điều 26 BLTTHS cho phép các chủ thể buộc tội gồm Viện kiểm sát (đại diện là KSV) là chủ thể buộc tội nhân danh Nhà nước (quyền công tố), bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại (trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại)- là chủ thể buộc tội nhân danh cá nhân (quyền tư tố). Chủ thể thực hiện chức năng bào chữa gồm: bị cáo, người bào chữa, người đại diện cho bị cáo hoặc pháp nhân thương mại. Chủ thể có chức năng xét xử: Gồm có HĐXX (Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thẩm phán, hội thẩm) giữ vai trò trọng tài giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Các chủ thể khác tham gia vào hoạt động tranh tụng nhằm giúp Tòa án xác định sự thật khách quan, giải quyết đúng đắn các vấn đề của vụ án (Thư ký phiên tòa, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng, người giám định, người phiên dịch; người dịch thuật; đại diện cơ quan, tổ chức xã hội..).

### *1.1.3. Nội dung của nguyên tắc tranh tụng*

- Các chủ thể tham gia tố tụng bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra các yêu cầu để làm rõ sự thật của vụ án. Bản chất của tranh tụng là sự tranh luận giữa bên buộc tội và bên gỡ tội dựa trên những tài liệu, chứng cứ thu thập được. Vì vậy, một bên có quyền biết về chứng cứ, lập luận của bên kia và đưa ra những chứng cứ, lập luận để phản bác lại. Theo quy định tại điều 26 bộ luật tố tụng hình sự 2015 “Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người gỡ tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án” Tính bình đẳng được thể hiện trong việc các chủ thể có quyền ngang nhau trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ cũng như đưa ra yêu cầu đối với phía bên kia. Tòa án thực hiện chức năng xét xử giữ vai trò là trọng tài bảo đảm cho tranh tụng được bình đẳng. Nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên buộc tội, bên gỡ tội có quyền, nhưng không buộc phải chứng minh mình vô tội.

- Các điều kiện tiến hành hoạt động tranh tụng trong xét xử phải đầy đủ, hợp pháp (đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các thành phần trừ các trường hợp khác theo quy định của pháp luật). Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho quá trình tranh tụng diễn ra

dân chủ công bằng và bình đẳng. Theo quy định tại Điều 26 BLTTHS “Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án”.

- Các chứng cứ, điều, khoản áp dụng để giải quyết vụ án hình sự phải được đưa ra xem xét, công khai, minh bạch và làm rõ tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 26 BLTTHS: “Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của BLHS để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa”. Như vậy, tại phiên tòa hoạt động kiểm tra, đánh giá chứng cứ đóng một vai trò hết sức quan trọng, là cơ sở để chứng minh có hay không có hành vi phạm tội, do đó chứng cứ cần được công khai tại phiên tòa. Thông qua việc tranh luận, công khai kiểm tra đánh giá chứng cứ, Tòa án sẽ áp dụng đúng, phù hợp các điều, khoản để xác định tội phạm, đúng người, đúng tội và không bỏ lọt tội phạm.

- Kết quả tranh tụng là cơ sở và căn cứ để Tòa án đưa ra bản án, quyết định. Theo quy định tại Điều 26 BLTTHS: “Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa”. Tại phiên tòa xét xử, bên buộc tội và bên gỡ tội thực hiện chức năng tranh tụng của mình. Cuối cùng, Tòa án với vai trò là cơ quan xét xử sẽ là trọng tài kiểm tra đánh giá một cách đầy đủ, khách quan và toàn diện các chứng cứ, các tình tiết của vụ án hình sự, thông qua quan điểm tranh luận, đối đáp của các bên để đưa ra những nhận định khách quan, làm rõ bản chất vụ án, đưa ra phán quyết nghiêm minh, công bằng, tránh bỏ lọt tội phạm và kết án oan người vô tội.

Hiện nay, theo nhiều quan điểm của các nhà nghiên cứu thì mô hình tố tụng ở nước ta là mô hình tố tụng hỗn hợp, có sự đan xen giữa mô hình tố tụng thẩm vấn và mô hình tố tụng tranh tụng. Do đó, thực tiễn xét xử thì phán quyết của tòa phải dựa trên cả hai yếu tố đó là kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, chứ không hoàn toàn dựa vào kết quả tranh tụng như mô hình tố tụng tranh tụng ở các nước Châu Âu như Anh, Mỹ.



Với những nội dung cơ bản trên của nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được đảm bảo” được quy định tại Điều 26 BLTTHS, lần đầu tiên đã khẳng định tranh tụng là một phương thức quan trọng trong việc xác định sự thật khách quan của quá trình xét xử một vụ án hình sự, thể hiện tính dân chủ, công bằng, tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, thể hiện bước đột phá trong thực hiện cải cách tư pháp.

## **2. Thực trạng áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử của Tòa án**

### **2.1. Những mặt tích cực và hạn chế**

#### *2.1.1. Mặt tích cực:*

Thực hiện định hướng cải cách tư pháp của Đảng, và quy định của BLTTHS về nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa, việc thực hiện nguyên tắc này đã đạt được những kết quả tích cực. HĐXX đã đảm bảo cho KSV, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra các yêu cầu, để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. HĐXX đã tích cực đổi mới việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nhằm tạo mọi điều kiện tốt nhất để bảo đảm cho KSV, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý của họ. Cùng với việc xét hỏi, HĐXX đã chấp nhận đề người bào chữa; người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng được xuất trình các chứng cứ mới trước và trong phiên tòa. Điều hành xét hỏi, tranh luận đầy đủ, toàn diện về các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và chứng cứ mới được các bên cung cấp. Hoạt động xét hỏi, tranh luận của KSV đã có nhiều tiến bộ. Sự tham gia tranh tụng của bị cáo, người bào chữa với KSV đảm bảo dân chủ, bình đẳng. HĐXX đã lắng nghe, lắng nghe ý kiến tranh luận của các bên; dành thời gian cho các bên tranh luận; do vậy, các bản án, quyết định của Tòa án đã căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; đảm bảo được sự tôn nghiêm của pháp luật, tinh thần dân chủ; khách quan, bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tranh tụng đồng thời duy trì tốt văn hóa pháp lý trong hoạt động tố tụng tại phiên tòa.

#### *2.1.2. Về mặt hạn chế:*

Bên cạnh đó, việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa còn tồn tại một số bất cập như việc tập huấn chuyên sâu về kỹ năng điều khiển tranh tụng của Chủ tọa phiên tòa và kỹ năng tranh tụng của KSV tại phiên tòa chưa được tiến hành thường xuyên; một số vụ án, tại phiên tòa HĐXX chưa điều hành tốt quá trình tranh luận giữa các bên; chưa thực sự chú ý đến những tình tiết, chứng cứ mới của vụ án. Có trường

hợp KSV do chưa chuẩn bị tốt, không dự lường được tình huống xảy ra nên khi bị cáo và người bào chữa đưa ra những chứng cứ mới KSV bị động, lúng túng, né tránh những vấn đề mà bên gỡ tội nêu ra trái với quan điểm của KSV hoặc trả lời không đi thẳng vào trọng tâm của vấn đề đang tranh luận. Đối với luật sư bào chữa cho bị cáo, chất lượng bào chữa chưa cao, nhất là trường hợp bào chữa theo chỉ định. Một số luật sư còn lúng túng trong việc bảo vệ thân chủ của mình khỏi những trường hợp dụ cung, mớm cung, bức cung từ phía những người xét hỏi khác. Cá biệt có trường hợp, người bào chữa không những không bào chữa được gì nhiều cho bị cáo mà trong phần tranh luận với KSV còn nêu cả những nội dung gây bất lợi cho bị cáo...

## ***2.2. Nguyên nhân của những sai sót, hạn chế***

Những sai sót, hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong phạm vi tham luận tác giả đề cập đến hai nguyên nhân cơ bản là: Nguyên nhân về góc độ pháp luật và nguyên nhân về trình độ, năng lực của đội ngũ thẩm phán, KSV, người bào chữa.

### ***2.2.1. Nguyên nhân về góc độ pháp luật***

Đây là nguyên nhân sâu xa, cơ bản và quan trọng nhất, thực tiễn việc HĐXX xét hỏi quá nhiều, KSV ít xét hỏi, tranh tụng chưa đi vào chiều sâu...cũng xuất phát từ quy định của BLTTHS giao cho HĐXX nghĩa vụ chứng minh tội phạm (Điều 307). Như vậy, HĐXX cũng có “chức năng buộc tội”? trong khi đó chức năng của Tòa án chỉ là xét xử. Chính sự bất cập đó dẫn đến chưa phân định rõ chức năng của các chủ thể tố tụng khi xét hỏi, tranh luận tại tòa; đồng thời làm giảm đi vai trò buộc tội của KSV trong tranh tụng. Không những thế, quy định Tòa án có “thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự”; trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi thiếu chứng cứ, khi thấy lọt người, lọt tội; tiếp tục xét xử khi VKS đã rút toàn bộ quyết định truy tố tại phiên tòa...cũng đang là những nội dung chưa phù hợp với vai trò và chức năng của Tòa án.

Đối với VKS, tại phiên tòa, KSV ngoài việc thực hiện chức năng công tố còn có nhiệm vụ kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án; do đó một mặt làm giảm đi hiệu quả của công tác công tố và cũng phần nào ảnh hưởng đến tính độc lập của Tòa án trong hoạt động xét xử. Cùng với đó, các hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về thực hiện quy định của BLTTHS còn chưa kịp thời; sự phối hợp giữa VKS và Tòa án trong việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm hiệu quả còn hạn chế; cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động xét xử của Tòa án còn thiếu thốn... cũng là những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa.

### *2.2.2. Nguyên nhân về trình độ, năng lực của thẩm phán, KSV, người bào chữa*

Trình độ năng lực của các chủ thể tranh tụng hiện nay vẫn còn hạn chế. Nhiều KSV vẫn còn quan niệm cho rằng việc xét hỏi tại phiên tòa là trách nhiệm của HĐXX còn KSV chỉ có nhiệm vụ bảo vệ cáo trạng nên KSV chưa chủ động xét hỏi. Việc đưa ra chứng cứ, phân tích, lập luận chứng cứ để bảo vệ cáo trạng của KSV trong nhiều vụ án chưa thuyết phục; chất lượng luận tội, đối đáp còn hạn chế, còn lúng túng khi xử lý các tình huống phát sinh tại phiên tòa.

Người bào chữa còn lệ thuộc quá nhiều vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra, VKS thu thập trước đó mà chưa chủ động thu thập chứng cứ và tài liệu để phục vụ việc bào chữa. Việc thực hiện bào chữa theo chỉ định ít tâm huyết mà chỉ mang tính hình thức do chế độ vật chất hiện nay dành cho người bào chữa còn thấp. Thái độ, phương pháp, kỹ năng tố tụng tại phiên tòa của một số luật sư thiếu tính chuyên nghiệp nên chưa tạo ra được bầu không khí đối tụng mà nhiều khi lại trở thành sự công kích giữa bên bào chữa với bên buộc tội. Với bị cáo, bị hại, phần lớn việc tranh tụng tại phiên tòa với họ rất hạn chế do trình độ, khả năng am hiểu pháp luật chưa cao và vì lý do kinh tế nên hầu như họ ít thuê được luật sư đại diện cho họ để tranh tụng tại phiên tòa.

Đối với đội ngũ thẩm phán, hội thẩm hiện nay trình độ năng lực chưa đồng đều, việc cập nhật văn bản và áp dụng pháp luật; kỹ năng điều khiển phiên tòa, xử lý các tình huống phát sinh tại phiên tòa còn nhiều hạn chế...

Từ thực trạng và nguyên nhân nêu trên, cần thiết phải nâng cao chất lượng tranh tụng trong xét xử nhằm xây dựng Tòa án thực sự là chỗ dựa của người dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, bảo vệ pháp luật và pháp chế XHCN.

## **3. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng trong xét xử**

### ***3.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tranh tụng***

- *Một là*, đề nghị loại bỏ chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử của Viện kiểm sát được quy định tại Điều 267 BLTTHS.

- *Hai là*, để đảm bảo sự bình đẳng của bị hại trong tranh tụng kiến nghị bổ sung bổ sung thêm vào khoản 2 Điều 309 BLTTHS 2015 nội dung bị hại được hỏi bị cáo. Cụ thể là:

*“Điều 309. Hỏi bị cáo*

*2. Bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự hỏi bị cáo về những tình tiết liên quan đến việc bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự”.*

- *Ba là*, bỏ thẩm quyền “thu thập chứng cứ” của Tòa án, vì thẩm quyền này thuộc về cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát, Tòa án chỉ có chức năng xét xử.

- *Bốn là*, đề nghị bỏ quy định “*HĐXX ra quyết định khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm*” được quy định tại Điều 18 về trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự; khoản 4 Điều 153 về thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự; khoản 7 Điều 326 về nghị án của BLTTHS.

- *Năm là*, đề nghị sửa khoản 1 Điều 280 BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo hướng thẩm phán chủ tọa phiên tòa chỉ trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung khi phát hiện thấy có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong việc điều khởi tố, điều tra, truy tố.

Cụ thể là: *“Điều 280. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung*

*1. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung khi phát hiện thấy có sự vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong việc khởi tố, điều tra, truy tố”.*

- *Sáu là*, sửa Điều 307 BLTTHS theo hướng Chủ tọa phiên tòa điều hành nhưng quy định rõ KSV chịu trách nhiệm chính trong việc xét hỏi, HĐXX chỉ hỏi bổ sung khi thấy cần thiết; chủ thể xét hỏi được quyền lựa chọn bị cáo hoặc người tham gia tố tụng nào trước để hỏi để đảm bảo sự linh hoạt. Bổ sung quy định, Chủ tọa phiên tòa có quyền cắt những câu hỏi có tính gợi ý, vòng vo hoặc không liên quan đến vụ án.

- *Bảy là*, cần quy định HĐXX không nên tự mình công bố lời khai mà chỉ công bố khi có đề nghị của KSV, người bào chữa hoặc người được xét hỏi khác. Do vậy cần sửa khoản 1 Điều 308 là:

*“Điều 308. Công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố*

*1. Hội đồng xét xử chỉ thực hiện việc công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố khi có yêu cầu của Kiểm sát viên, người bào chữa và người được xét hỏi. Nếu người được xét hỏi có mặt tại phiên tòa thì không được công bố lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, truy tố; trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này”.*

- *Tám là*, sửa Điều 325 BLTTHS như sau: “*Trường hợp Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ vụ án*”. Đồng thời bổ quy định tại khoản 4 Điều 326 BLTTHS về việc xử lý của HĐXX khi nghị án trong trường hợp KSV rút toàn bộ quyết định truy tố...

*Chín là*, Điều 26 BLTTHS về nguyên tắc tranh tụng được bảo đảm, cần thể hiện ngắn gọn, ghi nhận những nội dung cơ bản, điển hình của nguyên tắc tranh tụng có tính chi phối toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự, tên gọi của điều luật cần thể hiện tranh tụng bao hàm cả giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Sửa đổi quy định tại Điều 26 BLTTHS 2015 như sau:

*Điều 26. Tranh tụng trong giải quyết, xét xử vụ án được bảo đảm*

“...Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, *những vấn đề quan trọng* và các tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa”.

Bên cạnh đó, cần mở rộng phạm vi người có quyền bào chữa. Ghi nhận những người thân thích của bị cáo như: ông, bà, bố mẹ, anh chị em ruột, họ hàng, bạn bè thân thích của bị cáo có đủ trình độ hiểu biết pháp luật; không thuộc trường hợp cấm không được làm người bào chữa và được bị cáo nhờ bào chữa được làm người bào chữa cho bị cáo; Cần hướng dẫn quy trình thực hiện việc xét hỏi người làm chứng qua mạng máy tính, mạng viễn thông theo quy định tại khoản 5 Điều 311 BLTTHS...

### ***3.2. Đổi mới tổ chức hệ thống tư pháp hình sự; nâng cao trình độ, năng lực của các chủ thể tranh tụng***

Đổi mới tổ chức hệ thống tư pháp hình sự theo các mục tiêu, quan điểm, phương hướng cải cách tư pháp tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị; tổ chức nâng cao công tác đào tạo, tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ có chức danh tư pháp. Chú trọng đào tạo về chính trị, đạo đức, kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng... đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Ngoài ra, cần có chế tài xử lý nghiêm đối với cán bộ, công chức vi phạm. Tăng cường phối hợp giữa VKS và Tòa án trong việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm. Bổ nhiệm không kỳ hạn với thẩm phán; cải tiến chế độ tiền lương, phụ cấp, các chế độ đặc thù, tăng độ tuổi nghỉ hưu các chức danh tư pháp cho phù hợp...

### ***3.3. Tăng cường các cơ chế bảo đảm cho việc tranh tụng***

Cùng với các giải pháp trên, để nâng cao chất lượng tranh tụng, trước hết cần phải đảm bảo cơ chế thực hiện quyền xét xử của Tòa án các cấp thống nhất trong cơ chế tổng thể thực hiện quyền lực nhà nước và phải đảm bảo cho Tòa án độc lập, chỉ tuân theo pháp luật trong việc xét xử. Do đó, cần có cơ chế phân định rõ mối quan hệ giữa Tòa án với các cơ quan quyền lực nhà nước khác; giữa Tòa án với các cơ quan tố tụng; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động xét xử.

### **4. Kết luận**

Việc ghi nhận nguyên tắc tranh tụng và các cơ chế đảm bảo khác đã thể hiện được tính dân chủ của nước ta, lấy con người làm gốc và là động lực cho sự phát triển, đồng thời thể hiện chính sách nhân văn của Nhà nước ta; góp phần bảo vệ bảo vệ công lý, bảo vệ nền pháp chế XHCN, giúp Tòa án ra các bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, nâng cao uy tín của Tòa án và củng cố lòng tin của người dân./.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.